

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

HIỆU QUẢ TUYÊN TRUYỀN VỀ PHÒNG, CHỐNG
THAM NHŨNG, TIÊU CỰC CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ
CHỦ CHỐT CẤP XÃ Ở CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ
VÙNG DUYÊN HẢI BẮC BỘ VIỆT NAM HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

HÀ NỘI - 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

**HIỆU QUẢ TUYÊN TRUYỀN VỀ PHÒNG, CHỐNG
THAM NHŨNG, TIÊU CỰC CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ
CHỦ CHỐT CẤP XÃ Ở CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ
VÙNG DUYÊN HẢI BẮC BỘ VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Công tác tư tưởng

Mã số : 931 02 01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: 1. PGS,TS. Phạm Huy Kỳ

2. TS. Bùi Văn Huân

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu trong luận án là trung thực và chưa từng được công bố trong bất cứ công trình nào khác.

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2026

Tác giả luận án

Nguyễn Thị Hương Giang

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TNTC	: Tham nhũng, tiêu cực
TNLP	: Tham nhũng, lãng phí
PCTN	: Phòng, chống tham nhũng
TNLPTC	: Tham nhũng, lãng phí, tiêu cực
PCTNTC	: Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực
PCTNLPTC	: Phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực
CBCC	: Cán bộ chủ chốt
ĐNCB	: Đội ngũ cán bộ
ĐNCBCC	: Đội ngũ cán bộ chủ chốt
VDHBB	: Vùng Duyên hải Bắc Bộ
HĐND	: Hội đồng nhân dân
UBND	: Ủy ban nhân dân
MTTQ	: Mặt trận Tổ quốc

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	10
1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	10
1.2. Những công trình nghiên cứu liên quan đến tuyên truyền và tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	17
1.3. Những công trình nghiên cứu liên quan đến hiệu quả và hiệu quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	23
1.4. Khái quát kết quả đạt được của các công trình đã tổng quan và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.....	29
Chương 2: HIỆU QUẢ TUYÊN TRUYỀN VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG, TIÊU CỰC CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN.....	34
2.1. Tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã.....	34
2.2. Khái niệm, phân loại và các tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã	50
2.3. Những yếu tố tác động đến hiệu quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã	68
Chương 3: HIỆU QUẢ TUYÊN TRUYỀN VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG, TIÊU CỰC CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ Ở CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG DUYÊN HẢI BẮC BỘ VIỆT NAM - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA	78
3.1. Đặc điểm tự nhiên, xã hội và đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở các tỉnh, thành phố vùng Duyên hải Bắc Bộ	78
3.2. Thực trạng hiệu quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở các tỉnh, thành phố vùng Duyên hải Bắc Bộ từ năm 2019 đến nay	84

3.3. Những vấn đề đặt ra về hiệu quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã hiện nay	138
Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TUYÊN TRUYỀN VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG, TIÊU CỰC CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ Ở CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG DUYÊN HẢI BẮC BỘ THỜI GIAN TỚI	145
4.1. Quan điểm nâng cao hiệu quả tuyên truyền phòng chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở vùng Duyên hải Bắc bộ.....	145
4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả tuyên truyền phòng chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở vùng Duyên hải Bắc bộ.....	150
KẾT LUẬN.....	178
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	181
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	182
PHỤ LỤC.....	200

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, công tác PCTNTC đã trở thành một nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa sống còn đối với sự tồn vong của Đảng và chế độ. Chiến lược quốc gia PCTNTC đến năm 2030 khẳng định: *“PCTNTC là nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng”* [40]. Với phương châm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”, Đảng và Nhà nước ta đã thể hiện quyết tâm chính trị sắt đá trong việc thanh lọc bộ máy, củng cố niềm tin chiến lược. Tuy nhiên, tình trạng *“Tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên một số lĩnh vực vẫn diễn biến phức tạp, nghiêm trọng, tình vi hơn, vẫn là nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ”* [6]. Để giải quyết tận gốc rễ vấn nạn này, không chỉ cần những chế tài nghiêm khắc của pháp luật mà còn cần một hệ giá trị tư tưởng vững chắc. Trong đó, hoạt động tuyên truyền đóng vai trò là “vũ khí” sắc bén trên mặt trận tư tưởng, giúp định hướng nhận thức, hình thành văn hóa liêm chính và xây dựng lá chắn trong tâm thức của mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân. Từ đó, góp phần ngăn chặn sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống - cái gốc của mọi hành vi TNTC.

Cấp xã là nền tảng của hệ thống chính trị, là nơi trực tiếp đưa các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước vào đời sống. CBCC cấp xã chính là “cầu nối” trực tiếp nhất, gần gũi nhất với nhân dân; là những người trực tiếp thực thi quyền lực nhà nước, giải quyết các công việc hàng ngày liên quan mật thiết đến quyền lợi sát sườn của người dân. Vì vậy, những biểu hiện sai lệch về tư tưởng, hay hành vi TNTC dù nhỏ nhất ở cấp cơ sở cũng có thể gây ra những bức xúc xã hội, mất niềm tin của nhân dân, dẫn đến các điểm nóng về an ninh trật tự và làm xói mòn uy tín của Đảng tại địa phương. Cho nên, việc nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã không chỉ là yêu cầu quản lý mà còn là yêu cầu chính trị cấp bách nhằm bảo vệ sự vững mạnh của hệ thống chính trị ngay từ cơ sở.

Tại các tỉnh, thành phố VDHBB - khu vực có vị trí địa chính trị, địa kinh tế, trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, vai trò của ĐNCBCC cấp xã càng trở nên quan trọng. Với đặc thù là đầu tàu phát triển kinh tế, nơi các khu công nghiệp, cảng biển và các đô thị hiện đại đang tăng trưởng với tốc độ nhanh chóng. Quá trình này kéo theo các hoạt động kinh tế phức tạp, đặc biệt là trong công tác giải phóng mặt bằng, quản lý đất đai và thực hiện các dự án đầu tư công. Đây chính là mảnh đất màu mỡ nảy sinh các nguy cơ TNTC nếu công tác kiểm soát quyền lực và giáo dục tư tưởng bị buông lỏng. Do đó, tuyên truyền về PCTNTC nói chung và cho ĐNCBCC nói riêng đóng vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao nhận thức, thái độ, niềm tin và tính tích cực chính trị - xã hội của đội ngũ này trong PCTNTC tại địa phương.

Trong những năm qua, hoạt động tuyên truyền về PCTNTC ở các tỉnh, thành phố VDHBB đã đạt được những kết quả quan trọng. Nhận thức của ĐNCBCC cấp xã trên địa bàn VDHBB từng bước được nâng lên; góp phần trực tiếp củng cố niềm tin vào quyết tâm chính trị PCTNTC của Đảng và Nhà nước; đồng thời cổ vũ tính tích cực, chủ động, sáng tạo của đội ngũ này trong PCTNTC tại địa phương, đóng góp vào thành tựu chung của công tác PCTNTC trên toàn quốc. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã thời gian qua vẫn còn nhiều hạn chế, khuyết điểm như nội dung tuyên truyền còn mang tính chất rập khuôn, dàn trải; hình thức tuyên truyền chưa phong phú, hấp dẫn; phương pháp tuyên truyền vẫn chủ yếu một chiều, chưa phát huy được sức mạnh của các nền tảng công nghệ và truyền thông đa phương tiện trong tuyên truyền về PCTNTC. Những yếu kém trên đây làm giảm hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC, không tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, thái độ, niềm tin và hành động của ĐNCBCC cấp xã trong PCTNTC, làm hạn chế hiệu quả của công tác PCTNTC. Đặc biệt đặt trong bối cảnh các thế lực thù địch, phản động luôn tìm cách xuyên tạc, kích động, lợi dụng công tác PCTNTC để chống phá Đảng, Nhà nước, gây tâm

lý hoang mang, hoài nghi trong một bộ phận CBCC cấp xã. Chính vì lẽ đó, nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã được xác định là một trong những biện pháp quan trọng hàng đầu trong công tác PCTNTC tại các tỉnh, thành phố VDHBB, là giải pháp “đi trước mở đường” trong công tác tư tưởng, tuyên giáo. Mục tiêu cốt lõi là nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về PCTNTC, xây dựng đạo đức liêm chính và tinh thần thượng tôn pháp luật cho ĐNCBCC cấp xã để giúp đội ngũ này có khả năng phòng ngừa TNTC từ sớm, từ xa; đồng thời phát huy sức mạnh của nhân dân và xã hội để đấu tranh, tố giác các hành vi TNTC, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đưa đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên phát triển mới.

Từ những lý do trên cho thấy, tuyên truyền về PCTNTC là một nội dung quan trọng của công tác tư tưởng, góp phần xây dựng nhận thức, củng cố niềm tin và thống nhất ý chí, hành động trong thực hiện chủ trương của Đảng về PCTNTC. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tiếp cận từ góc độ pháp luật, quản lý nhà nước hoặc công tác PCTN nói chung; chưa có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về hiệu quả tuyên truyền đối với ĐNCBCC cấp xã, lực lượng trực tiếp tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách ở cơ sở. Vì vậy, việc nghiên cứu để góp phần hệ thống hóa, bổ sung, phát triển làm sâu sắc thêm cơ sở lý luận về hiệu quả tuyên truyền, đồng thời làm rõ những đặc thù của ĐNCB cấp xã và bối cảnh VDHBB - khu vực có vị thế kinh tế - xã hội quan trọng là hết sức cần thiết. Kết quả nghiên cứu sẽ bổ sung luận cứ khoa học cho việc đánh giá và nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, công tác tuyên truyền trong đấu tranh PCTNTC ở cấp cơ sở.

Như vậy, dưới góc độ chính trị học và công tác tư tưởng, việc lựa chọn đề tài ***“Hiệu quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở các tỉnh, thành phố vùng Duyên hải Bắc Bộ Việt Nam hiện nay”*** vừa có ý nghĩa khoa học, vừa mang tính thời sự sâu sắc.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án nghiên cứu làm rõ một số vấn đề lý luận về hiệu quả tuyên truyền PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã, trên cơ sở đó tiến hành khảo sát thực trạng, đề xuất quan điểm và giải pháp nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã ở các tỉnh, thành phố VDHBB Việt Nam trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận án thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau:

Một là, tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, hệ thống hóa, phân tích, luận giải một số vấn đề lý luận cơ bản về hiệu quả tuyên truyền về PCTNC cho ĐNCBCC cấp xã, từ đó kế thừa và chọn lọc những thành tựu lý luận và phương pháp tiếp cận phù hợp với luận án.

Hai là, khảo sát, phân tích và đánh giá toàn diện thực trạng hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã ở các tỉnh, thành phố VDHBB từ năm 2019 đến nay và xác định những vấn đề đặt ra về hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC.

Ba là, đề xuất quan điểm và giải pháp nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã ở các tỉnh, thành phố VDHBB Việt Nam trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã ở các tỉnh, thành phố vùng Duyên hải Bắc Bộ Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về Nội dung: Luận án chỉ tập trung nghiên cứu hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã ở các tỉnh, thành phố VDHBB hiện nay.

- Về không gian: Sau sáp nhập ngày 01/7/2025, VDHBB bao gồm bốn tỉnh, thành phố là Hải Phòng, Quảng Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình. Tuy nhiên với các tỉnh sáp nhập mới diện tích rộng, trong khi đó thời gian tiến hành nghiên cứu không nhiều nên tác giả luận án nghiên cứu trong giới hạn ở ba tỉnh, thành phố là

Quảng Ninh, Hải Phòng, Ninh Bình. Đây là địa phương có đặc điểm chung là kinh tế phát triển năng động, tốc độ đô thị hóa và hội nhập quốc tế nhanh; có nền văn hóa đa dạng giao thoa giữa văn hóa làng xã, văn hóa biển và văn hóa công nhân vùng mỏ.

- Về thời gian: Các số liệu, tư liệu khảo sát và đánh giá thực trạng được tập trung chủ yếu từ năm 2019 đến nay (gắn với Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018). Việc phân tích lý luận và đề xuất giải pháp được đặt trong bối cảnh hiện tại, có giá trị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được nghiên cứu dựa trên các nguyên lý lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng về PCTNTC, tuyên truyền về PCTNTC; kế thừa lý luận về tuyên truyền, đồng thời vận dụng lý thuyết của khoa học công tác tư tưởng để phân tích hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

* **Phương pháp luận:** Luận án nghiên cứu dựa trên các quan điểm phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy nghĩa duy vật lịch sử.

*** Phương pháp nghiên cứu cụ thể:**

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học gồm:

- Phương pháp phân tích - tổng hợp: Từ những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, những dữ liệu, số liệu được phân tích, đánh giá để rút ra những luận điểm, kết luận, tập trung chính ở chương 1 và chương 2.

- Phương pháp logic - lịch sử: Từ lịch sử quá trình phát triển công tác tuyên truyền nói chung và hoạt động tuyên truyền về PCTNTC, luận án rút ra các vấn đề mang tính nguyên tắc chi phối hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã ở các tỉnh, thành phố VDHBB, tập trung ở chương 3 của luận án.

- Phương pháp hệ thống - cấu trúc: Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt toàn bộ luận án nhằm trình bày các vấn đề, nội dung của luận án

theo trình tự, bố cục hợp lý, chặt chẽ, có sự gắn kết, kế thừa, phát triển các vấn đề để đạt được mục đích, yêu cầu đã được xác định cho luận án.

- Phương pháp phân tích tài liệu: Là quá trình thu thập, phân tích và đánh giá các tài liệu có sẵn liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Các tài liệu bao gồm sách, báo, tạp chí, báo cáo nghiên cứu, báo cáo tổng kết theo năm, theo nhiệm kỳ, theo giai đoạn, luận văn, luận án, website, và nhiều nguồn tài liệu khác. Phương pháp này phục vụ trực tiếp cho 4 chương của luận án.

- Phương pháp điều tra xã hội học (bảng bảng hỏi và bảng phỏng vấn sâu): được sử dụng trong việc nghiên cứu, khảo sát, đánh giá về thực trạng hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã ở các tỉnh, thành phố vùng Duyên hải Bắc Bộ Việt Nam.

+ Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi:

Kỹ thuật chọn mẫu: Luận án sử dụng kỹ thuật chọn mẫu ngẫu nhiên, phân tầng.

Đặc điểm mẫu: Khách thể nghiên cứu chính của luận án là CBCC cấp xã, với kích thước mẫu là 400. Dữ liệu được thu thập vào tháng 9/2025.

Địa bàn khảo sát: Tại 61 xã, phường của 3 tỉnh, thành phố VDHBB là Quảng Ninh, Hải Phòng, Ninh Bình.

Công thức tính mẫu tối thiểu về mặt lý thuyết: Tổng quy mô CBCC cấp xã (theo tiêu chí phân loại tại chương 2 của luận án) của 3 tỉnh, thành phố Quảng Ninh, Hải Phòng, Ninh Bình là 2.079.000 người (Quảng Ninh: 378 người; Hải Phòng: 798 người; Ninh Bình: 903 người). Do đó, quy mô mẫu tối thiểu của nghiên cứu được xác định theo công thức sau:

$$n = N / (1 + N * e^2)$$

Trong đó:

- n: kích thước mẫu tối thiểu cần xác định.
- N: quy mô tổng thể.
- e: sai số cho phép. Thường ba tỷ lệ sai số hay sử dụng là: ± 01 (1%), ± 0.05 (5%), ± 0.1 (10%), trong đó mức phổ biến nhất là ± 0.05 .

Từ đây, cỡ mẫu tối thiểu của luận án này được xác định như sau:

$$n = N / (1 + N * e^2)$$

$$n = 2.079.000 / (1 + 2.079.000 * 0,05^2)$$

n (làm tròn) = **400 người**

Quy mô (cỡ mẫu): Từ công thức tính cỡ mẫu tối thiểu (về mặt lý thuyết) trên, nghiên cứu có ý nghĩa thống kê khi mẫu ít nhất 400 CBCC cấp xã ở 3 tỉnh, thành phố VDHBB. Như vậy, quy mô mẫu chính thức của luận án này là 400 CBCC cấp xã của ba tỉnh, thành phố. Tại mỗi xã, phường, tác giả luận án tiến hành khảo sát 6 chức danh, tương ứng là 7 CBCC (bao gồm bí thư, phó bí thư đảng uỷ, phó chủ tịch HĐND chuyên trách, chủ tịch UBND, 02 phó chủ tịch UBND, chủ tịch MTTQ). Để đảm bảo thu được thông tin có giá trị phục vụ đề tài, tác giả luận án lựa chọn khảo sát các xã, phường tại mỗi tỉnh, thành phố tương ứng như sau: Quảng Ninh: 12, Hải Phòng: 23 và Ninh Bình là 26). Mỗi tỉnh, thành phố đều lấy phiếu theo nguyên tắc số dư.

Về nội dung bảng hỏi: Các thông tin chung về đối tượng; nhận thức, thái độ, hành vi của ĐNCBCC cấp xã tại các tỉnh, thành phố VDHBB về PCTNTC.

Các câu hỏi trong bảng hỏi được xây dựng dưới dạng câu hỏi đơn lựa chọn (có/ không), (đúng/sai); câu hỏi đa lựa chọn (multiple answers); câu hỏi trên thang đo Likert 5 mức độ và một số câu hỏi mở để thu thập thêm một số dữ liệu nếu cần thiết. Sau khi tiến hành khảo sát tại địa bàn, các thông tin thu nhận được đều được kiểm tra kỹ lưỡng tại thực địa để tránh những thông tin bị bỏ sót.

Kỹ thuật xử lý bảng hỏi: Luận án sử dụng phần mềm SPSS 26.0 để thống kê, phân tích các nội dung thu thập được từ bảng hỏi.

+ Phương pháp phỏng vấn sâu: Tác giả luận án tiến hành phỏng vấn sâu với 10 chủ thể tuyên truyền tại một số cơ quan có trách nhiệm trong tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã tại ba tỉnh, thành phố tiến hành nghiên cứu.

Mục đích phỏng vấn sâu: Nghiên cứu sinh cần tìm hiểu sâu về hoạt động tuyên truyền PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã.

Đối tượng phỏng vấn: Là những báo cáo viên của tỉnh, trực tiếp tham gia tuyên truyền về PCTNTC cho cán bộ, công chức, viên chức nói chung, trong đó có ĐNCBCC cấp xã; đồng thời đây cũng là những người có kinh nghiệm trong hoạt động tuyên truyền. Các đối tượng được phỏng vấn sâu

đang công tác tại các cơ quan cấp tỉnh: Trường chính trị, Ban Nội chính tỉnh, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Liên đoàn lao động.

Cách chọn mẫu phỏng vấn sâu: Nghiên cứu sinh chọn mẫu có chủ đích (phi xác suất) dựa trên tiêu chí: đối tượng phải am hiểu sâu, có trải nghiệm thực tế với chủ đề nghiên cứu và sẵn sàng chia sẻ.

5. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

5.1. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi 1: Hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã đã được nghiên cứu như thế nào? Lý luận về hiệu quả tuyên truyền đã đầy đủ hay chưa?

Câu hỏi 2: Thực trạng hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã ở các tỉnh, thành phố VDHBB hiện nay như thế nào?

Câu hỏi 3: Cần có những quan điểm định hướng và giải pháp đột phá nào để nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã ở các tỉnh, thành phố VDHBB hiện nay?

5.2. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết 1: Hiện nay, có rất ít nghiên cứu tập trung vào hiệu quả tuyên truyền PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã. Lý luận về hiệu quả tuyên truyền vẫn cần bổ sung và hoàn thiện.

Giả thuyết 2: Hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã ở các tỉnh, thành phố VDHBB thời gian qua đã đạt được những kết quả quan trọng; tuy nhiên vẫn còn những hạn chế, khuyết điểm về nhận thức, thái độ, niềm tin và tính tích cực chính trị của ĐNCBCC cấp xã trong PCTNTC.

Giả thuyết 3: Việc đề xuất quan điểm, giải pháp đồng bộ, toàn diện, dựa trên cơ sở khoa học vững chắc, phù hợp với đặc thù VDHBB và đặc điểm của ĐNCBCC cấp xã sẽ nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC, góp phần xây dựng ĐNCBCC cấp xã liên chính, vững mạnh toàn diện.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

- Ý nghĩa lý luận: Luận án góp phần bổ sung lý luận về hiệu quả công tác tư tưởng nói chung và hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC nói riêng.

- Ý nghĩa thực tiễn:

+ Cung cấp luận cứ khoa học cho các nhà lãnh đạo, quản lý các tỉnh, thành phố VDHBB đề ra chủ trương, giải pháp nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã.

+ Kết quả nghiên cứu có thể làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy cho chuyên ngành Công tác tư tưởng và các ngành có liên quan như Quản lý xã hội văn hóa, Xây dựng Đảng... ở hệ thống các học viện, các trường đại học và cao đẳng của Việt Nam.

7. Điểm mới của luận án

- Luận án bổ sung, làm rõ hơn một số vấn đề lý luận về hiệu quả tuyên truyền nói chung và hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC với tư cách là một hoạt động quan trọng của công tác tư tưởng của Đảng cho một đối tượng cụ thể là ĐNCBCC cấp xã, đặc biệt là hệ thống khái niệm, tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã.

- Luận án khảo sát thực trạng hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã ở các tỉnh, thành phố VDHBB gắn với thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, chỉ ra được những hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra đối với hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã ở khu vực này.

- Trên cơ sở thực trạng hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã ở các tỉnh, thành phố VDHBB, luận án đề xuất các quan điểm và giải pháp dưới góc độ công tác tư tưởng, thiết thực, phù hợp với đặc thù đối tượng là ĐNCBCC cấp xã ở các tỉnh, thành phố VDHBB trong điều kiện Đảng ta tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh PCTNTC trong điều kiện mới, nhằm xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

8. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung của luận án được kết cấu thành 4 chương 11 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

1.1. Công trình nghiên cứu ở nước ngoài

Sách “*Corruption, Anti corruption and governance*” (Tham nhũng, chống tham nhũng và quản trị) (2015), Nhà xuất bản Springer [149] của tác giả Dan Hough mang giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc. Thông qua việc khảo sát, đối sánh chiến lược PCTN tại sáu quốc gia, công trình này được đánh giá là nghiên cứu so sánh xuyên quốc gia tiên phong, phân tích một cách hệ thống và chi tiết về các kỹ thuật thể chế nhằm kiểm soát và đẩy lùi tham nhũng. Luận điểm trung tâm của nghiên cứu nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng giữa chất lượng quản trị và hiệu quả kiểm soát tham nhũng; trong đó, việc nâng cao năng lực và chất lượng quản trị quốc gia là điều kiện tiên quyết mang tính quyết định. Tác giả khẳng định, chỉ khi mỗi liên kết hữu cơ này được nhận thức một cách toàn diện và đánh giá đúng tầm quan trọng trong thiết kế thể chế, các giải pháp mang tính đột phá và thực chất nhằm can thiệp, triệt tiêu gốc rễ của vấn nạn tham nhũng mới có thể đạt được hiệu quả tối ưu.

Sách “*Government Anti-Corruption Strategies: A Cross-Cultural Perspective*” (Chiến lược chống tham nhũng của Chính phủ: Quan điểm đa văn hóa) (2015), Nhà xuất bản Routledge Institute [162], hai tác giả Yahong Zhang và Cecilia Lavena đã luận giải và khẳng định tham nhũng là một “căn bệnh” mang tính bản chất về cả phương diện chính trị lẫn xã hội. Hệ quả của hiện trạng tham nhũng trong khu vực công là sự tổn thất nguồn lực công vĩ mô, gây thiệt hại ước tính lên đến hàng nghìn tỷ đô la mỗi năm cho các chính phủ và hệ thống doanh nghiệp trên phạm vi toàn cầu. Trên cơ sở phương pháp nghiên cứu trường hợp (case study), các tác giả đã phân tích sâu sắc những nỗ lực và chiến lược phòng, chống tham nhũng tại một số quốc gia tiêu biểu như Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nepal, cùng khu vực Trung và Đông Âu. Trọng tâm nghiên cứu

hướng vào các quốc gia đang phát triển và các nền kinh tế chuyển đổi - nơi tính chất phức tạp, quy mô và hệ lụy của tham nhũng diễn ra đặc biệt gay gắt. Thông qua việc phân tích cấu trúc những mô hình thất bại lẫn các điển hình thành công, công trình đã làm sáng tỏ tính đa diện, phức tạp mang tính hệ thống của vấn nạn này, đồng thời chỉ ra những nguyên nhân cốt lõi khiến tham nhũng vẫn tiếp tục tồn tại và thách thức các thể chế chính trị hiện đại.

Sách *“Anti-corruption in History: From Antiquity to the Modern Era”* (Chống tham nhũng trong lịch sử: Từ thời cổ đại đến kỷ nguyên hiện đại) (2018), Nhà xuất bản Oxford [135], các tác giả gồm Ronald Kroeze, Andre Vitoria và Guy Geltner đã phác thảo một bức tranh tổng quan và toàn diện đầu tiên về tiến trình lịch sử của hiện tượng tham nhũng cũng như các cơ chế kiểm soát, phòng chống vấn nạn này tại châu Âu. Trên phương diện không gian và thời gian, các tác giả đã đặt hiện tượng tham nhũng và chiến lược phản ứng trong một chỉnh thể bối cảnh lịch sử mang tính vĩ mô, trải dài từ thời kỳ Hy Lạp cổ đại, Đế chế La Mã, khu vực Eurasia thời trung cổ, cho đến tiến trình phát triển của các quốc gia như Ý, Pháp, Anh và Bồ Đào Nha. Đồng thời, nghiên cứu cũng đi sâu phân tích thực tiễn lập pháp và hành pháp chống tham nhũng giai đoạn cận - hiện đại tại hàng loạt thể chế chính trị và quốc gia như Romania, Đế chế Ottoman, Hà Lan, Đức, Đan Mạch, Thụy Điển và Cộng hòa Dân chủ Đức cũ. Điểm đóng góp khoa học quan trọng của công trình này không chỉ dừng lại ở việc mô tả lịch sử, mà còn ở việc định hình và gợi mở các phương pháp tiếp cận tối ưu, cho phép các nhà nghiên cứu đương đại mổ xẻ, phân tích sâu sắc hiện tượng tham nhũng lẫn chiến lược kiểm soát quyền lực trong những ngữ cảnh đặc thù về cả lịch sử và địa lý - chính trị.

Sách *“Regaining U.S. Global Leadership on Anticorruption”* (Khôi phục vai trò lãnh đạo toàn cầu của Hoa Kỳ về chống tham nhũng) (2020), [147] của Abigail Bellows đã cung cấp một khung lý thuyết quan trọng khi tái định vị tham nhũng là một vấn đề an ninh quốc gia và địa chính trị. Tác giả đưa ra khái niệm “tham nhũng chiến lược”, theo đó, các đối thủ địa chính trị sử dụng các dòng tài chính bất hợp pháp và các mối quan hệ bảo trợ để xâm nhập, làm suy yếu thể

chế và chủ quyền của các quốc gia khác. Bellows phê phán các cách tiếp cận truyền thống vốn coi nhẹ yếu tố an ninh trong PCTN. Thay vào đó, đề xuất một chiến lược bốn trụ cột nhằm khôi phục tính liên chính toàn cầu, bao gồm: Vạch trần và định nghĩa các chiến thuật tham nhũng chiến lược; củng cố năng lực cho các đồng minh dễ bị tổn thương thông qua minh bạch hóa; giảm thiểu tính dễ bị tổn thương nội tại bằng cách bịt các lỗ hổng tài chính; và tích hợp chống tham nhũng vào trọng tâm của các quyết định an ninh - tình báo.

Sách *“Corruption and Anti-Corruption Upside Down: New Perspectives from the Global South (Tham nhũng và chống tham nhũng nhìn từ chiều ngược lại: Những quan điểm mới từ Nam bán cầu)”* (2024) [152] của tác giả Fernanda Odilla và Konstantinos Tsimonis đại diện cho một bước chuyển dịch hệ hình (paradigm shift) quan trọng trong khoa học quản trị toàn cầu. Thay vì áp dụng các khuôn mẫu kỹ trị từ phương Tây, tác giả đề xuất cách tiếp cận “đảo ngược”, tái định vị các quốc gia Nam Bán cầu từ đối tượng thụ động thành chủ thể chủ động kiến tạo các mô hình PCTN đặc thù. Kết quả nghiên cứu được tổng hợp trên ba trụ cột lý thuyết chính: Nghiên cứu trường hợp Trung Quốc chỉ ra sự tồn tại hiệu quả của các mô hình PCTN phi truyền thống, dựa trên kỷ luật chính trị và đạo đức nội bộ thay vì các chuẩn mực pháp lý hình thức (minh bạch, trách nhiệm giải trình) của OECD; thông qua dữ liệu thực chứng từ Brazil và Uganda, các tác giả bác bỏ giả định phổ quát cho rằng nữ giới ít tham nhũng hơn nam giới. Thay vào đó, hành vi tham nhũng được chứng minh là hệ quả của các cấu trúc quyền lực và mạng lưới bảo trợ tại địa phương, không phụ thuộc đơn thuần vào giới tính sinh học; cung cấp khung phân tích về sự bền bỉ của tham nhũng thông qua các khái niệm “Gatopardismo” và “Tham nhũng phản công”.

Sách *“The Digitalisation of Anti-Corruption in Brazil: Scandals, Reforms, and Innovation” (Số hóa công tác phòng, chống tham nhũng tại Brazil: Những vụ bê bối, cải cách và đổi mới sáng tạo)* (2025), Nhà xuất bản Routledge [131], tác giả Fernanda Odilla đã cung cấp một cái nhìn sâu sắc về sự biến đổi của hệ sinh thái PCTNTC dưới tác động của cuộc cách mạng số. Tác giả không chỉ dừng lại ở việc mô tả công nghệ như một công cụ hỗ trợ mà còn định nghĩa lại

nó như một môi trường tương tác mới, làm thay đổi căn bản phương thức thực thi tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị công. Cuốn sách đã đề cập tới ba vấn đề cốt lõi trong PCTNTC thời công nghệ số, đó là: Sự xuất hiện của khái niệm “Integrity Techies” (Kỹ thuật viên liên chính) - những chuyên gia dùng thuật toán và dữ liệu để giám sát chính quyền thay vì chỉ đưa tin thuần túy; chuyển đổi từ “tiêu thụ tin tức thụ động” sang “giám sát chủ động” thông qua các công cụ tương tác (như Chatbot); phê phán “chủ nghĩa lạc quan công nghệ”, nhấn mạnh rằng dữ liệu chỉ có giá trị khi các thiết chế chính trị thực sự phản hồi và xử lý sai phạm dựa trên dữ liệu đó.

1.1.2. Công trình nghiên cứu ở trong nước

Sách *“Phát huy vai trò của xã hội trong phòng, chống tham nhũng”* (2017), Nhà xuất bản Hồng Đức [119], các tác giả Nguyễn Quốc Văn và Vũ Công Giao đã khái quát cơ sở lý luận và thực tiễn về sự tham gia của các chủ thể ngoài nhà nước đối với công tác PCTN. Nội dung trọng tâm của sách tập trung vào các phương diện sau: Làm rõ nội hàm và tầm quan trọng của các tầng lớp nhân dân, tổ chức xã hội trong việc giám sát, phản biện và nâng cao nhận thức cộng đồng đối với vấn nạn tham nhũng; đề xuất lộ trình sửa đổi, bổ sung khuôn khổ pháp lý hiện hành nhằm tạo cơ chế thuận lợi cho các chủ thể xã hội tham gia trực tiếp vào tiến trình PCTN; khẳng định việc phát huy nguồn lực xã hội là nhân tố then chốt để tăng cường tính minh bạch, góp phần xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Sách *“Tham nhũng và hoạt động của Công an nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng”* (2019), Nhà xuất bản Công an nhân dân [73] của tác giả Tô Lâm trình bày cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò của lực lượng Công an nhân dân trong công tác PCTN. Tác giả khẳng định tham nhũng là hiện tượng xã hội mang tính phổ biến, tồn tại khách quan ở mọi quốc gia và chế độ chính trị; tham nhũng là “giặc nội xâm” đe dọa trực tiếp đến sự tồn vong của chế độ. Cuốn sách đánh giá thực trạng tham nhũng hiện nay diễn ra nghiêm trọng, đa cấp độ; trong đó “tham nhũng lớn” gia tăng về quy mô thiệt hại, còn “tham nhũng vặt” có xu hướng công khai hóa, gây xói

mòn lòng tin của Nhân dân vào bộ máy Nhà nước. Khẳng định công tác PCTN là nhiệm vụ trọng yếu, có tính chất đặc biệt khó khăn, phức tạp và đòi hỏi lộ trình thực hiện lâu dài, quyết liệt. Cuốn sách cung cấp lý thuyết quan trọng và cái nhìn toàn diện về thực trạng tham nhũng từ góc độ an ninh trật tự, giúp tác giả luận án có cơ sở thực tiễn để phân tích các giải pháp tuyên truyền hiệu quả về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã.

Trong luận án tiến sĩ Chính trị học *“Báo chí tham gia phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay”* (2019), Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [50], tác giả Cao Thị Dung đã trình bày một hệ thống lý luận sắc bén về vai trò của báo chí với tư cách là “quyền lực thứ tư” trong việc kiểm soát quyền lực nhà nước. Tác giả đưa ra khái niệm *Báo chí tham gia PCTN được hiểu là việc các cơ quan báo chí, người làm báo thông qua các tác phẩm báo chí, trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình triển khai các hoạt động, cách thức, biện pháp góp phần phòng ngừa, giám sát, phát hiện tham nhũng, thông tin về việc xử lý đối với hành vi tham nhũng và khắc phục hậu quả do hành vi tham nhũng gây ra theo quy định của pháp luật [tr.46]*. Theo tác giả, chủ thể tham gia PCTN chính là các cơ quan báo chí, người làm báo thông qua các tác phẩm báo chí, nghiệp vụ báo chí nhằm góp phần phòng ngừa, giám sát, phát hiện tham nhũng; đồng thời cung cấp thông tin kịp thời về việc xử lý và khắc phục các hậu quả do tham nhũng gây ra.

Sách *“Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh”* (2023), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật [105] của tác giả Nguyễn Phú Trọng là công trình mang tính định hướng chiến lược, tổng kết những bước tiến mới trong tư duy lý luận và thực tiễn của Đảng ta về công tác PCTNTC. Tác giả gọi tham nhũng là “khuyết tật bẩm sinh” của quyền lực. Tiêu cực có nghĩa rộng hơn so với tham nhũng, do đó yêu cầu phải xác định phạm vi cần tập trung phòng, chống là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Cuốn sách chính là cẩm nang về PCTNTC, đồng thời cung cấp hệ thống cơ sở lý luận - thực tiễn quan trọng để phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về công tác này.

Bài viết *“Thực hành văn hóa liêm chính để đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực”* (2023), Trang thông tin tổng hợp Ban Nội chính Trung ương [3], tác giả Nguyễn Quang Bình đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về văn hóa liêm chính từ truyền thống dân tộc, tư tưởng Hồ Chí Minh đến quan điểm của Đảng, làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa suy thoái tư tưởng, đạo đức và TNTC. Bài viết cung cấp các số liệu định lượng thuyết phục về công tác kiểm tra, kỷ luật Đảng từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII, làm tăng tính thực tiễn cho các lập luận về đạo đức công vụ. Đồng thời, bài viết mô hình hóa hệ giải pháp đồng bộ gồm 4 nhóm (giáo dục, nêu gương, tự giác, kiểm tra) gắn liền với phương châm “nhốt quyền lực vào lồng cơ chế”. Tuy nhiên, tác giả chưa đi sâu phân tích cơ chế tác động hành vi và đánh giá hiệu quả thực tế của giải pháp đối với từng nhóm cán bộ cụ thể tại địa phương.

Bài viết *“Hoàn thiện cơ chế phòng ngừa để không thể tham nhũng, tiêu cực”* (2023), Tạp chí Lý luận chính trị điện tử [65], tác giả Trương Hồ Hải đã tập trung luận giải về tính hệ thống và tầm quan trọng của các biện pháp phòng ngừa chủ động trong cuộc đấu tranh PCTNTC hiện nay. Tác giả khẳng định tham nhũng là “giặc nội xâm” và là nguy cơ trực tiếp đe dọa sự ổn định chính trị, làm suy giảm năng lực quản trị quốc gia. Bài viết phân tích sâu sắc tác động tiêu cực của tham nhũng đối với công bằng xã hội và sự tồn vong của chế độ, từ đó khẳng định tính cấp thiết của việc xây dựng các rào cản ngăn chặn từ gốc; xác lập quan điểm về một cơ chế phòng ngừa chặt chẽ là sự kết hợp tổng thể giữa thể chế và thiết chế dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự tham gia của toàn xã hội. Mục tiêu cốt lõi là xây dựng một hệ thống chính sách “không có kẽ hở”, loại bỏ hoàn toàn các điều kiện nảy sinh hành vi sai phạm; chỉ rõ ba nhân tố then chốt để vận hành hiệu quả cơ chế này (Tính công khai, minh bạch trong hoạt động công vụ; Trách nhiệm giải trình đầy đủ của người có thẩm quyền; và Cơ chế kiểm tra, giám sát, thanh tra xuyên suốt quy trình quản lý).

Bài viết *“Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực”* (2024), tapchicongsan.org.vn [43] của tác giả Lê Văn Cường và Mai Việt Bách có ý nghĩa tổng kết lý luận và thực tiễn có

giá trị cao. Nội dung bài viết được xây dựng trên một cấu trúc logic chặt chẽ, đi từ đánh giá thực trạng diện rộng đến nhận diện bản chất thách thức và đề xuất hệ thống giải pháp mang tính chiến lược. Bài viết đánh giá toàn diện công tác PCTNTC từ sau Đại hội XIII với 3 luận điểm lớn: Nhấn mạnh tính nhân văn qua triết lý “trị bệnh cứu người”: xử lý nghiêm minh nhưng có lý, có tình để răn đe, cảnh tỉnh và củng cố niềm tin của Nhân dân; chỉ ra sự tinh vi của các “vòng khép kín”, “lợi ích nhóm” và sự suy thoái tư tưởng, đạo đức do cám dỗ vật chất hoặc bất cập chính sách. Đồng thời, cảnh báo các thế lực thù địch luôn lợi dụng sơ hở để xuyên tạc, chia rẽ nội bộ; đề xuất cơ chế phòng ngừa đa tầng nhằm hướng tới mục tiêu cán bộ “không thể, không dám, không muốn, không cần” tham nhũng thông qua: hoàn thiện thể chế, công khai minh bạch tài sản, trách nhiệm giải trình và phối hợp đa lực lượng. Nhóm tác giả đề xuất 6 nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh PCTNTC.

Đề tài khoa học cấp Quốc gia “*Kiểm soát quyền lực nhằm phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam*” (2024) [137] do Nguyễn Quốc Văn làm chủ nhiệm là công trình nghiên cứu hệ thống và có quy mô về cơ chế vận hành của quyền lực trong mối quan hệ với PCTN. Những đóng góp khoa học quan trọng của đề tài bao gồm: Làm rõ khung lý thuyết về kiểm soát quyền lực và xác lập mô hình kiểm soát quyền lực đặc thù trong bối cảnh thể chế chính trị tại Việt Nam; nghiên cứu thực hiện phân tích so sánh thông qua việc đúc kết kinh nghiệm lịch sử của Việt Nam và khảo sát các mô hình kiểm soát quyền lực hiện đại trên thế giới, từ đó rút ra những giá trị tham chiếu phù hợp; đề xuất hệ thống kiến nghị đồng bộ từ hoàn thiện khung khổ pháp lý đến các giải pháp thực thi chính sách, nhằm tối ưu hóa hiệu quả kiểm soát quyền lực trong thực tiễn. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã cung cấp lý luận và thực tiễn trực tiếp về công tác PCTNTC, trong đó là gợi ý để xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC một cách khoa học và khả thi.

Trong bài viết “*Tiếp tục cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực*” (2025), tapchicongsan.org.vn [47], tác giả Đặng Văn Dũng đã khái quát hóa diện mạo công tác PCTNTC của Việt Nam trong giai đoạn phát triển

mới. Những đóng góp lý luận và thực tiễn quan trọng của bài viết bao gồm: Phân tích sự biến tướng của tham nhũng thông qua cơ chế câu kết giữa cán bộ thoái hóa và doanh nghiệp, hình thành các nhóm lợi ích phức tạp; thẳng thắn chỉ ra hệ lụy tâm lý “làm nhiều sai nhiều”, “sợ sai” trong một bộ phận cán bộ - một rào cản mới đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; đề xuất khung giải pháp gồm 6 nhóm trọng tâm, chuyển dịch mạnh mẽ từ xử lý sang chủ động phòng ngừa và xây dựng văn hóa liêm chính. Đồng thời, khẳng định yêu cầu cấp thiết của việc kiện toàn bộ máy, mở rộng PCTNTC ra khu vực ngoài nhà nước và tăng cường hợp tác quốc tế để thích ứng với kỷ nguyên số và hội nhập toàn cầu.

Bài viết “*Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng quan trọng để xây dựng đội ngũ cán bộ liêm chính theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng*” (2026), hvctcand.bocongan.gov.vn [78], của tác giả Hoàng Thị Huyền, đã định vị tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng cốt lõi trong PCTNTC, đồng thời chỉ ra sự kế thừa, phát triển trực tiếp của Đại hội XIV của Đảng khi đặt nhiệm vụ xây dựng ĐNCB liêm chính ở vị trí trung tâm. Tác giả luận giải sâu sắc mối quan hệ giữa quét sạch chủ nghĩa cá nhân và thực hành đạo đức cách mạng, nhấn mạnh tư duy chuyển dịch từ “chống” sang kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”. Đặc biệt, nghiên cứu mang giá trị thực tiễn chuyên sâu khi khu biệt hóa yêu cầu xây dựng tính liêm chính cho lực lượng Công an nhân dân – “lá chắn thép” bảo vệ chế độ trong điều kiện kinh tế thị trường. Các giải pháp của bài viết tập trung vào giáo dục phẩm chất đạo đức cách mạng, đề cao trách nhiệm nêu gương gắn với hành động kiên quyết xử lý sai phạm.

1.2. Những công trình nghiên cứu liên quan đến tuyên truyền và tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

1.2.1. Công trình nghiên cứu ở nước ngoài

Bài viết “*Social-Communicative Innovations in Anti-Corruption Activities (Regional Aspect)*”(Những đổi mới về truyền thông - xã hội trong hoạt động phòng, chống tham nhũng (Góc độ vùng miền) (2015), Tạp chí Asian Social Science [161] của các tác giả Leontieva L.S., Khalilova T.V., Gaynullina L.F. Bài viết tập trung phân tích thực trạng và các giải pháp đổi mới trong công tác PCTN

tại Nga thông qua lăng kính truyền thông xã hội. Dựa trên khung lý thuyết về “Công thức tham nhũng” của Robert Klitgaard, nhóm tác giả chỉ ra rằng nguyên nhân của sự kém hiệu quả trong các chính sách hiện tại bắt nguồn từ khoảng cách giữa hành động của chính phủ và kỳ vọng của người dân. Kết quả khảo sát thực nghiệm cho thấy xã hội đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ từ nhu cầu tiếp nhận thông tin minh bạch mang tính hình thức sang yêu cầu về dữ liệu mở và quyền giám sát trực tiếp từ phía công dân. Để giải quyết vấn đề này, nghiên cứu đề xuất việc ứng dụng các công nghệ truyền thông tích hợp và nguồn lực công nghệ thông tin như một nhân tố cốt lõi để định hình lại nhận thức công chúng. Thay vì chỉ dựa vào các chế tài pháp lý đơn thuần, cách tiếp cận đổi mới này nhấn mạnh việc tạo dựng một bối cảnh thông tin minh bạch ở cấp độ vùng miền, từ đó thúc đẩy sự tương tác đa chiều giữa chính quyền và xã hội dân sự nhằm phục hồi các giá trị đạo đức và niềm tin xã hội trong cuộc chiến chống tham nhũng.

Bài viết *“Role of Media in Preventing and Combating Corruption”* (Vai trò của truyền thông trong việc phòng, chống tham nhũng) (2016) [153] của tác giả Charu Srivastava đã luận giải sâu sắc về vai trò đa diện của truyền thông trong hệ sinh thái PCTN tại Ấn Độ. Tác giả khẳng định truyền thông không chỉ dừng lại ở chức năng phản ánh thông tin mà còn đóng vai trò là “người gác cổng” nhạy bén trong việc phanh phui các hành vi tiêu cực. Thông qua việc đánh giá khách quan giữa thành tựu và thách thức, tác giả đã định hình tầm nhìn chiến lược, đồng thời đề xuất các kiến nghị cụ thể nhằm tối ưu hóa năng lực của các phương tiện truyền thông truyền thống trong cả hai phương diện: giáo dục phòng ngừa và đấu tranh trực diện với tham nhũng.

Sách *“Media Corruption in the Age of Information”* (Sự tham nhũng của truyền thông trong Kỷ nguyên thông tin) (2021), Nhà xuất bản Springer Nature [150], Edward H. Spence xây dựng khung đạo đức ứng dụng để nhận diện tham nhũng truyền thông qua sự biến đổi của các cấu trúc quyền lực: Mở rộng khái niệm từ báo chí truyền thống (Quyền lực thứ 4) sang mạng xã hội (Quyền lực thứ 5) và các tập đoàn công nghệ/thuật toán (Quyền lực thứ 6). Ông chỉ ra rằng tham nhũng hiện đại không chỉ là hối lộ mà là sự thao túng hệ

thống thông tin; nhận diện các hiện tượng như tin giả (Fake news), tin tức dàn dựng (Staged news) và xung đột lợi ích khi dữ liệu người dùng bị thương mại hóa, làm xói mòn tính khách quan của thông tin; đề xuất việc phục hồi đạo đức truyền thông dựa trên tính liêm chính tự thân của thông tin, coi việc bóp méo sự thật là hành vi xâm phạm lợi ích công cộng.

Sách *“Corruption and Media: Scandals, Actors, Trends and Analysis” (Tham nhũng và Truyền thông: Các bê bối, tác nhân, xu hướng và phân tích)* (2024) [156] của Tilak Pathak và Bhuwan KC đóng vai trò trung tâm trong dòng chảy này khi cung cấp các bằng chứng thực nghiệm từ bối cảnh các nền dân chủ đang chuyển đổi. Các tác giả lập luận rằng hiệu quả của truyền thông không chỉ nằm ở việc phơi bày sự vụ (scandals) mà còn phụ thuộc vào năng lực phân tích sâu và tính độc lập trước các lợi ích kinh tế tư nhân. Cuốn sách có ba xu hướng nghiên cứu chính được xác lập: Một là, giới hạn của báo chí truyền thống: Các nghiên cứu định lượng trong cuốn sách chỉ ra một “điểm mù” lớn đó là truyền thông dòng chính thường né tránh đưa tin về tham nhũng, điều này tạo ra một “vùng miễn trừ” cho các tội phạm kinh tế doanh nghiệp, làm méo mó nhận thức của công chúng về bản chất toàn diện của tham nhũng; hai là, sự trỗi dậy của công nghệ và diễn ngôn hình ảnh: Bên cạnh báo chí văn bản, vai trò của tranh biếm họa chính trị và các công cụ kỹ thuật số được nhấn mạnh như những phương tiện tuyên truyền hiệu quả, có khả năng vượt qua rào cản trình độ học vấn để tác động trực tiếp đến cảm xúc và thái độ của công chúng; ba là, thách thức từ Kỷ nguyên số: Sự xuất hiện của khái niệm *“Integrity Techies”* và các phân tích về điều tra kỹ thuật số cho thấy cuộc chiến chống tham nhũng đang chuyển từ mặt báo sang các thuật toán dữ liệu. Cuốn sách là một gợi ý tốt về để thiết kế các nội dung tuyên truyền và việc tích hợp kỹ năng số vào hoạt động tuyên truyền về PCTNTC.

Báo cáo nghiên cứu *“Using Anti-corruption Communication to Tackle Corruption in Moldova” (Sử dụng truyền thông phòng, chống tham nhũng để đấu tranh chống tham nhũng tại Moldova)* của Cheeseman và Peiffer (2024), đăng trên <https://www.researchgate.net/publication/383206790> [158] tại

Moldova khẳng định vai trò của truyền thông chiến lược trong việc thay đổi nhận thức và hành vi của công dân đối với tham nhũng hệ thống. Nhóm tác giả đề xuất việc phân mảnh thông điệp dựa trên đặc thù của từng loại hình tham nhũng (vật, quan liêu, chính trị) để phản ánh sát thực trải nghiệm của người dân. Điểm nhấn quan trọng của công trình là cảnh báo về “tác dụng ngược”: việc quá nhấn mạnh vào sự phổ biến của sai phạm có thể gây ra tâm lý bình thường hóa và thờ ơ. Bài viết xác định ba yếu tố then chốt giúp thông điệp chống tham nhũng thành công: Thông điệp phải hướng dẫn cụ thể cho công dân cách thức báo cáo tham nhũng và quy trình xử lý sau đó; người dân cần thấy được bằng chứng rằng hành động của họ sẽ dẫn đến thay đổi thực tế hoặc hình phạt thực sự cho kẻ tham nhũng; việc sử dụng các mạng lưới xã hội và các kênh thông tin địa phương giúp tăng tính tiếp cận và độ tin cậy so với các thông báo chính thức từ chính phủ. Các tác giả khẳng định truyền thông hiệu quả cần đảm bảo tính khả thi trong hướng dẫn hành động và sự phù hợp về kênh tiếp cận, đóng vai trò là công cụ hỗ trợ thiết yếu cho các cải cách thể chế bền vững.

Trong bài viết “*Desiging algorithms against corruption: a conjont study on communicative features to encourage intentions for collective action*” (Thiết kế thuật toán chống tham nhũng: Một nghiên cứu kết hợp về các đặc điểm truyền thông nhằm thúc đẩy ý định hành động tập thể) (2025), đăng trên <https://doi.org/10.1080/19331681.2025.2465326> [159], của Starke và cộng sự, các tác giả đã chuyển dịch trọng tâm từ các biện pháp chống tham nhũng truyền thống sang việc sử dụng thuật toán và chatbot trên mạng xã hội nhằm thúc đẩy hành động tập thể từ dưới lên. Thông qua phương pháp thực nghiệm dựa trên lựa chọn (n=1.331), nghiên cứu chỉ ra rằng mức độ nghiêm trọng của hành vi bất công là yếu tố then chốt kích hoạt ý định tham gia của người dân, trong khi các yếu tố về sự tương đồng chính trị hay giới tính không mang lại tác động rõ rệt. Đáng chú ý, phản ứng của người dùng đối với các thông điệp thuật toán mang tính đa chiều, đòi hỏi sự cân bằng giữa tính hiệu quả trong huy động và trách nhiệm bảo mật thông tin. Kết quả này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tích hợp khoa học xã hội vào thiết kế kỹ thuật để tối ưu hóa công cụ kỹ thuật số trong quản trị công và PCTN bền vững.

Bài viết “*The influence of social media content on political identity with corruption perception as a moderator*” (*Ảnh hưởng của nội dung trên mạng xã hội đối với bản sắc chính trị với nhận thức về tham nhũng là biến điều tiết*) (2025) [160], hai tác giả Jia và Fee định nghĩa vai trò của mạng xã hội trong việc hình thành bản sắc chính trị thông qua việc phân tích nội dung do người dùng tạo ra (UGC). Dựa trên lý thuyết danh tính xã hội, các tác giả chia nội dung mạng xã hội thành bốn nhóm: Chia sẻ thông tin, kết nối, thể hiện bản thân và giải trí. Kết quả thực nghiệm cho thấy rằng ngoại trừ việc kết nối mới, ba yếu tố còn lại đều thúc đẩy mạnh mẽ bản sắc chính trị của giới trẻ. Điểm đột phá của nghiên cứu là việc tích hợp *Lý thuyết tương tác đối* để xác định nhận thức về tham nhũng như một biến điều tiết tiêu cực. Khi cá nhân nhận thấy sự tha hóa trong bộ máy quản trị, các tác động tích cực của mạng xã hội đối với niềm tin chính trị sẽ bị xói mòn và phản tác dụng. Bài viết nhấn mạnh hiệu quả của truyền thông chính trị không chỉ phụ thuộc vào công nghệ mà còn bị chi phối trực tiếp bởi chất lượng thể chế và sự liêm chính của chính phủ.

1.2.2. Công trình nghiên cứu ở trong nước

Luận án tiến sĩ “*Đổi mới công tác tuyên truyền của Đảng đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay*” (2016), Học viện Báo chí và Tuyên truyền [106] của Lê Mai Trang đã xác lập hệ thống lý luận vững chắc về công tác tư tưởng trong bối cảnh biến động khách quan. Tác giả định nghĩa tuyên truyền là sự kết hợp hữu cơ giữa truyền bá hệ tư tưởng và vận động quần chúng. Trên cơ sở luận giải tính tất yếu của việc đổi mới công tác tuyên truyền trước những thách thức và cơ hội từ môi trường bên ngoài, tác giả đề xuất mô hình đổi mới toàn diện từ nâng cao vị trí vai trò, xác định nội dung trọng tâm, mở rộng đối tượng đến kiện toàn bộ máy và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ tuyên giáo.

Sách “*Công tác tuyên truyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ mới*” (2021), Nhà xuất bản Lý luận chính trị [143] do Lương Ngọc Vĩnh chủ biên là công trình nghiên cứu hệ thống và toàn diện về lý luận và thực tiễn tuyên truyền. Tác giả đưa ra khái niệm về tuyên truyền như sau: “*Tuyên truyền là hoạt động truyền thông mang tính thuyết phục nhằm thay đổi nhận thức, thái*

độ và hành vi của đối tượng theo mục đích của chủ thể tuyên truyền”. Theo tác giả, tuyên truyền là một hoạt động truyền thông nhưng mang tính thuyết phục, nghĩa là yêu cầu cao hơn so với hoạt động truyền thông thông thường. Mục đích của tuyên truyền là thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi của đối tượng theo yêu cầu hay mong muốn của chủ thể tuyên truyền.

Cuốn sách không chỉ khái quát hóa khung lý thuyết về tuyên truyền mà còn đi sâu vào các lĩnh vực tuyên truyền đặc thù như tuyên truyền chính trị; tuyên truyền pháp luật; tuyên truyền kinh tế; tuyên truyền văn hóa, đạo đức, lối sống và điển hình tiên tiến... Đồng thời, tác giả cuốn sách đưa ra 05 giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền trong thời kỳ mới.

Sách *“Đổi mới công tác tuyên truyền chính trị trên mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay”* (2024), Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông [63] do Nguyễn Thị Trường Giang chủ biên là tài liệu mang tính thời đại về phương thức tuyên truyền trong kỷ nguyên số. Cuốn sách đưa ra khái niệm *“Tuyên truyền là hoạt động mà ở đó chủ thể sử dụng kỹ thuật thuyết phục để phổ biến, truyền đạt kiến thức, quan điểm, tư tưởng về các lĩnh vực của đời sống nhằm thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi của đối tượng tuyên truyền”* [53, tr.11]. Cuốn sách đề ra các giải pháp để tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền chính trị trên mạng xã hội ở Việt Nam bao gồm: Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, hoạt động tham mưu, chỉ đạo, phối hợp, kiểm tra đối với công tác tuyên truyền chính trị trên mạng xã hội; đổi mới hoạt động các mạng xã hội, phối hợp chặt chẽ hoạt động của các trang mạng xã hội trên cơ sở kế hoạch, chiến dịch, chiến lược tuyên truyền chính trị thống nhất; nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực tuyên truyền chính trị cho cán bộ, quan tâm xây dựng những người có tầm ảnh hưởng (KOLs), các chuyên gia nhất là chuyên gia công nghệ giỏi; đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền chính trị trên cơ sở nắm vững các đặc điểm về nhu cầu, thị hiếu, thói quen tiếp cận thông tin của đối tượng; xây dựng, phát triển các nền tảng mạng xã hội nội địa đủ mạnh, đồng thời phối hợp trên phạm vi khu vực, quốc tế trong công tác tuyên truyền chính trị trên mạng xã hội; giáo dục nâng cao ý thức tự giác và

tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhân dân khi tham gia mạng xã hội với tư cách vừa là đối tượng vừa là chủ thể tuyên truyền chính trị.

Bài viết *“Tăng cường tuyên truyền phòng, chống tham nhũng, tiêu cực”* (2024), đăng trên nhandan.vn [81], tác giả Lê Mậu Lâm khẳng định báo chí là lực lượng nòng cốt, chủ công trong công tác tuyên truyền. Tác giả thẳng thắn chỉ ra lỗ hổng lớn nhất hiện nay là công tác giáo dục liêm chính chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ. Đồng thời, nhấn mạnh yêu cầu thông tin phải có tính định hướng, sắc bén trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái; đề cao sự gương mẫu của người đứng đầu để tạo sự thống nhất từ nhận thức đến hành động. Một trong những giải pháp trọng tâm tác giả nhấn mạnh vai trò của báo chí trong việc tuyên truyền PCTNTC đó là: Tiếp tục tuyên truyền bảo đảm nhận thức thật đầy đủ, sâu sắc vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác đấu tranh PCTNTC để từ đó có quyết tâm chính trị rất cao, biện pháp rất trúng và phải đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, tập trung, thống nhất của Đảng.

Trong bài viết *“Tuyên truyền phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: “Điểm nghẽn” và giải pháp tháo gỡ”* (2025), Báo Thanh tra [87], tác giả Dương Anh Minh đã trực diện chỉ ra những hạn chế cố hữu trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTNTC hiện nay, đó là: dù đã có những nỗ lực từ Trung ương đến địa phương, hoạt động tuyên truyền vẫn đang gặp phải “điểm nghẽn” lớn do tính hình thức, dàn trải và chưa gắn kết chặt chẽ với các vấn đề dân sinh cụ thể. Tác giả nhấn mạnh sự cần thiết phải chuyển đổi từ tư duy “tuyên truyền theo khẩu hiệu” sang “truyền thông dựa trên nhu cầu và công nghệ số”, trong đó cải cách hành chính và minh bạch hóa cơ chế giải trình là những giải pháp đột phá.

1.3. Những công trình nghiên cứu liên quan đến hiệu quả và hiệu quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

1.3.1. Công trình nghiên cứu ở nước ngoài

Trong cuốn sách *“Hoạt động tư tưởng của Đảng Cộng sản Liên Xô”* (1982), Nhà xuất bản Thông tin Lý luận [145], các nhà khoa học Liên Xô dựa vào quan niệm của V.I.Lênin về hiệu quả công tác nói chung là “...có khả

năng thu được kết quả nhiều nhất, vững chắc nhất mà lại ít tốn sức nhất” để xây dựng khái niệm hiệu quả công tác tư tưởng, công tác tuyên truyền “... là sự tương quan giữa kết quả tác động tư tưởng đã đạt được so với những mục tiêu xây dựng giác ngộ cộng sản chủ nghĩa và phẩm hạnh cộng sản chủ nghĩa của con người”. Với khái niệm trên cho thấy hiệu quả công tác tư tưởng chính là sự tương quan giữa kết quả và mục tiêu công tác tư tưởng nhằm xây dựng phẩm chất chính trị và đạo đức cộng sản chủ nghĩa cho con người, nhưng lại không nhắc đến vấn đề chi phí các nguồn lực để đạt được kết quả đó. Các tác giả đã đề xuất hệ thống tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác tư tưởng dựa trên ba nhóm thành phần cơ bản: Trình độ nhận thức lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cùng các thành tựu khoa học - kỹ thuật và văn hóa; ý thức giác ngộ và niềm tin cộng sản chủ nghĩa; tính tích cực xã hội của đối tượng. Trong đó, tính tích cực xã hội của đối tượng được xác định là tiêu chuẩn mang tính quyết định hiệu quả công tác tư tưởng. Tuy nhiên, các tác giả vẫn chưa đưa ra được những tiêu chí phân định rõ ràng giữa các khái niệm: nhận thức chính trị, ý thức giác ngộ và hệ niềm tin cộng sản chủ nghĩa; điều này tạo ra những khoảng trống nhất định trong việc cụ thể hóa các chỉ báo đo lường.

Đào Tổ Minh và Trần Đình trong bài viết “*思想政治教育有效性评价的前提审视*” (Đánh giá tính hiệu quả của công tác giáo dục chính trị tư tưởng” (2009), đăng trên <http://60.216.0.86/001/001013/001013003/6087409931405.htm>, website trường Đảng tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc [163] cho rằng để đánh giá hiệu quả công tác này phải hiểu rõ nội hàm của tính hiệu quả trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng: “*đánh giá hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng là sự đánh giá, để phán đoán kết quả của hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng với việc phù hợp mục tiêu dự kiến và khả năng phát huy chức năng của giáo dục chính trị tư tưởng*”. Theo các tác giả, để đánh giá hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng phải dựa trên ba căn cứ là xây dựng mục tiêu giáo dục, đánh giá mức độ

văn minh tinh thần của người dân và xác định tính chính xác vai trò của giáo dục chính trị tư tưởng nhằm đạt đến mục tiêu đã đề ra.

1.3.2. Công trình nghiên cứu ở trong nước

Trong sách *“Một số vấn đề về công tác tư tưởng”* (1999), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia [122], tác giả Đào Duy Tùng đã xác lập một hệ thống tiêu chí khoa học nhằm đánh giá hiệu quả của hoạt động tư tưởng, trong đó nhấn mạnh rằng thước đo cuối cùng phải được thể hiện tập trung ở sự biến chuyển trong nhận thức và thực tiễn hành động. Tuy nhiên, tác giả cũng lưu ý không phải mọi hành vi tích cực của con người đều là kết quả của giáo dục. Xét trên bình diện tổng thể xã hội, hiệu quả này được minh chứng qua năng lực hình thành và xác lập hệ thống đường lối chính trị, kinh tế, văn hóa; mức độ thâm thấu và lan tỏa của các chủ trương này trong đời sống; khả năng định hướng của hệ tư tưởng chủ đạo cùng việc kiến tạo một bầu không khí tâm lý xã hội tích cực; và đặc biệt là thành tựu trong chiến lược xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Trong từng nhiệm vụ chính trị cụ thể, hiệu quả của công tác tư tưởng lại được cụ thể hóa qua nhận thức chính trị, bản lĩnh chính trị, nhiệt huyết cách mạng và tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân, đi đôi với trình độ chuyên môn và kết quả thực hiện nhiệm vụ thực tế. Bên cạnh những tiêu chuẩn mang tính bao quát, tác giả còn gợi mở việc thiết lập các định mức đánh giá chuyên biệt cho từng bộ phận nghiệp vụ đặc thù trong hệ thống công tác tư tưởng để đảm bảo tính toàn diện và sát thực [122, tr. 133-153].

Trong cuốn *“Đổi mới công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ đảng viên cơ sở”* (2003), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia [1], tác giả Vũ Ngọc Am nhận định việc xác định hiệu quả của hoạt động này là một nội hàm phức tạp, đòi hỏi tư duy xem xét khách quan và toàn diện. Về mặt lý luận, cần có sự phân định rạch ròi giữa khái niệm kết quả và hiệu quả. Dù kết quả là tiền đề cốt yếu để định lượng hiệu quả, song hai phạm trù này không đồng nhất. Hiệu quả của công tác giáo dục chính trị tư tưởng được cụ thể hóa qua trình độ nhận thức, tinh thần tự giác và sự tận tụy trong hành động cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên cùng quần chúng nhân dân. Trong đó, thực tiễn hành vi và hành động

của mỗi cá nhân chính là thước đo mang tính quyết định để thẩm định giá trị thực tế của công tác này. Đặc biệt, việc đánh giá hiệu quả còn phải dựa trên tiêu chí tối ưu hóa nguồn lực: việc đổi mới phương thức thực hiện phải đi kèm với yêu cầu tiết kiệm chi phí vật chất. Theo tác giả, hiệu quả vận hành theo tỷ lệ nghịch với chi phí đầu tư; do đó, một kết quả đầu ra dù cao nhưng tiêu tốn nguồn lực quá mức thì không thể được coi là có hiệu quả cao [1, tr.131-140].

Một trong những công trình nghiên cứu tiêu biểu về hiệu quả công tác tư tưởng là cuốn *“Nguyên lý công tác tư tưởng”* (2008), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia [58], tập 2, do Lương Khắc Hiếu làm chủ biên. Tác giả đưa ra khái niệm *“Hiệu quả công tác tư tưởng là sự tương quan giữa kết quả đạt được do tác động tư tưởng mang lại với mục đích công tác tư tưởng được đặt ra và chi phí để đạt được kết quả đó trong một điều kiện xã hội nhất định”* [58, tr.280-281]. Khái niệm trên cho thấy hiệu quả công tác tư tưởng chính là sự tương quan giữa kết quả đạt được với mục đích và chi phí đầu tư cho công tác tư tưởng. Về phân loại công tác tư tưởng, tác giả phân loại có hiệu quả chung và hiệu quả cụ thể; hiệu quả lâu dài và hiệu quả trước mắt; hiệu quả tinh thần và hiệu quả thực tiễn.

Tác giả Lương Ngọc Vĩnh trong luận án tiến sĩ Khoa học chính trị *“Hiệu quả công tác giáo dục chính trị - tư tưởng trong học viên các học viện quân sự ở nước ta hiện nay”* (2012), Học viện Báo chí và Tuyên truyền [140], đưa ra khái niệm về hiệu quả công tác giáo dục chính trị - tư tưởng: Là sự tương quan giữa kết quả lĩnh hội tri thức chính trị, hình thành niềm tin chính trị và tính tích cực chính trị - xã hội ở đối tượng sau tác động giáo dục của chủ thể với mục đích đã xác định và sử dụng hợp lý các nguồn lực để đạt kết quả đó trong những điều kiện cụ thể. Tác giả đã làm rõ hơn thuật ngữ chi phí bằng thuật ngữ nguồn lực và được sử dụng một cách hợp lý. Luận án sử dụng hai nhóm tiêu chí để đánh giá hiệu quả công tác giáo dục chính trị - tư tưởng trong học viên các học viện quân sự, đó là: Nhóm tiêu chí về kết quả công tác giáo dục chính trị - tư tưởng (kiến thức chính trị, niềm tin chính trị của học viên, tính tích cực chính trị - xã hội của học viên); nhóm tiêu chí về sử dụng nguồn lực công tác giáo dục chính trị - tư

tưởng (sử dụng nguồn nhân lực; sử dụng thời gian, kinh phí, phương tiện cơ sở vật chất; xây dựng, phát huy tác dụng của môi trường giáo dục).

Bài viết *“Một số giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyên truyền hình ảnh Việt Nam ra thế giới qua báo chí đối ngoại”* (2019), Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông [115], tác giả Lưu Trần Toàn đã đánh giá tương đối toàn diện về những thành tựu, hạn chế của báo chí đối ngoại trong việc tuyên truyền hình ảnh Việt Nam ra thế giới, từ đó đề xuất sáu giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyên truyền. Tuy nhiên, tác giả chưa đưa ra được khái niệm về hiệu quả tuyên truyền và các tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền hình ảnh Việt Nam ra thế giới qua báo chí đối ngoại.

Trong luận án tiến sĩ Chính trị học *“Hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho công nhân các khu công nghiệp ở miền Đông Nam Bộ hiện nay”* (2019), Học viện Báo chí và Tuyên truyền [70], tác giả Vũ Trung Kiên quan niệm *“Hiệu quả công tác giáo dục chính trị - tư tưởng là sự tương quan giữa kết quả thực tế đạt được của quá trình giáo dục chính trị - tư tưởng với mục đích của công tác giáo dục chính trị - tư tưởng (được xác định bằng việc đề ra và hoàn thành các mục tiêu cụ thể trong từng thời điểm cụ thể, xác định) đề ra và với chi phí về nguồn lực hợp lý, tiết kiệm trong một điều kiện xã hội nhất định nhằm trang bị kiến thức chính trị, hình thành niềm tin, cổ vũ tích tích cực chính trị xã hội cho đối tượng”* [80]. Tác giả đưa ra 3 nhóm tiêu chí về đánh giá hiệu quả công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cho công nhân các khu công nghiệp như sau: (1) Nhóm tiêu chí về kết quả so với mục tiêu của công tác giáo dục chính trị - tư tưởng; (2) Nhóm tiêu chí về kết quả so với mục đích của công tác giáo dục chính trị - tư tưởng; (3) Nhóm tiêu chí về kết quả so với sử dụng nguồn lực bao gồm: nguồn nhân lực, tài chính, thời gian.

Bài viết *“Hiệu quả từ công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng”* (2021), Tạp chí Tuyên giáo [66] của Hà Dũng Hải đánh giá toàn diện bước chuyển mình của công tác tuyên truyền PCTN từ năm 2013 đến nay. Tuy nhiên, tác giả không đề cập đến thế nào là hiệu quả tuyên truyền mà trực tiếp đi vào khẳng định hiệu quả tuyên truyền đã

tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ, biến công cuộc PCTN thành một phong trào, xu thế nhận được sự đồng thuận cao trong xã hội. Bài viết nhấn mạnh việc đa dạng hóa hình thức truyền thông đã góp phần quan trọng vào việc củng cố niềm tin và kiểm chế tham nhũng, đồng thời đề xuất 07 nhóm giải pháp trọng tâm để nâng cao hiệu quả hoạt động này trong tình hình mới.

Trong cuốn sách *“Công tác tư tưởng và những vấn đề đặt ra với công tác tư tưởng trong thời kỳ phát triển mới của đất nước”* (2024), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật [98], Tác giả Đào Duy Quát cho rằng *“Hiệu quả của công tác tư tưởng là sự tương quan giữa kết quả đạt được do các tác động tư tưởng mang lại với mục đích của công tác tư tưởng trong điều kiện xã hội nhất định”* [86, tr.41]. Quan niệm này xem xét hiệu quả là sự tương quan giữa kết quả đạt được với mục đích công tác tư tưởng trong điều kiện xã hội nhất định nhưng lại không tính đến chi phí các nguồn lực. Tác giả đề xuất các tiêu chí, thước đo đánh giá về chất lượng hiệu quả công tác tư tưởng trong một giai đoạn, một thời kỳ bao gồm: Mức độ hoàn thành nhiệm vụ chính trị, tay nói gọn là: Được việc; mức độ trưởng thành và vững mạnh của các tổ chức trong hệ thống chính trị: Được tổ chức; sự tiến bộ, và trưởng thành của các thành viên trong hệ thống chính trị và trong xã hội: Được người. Nói một cách ngắn gọn, dễ nhớ, dễ đánh giá chất lượng hiệu quả công tác tư tưởng trong mỗi thời kỳ giai đoạn là: Được việc, Được người, Được tổ chức.

Trong bài viết *“Tiêu chí và phương pháp đánh giá hiệu quả đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch”* (2024), *Tạp chí Lý luận chính trị & Truyền thông* [122], tác giả Lương Ngọc Vĩnh cho rằng: hiệu quả đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là kết quả thực hiện mục đích đề ra và sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn lực trong một điều kiện xã hội nhất định. Đây là một nghiên cứu có cách tiếp cận mới, trong đó xác định hiệu quả tuyên truyền không phải là sự tương quan giữa kết quả với mục đích mà hiệu quả là kết quả đạt được của mục đích tuyên truyền trên cơ sở sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn lực và đặt trong một điều kiện xã hội xác định.

1.4. Khái quát kết quả đạt được của các công trình đã tổng quan và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

1.4.1. Khái quát kết quả đạt được của các công trình đã tổng quan

Hiệu quả công tác tư tưởng là một vấn đề tương đối phức tạp, được nhiều nhà khoa học, nhà chính trị và những người trực tiếp làm công tác tư tưởng ở trong và ngoài nước quan tâm, nghiên cứu. Nhìn tổng quan, các công trình nghiên cứu về TNTC; PCTNTC; hiệu quả và hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC đã thống nhất được một số vấn đề cơ bản sau đây:

Thứ nhất, các nghiên cứu về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

- Các công trình đã đi sâu luận giải, làm rõ các bình diện từ khái niệm, bản chất, nguồn gốc đến các đặc điểm và hình thức biểu hiện đa dạng, tinh vi của TNTC trong bối cảnh hiện nay. Đặc biệt, nhiều tác giả đã nhấn mạnh tính chất nguy hiểm và hậu quả nghiêm trọng của TNTC đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, sự ổn định của hệ thống chính trị và sự xói mòn niềm tin của Nhân dân đối với chế độ. Các nghiên cứu này thống nhất khẳng định PCTNTC là một cuộc đấu tranh cam go, phức tạp, có tính chất lâu dài, đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt, đồng bộ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

- Tổng hợp và phân tích sâu sắc các bài học kinh nghiệm quốc tế từ các quốc gia và tổ chức quốc tế, từ đó gợi mở những giá trị có thể vận dụng phù hợp vào điều kiện thực tế của Việt Nam. Ở trong nước, các nghiên cứu đã hệ thống hóa một cách khoa học chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC; đồng thời đánh giá sát thực trạng công tác này từ tầm vĩ mô đến các ngành, lĩnh vực và địa phương cụ thể.

- Trên phương diện lý luận và thực tiễn, các nhà nghiên cứu đã định hình các nhóm giải pháp then chốt bao gồm: hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật; tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực nhà nước; phát huy sức mạnh tổng hợp từ các cơ quan chuyên trách, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí và Nhân dân. Đặc biệt, giải pháp xây dựng văn hóa liêm chính, không TNTC trong xã hội và trong đội

ngũ cán bộ, đảng viên cùng các biện pháp phòng ngừa “từ sớm, từ xa” được coi là những định hướng mang tính chiến lược.

Thứ hai, các nghiên cứu về tuyên truyền và hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC

- Các nghiên cứu đã xác lập rõ ràng vai trò, vị trí, chức năng và các nhiệm vụ trọng yếu của tuyên truyền, nhấn mạnh tầm quan trọng của tuyên truyền trong lĩnh vực chính trị - tư tưởng nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội.

- Chỉ ra yêu cầu tất yếu phải đổi mới nội dung, hình thức và phương thức tuyên truyền để thích ứng với đặc điểm của từng đối tượng, điều kiện thực tế và xu hướng phát triển của xã hội. Trong đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin và các phương tiện truyền thông hiện đại được coi là yếu tố then chốt để nâng cao sức lan tỏa của thông tin PCTNTC.

- Một số công trình đã bước đầu xây dựng các tiêu chí và phương pháp đánh giá hiệu quả tuyên truyền, phân tích tác động của hoạt động tuyên truyền đến sự chuyển biến trong nhận thức, thái độ và hành vi của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong PCTNTC.

- Tuy cách diễn đạt có khác nhau nhưng đa số tác giả đều thừa nhận hiệu quả công tác tư tưởng hoặc hiệu quả công tác giáo dục chính trị - tư tưởng là sự tương quan giữa kết quả với mục đích và chi phí các nguồn lực.

- Bước đầu đề ra cách phân loại, tiêu chí, phương pháp đánh giá hiệu quả công tác tư tưởng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị - tư tưởng.

- Đề xuất nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, công tác giáo dục chính trị - tư tưởng.

Mặc dù các công trình nghiên cứu nêu trên chưa bàn trực tiếp đến hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC nhưng kết quả nghiên cứu trên là nguồn tư liệu tham khảo đặc biệt giá trị, cung cấp những luận cứ khoa học sắc bén và bài học thực tiễn phong phú cho luận án. Kết quả của các công trình này không chỉ giúp kế thừa những thành tựu đã có mà còn giúp tác giả nhận diện rõ những khoảng trống khoa học, từ đó định hình hướng đi và mục tiêu nghiên cứu cụ thể cho các nội dung tiếp theo của luận án.

1.4.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Mặc dù đã có nhiều công trình đề cập trực tiếp hoặc gián tiếp đến công tác tuyên PCTNTC, nhưng do cách tiếp cận từ các ngành khoa học khác nhau, các kết quả nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở góc độ chuyên ngành riêng lẻ. Cả lý luận và thực tiễn đặt ra cho khoa học công tác tư tưởng nói chung và Luận án nói riêng cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, giải quyết các vấn đề sau đây:

Một là, nghiên cứu, kế thừa, bổ sung và hoàn thiện cơ sở lý luận về hiệu quả tuyên truyền và hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã dưới góc độ khoa học công tác tư tưởng. Phần lớn các nghiên cứu hiện nay mới dừng lại ở việc khẳng định vai trò, tầm quan trọng của tuyên truyền PCTNTC hoặc đưa ra các giải pháp mang tính định hướng chung chung, mà chưa xây dựng được một khung lý thuyết đồng bộ để phân tích cấu trúc, cơ chế vận hành và logic nội tại của hiệu quả tuyên truyền. Các câu hỏi then chốt như: Khái niệm “hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC” và “hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho đội ngũ CBCC cấp xã” được định nghĩa như thế nào dưới góc độ khoa học công tác tư tưởng? Cần định vị và khu biệt rõ hiệu quả tuyên truyền PCTNTC với hiệu quả của các hoạt động tư tưởng khác (như giáo dục lý luận chính trị, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, hay thông tin đối ngoại); Hệ tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã được cấu trúc ra sao để đo lường đầy đủ sự chuyển biến từ nhận thức, thái độ đến hành vi? Các yếu tố ảnh hưởng tương tác với nhau theo cơ chế nào để chuyển hóa thông điệp tuyên truyền thành động lực hành động nội tại của CBCC cấp xã?

Hai là, nghiên cứu thực chứng, hệ thống và chuyên sâu về thực trạng hiệu quả tuyên truyền PCTNTC cho đội ngũ CBCC cấp xã gắn với đặc thù bối cảnh VDHBB. Các công trình hiện có chủ yếu tiếp cận ở tầm vĩ mô, khái quát chung cho cả nước hoặc ở cấp tỉnh/trung ương, tạo ra một khoảng trống tri thức về thực trạng tuyên truyền PCTNTC ở cấp xã - nơi trực tiếp giải quyết công việc với dân. Công tác tư tưởng luôn đòi hỏi phải xuất phát từ thực tiễn

cụ thể. VDHBB là địa bàn kinh tế trọng điểm, phát triển năng động, mở cửa hội nhập sâu rộng, có sự đan xen phức tạp giữa đô thị hóa nhanh, phát triển kinh tế biển, công nghiệp và quản lý đất đai, dịch vụ công cộng. Bối cảnh kinh tế - xã hội đặc thù này tạo ra cả cơ hội lẫn những áp lực, cám dỗ tác động trực tiếp đến tư tưởng, đạo đức, lối sống của CBCC cấp xã. Việc khảo sát thực chứng, hệ thống nhằm làm rõ ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và đặc biệt là phân tích đa chiều tác động của các yếu tố bối cảnh vùng VDHBB đến hiệu quả tuyên truyền PCTNTC là yêu cầu cấp thiết mà Luận án phải giải quyết.

Ba là, đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ, toàn diện, có tính khả thi cao và mang đặc thù vùng nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền PCTNTC cho đội ngũ CBCC cấp xã. Do thiếu một mô hình lý thuyết toàn diện và chưa dựa trên bức tranh thực trạng chi tiết của một khu vực cụ thể, các giải pháp ở nhiều nghiên cứu trước thường dừng lại ở mức độ kiến nghị chung chung hoặc tập trung vào các khía cạnh riêng lẻ (đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức). Luận án hướng tới đề xuất hệ thống giải pháp vi mô và vĩ mô đồng bộ, tác động nhịp nhàng vào tất cả các thành tố của quá trình tuyên truyền: từ nâng cao năng lực chủ thể (báo cáo viên, tuyên truyền viên cấp xã), chuẩn hóa nội dung (tích hợp giữa lý luận, pháp luật và tình huống thực tiễn), đa dạng hóa phương thức (kết hợp tuyên truyền truyền thống với truyền thông số, mạng xã hội), đến việc củng cố môi trường thể chế, văn hóa công vụ và các điều kiện đảm bảo. Các giải pháp vừa tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc của công tác tư tưởng của Đảng, vừa được “may đo” phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ, điều kiện công tác và thách thức đặc thù của đội ngũ CBCC cấp xã tại VDHBB trong giai đoạn hiện nay.

Việc chỉ ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu là cơ sở khẳng định đề tài luận án đã xác định được một hướng nghiên cứu riêng, không trùng lặp với bất cứ công trình nghiên cứu nào trước đây.

Tiểu kết Chương 1

Hiệu quả công tác tư tưởng nói chung, hiệu quả công tác giáo dục chính trị - tư tưởng nói riêng được nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm. Mặc dù đã có những nhiều nghiên cứu nhưng đây vẫn là lĩnh vực chưa có sự thống nhất cao giữa các nhà khoa học về khái niệm, tiêu chí và nhiều công trình vẫn đồng nhất hiệu quả hiệu quả công tác tư tưởng, công tác giáo dục chính trị - tư tưởng là sự tương quan giữa kết quả đạt được của công tác tư tưởng, công tác giáo dục chính trị - tư tưởng với mục đích đặt ra và chi phí đầu tư.

Các công trình nghiên cứu đã công bố của các nhà khoa học trong và ngoài nước đã tập trung giải quyết một số vấn đề sau: khái niệm, phân loại; tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác tư tưởng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị - tư tưởng. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại chưa có một công trình nghiên cứu nào mang tầm lý luận đánh giá hiệu quả tuyên truyền nói chung và hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC nói riêng. Luận án sẽ đi sâu nghiên cứu hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã ở các tỉnh, thành phố VDHBB hiện nay, trong đó tập trung vào đề xuất khái niệm, tiêu chí đánh giá, những yếu tố tác động, những vấn đề đặt ra và các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC.

Luận án đã hệ thống hóa, luận giải và xem xét các quan niệm của các nhà khoa học cả trong và ngoài nước; tìm hiểu các công trình nghiên cứu liên quan đến PCTNTC; tuyên truyền và hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC. Trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được của các công trình nghiên cứu trước đó, tác giả luận án đã chỉ ra những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ.

Chương 2

HIỆU QUẢ TUYÊN TRUYỀN VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. Tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

2.1.1. Tham nhũng, tiêu cực

2.1.1.1. Tham nhũng

Tham nhũng là một vấn nạn toàn cầu, đe dọa sự phát triển của mọi quốc gia. Do sự khác biệt về bối cảnh lịch sử, văn hóa, chính trị, kinh tế - xã hội, định nghĩa về tham nhũng cũng có sự khác nhau giữa các quốc gia.

Ở Việt Nam, vấn đề tham nhũng đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập đến từ rất sớm trong nhiều bài nói, bài viết, bài phát biểu của mình. Người đặc biệt quan tâm tới phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Người đã khái quát rất dễ hiểu về vấn đề này khi cho rằng tham nhũng là hành vi “*ăn cắp của công làm của tư*” [93, tr.355]. Hồ Chí Minh đã dùng ngôn ngữ bình dân nhưng phản ánh đúng bản chất cốt lõi của tham nhũng là sự tha hóa quyền lực để trục lợi.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đưa ra khái niệm: “*Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi*” [100]. Khái niệm trên cho thấy, chủ thể thực hiện hành vi tham nhũng là những người có chức vụ, quyền hạn và lạm dụng chức vụ, quyền hạn đó để thực hiện hành vi trái pháp luật nhằm vụ lợi.

Theo tác giả Tô Lâm trong cuốn sách *Tham nhũng và hoạt động của công an nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam*, cho rằng tham nhũng có hai cách hiểu: “*Theo nghĩa rộng, tham nhũng là mọi hành vi của bất kỳ người nào nhằm mục đích vụ lợi mà lấy “của công làm của tư”*”. Theo nghĩa hẹp, tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó thực hiện hành vi trái pháp luật nhằm mục đích vụ lợi [83, tr.15-16]. Như vậy cả theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp đều thống nhất ở điểm

chung, đó là tham nhũng là hành vi trục lợi của người có chức vụ, quyền hạn. Tác giả đồng tình với khái niệm tham nhũng theo nghĩa hẹp đã được nêu ở trên.

Từ các khái niệm trên, có thể hiểu *Tham nhũng là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để trục lợi cá nhân hoặc lợi ích nhóm, làm sai lệch mục tiêu phục vụ nhân dân và suy giảm hiệu lực của hệ thống chính trị.*

Như vậy, điểm cốt lõi trong các khái niệm tham nhũng là sự lạm dụng quyền lực công vì mục đích tư lợi. Đây không chỉ là hành vi vi phạm đạo đức mà còn là vi phạm pháp luật, gây hậu quả nghiêm trọng đối với xã hội.

2.1.1.2. Tiêu cực

Theo Từ điển Tiếng Việt, khái niệm “tiêu cực” được hiểu như sau: “*Có tác dụng phủ định, làm trở ngại sự phát triển; trái với tích cực*” [96, tr.990]. Cách hiểu từ trên cho thấy tiêu cực là một thuật ngữ rộng, không chỉ giới hạn trong lĩnh vực hành chính, mà còn bao trùm nhiều khía cạnh của đời sống xã hội, từ chính trị, kinh tế, văn hóa đến đạo đức, lối sống. Tiêu cực là khái niệm đối lập với tích cực, thể hiện những biểu hiện lệch chuẩn, đi ngược lại các chuẩn mực đạo đức, pháp luật và các giá trị tốt đẹp của xã hội.

Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cho rằng: Tiêu cực có nghĩa rộng hơn so với tham nhũng. Tiêu cực không chỉ là tham nhũng kinh tế mà bản chất nguy hiểm nhất là “*sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống*” [117, tr.16], dẫn đến “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ. Đây được xem là cái gốc của tham nhũng, là sự tha hóa nguy hiểm làm suy yếu vai trò lãnh đạo và uy tín của Đảng.

Theo Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW ngày 01/8/2022 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực “*Một số nội dung về công tác phòng, chống tiêu cực, Tiêu cực của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức: “là những hành vi trái với Điều lệ, Cương lĩnh, nghị quyết, quy chế, quy định, chỉ thị, kết luận,... của Đảng (gọi chung là chủ trương, đường lối, quy định của Đảng), pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; các chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử, truyền thống*

văn hóa tốt đẹp của dân tộc, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng, Nhà nước, làm tha hóa đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, làm giảm sút niềm tin của nhân dân, cản trở quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, biểu hiện rõ nét nhất của tiêu cực là suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị”[15]. Khái niệm trên đã nói rõ nội hàm khái niệm tiêu cực của cán bộ đảng viên là những hành vi làm trái với chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước; trái với các chuẩn mực đạo đức xã hội; gây tác hại nghiêm trọng đến niềm tin của nhân dân, cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó khẳng định sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống là đặc trưng cốt lõi của tiêu cực.

Kế thừa và phát triển các tiếp cận nêu trên, có thể hiểu: *Tiêu cực là các hành vi lệch chuẩn xã hội, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của các chủ thể xã hội; đặc biệt biểu hiện tập trung ở sự tha hóa quyền lực, quan liêu, nhũng nhiễu và vi phạm chuẩn mực công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị.*

Tham nhũng và tiêu cực là hai hiện tượng có liên quan nhưng không hoàn toàn đồng nhất. Tham nhũng chủ yếu chỉ các hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi, gây thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức và xã hội; các hành vi này thường được quy định cụ thể trong pháp luật và có chế tài xử lý rõ ràng. Trong khi đó, tiêu cực có phạm vi rộng hơn, bao gồm những hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức, kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ và trong đời sống xã hội, như quan liêu, cửa quyền, thiếu trách nhiệm, lợi ích nhóm, chạy chức, chạy quyền... Tuy không phải mọi biểu hiện tiêu cực đều cấu thành hành vi tham nhũng, nhưng tham nhũng thường gắn với hoặc nảy sinh từ môi trường tiêu cực. Vì vậy, PCTN cần gắn liền với đấu tranh PCTC để tạo lập môi trường liêm chính, minh bạch trong hoạt động của bộ máy nhà nước và đời sống xã hội.

2.1.2. Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng đến công tác phòng, chống tham ô, lãng phí và quan liêu. Theo Người, dù có biểu hiện khác

nhau, ba căn bệnh này đều là những kẻ “giặc nội xâm” nguy hiểm từ bên trong. Thứ giặc “tàng hình” không gươm, không súng này thậm chí còn đáng sợ hơn cả giặc ngoại xâm, bởi chúng tàn phá tư tưởng chính trị, đạo đức của người cán bộ và hủy hoại thành quả cách mạng một cách âm thầm, khiến việc phát hiện và bài trừ đòi hỏi một quá trình lâu dài, kiên trì. Người khẳng định: *“Chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận. Đây là mặt trận tư tưởng và chính trị”* [92, tr.358]. Từ khẳng định của Hồ Chí Minh cho thấy tính chất đặc biệt quan trọng của công tác này, do đó PCTNTC chính là phòng, chống trên mặt trận tư tưởng, chính trị.

Trong cuốn sách *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*, theo cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: *“PCTNTC là “chống giặc nội xâm”, tức là chống thói hư, tật xấu, nhất là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tệ ăn cắp, ăn chặn của công dưới nhiều hình thức; lấy tiền tài, của cải, vật chất do người khác “biếu xén”, “cho, tặng”, hối lộ...với động cơ không trong sáng. Nó diễn ra đối với những người có chức, có quyền”* [117, tr.37]. Theo quan điểm trên, cuộc đấu tranh PCTNTC phải tập trung vào đấu tranh với căn nguyên, gốc rễ của TNTC chính là các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên.

Tác giả Nguyễn Văn Phương trong luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học *Phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh Đông Nam Bộ hiện nay* đưa ra khái niệm: *“PCTN là hệ thống cách thức, biện pháp của các chủ thể, lực lượng (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, Nhân dân) tiến hành nhằm phòng ngừa, ngăn chặn, triệt tiêu những nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tham nhũng; phát hiện, kịp thời sử dụng các chế tài xử lý các hành vi tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng theo đúng quy định của pháp luật”* [97, tr.45]. Khái niệm trên đã chỉ rõ các chủ thể, lực lượng PCTN là Đảng, Nhà nước, MTTQ, các các tổ chức chính trị - xã hội, Nhân dân, bằng việc sử dụng các cách thức, biện pháp nhằm phòng ngừa, ngăn chặn, triệt tiêu các điều kiện, nguyên nhân làm nảy sinh tham

những; đồng thời phát hiện, sử dụng các chế tài để xử lý hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, có thể hiểu: *PCTNTC là tổng thể các hoạt động của hệ thống cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội và Nhân dân, dựa vào chủ trương, đường lối của Đảng và căn cứ pháp luật của Nhà nước để phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi TNTC, nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, các tổ chức và của công dân, bảo vệ thành quả cách mạng, góp phần vào việc giữ vững ổn định và phát triển của toàn xã hội.*

Từ khái niệm trên có thể thấy, PCTNTC bao hàm một số nội dung cơ bản sau: *Thứ nhất*, về chủ thể, hoạt động này được thực hiện bởi Đảng, Nhà nước, các tổ chức trong hệ thống chính trị và toàn xã hội. *Thứ hai*, về nội dung PCTNTC bao gồm các hoạt động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi TNTC. *Thứ ba*, về đối tượng, đó là các hành vi TNTC trong hoạt động của tổ chức và cá nhân. *Thứ tư*, về mục đích, nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, các tổ chức và của công dân, bảo vệ thành quả cách mạng, góp phần vào việc giữ vững ổn định và phát triển của toàn xã hội.

2.1.3. Cán bộ và cán bộ chủ chốt cấp xã

2.1.3.1. Cán bộ và cán bộ cấp xã

Trong tác phẩm *Sửa đổi lỗi làm việc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: *“Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng”* [90, tr. 309]. Mặc dù tác phẩm được viết cách đây hơn 70 năm, nhưng những tư tưởng về cán bộ mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra vẫn giữ nguyên giá trị cho đến ngày nay, phản ánh một cách khái quát quan niệm về người cán bộ trong hoạt động lãnh đạo và quản lý của hệ thống chính trị.

Tác giả Nguyễn Phú Trọng, Trần Xuân Sầm trong cuốn *Luận cứ khoa học cho việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, cho rằng: *“Cán bộ là khái niệm chỉ*

những người có chức vụ, vai trò và cương vị nòng cốt trong một tổ chức, có tác động, ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức và các quan hệ trong lãnh đạo, chỉ huy, quản lý, điều hành góp phần định hướng sự phát triển của tổ chức” [119, tr.20]. Với cách hiểu như trên, cán bộ là những người có vai trò quan trọng trong một tổ chức, có tác động ảnh hưởng đến hoạt động, công tác lãnh đạo, quản lý và sự phát triển của tổ chức đó.

Điều 1, Khoản 1 của *Luật Cán bộ, công chức, 2025* quy định: “*Cán bộ là công dân Việt Nam, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm hoặc chỉ định giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp xã, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước*” [99]. Theo quy định này, cán bộ gắn liền với cơ chế bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm hoặc chỉ định vào các chức vụ, chức danh có nhiệm kỳ. Những người đáp ứng các tiêu chuẩn chung của cán bộ, công chức và được lựa chọn vào làm việc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội theo các hình thức trên sẽ được xác định là cán bộ. Trong thực tiễn, chức danh cán bộ luôn gắn với nhiệm kỳ và quyền lực chính trị được Nhân dân hoặc tổ chức trao quyền, đồng thời phải chịu trách nhiệm chính trị trước Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

Từ khái niệm “cán bộ” được quy định tại Điều 1, Khoản 1 của *Luật Cán bộ, công chức 2025*, trong phạm vi luận án, *Cán bộ cấp xã là công dân Việt Nam được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm hoặc chỉ định giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; thuộc biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.*

2.1.3.2. Cán bộ chủ chốt cấp xã

* Cán bộ chủ chốt

Trong công tác cán bộ, các văn kiện, nghị quyết của Đảng đã nhiều lần đề cập đến khái niệm “cán bộ chủ chốt”. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có một định nghĩa thống nhất, cũng như hệ thống tiêu chí cụ thể để xác định rõ trong cơ cấu tổ chức của một cấp những ai được xem là CBCC.

Thực tiễn cho thấy tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm CBCC. Một số ý kiến cho rằng CBCC bao gồm các ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành của tổ chức Đảng, các thành viên thường trực trong bộ máy chính quyền và ủy viên ban chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội. Trong khi đó, một số quan điểm khác lại nhấn mạnh vai trò của cá nhân lãnh đạo, cho rằng CBCC là người đứng đầu giữ vị trí quan trọng nhất trong tổ chức. Theo cách hiểu này, trong mỗi tổ chức luôn tồn tại một tập thể lãnh đạo, song trong tập thể đó thường có một cá nhân giữ vai trò trung tâm, có khả năng định hướng và chi phối hoạt động chung của tổ chức.

Theo tác giả Trần Xuân Sầm trong cuốn sách *Xác định cơ cấu và tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong hệ thống chính trị đổi mới*, xác định: “Cán bộ chủ chốt là cán bộ lãnh đạo, nhưng là lãnh đạo toàn diện, gánh vác trọng trách lớn nhất, có quyền thay mặt tập thể lãnh đạo để giải quyết các vấn đề và chịu trách nhiệm trước tập thể” [103, tr.139]. Như vậy, CBCC theo cách hiểu trên là cá nhân giữ vị trí lãnh đạo quan trọng nhất trong một tổ chức, một cơ quan; có vai trò quyết định trong việc chỉ đạo, tổ chức và điều hành hoạt động của tổ chức, cơ quan đó.

Trong luận án tiến sĩ *Vấn đề đạo đức công vụ của ĐNCBCC cấp cơ sở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam hiện nay*, tác giả Hồng Thê Vinh đưa ra khái niệm: “Cán bộ chủ chốt là những người nắm giữ chức vụ, chức danh, vị trí quan trọng, có vai trò nòng cốt trong các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị ở một cấp nhất định; là người đảm đương các nhiệm vụ quan trọng để lãnh đạo, quản lý, điều hành cơ quan, tổ chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về các vấn đề trong lĩnh vực công tác được phân công” [139, tr.41]. Khái niệm trên đã xác định rõ CBCC là người có chức vụ, chức danh, có vai trò nòng cốt trong tổ chức và chịu trách nhiệm về các lĩnh vực do mình phụ trách.

* Cán bộ chủ chốt cấp xã

Trong đề tài khoa học cấp Bộ *Nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn của CBCC cấp xã ở một số tỉnh đồng bằng sông Hồng trong điều kiện hiện nay*, tác giả Nguyễn Thị Tuyết Mai cho rằng: “CBCC cấp xã là những cán bộ đứng đầu tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

của hệ thống chính trị cấp xã” [85, tr.17]. Trong khái niệm trên, CBCC cấp xã là những người đứng đầu của các tổ chức trong hệ thống chính trị cấp xã, bao gồm tổ chức Đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội.

Tác giả Giang Quỳnh Hương đưa ra khái niệm: *“Cán bộ chủ chốt cấp cơ sở là những người đứng đầu quan trọng nhất trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở, có ảnh hưởng đến việc chấp hành chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước thông qua việc lãnh đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội trên địa bàn phụ trách” [76, tr.29].* Tác giả chỉ rõ CBCC cơ sở gồm: Bí thư, phó bí thư đảng ủy, thường trực Đảng ủy cấp xã (nơi không có phó bí thư chuyên trách công tác Đảng); Bí thư, phó bí thư chi bộ xã (nơi chưa thành lập đảng ủy cấp xã); Chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ; Chủ tịch Hội nông dân (áp dụng với xã, phường, thị trấn có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam); Chủ tịch Hội Cựu chiến binh [76, tr.29].

Từ những phân tích nêu trên, trong phạm vi luận án, chúng tôi quan niệm *Cán bộ chủ chốt cấp xã là công dân Việt Nam được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm hoặc chỉ định giữ các chức vụ lãnh đạo chủ chốt theo nhiệm kỳ trong hệ thống chính trị cấp xã, bao gồm Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; có vai trò nòng cốt trong việc tổ chức, triển khai và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại địa bàn phụ trách.*

Theo Quy định số 301-QĐ/TW ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã, từ ngày 01/7/2025, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc MTTQ Việt Nam, do đó các chức danh lãnh đạo của MTTQ cấp xã bao gồm chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã, phó chủ tịch thường trực và các phó chủ tịch kiêm

nhiệm chính là trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã. Chính vì vậy, luận án chỉ xác định chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã là CBCC cấp xã.

2.1.4. *Đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã*

Đội ngũ CBCC của một tổ chức, cơ quan, đơn vị hoặc địa phương là tập hợp những cán bộ giữ vị trí then chốt, có vai trò trung tâm trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và điều hành của tổ chức, cơ quan, đơn vị hoặc địa phương đó; đồng thời là bộ phận đặc biệt quan trọng trong tổng thể đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị nước ta. Trong đó, đội ngũ CBCC cấp xã là toàn bộ những cán bộ giữ vị trí chủ chốt trong hệ thống chính trị ở cấp xã.

Tác giả Hồng Thế Vinh trong luận án tiến sĩ “Vấn đề đạo đức công vụ của ĐNCBCC cấp cơ sở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam hiện nay”, đưa ra khái niệm *Đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã (cấp cơ sở) “là những người giữ vị trí quan trọng trong hệ thống chính trị cấp xã bao gồm các chức danh Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, có vai trò quyết định trong việc triển khai và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trên địa bàn mình phụ trách”* [139, tr.42-43].

Từ những khái niệm đã nêu trên, có thể quan niệm: *Đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã là tập hợp những cán bộ được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm hoặc chỉ định giữ các chức vụ lãnh đạo chủ chốt theo nhiệm kỳ trong hệ thống chính trị cấp xã, bao gồm Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; có vai trò nòng cốt trong việc tổ chức, triển khai và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại địa bàn phụ trách.*

- *Đặc điểm của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã:*

Thứ nhất, khác với cấp tỉnh vốn có quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm mang tính chuyên nghiệp hóa cao, ĐNCBCC cấp xã được hình thành thông qua cơ chế kết hợp giữa bầu cử dân chủ và bổ nhiệm, điều động của cấp trên. Đặc điểm này đòi hỏi cán bộ không chỉ đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn mà còn phải có uy tín thực tế trong cộng đồng dân cư. Vì vậy,

năng lực của đội ngũ này là sự kết hợp giữa tri thức quản lý nhà nước và sự am hiểu sâu sắc về văn hóa, phong tục và đời sống địa phương.

Thứ hai, nếu cán bộ cấp tỉnh chủ yếu giữ vai trò trung gian trong việc cụ thể hóa và hướng dẫn thực hiện các chủ trương của Trung ương, thì CBCC cấp xã là lực lượng trực tiếp chuyển hóa các chủ trương, chính sách thành hành động thực tiễn. Họ hoạt động theo phương thức “gần dân, sát địa bàn”, trực tiếp tiếp xúc, đối thoại và giải quyết các vấn đề phát sinh trong đời sống xã hội. Không chỉ tổ chức thực hiện, đội ngũ này còn là lực lượng đầu tiên phát hiện những bất cập của chính sách trong thực tiễn để phản ánh và kiến nghị điều chỉnh, góp phần nâng cao tính khả thi của thể chế ở cơ sở.

Thứ ba, khác với cấp tỉnh có sự phân công chức năng, nhiệm vụ chuyên sâu và được hỗ trợ bởi bộ máy tham mưu lớn, CBCC cấp xã thường phải đảm nhiệm vai trò “đa năng”. Một chức danh chủ chốt ở cấp xã phải bao quát nhiều lĩnh vực như kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh trong điều kiện nguồn lực còn hạn chế. Vì vậy, họ là lực lượng nòng cốt quyết định hiệu quả thực hiện các mục tiêu phát triển tại địa phương, đồng thời chịu trách nhiệm trực tiếp trước những biến động của đời sống nhân dân.

Thứ tư, CBCC cấp xã là những người gắn bó mật thiết với cộng đồng dân cư địa phương, hình ảnh của họ đại diện cho uy tín của Đảng và Nhà nước trong mắt nhân dân. Khác với cán bộ cấp tỉnh có khoảng cách nhất định với quần chúng, CBCC cấp xã thường gắn liền với các mối quan hệ dòng họ, làng xóm và cộng đồng. Do đó, phẩm chất đạo đức, lối sống và phong cách công tác của họ có ảnh hưởng trực tiếp đến niềm tin của nhân dân đối với hệ thống chính trị, đồng thời đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng và dẫn dắt dư luận xã hội ở cơ sở.

2.1.5. Tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

2.1.5.1. Tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Trong tác phẩm Người tuyên truyền và cách tuyên truyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “*Tuyên truyền là đem một việc gì đó nói cho dân hiểu,*

dân nhớ, dân theo, dân làm. Nếu không đạt được mục đích đó, là tuyên truyền thất bại” [90, tr.191]. Định nghĩa của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho thấy tuyên truyền không chỉ là phương thức truyền tải thông tin đơn thuần mà còn là một công cụ có tính định hướng nhằm tác động đến nhận thức và hành động của quần chúng. Hiệu quả của tuyên truyền được đánh giá không chỉ ở mức độ tiếp nhận thông tin mà còn ở sự chuyển biến trong nhận thức và hành vi của đối tượng được tuyên truyền. Điều này khẳng định tuyên truyền là một hoạt động có mục đích rõ ràng, hướng tới việc định hướng hành động xã hội theo những mục tiêu chính trị và xã hội nhất định.

Tác giả Lương Ngọc Vĩnh trong cuốn sách *Công tác tuyên truyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ mới* đã đưa ra khái niệm: “Tuyên truyền là hoạt động truyền thông mang tính thuyết phục nhằm thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi của đối tượng theo mục đích của chủ thể tuyên truyền” [143, tr.9]. Theo cách tiếp cận này, tuyên truyền không chỉ dừng lại ở việc truyền tải thông tin mà còn là quá trình lựa chọn và tổ chức thông điệp nhằm tác động sâu vào nhận thức của đối tượng. Thông qua đó, tuyên truyền góp phần hình thành niềm tin, thái độ và định hướng hành vi của đối tượng theo mục tiêu mà chủ thể tuyên truyền hướng tới.

Trong cuốn sách *Đổi mới công tác tuyên truyền chính trị trên mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay* do Nguyễn Thị Trường Giang (chủ biên), các tác giả cho rằng: “Tuyên truyền là hoạt động mà ở đó chủ thể tuyên truyền sử dụng kỹ thuật thuyết phục để phổ biến, truyền đạt kiến thức, quan điểm, tư tưởng về các lĩnh vực của đời sống nhằm thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi của đối tượng tuyên truyền” [63, tr.11]. Cách tiếp cận này nhấn mạnh yếu tố kỹ thuật và phương pháp thuyết phục, cho thấy tuyên truyền không chỉ là nội dung thông tin mà còn bao gồm các phương thức, kỹ năng tác động nhằm nâng cao hiệu quả ảnh hưởng đối với đối tượng tuyên truyền.

Như vậy, có thể hiểu *tuyên truyền là hoạt động truyền thông mang tính định hướng và thuyết phục, trong đó chủ thể tuyên truyền sử dụng các nội*

dung và phương thức phù hợp nhằm tác động đến nhận thức, thái độ và hành vi của đối tượng theo mục đích mà chủ thể đã xác định.

Từ khái niệm tuyên truyền, khái niệm PCTNTC đã trình bày ở trên, có thể hiểu: *Tuyên truyền về PCTNTC là hoạt động truyền thông mang tính định hướng và thuyết phục của các chủ thể trong hệ thống chính trị, thông qua việc sử dụng các nội dung và phương thức phù hợp nhằm phổ biến, giải thích và định hướng nhận thức, thái độ, hành vi của các tổ chức và cá nhân đối với các chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTNTC; qua đó góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, năng lực và tính gương mẫu của đối tượng tuyên truyền trong phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các hành vi TNTC.*

Khái niệm này đã bao hàm đầy đủ các thành tố của hoạt động tuyên truyền, gồm: Chủ thể tuyên truyền là các chủ thể trong hệ thống chính trị; Nội dung tuyên truyền là chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC; Phương thức tuyên truyền là các phương pháp, hình thức và phương tiện tuyên truyền; Đối tượng là các tổ chức và cá nhân trong xã hội; Mục đích là định hướng nhận thức, thái độ và hành vi; góp phần phòng ngừa và đấu tranh với tham nhũng, tiêu cực.

2.1.5.2. Tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

Tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã là hoạt động tuyên truyền hướng tới một đối tượng cụ thể là CBCC cấp xã. Theo đó, có thể hiểu: *Tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã là hoạt động truyền thông mang tính định hướng và thuyết phục của các chủ thể trong hệ thống chính trị, thông qua việc sử dụng các nội dung và phương thức phù hợp nhằm phổ biến, giải thích và định hướng nhận thức, thái độ, hành vi của ĐNCBCC đối với các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC; qua đó góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, năng lực và tính gương mẫu của đội ngũ này trong phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các hành vi tham nhũng, tiêu cực ở cơ sở.*

Bản chất của hoạt động tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã là quá trình chuyển hóa các yêu cầu, quy định, pháp luật của Đảng và Nhà nước về PCTNTC thành nhận thức, phẩm chất và năng lực thực hiện PCTNTC của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã thông qua quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Do đó, cấu trúc hoạt động tuyên truyền PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã sẽ bao gồm các yếu tố sau:

Chủ thể tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã, bao gồm nhiều lực lượng khác nhau. Chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý ở Trung ương là Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Ban chỉ đạo PCTNTC Trung ương tỉnh ủy, Thanh tra Chính phủ, Bộ Tư pháp, Ban Nội chính; ở cấp tỉnh là Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, ban chỉ đạo PCTNTC cấp tỉnh, Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh và các cơ quan chức năng liên quan. Chủ thể trực tiếp lãnh đạo và tổ chức thực hiện là cấp ủy. Các cơ quan tham mưu gồm ban tuyên giáo và dân vận, ban nội chính, ủy ban kiểm tra, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội.

Chủ thể trực tiếp thực hiện hoạt động tuyên truyền là đội ngũ báo cáo viên các cấp - những người giữ vai trò truyền đạt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về PCTNTC đến ĐNCBCC cấp xã, đồng thời định hướng tư tưởng và giải đáp những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

Bên cạnh đó, bản thân mỗi CBCC cấp xã cũng là chủ thể tuyên truyền bởi họ là chủ thể nhận thức của quá trình tuyên truyền. Trong mỗi CBCC cấp xã luôn diễn ra quá trình đấu tranh giữa cái cũ và cái mới, cái tích cực với cái tiêu cực. Ngay trong ĐNCBCC cấp xã cũng có sự đấu tranh giữa những CBCC tích cực với những CBCC thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm với quyết tâm chính trị của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong PCTNTC. Mỗi CBCC cấp xã thể hiện vai trò chủ thể tuyên truyền tích cực thông qua việc nêu gương trong lời nói, hành động và lối sống, góp phần lan tỏa các giá trị liêm chính, xây dựng môi trường công vụ trong sạch, vững mạnh ngay từ cơ sở.

Mục đích của tuyên truyền về PCTNTC là nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin và thúc đẩy tính tích cực chính trị - xã hội của ĐNCBCC cấp xã trong PCTNTC. Ở cấp độ cá nhân, kết quả của hoạt động tuyên truyền về PCTNTC

được thể hiện ở sự chuyển biến tích cực về nhận thức, thái độ và hành vi của CBCC cấp xã. Sự thay đổi về nhận thức biểu hiện ở việc nắm vững kiến thức về PCTNTC mà CBCC cấp xã lĩnh hội được. Sự thay đổi về thái độ thể hiện ở niềm tin và sự đồng thuận đối với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong PCTNTC. Sự thay đổi về hành vi là quá trình chuyển hóa từ kiến thức, niềm tin thành hành động tự giác, chủ động, kiên quyết đấu tranh PCTNTC trong thực tiễn công tác. Đối với mỗi CBCC cấp xã, hoạt động tuyên truyền về PCTNTC trang bị tri thức, củng cố niềm tin vào quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước trong đấu tranh PCTNTC với phương châm “*kiên quyết, kiên trì*”, “*không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai*”, vào thành công của công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng; cổ vũ tính tích cực, tự giác, tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ PCTNTC của ĐNCBCC cấp xã tại địa phương.

Nội dung tuyên truyền về PCTNTC: Đối với tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã, nội dung tuyên truyền cần bám sát chức năng của công tác tư tưởng và yêu cầu thực tiễn của công tác PCTNTC ở cơ sở. Có thể khái quát thành các nội dung cơ bản sau:

Một là, tuyên truyền về quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC. Trong đó, tập trung phổ biến, quán triệt các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng về PCTNTC; làm rõ mục tiêu, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác này đối với việc xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; qua đó nâng cao nhận thức và trách nhiệm của ĐNCBCC cấp xã trong việc thực hiện nhiệm vụ ở cơ sở. Giới thiệu, phổ biến các quy định của pháp luật về PCTNTC; các quy định về kiểm soát quyền lực, minh bạch tài sản, thu nhập; trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ; các chế tài xử lý đối với hành vi TNTC.

Hai là, tuyên truyền về chuẩn mực đạo đức công vụ, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Làm rõ yêu cầu về đạo đức công vụ, liêm chính, trách nhiệm nêu gương của đội ngũ cán bộ, đặc biệt là CBCC ở cơ sở; gắn

tuyên truyền PCTNTC với giáo dục chính trị, tư tưởng và rèn luyện phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên.

Ba là, tuyên truyền về các biểu hiện, nguyên nhân và tác hại của TNTC và các nhiệm vụ, giải pháp PCTNTC. Làm rõ các biểu hiện thường gặp của TNTC trong hoạt động quản lý ở cơ sở; phân tích nguyên nhân phát sinh và những tác hại của TNTC đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, uy tín của Đảng, Nhà nước và niềm tin của nhân dân.

Bốn là, tuyên truyền về trách nhiệm và phương thức tham gia PCTNTC. Làm rõ vai trò, trách nhiệm của ĐNCBCC cấp xã trong việc phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các hành vi TNTC; hướng dẫn các biện pháp cụ thể để PCTNTC như nâng cao vai trò, trách nhiệm và tính tiên phong, gương mẫu của CBCC; thực hiện nghiêm các quy định về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ; nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực để ngăn ngừa TNTC; xây dựng văn hóa tiết kiệm, không TNLP; phát huy vai trò giám sát của nhân dân ...

Năm là, tuyên truyền về các điển hình tích cực, kết quả PCTNTC và bài học kinh nghiệm trong PCTNTC. Biểu dương người tốt, việc tốt các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong đấu tranh PCTNTC; Tuyên truyền kết quả PCTNTC của các ban, bộ, ngành, địa phương và cả nước; kết quả thanh tra, kiểm tra các vụ việc và điều tra, truy tố, xét xử các vụ án liên quan đến tham nhũng; kết quả xử lý các vụ việc, đối tượng thuộc phạm vi kiểm tra, giám sát của Đảng về PCTNTC; đồng thời rút ra các bài học kinh nghiệm từ thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống TNTC ở cơ sở.

Sáu là, tuyên truyền về công tác đấu tranh, phản bác các thông tin, quan điểm sai trái của các thế lực thù địch về công tác PCTNTC. Cung cấp thông tin tình hình về các luận điệu vu cáo, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản tử phản động, cơ hội chính trị về tình hình TNTC ở Việt Nam; âm mưu lợi dụng vấn đề TNTC để “bôi nhọ” chế độ, chống phá cách mạng Việt Nam, chia rẽ, gây mất

đoàn kết nội bộ, làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và cung cấp các luận cứ đấu tranh, phản bác sự xuyên tạc của các thế lực thù địch.

Phương thức tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã là cách thức tổ chức và tiến hành hoạt động tuyên truyền thông qua việc lựa chọn, kết hợp các hình thức, phương pháp, phương tiện phù hợp nhằm chuyển tải hiệu quả nội dung tuyên truyền đến ĐNCBCC cấp xã, góp phần hình thành nhận thức, thái độ và hành vi tích cực trong PCTNTC. Như vậy, phương thức sẽ bao gồm các yếu tố phương pháp, hình thức và phương tiện tuyên truyền.

Hình thức tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã khá đa dạng, bao gồm tuyên truyền trực tiếp và tuyên truyền gián tiếp. Tuyên truyền trực tiếp được thực hiện thông qua các hình thức như hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn, tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề, đối thoại hoặc báo cáo chuyên đề. Tuyên truyền gián tiếp được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như phát thanh, truyền hình, báo chí, internet và mạng xã hội. Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông, việc kết hợp các phương tiện truyền thông đa phương tiện sẽ góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã.

Phương pháp tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã bao gồm phương pháp tuyên truyền theo nhóm, tuyên truyền đại chúng; phương pháp thuyết trình, báo cáo, thảo luận, tọa đàm, đối thoại; phương pháp nêu gương và phương pháp trực quan thông qua tranh ảnh, tài liệu, phim tư liệu. Trong đó, các phương pháp đối thoại, tọa đàm, nêu gương và sử dụng hình ảnh, tư liệu thực tiễn được xem là phù hợp và có hiệu quả cao trong tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã.

Tuyên truyền về PCTNTC sử dụng toàn bộ các phương tiện, cơ sở vật chất của công tác tư tưởng như: tuyên truyền miệng và hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên; hệ thống giáo dục lý luận chính trị; các tổ chức và sinh hoạt, hội họp của các tổ chức; các thiết chế văn hóa văn nghệ; các phương tiện truyền thông đại chúng. Trong các phương tiện nêu trên thì các thiết

chế văn hóa văn nghệ và sinh hoạt chính trị của các tổ chức, tuyên truyền miệng của báo cáo viên, tuyên truyền viên và các phương tiện truyền thông đại chúng, phương tiện truyền thông xã hội là các phương tiện phù hợp và đem lại hiệu quả tuyên truyền.

2.2. Khái niệm, phân loại và các tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

2.2.1. Hiệu quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

Ở Việt Nam, vấn đề hiệu quả được quan tâm cả trong lĩnh vực sản xuất vật chất và sản xuất tinh thần. Trong lao động nói chung, hiệu quả lao động là năng suất lao động, được đánh giá bằng số lượng thời gian hao phí để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm, hoặc là bằng số lượng sản phẩm được sản xuất ra trong một đơn vị thời gian. Trong xã hội học, một hiện tượng, một sự biến cố có hiệu quả xã hội, tức là có tác dụng tích cực đối với một lĩnh vực xã hội, đối với sự phát triển của lĩnh vực đó. Hiệu quả của một cuộc điều tra xã hội học là kết quả tối ưu đạt được so với mục đích của cuộc điều tra đó.

Trong lĩnh vực tư tưởng cũng có nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu về hiệu quả với các mức độ khác nhau. Trong cuốn “Nguyên lý công tác tư tưởng”, tập 2, tác giả Lương Khắc Hiếu đã đưa ra khái niệm hiệu quả công tác tư tưởng như sau: “*Hiệu quả công tác tư tưởng là sự tương quan giữa kết quả đạt được do tác động tư tưởng mang lại với mục đích công tác tư tưởng được đặt ra và chi phí để đạt được kết quả đó trong một điều kiện xã hội nhất định*” [68, tr.280]. Khái niệm này có tính hợp lý vì nó phân biệt hiệu quả với chất lượng. Nếu chất lượng chỉ là sự so sánh giữa kết quả với mục đích thì hiệu quả là sự tương quan giữa kết quả với mục đích và chi phí đã bỏ ra để đạt được kết quả đó. Hiệu quả tỷ lệ với mục đích và chi phí của hoạt động tư tưởng, nếu không chi phí gì hoặc xác định mục đích quá thấp cũng không đạt được hiệu quả như mong muốn. Nếu kết quả đạt được như mong muốn nhưng chi phí quá lớn, không thể nói là hiệu quả cao. Do đó, khi đánh giá hiệu quả phải xem xét, tính toán đến tất cả những chi phí một cách tiết kiệm nhất.

Trần Thị Tùng Lâm trong luận án tiến sĩ Chính trị học, chuyên ngành công tác tư tưởng đưa ra khái niệm về *Hiệu quả giáo dục văn hóa học đường*: là tương quan giữa kết quả tiếp nhận tri thức về văn hóa học đường từ đó thay đổi nhận thức, thái độ và tính tích cực thực hiện hành vi chuẩn mực được biểu hiện khi tham gia các hoạt động thực tiễn ở đối tượng sau tác động giáo dục của chủ thể với mục đích đã xác định và cách sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn lực để đạt kết quả đó trong những điều kiện cụ thể [84].

Như vậy ở các cách tiếp cận trên, các nhà nghiên cứu đều thống nhất cho rằng hiệu quả là sự tương quan giữa kết quả đạt được với mục đích đặt ra từ trước và chi phí nguồn lực để đạt được kết quả đó trong điều kiện xã hội nhất định.

Trong bài viết *Tiêu chí và phương pháp đánh giá hiệu quả đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch*, tác giả Lương Ngọc Vĩnh đã đưa ra cách tiếp cận mới về hiệu quả như sau: “*Hiệu quả đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là kết quả thực hiện mục đích đề ra và sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn lực trong một điều kiện xã hội nhất định*” [142]. Ở khái niệm này, tác giả cho rằng hiệu quả không phải là sự tương quan giữa kết quả với mục đích và chi phí nguồn lực mà khẳng định hiệu quả chính là kết quả thực hiện mục đích đã được xác định từ trước và việc sử dụng một cách hợp lý, tiết kiệm các nguồn lực trong một điều kiện, hoàn cảnh xã hội nhất định. Với cách tiếp cận trên rất thuận lợi cho việc đánh giá hiệu quả công tác tư tưởng nói chung và hiệu quả tuyên truyền nói riêng. Trên cơ sở làm rõ mục đích, chi phí nguồn lực đã bỏ ra với kết quả đã đạt được thực tế, chúng ta dễ dàng hơn trong đánh giá hiệu quả của một hoạt động tuyên truyền. Kết quả đạt được bằng hoặc cao hơn so với mục đích đặt ra với việc sử dụng một nguồn lực được sử dụng hợp lý, tiết kiệm để đạt kết quả đó chính là hiệu quả. Ngược lại, kết quả đạt được thấp hơn với mục đích đặt ra với chi phí về nguồn lực cao là không hiệu quả.

Tuyên truyền về PCTNTC là hoạt động tuyên truyền chính trị mang tính đặc thù. Theo cuốn *Cơ sở lý luận công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, xét dưới góc độ hệ thống - cấu trúc, hiệu quả tuyên truyền PCTNTC có ba

yếu tố hợp thành gồm: mục đích, kết quả và chi phí, trong đó kết quả và chi phí là hai yếu tố đóng vai trò then chốt. Mục đích có mặt trong cấu trúc của hiệu quả không phải là yếu tố độc lập, vì bản thân nó đã là một thành tố của hoạt động tuyên truyền. Tuyên truyền về PCTNTC có nhiều mục đích khác nhau nhưng ở bình diện cá nhân, mục đích quan trọng là phải thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi của đối tượng theo mong muốn của chủ thể tuyên truyền.

Kết quả tuyên truyền về PCTNTC là hiện thực hoá của mục đích, bao gồm cả mặt số lượng và chất lượng, trong đó chất lượng đóng vai trò tiên quyết. Số buổi tuyên truyền, số lượng băng rôn, khẩu hiệu, số chương trình phát thanh, truyền hình, số bài báo được đăng, số tác phẩm văn hóa văn nghệ được công chiếu không phải là kết quả của tuyên truyền về PCTNTC mà chỉ là các công việc cần thiết để đạt tới kết quả tuyên truyền, bởi kết quả cao nhất và toàn diện nhất của tuyên truyền về PCTNTC là sự thay đổi nhận thức, niềm tin và tính tích cực chính trị - xã hội của đối tượng. Khi đối tượng có nhận thức đúng về công tác PCTNTC thì mới có niềm tin khoa học vào quyết tâm chính trị của Đảng, Nhà nước trong công tác này, từ đó mới có hành động tự giác, tích cực hành động vì lợi ích chung. Kết quả về chất lượng của hoạt động tuyên truyền phải là những chuyển biến tích cực về nhận thức, thái độ, niềm tin và tính tích cực hành động của đối tượng trong PCTNTC được định lượng bằng con số cụ thể. Kết quả tuyên truyền càng tiệm cận mục đích đặt ra cùng với chi phí các nguồn lực hợp lý thì hiệu quả tuyên truyền càng cao.

Thực tiễn cho thấy, dù là hoạt động sản xuất vật chất hay hoạt động sản xuất tinh thần cũng đều phải có chi phí hay còn được hiểu là sử dụng các nguồn lực. Mỗi hoạt động tuyên truyền cần thiết phải sử dụng một thời gian nhất định và được trang bị các phương tiện bảo đảm như: tài liệu, âm thanh, ánh sáng, hội trường, băng rôn, khẩu hiệu, các thiết bị công nghệ, người phục vụ. Hình thức tuyên truyền càng phong phú, đa dạng, sinh động, quy mô đối tượng tuyên truyền càng lớn thì càng phải chi phí nhiều. Chi phí là điều kiện cần để chủ thể tuyên truyền mở rộng quy mô tác động, sức hấp dẫn của các hình thức, thậm chí còn tác dụng khuyến khích vật chất đối với chủ thể và đối tượng.

Ở nước ta, tuyên truyền về PCTNTC là hoạt động thuộc lĩnh vực công nên phần lớn các chi phí đều do ngân sách nhà nước cấp. Tuy nhiên, đây là một hoạt động đặc thù nên tất yếu phải huy động chi phí lớn các nguồn lực. Nếu không đề cập đến hoặc bỏ qua phần chi phí, về mặt lý luận sẽ không làm rõ được bản chất của khái niệm hiệu quả, không phân biệt rõ hiệu quả với kết quả và chất lượng. Về mặt thực tiễn, nếu không quan tâm đến chi phí sẽ dẫn đến tình trạng phô trương, hình thức, lãng phí trong tuyên truyền về PCTNTC. Tuy có khó khăn nhất định trong việc hạch toán rạch ròi đầu vào, đầu ra như sản xuất, kinh doanh nhưng rất cần thiết phải tính toán chi phí để khắc phục “*bệnh hình thức*” trong tuyên truyền về PCTNTC. Thông qua các hoạt động tuyên truyền cụ thể, các chiến dịch tuyên truyền, căn cứ vào tính chất, mục đích, quy mô, đối tượng tác động, người ta có thể ước tính được chi phí cho từng hoạt động cụ thể.

Hiện nay thuật ngữ nguồn lực được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực của đời sống. Theo tác giả Đoàn Minh Huân, khi đề cập đến nguồn lực của một quốc gia thì “*Nguồn lực là toàn bộ tài sản, tài nguyên, sức mạnh vốn có sẵn sàng đưa vào sử dụng hoặc dự trữ để phục vụ cho sản xuất và đời sống con người*” [74]. Theo tác giả Lương Ngọc Vĩnh, nguồn lực được hiểu là “*tất cả những gì người ta có thể sử dụng như là những yếu tố đầu vào để sản sinh những thành quả mong muốn*” [140, tr.57]. Trong hoạt động tuyên truyền về PCTNTC cũng cần thiết phải sử dụng thuật ngữ nguồn lực để phản ánh toàn diện các chi phí cần thiết, từ đó làm căn cứ đánh giá hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC chính xác hơn. Có 2 loại nguồn lực là nguồn lực hữu hình và nguồn lực vô hình. Nguồn lực hữu hình của hoạt động tuyên truyền về PCTNTC bao gồm: nhân lực, kinh phí, phương tiện, cơ sở vật chất, thời gian, môi trường tuyên truyền, các nền tảng mạng xã hội. Các yếu tố như kinh nghiệm, kỹ năng sử dụng nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền của chủ thể,...được xem là nguồn lực vô hình. Việc sử dụng thuật ngữ nguồn lực sẽ khắc phục tình trạng đánh giá không đầy đủ, toàn diện về những chi phí cả hữu hình và

vô hình vẫn còn nhiều tranh luận trong đánh giá hiệu quả công tác tư tưởng nói chung và hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC nói riêng.

Hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC thuộc lĩnh vực tinh thần của con người, vì vậy chịu sự chi phối mạnh mẽ của hoàn cảnh, môi trường xã hội nhất định. Mỗi hoạt động tuyên truyền về PCTNTC diễn ra trong khoảng thời gian, không gian khác nhau sẽ tạo ra những hiệu quả khác nhau. Đồng thời, hiệu quả luôn nằm ở tư tưởng của mỗi cá nhân, trong khi đó hoàn cảnh thường có tác động trực tiếp đến tư tưởng, tình cảm của con người. Mức độ bền vững của hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC phụ thuộc rất lớn vào tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước, địa phương và bối cảnh khu vực, quốc tế. Do đó, khi đánh giá hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cần phải xem xét nó trong một điều kiện xác định. Không thể áp đặt hiệu quả tuyên truyền ở địa phương này với địa phương khác, đối tượng này với đối tượng khác, giai đoạn này với giai đoạn khác.

Mặc dù cấu trúc của hiệu quả gồm 3 yếu tố nhưng hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC không phải là bản thân mục đích, kết quả hay nguồn lực. Muốn đánh giá hiệu quả phải xác định kết quả, song kết quả không phải là một đại lượng độc lập mà được đặt trong mối quan hệ với mục đích và nguồn lực. Do đó khi đánh giá hiệu quả phải xem xét kết quả hoàn thành mục đích và việc sử dụng hợp lý các nguồn lực. Tính hợp lý trong sử dụng các nguồn lực cho hoạt động tuyên truyền về PCTNTC là việc huy động, khai thác một cách khoa học tiết kiệm những điều kiện hiện có và tiềm năng để thu về kết quả cao nhất, có ảnh hưởng xã hội rộng lớn nhất. Như vậy, tuyên truyền về PCTNTC đạt được mục đích đề ra và sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn lực thì đạt hiệu quả cao và ngược lại. Hiệu quả càng cao khi kết quả càng lớn và chi phí nguồn lực bỏ ra càng ít.

Từ những phân tích trên, cho thấy hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC là kết quả đạt được trong việc thực hiện mục đích tuyên truyền do các chủ thể tuyên truyền đề ra, đồng thời phản ánh mức độ sử dụng hợp lý các nguồn lực trong những điều kiện xã hội nhất định.

Mục đích cơ bản của tuyên truyền về PCTNTC là nâng cao nhận thức của đối tượng về PCTNTC; củng cố niềm tin đối với công tác PCTNTC của Đảng và Nhà nước; đồng thời phát huy tính tích cực chính trị - xã hội của các đối tượng trong tham gia đấu tranh PCTNTC. Trên cơ sở đó, có thể hiểu: *Hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC là kết quả đạt được của hoạt động tuyên truyền trong việc nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin, thúc đẩy tính tích cực chính trị - xã hội của đối tượng tuyên truyền trong PCTNTC và sử dụng hợp lý các nguồn lực để đạt kết quả đó trong những điều kiện xã hội xác định.*

Hoạt động tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã là hoạt động có mục đích của các chủ thể tuyên truyền nhằm tác động đến nhận thức, thái độ, niềm tin và tính tích cực chính trị - xã hội của đội ngũ này trong PCTNTC.

Từ những phân tích ở trên, có thể quan niệm *Hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã là kết quả đạt được của hoạt động tuyên truyền trong việc nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin, thúc đẩy tính tích cực chính trị - xã hội của ĐNCBCC cấp xã trong PCTNTC và sử dụng hợp lý các nguồn lực trong những điều kiện xã hội xác định.*

Trong nghiên cứu này, khi sử dụng thuật ngữ hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã, cần hiểu rằng ĐNCBCC cấp xã không chỉ là đối tượng của hoạt động tuyên truyền mà trong nhiều trường hợp còn là chủ thể trực tiếp tham gia tuyên truyền. Vì vậy, hiệu quả tuyên truyền được biểu hiện trước hết ở sự chuyển biến về nhận thức, thái độ và hành vi của ĐNCBCC cấp xã trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Hiệu quả tuyên truyền được xác định trên cơ sở so sánh giữa kết quả tuyên truyền đạt được với mục đích tuyên truyền đã đề ra. Khi kết quả tuyên truyền đạt được hoặc vượt mục tiêu đặt ra trong điều kiện sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn lực thì hoạt động tuyên truyền được coi là có hiệu quả; ngược lại, nếu kết quả đạt được thấp hơn mục tiêu hoặc không đạt mục tiêu đề ra thì hoạt động tuyên truyền được xem là chưa hiệu quả; hoặc kết quả tuyên truyền đạt được hoặc vượt mục tiêu đặt ra nhưng sử dụng quá lãng phí các nguồn lực cho hoạt động tuyên truyền, như vậy là chưa hiệu quả.

2.2.2. Phân loại hiệu quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

Mục đích của tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã là góp phần xây dựng văn hóa liêm chính, nâng cao quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi TNTC, qua đó giữ vững ổn định chính trị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Tuy nhiên, hiệu quả của hoạt động tuyên truyền trước hết được biểu hiện ở sự chuyển biến về nhận thức, thái độ và tính tích cực tham gia PCTNTC của ĐNCBCC cấp xã. Tùy theo các tiêu chí khác nhau, hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã có thể được phân loại như sau:

Thứ nhất, xét về quy mô, hiệu quả tuyên truyền bao gồm hiệu quả cá nhân và hiệu quả tập thể.

Hiệu quả cá nhân thể hiện ở sự chuyển biến về nhận thức, thái độ và hành vi của từng cán bộ, công chức cấp xã sau khi tiếp nhận các nội dung tuyên truyền về PCTNTC. Trong khi đó, hiệu quả tập thể phản ánh sự chuyển biến chung về nhận thức, thái độ và hành vi của tập thể cán bộ, công chức cấp xã trong một đơn vị hành chính nhất định (như xã/phường, đặc khu, tỉnh hoặc thành phố) sau quá trình tuyên truyền trong những điều kiện không gian và thời gian xác định.

Thứ hai, xét về thời gian, hiệu quả tuyên truyền bao gồm hiệu quả trước mắt và hiệu quả lâu dài.

Quá trình nhận thức của con người diễn ra theo quy luật từ chưa biết đến biết, từ thấp đến cao. Từ tri thức đến niềm tin, và từ niềm tin đến hành động tự giác, tích cực thường đòi hỏi một quá trình chuyển hóa lâu dài. Vì vậy, hiệu quả trước mắt của tuyên truyền về PCTNTC là kết quả đạt được trong khoảng thời gian ngắn, thường được đánh giá ngay sau khi kết thúc một đợt hoặc chiến dịch tuyên truyền, học tập, quán triệt các chủ trương, nghị quyết, pháp luật về PCTNTC. Ngược lại, hiệu quả lâu dài được đánh giá trong khoảng thời gian dài hơn, thường gắn với việc triển khai các chương trình, đề án, chiến lược quốc gia về PCTNTC hoặc qua các đợt sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan.

Thứ ba, xét về mục đích, hiệu quả tuyên truyền bao gồm hiệu quả tinh thần và hiệu quả thực tiễn.

Hoạt động tuyên truyền trước hết tác động đến ý thức con người, do đó hiệu quả tinh thần thể hiện ở sự thay đổi trong lĩnh vực nhận thức, thái độ, niềm tin, động cơ và trách nhiệm của ĐNCBCC cấp xã đối với công tác PCTNTC. Tuy nhiên, mục tiêu của tuyên truyền không dừng lại ở sự thay đổi trong ý thức mà phải được hiện thực hóa thành hành vi cụ thể. Vì vậy, hiệu quả thực tiễn được biểu hiện thông qua những hành động cụ thể của ĐNCBCC cấp xã như: chủ động thực hiện các giải pháp PCTNTC; tuân thủ các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tích cực phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các hành vi tham nhũng, tiêu cực; mạnh dạn cung cấp thông tin, chứng cứ cho cơ quan có thẩm quyền; đồng thời nêu gương trong thực hành liêm chính.

Thứ tư, xét về phương thức biểu hiện, hiệu quả tuyên truyền bao gồm hiệu quả trực tiếp và hiệu quả gián tiếp.

Hiệu quả trực tiếp được thể hiện ở trình độ nhận thức của ĐNCBCC cấp xã về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC; sự hiểu biết về các biểu hiện của tham nhũng, tiêu cực và các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh. Hiệu quả gián tiếp thể hiện ở sự củng cố niềm tin vào công tác PCTNTC của Đảng và Nhà nước, thái độ kiên quyết đấu tranh với tham nhũng, tiêu cực, cũng như sự chủ động và trách nhiệm của ĐNCBCC cấp xã trong việc thực hiện các nhiệm vụ PCTNTC tại địa phương.

Như vậy, xét theo các tiêu chí khác nhau, hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã có thể được phân loại thành: hiệu quả cá nhân và hiệu quả tập thể; hiệu quả trước mắt và hiệu quả lâu dài; hiệu quả tinh thần và hiệu quả thực tiễn; hiệu quả trực tiếp và hiệu quả gián tiếp. Trong thực tiễn, việc đánh giá hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC đối với ĐNCBCC cấp xã thường được xem xét chủ yếu ở phương diện cá nhân, đồng thời kết hợp đánh giá ở cả khía cạnh trước mắt và lâu dài, trực tiếp và gián tiếp, tinh thần

và thực tiễn. Đây là cơ sở quan trọng để xây dựng các tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã.

2.2.3. Tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

Do đối tượng hướng đến là mặt chính trị của con người, việc đánh giá hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã là một vấn đề quan trọng và nhạy cảm. Để xây dựng được một hệ thống tiêu chí chuẩn xác, đòi hỏi phải xuất phát từ quan niệm khoa học về hiệu quả tuyên truyền, kết hợp chặt chẽ với nguyên tắc phản ánh khách quan, trung thực và toàn diện đời sống tinh thần lẫn nhân cách của con người. Hệ tiêu chí này vừa phải khái quát được mối liên hệ nội tại giữa các lực lượng tác động và cách thức phân loại hiệu quả, vừa phải đáp ứng yêu cầu về tính định lượng, đo đếm được ở từng thời điểm xác định. Từ việc định vị rõ nội hàm khái niệm và vận dụng các lý thuyết của ngành KHXH&NV, các tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã được cụ thể hóa như sau:

2.2.3.1. Nhóm tiêu chí đánh giá kết quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Mục tiêu của tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTNTC là “*Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, ý thức chấp hành, học tập, tìm hiểu pháp luật về PCTNTC và đạo đức liêm chính; xây dựng lối sống liêm chính và tuân thủ pháp luật về PCTNTC trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân; góp phần tích cực cải thiện tình hình tham nhũng và công tác PCTNTC*” [82]. Trên cơ sở đó có thể xác định, mục tiêu của hoạt động tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã là hình thành những phẩm chất, năng lực chính trị bao gồm nhận thức về PCTNTC, thái độ, niềm tin đối với quyết tâm chính trị trong đấu tranh PCTNTC của Đảng, Nhà nước và tính tích cực chính trị - xã hội của ĐNCBCC cấp xã trong PCTNTC. Muốn đánh giá hiệu quả phải đánh giá kết quả đạt được mục tiêu tuyên truyền về PCTNTC. Căn cứ vào mục tiêu tuyên truyền về PCTNTC, có thể cụ thể hóa kết quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã thành các tiêu chí như sau:

a) Tiêu chí về nhận thức của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thông qua hoạt động tuyên truyền.

Nhận thức là sự hiểu biết và khả năng đánh giá đúng đắn của chủ thể đối với một vấn đề nhất định. Trong hoạt động tuyên truyền, sự chuyển biến về nhận thức của đối tượng tuyên truyền là biểu hiện đầu tiên và quan trọng của hiệu quả tuyên truyền. Đối với hoạt động tuyên truyền về PCTNTC, tiêu chí nhận thức của ĐNCBCC cấp xã phản ánh mức độ hiểu biết, nắm vững và nhận thức đúng đắn của đội ngũ này đối với các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về PCTNTC cũng như bản chất, nguyên nhân và hậu quả của TNTC. Tiêu chí nhận thức của ĐNCBCC cấp xã về PCTNTC có thể được cụ thể hóa thông qua các nội dung sau:

Thứ nhất, mức độ hiểu biết và nắm vững các chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về PCTNTC.

Đây là mức độ hiểu biết và nắm vững của ĐNCBCC cấp xã về mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp PCTNTC; các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và của cấp ủy, chính quyền địa phương về PCTNTC, cũng như khả năng vận dụng những hiểu biết đó trong quá trình lãnh đạo, quản lý và thực thi công vụ tại địa phương. Tiêu chí này có thể lượng hóa thông qua số lượng các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của CBCC về PCTNTC trên địa bàn cấp xã.

Thứ hai, mức độ nhận diện các biểu hiện và nguyên nhân của TNTC.

Tiêu chí này thể hiện khả năng của ĐNCBCC cấp xã trong việc nhận diện đúng các biểu hiện cụ thể của TNTC trong hoạt động công vụ và đời sống xã hội; đồng thời hiểu rõ những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến TNTC, đặc biệt là các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

Thứ ba, mức độ nhận thức về hậu quả của TNTC.

Đó là sự hiểu biết của ĐNCBCC cấp xã về những hậu quả nghiêm trọng của TNTC đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, sự ổn định chính trị, niềm tin của nhân dân và sự trong sạch, vững mạnh của hệ thống chính trị. Tiêu chí này có thể đánh giá thông qua kết quả công tác PCTNTC tại địa phương.

Thứ tư, mức độ cập nhật thông tin và nhận thức đúng về tình hình PCTNTC.

Tiêu chí này thể hiện khả năng của ĐNCBCC cấp xã trong việc nắm bắt kịp thời các thông tin mới về chủ trương, chính sách và tình hình PCTNTC của Đảng, Nhà nước và địa phương; đồng thời có nhận thức đúng đắn về bản chất các vụ việc TNTC đã được phát hiện và xử lý. Đánh giá nội dung này thông qua công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt kịp thời các văn bản mới về PCTNTC tại địa phương; đồng thời giữ thái độ kiên định trước các thông tin xuyên tạc về PCTNTC.

Thứ năm, mức độ nhận diện và đấu tranh với các quan điểm sai trái về PCTNTC.

Tiêu chí này phản ánh khả năng của ĐNCBCC cấp xã trong việc nhận diện các thông tin sai lệch, xuyên tạc về công tác PCTNTC; từ đó có lập trường và thái độ đúng đắn trong việc bảo vệ chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đánh giá mức độ này thông qua việc ĐNCBCC cấp xã kịp thời định hướng dư luận tại địa phương khi có các thông tin xuyên tạc, bôi nhọ công tác PCTNTC; và tích cực trong tuyên truyền, chia sẻ các thông tin tích cực trên các trang mạng xã hội mà CBCC cấp xã tham gia.

b) Tiêu chí về thái độ và niềm tin của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vào chủ trương, đường lối, pháp luật của Đảng và Nhà nước trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thông qua hoạt động tuyên truyền

Niềm tin chính trị là trình độ cao nhất và phức tạp nhất của thái độ con người đối với lĩnh vực chính trị. Trên cơ sở nhận thức đúng đắn về PCTNTC, thái độ và niềm tin của ĐNCBCC cấp xã đối với công tác PCTNTC của Đảng và Nhà nước được hình thành và củng cố. Đây là biểu hiện quan trọng của hiệu quả tuyên truyền, phản ánh mức độ chuyển hóa từ nhận thức thành niềm tin chính trị và lập trường tư tưởng của cán bộ. Nội dung cốt lõi của niềm tin này là sự tin tưởng vào tính đúng đắn của đường lối, chủ trương của Đảng và quyết tâm chính trị của Đảng, Nhà nước trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Tiêu chí có thể được cụ thể hóa chỉ báo sau đây:

Thứ nhất, mức độ tin tưởng vào sự đúng đắn của chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong PCTNTC.

Đây là cấp độ cao nhất, rộng lớn nhất về hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC. Về lý trí, sự tin tưởng bắt nguồn từ sự nhận thức sâu sắc sự đúng đắn và quyết tâm chính trị của Đảng, Nhà nước trong PCTNTC. Về mặt tình cảm, nó phản ánh sự kiên định của ĐNCBCC cấp xã đối với quan điểm, mục tiêu và các giải pháp PCTNTC của Đảng và Nhà nước.

Thứ hai, mức độ ủng hộ và đồng thuận của ĐNCBCC cấp xã đối với các biện pháp PCTNTC.

Tiêu chí này đo lường trạng thái tâm lý chính trị và niềm tin chính trị của ĐNCBCC cấp xã. Sự ủng hộ và đồng thuận cao là chỉ báo cho thấy các chủ trương, biện pháp PCTNTC của Đảng và Nhà nước đã thực sự thấm sâu, tạo được sự đồng điệu giữa ý chí của Đảng và lòng dân thông qua đội ngũ thực thi công vụ tại cơ sở. Các chỉ báo đo lường cụ thể: CBCC cấp xã nhận thức sâu sắc về tính đúng đắn, sự cần thiết và tính cấp bách của các biện pháp, quy định PCTNTC hiện hành; Tâm lý sẵn sàng đón nhận, không có biểu hiện co cụm, né tránh, sợ sai hoặc phản ứng tiêu cực trước các biện pháp kiểm tra, giám sát nghiêm ngặt; Chuyển hóa sự đồng thuận từ suy nghĩ thành hành động sẵn sàng tham gia triển khai các biện pháp PCTNTC trong phạm vi chức trách và nhiệm vụ được giao tại địa bàn cấp xã.

Tiêu chí này được đánh giá thông qua hành động sẵn lòng lan tỏa, bảo vệ các chủ trương PCTNTC trước các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch; sự tự nguyện phối hợp, cung cấp thông tin kịp thời khi có các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát chuyên đề; tỷ lệ tham gia hưởng ứng và đóng góp ý kiến hoàn thiện các quy chế chi tiêu nội bộ, quy trình làm việc để bịt kín lỗ hổng TNTC tại cơ quan.

Thứ ba, mức độ kiên định lập trường và thái độ đấu tranh với các quan điểm sai trái về công tác PCTNTC.

Đây là “liều thuốc thử” đối với nhận thức và niềm tin chính trị của ĐNCBCC cấp xã trong cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Đó là khả năng bảo vệ các chủ trương, quan điểm đúng đắn, đấu tranh

phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc về PCTNTC một cách khoa học, thuyết phục; có năng lực định hướng đúng trước các luồng thông tin độc hại; trong trường hợp phải lựa chọn, biết đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân. CBCC cấp xã có lập trường kiên định còn được thể hiện thông qua bản lĩnh chính trị và thái độ căm ghét trước những biểu hiện TNTC; đồng thời thể hiện sự chủ động bảo vệ chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong PCTNTC.

Trong điều kiện bình thường, các tiêu chí về thái độ và niềm tin chính trị thường khó định lượng một cách chuẩn xác. Việc đánh giá đòi hỏi phải phối hợp đa dạng các phương thức, trong đó theo dõi diễn biến, quan sát hành vi và điều tra xã hội học đóng vai trò quan trọng.

c) Tiêu chí về tính tích cực chính trị - xã hội của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thông qua hoạt động tuyên truyền

Hoạt động chính trị là những hoạt động nhằm mang lại lợi ích cho giai cấp, trong khi hoạt động xã hội hướng tới lợi ích của xã hội và cộng đồng; do đó, hoạt động chính trị - xã hội là sự kết hợp hài hòa nhằm thực hiện đồng thời cả hai lợi ích trên. Tính tích cực chính trị - xã hội của ĐNCBCC cấp xã trong PCTNTC là biểu hiện của sự chuyển hóa từ nhận thức và niềm tin thành hành động thực tiễn trong thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Tiêu chí này phản ánh mức độ chủ động, tự giác, sáng tạo và trách nhiệm của ĐNCBCC cấp xã trong tham gia triển khai các nhiệm vụ PCTNTC với ý chí quyết tâm vượt qua mọi khó khăn để đạt kết quả cao. Xét dưới góc độ tâm lý học, tính tích cực chính trị - xã hội chính là một phẩm chất nhân cách cốt lõi, phản ánh sống động trạng thái hoạt động cùng năng lực nội sinh mạnh mẽ của CBCC cấp xã, được biểu hiện cụ thể thông qua nhiều cấp độ khác nhau trong thực tiễn:

Thứ nhất, mức độ tự tu dưỡng, rèn luyện liên chính cá nhân của ĐNCBCC cấp xã.

Mục đích cao nhất của công tác tư tưởng không phải là cán bộ thuộc lòng bao nhiêu nghị quyết, mà là họ hành xử thế nào khi đứng trước cám dỗ. Tiêu chí

này đã đánh trúng vào bản chất của công tác tư tưởng: Tuyên truyền hiệu quả phải được chuyển hóa từ nhận thức thành hành động, từ vận động bên ngoài thành tự giác bên trong. Khi nhận thức đúng đắn về danh dự và liêm chính được định hình thông qua giáo dục chính trị, ĐNCBCC cấp xã sẽ tự hình thành cơ chế "tự đề kháng", tự giác khước từ các hành vi tiêu cực, những nhiễu mà không cần đến sự giám sát của cơ quan chức năng. Các biểu hiện cụ thể: Tính tiên phong, gương mẫu trong lối sống; sự minh bạch trong thực thi công vụ; chủ động, trung thực trong việc kê khai tài sản, thu nhập; ý thức tự soi, tự sửa.

Thứ hai, mức độ chủ động, tự giác và trách nhiệm của ĐNCBCC cấp xã trong thực hiện nhiệm vụ PCTNTC.

Trong công tác tư tưởng, đỉnh cao của hiệu quả tuyên truyền là biến nghĩa vụ thành nhu cầu, biến áp lực từ trên xuống thành động lực tự thân từ trong ra. Đây chính là thước đo về hành vi hành chính và tính quyết liệt trong hành động thực tế của ĐNCBCC trong PCTNTC. Biểu hiện thông qua:

Tự giác rà soát, nhận diện sớm các khâu, lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh sai phạm (đất đai, giải phóng mặt bằng, an sinh xã hội) tại địa bàn mà không đợi đơn đốc, kiểm tra.

Chuyển hóa quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức cách mạng thành nhu cầu tự thân; kiên quyết khước từ “tham nhũng vặt” và dũng cảm đấu tranh với các hành vi TNTC trong nội bộ.

Nghiêm túc thực hiện trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu; quyết liệt đối mặt, xử lý các “điểm nóng” TNTC tại cơ sở.

Thứ ba, mức độ tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến và triển khai các chủ trương, chính sách về PCTNTC.

Tiêu chí này phản ánh tính tích cực, chủ động và vai trò “cầu nối” của ĐNCBCC cấp xã trong việc đưa các nghị quyết, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước về PCTNTC vào cuộc sống. Đây là thước đo cốt lõi chuyển hóa từ nhận thức chính trị sang hành động chính trị của ĐNCBCC cấp xã. Các biểu hiện cụ thể:

CBCC cấp xã tích cực truyền tải các thông điệp, quy định về PCTNTC đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tại địa phương.

Sử dụng đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, mềm hóa các văn bản pháp luật khô khan để phù hợp với trình độ nhận thức của người dân địa phương (đặc biệt là vùng nông thôn, ven biển).

Quyết liệt trong hành động, cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên thành các kế hoạch, quy chế chi tiết, sát với đặc thù công việc của cấp xã và địa bàn quản lý.

Thứ tư, mức độ tham gia xây dựng và hoàn thiện các quy định, cơ chế phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực tại địa phương.

Tiêu chí này phản ánh trí tuệ, tinh thần trách nhiệm và tư duy quản lý chủ động của ĐNCBCC cấp xã. Việc tích cực đóng góp xây dựng thể chế tại chỗ cho thấy CBCC cấp xã không chỉ chấp hành thụ động mà đang chủ động bịt kín các lỗ hổng về cơ chế, chính sách - nguồn gốc phát sinh TNTC tại địa bàn cơ sở. Các biểu hiện cụ thể:

Chủ động nghiên cứu, phát hiện các sơ hở, bất cập trong các quy định hiện hành và tích cực đóng góp ý kiến chất lượng khi cấp trên lấy ý kiến sửa đổi pháp luật hoặc quy định của Đảng về PCTNTC.

Chủ động tham mưu, rà soát và trực tiếp xây dựng các quy chế, nội quy nội bộ sát thực tế, nhằm tự kiểm soát quyền lực ngay trong nội bộ xã.

Phát hiện kịp thời các bất cập phát sinh mới và chủ động đề xuất giải pháp, mô hình phòng ngừa mang tính đột phá lên cấp trên.

Thứ năm, mức độ chủ động tham gia đấu tranh, phát hiện và xử lý các biểu hiện tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi quản lý.

Tiêu chí này là thước đo cao nhất phản ánh bản lĩnh chính trị, tính chiến đấu và sự dân thân của ĐNCBCC cấp xã. Đây là chỉ báo định lượng cốt lõi để đánh giá xem CBCC cấp xã đã thực sự chuyển từ trạng thái nhận thức, ủng hộ sang hành động quyết liệt, trực tiếp đối diện và triệt tiêu sai phạm trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hay chưa. Các biểu hiện cụ thể:

Thẳng thắn, kiên quyết tự phê bình và phê bình; không né tránh, nể nang hay bao che cho các hành vi lệch chuẩn, biểu hiện TNTC của đồng nghiệp tại cơ quan.

Chủ động theo dõi, giám sát sát sao địa bàn và lĩnh vực được phân công phụ trách để kịp thời phát hiện, bóc tách các dấu hiệu trục lợi bất chính.

Kiên quyết xử lý hoặc tham mưu xử lý nghiêm các cá nhân vi phạm theo đúng thẩm quyền; thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ người dũng cảm tố giác tội phạm.

Để đánh giá tổng thể hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC, các tiêu chí nêu trên cần được xem xét đồng bộ trong một chỉnh thể thống nhất và có mối quan hệ biện chứng với nhau. Mặt khác, khi đánh giá từng hoạt động tuyên truyền cụ thể, việc lựa chọn tiêu chí phải dựa trên mục tiêu cốt lõi là hình thành nhận thức, thái độ, niềm tin hay hành động chính trị của đối tượng.

2.2.3.2. Nhóm tiêu chí về sử dụng các nguồn lực phục vụ hoạt động tuyên truyền phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

Trong công tác tư tưởng nói chung và tuyên truyền về PCTNTC nói riêng, hiệu quả không chỉ được đánh giá thông qua sự chuyển biến về nhận thức, niềm tin và hành vi của đối tượng tuyên truyền mà còn thông qua mức độ sử dụng hợp lý các nguồn lực để đạt được kết quả đó. Vì vậy, việc đánh giá hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã cần xem xét việc huy động và sử dụng các nguồn lực cơ bản như: nguồn nhân lực, nguồn lực tài chính - cơ sở vật chất, thời gian và việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động tuyên truyền; môi trường tuyên truyền. Việc sử dụng các nguồn lực càng hợp lý, tiết kiệm nhưng đạt được kết quả tuyên truyền cao thì hiệu quả tuyên truyền càng lớn.

a) Sử dụng nguồn nhân lực cho hoạt động tuyên truyền về phòng chống tham nhũng, tiêu cực

Nguồn nhân lực là yếu tố có ý nghĩa quyết định đối với hiệu quả tuyên truyền. Việc đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực trong tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã cần tập trung vào các nội dung sau:

Cơ cấu và sự phối hợp của đội ngũ tham gia tuyên truyền. Hiệu quả tuyên truyền phụ thuộc vào việc huy động và phối hợp giữa các lực lượng như Ban Chỉ đạo PCTNTC cấp tỉnh, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ban Nội chính, Ủy ban Kiểm

tra, Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên và lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở.

Phẩm chất và năng lực của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên. Đội ngũ này cần có kiến thức vững vàng về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC; có uy tín, phẩm chất liêm chính và khả năng sử dụng linh hoạt các phương pháp tuyên truyền phù hợp với đặc điểm của cán bộ cấp xã.

Mức độ sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực trong thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền. Điều này được thể hiện thông qua sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, phát huy đúng năng lực của từng cá nhân và sự đóng góp thực chất của đội ngũ tuyên truyền đối với kết quả tuyên truyền về PCTNTC.

b) Sử dụng thời gian, kinh phí, phương tiện và cơ sở vật chất trong tuyên truyền về phòng chống tham nhũng, tiêu cực

Hiệu quả tuyên truyền còn phụ thuộc vào việc sử dụng hợp lý các điều kiện vật chất bảo đảm cho hoạt động tuyên truyền. Việc đánh giá tiêu chí này cần xem xét các nội dung sau:

Sử dụng cơ sở vật chất và phương tiện kỹ thuật phục vụ tuyên truyền. Bao gồm việc trang bị và khai thác hiệu quả các phương tiện phục vụ tuyên truyền như hội trường, hệ thống âm thanh, máy chiếu, thiết bị công nghệ thông tin và các phương tiện trực quan phục vụ hoạt động tuyên truyền.

Sử dụng thời gian cho các hoạt động tuyên truyền. Thể hiện ở việc xây dựng kế hoạch tuyên truyền theo từng giai đoạn, phân bổ thời gian hợp lý cho các hoạt động tuyên truyền và lựa chọn thời điểm tổ chức tuyên truyền phù hợp với các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Sử dụng kinh phí cho hoạt động tuyên truyền. Được đánh giá thông qua việc lập dự toán, phân bổ và sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả, đồng thời ưu tiên các hoạt động nâng cao chất lượng tuyên truyền như bồi dưỡng báo cáo viên và xây dựng các sản phẩm truyền thông.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tuyên truyền về phòng chống tham nhũng, tiêu cực

Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyên truyền về PCTNTC trở thành yêu cầu quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả truyền đạt thông tin và mở rộng phạm vi tiếp cận của hoạt động tuyên truyền. Tiêu chí này được đánh giá thông qua các nội dung sau:

Thứ nhất, mức độ xây dựng và khai thác các kênh thông tin số phục vụ tuyên truyền, như hệ thống cổng thông tin điện tử, nhóm trao đổi trực tuyến, kho tài liệu số về PCTNTC.

Thứ hai, mức độ sử dụng các sản phẩm truyền thông số (infographic, video, tài liệu điện tử, bài giảng trực tuyến) trong hoạt động tuyên truyền.

Thứ ba, khả năng ứng dụng công nghệ số trong kiểm tra, đánh giá hiệu quả tuyên truyền, như khảo sát trực tuyến, hệ thống báo cáo điện tử và các công cụ đo lường mức độ tiếp nhận thông tin.

2.2.3.3. Xây dựng, phát huy tác dụng của môi trường xã hội khách quan

Hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC bao giờ cũng chịu sự tác động từ môi trường xã hội khách quan và được đánh giá trong những điều kiện xác định. Để đánh giá đúng hiệu quả cần tính đến việc xây dựng, phát huy tác dụng của môi trường xã hội khách quan ngay trong thời điểm cụ thể. Môi trường xã hội khách quan bao gồm: điều kiện kinh tế - xã hội, điều kiện chính trị - xã hội, điều kiện văn hóa - xã hội. Nếu điều kiện kinh tế - xã hội phát triển thuận lợi, điều kiện chính trị - xã hội luôn ổn định, điều kiện văn hóa - xã hội phát triển lành mạnh, văn minh thì sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã luôn thuận lợi, hiệu quả, tạo được niềm tin, tính tích cực cho đối tượng tuyên truyền. Việc huy động nguồn lực này thể hiện ở kết quả xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đạo đức công vụ, tinh thần thượng tôn pháp luật; duy trì bầu không khí dân chủ, công bằng, văn minh, cùng với việc cải thiện chính sách tiền lương, nâng cao thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Trong đó, chú trọng phát huy tinh thần gương mẫu, tiên phong của đội ngũ cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, nói đi đôi với làm, “*nói ít làm nhiều*”, “*làm đến cùng*”; xây dựng và thực hành văn hóa liêm chính, thực hiện tốt văn hóa công sở, văn hóa công vụ; văn hóa giao tiếp, ứng xử

của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động, xây dựng lòng tin trong nhân dân. Phát huy môi trường tuyên truyền còn thể hiện trong việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng, đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng môi trường làm việc trong sạch, lành mạnh, kỷ luật, kỷ cương, phát huy tính tự giác, tích cực, sáng tạo của mỗi cán bộ, đảng viên trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, rèn luyện đạo đức cách mạng, nâng cao lòng tự trọng, trong sạch, ngay thẳng trước mọi cám dỗ, luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức cao đẹp, thường xuyên tu dưỡng, nâng cao ý thức trách nhiệm, phòng ngừa những biểu hiện TNTC.

Như vậy có thể khẳng định rằng, hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã được đánh giá thông qua hai nhóm tiêu chí là nhóm tiêu chí về kết quả tuyên truyền và nhóm tiêu chí về sử dụng nguồn lực tuyên truyền. Trong nhóm tiêu chí về kết quả tuyên truyền được đánh giá thông qua ba nhóm tiêu chí cơ bản: nhận thức, thái độ và hành vi của đối tượng tuyên truyền. Trong đó, tiêu chí về nhận thức phản ánh mức độ hiểu biết và nắm vững chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC; tiêu chí về thái độ thể hiện niềm tin chính trị, trách nhiệm và sự ủng hộ của cán bộ đối với công tác này; còn tiêu chí về hành vi được biểu hiện ở việc chấp hành các quy định, chuẩn mực đạo đức công vụ và sự chủ động tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với các biểu hiện TNTC trong thực tiễn. Nhóm tiêu chí về sử dụng nguồn lực cho hoạt động tuyên truyền bao gồm sử dụng nguồn nhân lực; chi phí về thời gian, kinh phí, cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho hoạt động tuyên truyền; xây dựng môi trường thuận lợi cho hoạt động tuyên truyền. Hai nhóm tiêu chí này có mối quan hệ chặt chẽ, phản ánh đầy đủ sự chuyển biến từ nhận thức đến thái độ và hành vi, đồng thời là việc sử dụng hợp lý các nguồn lực tuyên truyền, qua đó tạo cơ sở khoa học để đánh giá toàn diện hiệu quả tuyên truyền trong thực tiễn.

2.3. Những yếu tố tác động đến hiệu quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

2.3.1. Môi trường xã hội khách quan

Mục đích của hoạt động tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã là góp phần hình thành ý thức pháp quyền, xây dựng văn hóa liêm chính và củng cố bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ trước những tác động tiêu cực của mặt trái kinh tế thị trường. Theo quan điểm duy vật biện chứng, ý thức xã hội nói chung và văn hóa liêm chính của cán bộ nói riêng luôn chịu sự quy định bởi các điều kiện tồn tại xã hội. Vì vậy, hiệu quả tuyên truyền không chỉ phụ thuộc vào nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền mà còn chịu sự tác động của các điều kiện địa lý, dân cư, kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội trong nước và quốc tế.

Sự tác động của môi trường xã hội khách quan đến hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã theo chiều hướng tích cực lẫn tiêu cực. Nếu môi trường xã hội khách quan có nhiều thuận lợi sẽ góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC và ngược lại khi môi trường xã hội khách quan biến động phức tạp, có nhiều tiêu cực, hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC sẽ không đạt kết quả như mong muốn. Sự phụ thuộc của hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC vào môi trường xã hội khách quan còn biểu hiện ở chỗ, kiến thức, niềm tin và tính tích cực chính trị - xã hội của đối tượng sẽ thay đổi khi điều kiện sống thay đổi.

Sự phát triển của kinh tế và khoa học - công nghệ tạo ra các nguồn lực quan trọng cho hoạt động tuyên truyền như kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và hạ tầng công nghệ thông tin. Khi điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, các hoạt động tuyên truyền có điều kiện được tổ chức bài bản, đa dạng về hình thức và hiện đại về phương tiện. Ngược lại, trong điều kiện kinh tế còn khó khăn, việc huy động các nguồn lực phục vụ cho hoạt động tuyên truyền sẽ gặp nhiều hạn chế, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền.

Môi trường xã hội khách quan tác động trực tiếp đến nhận thức và hành vi của ĐNCBCC cấp xã. Một môi trường chính trị ổn định, hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, dân chủ được mở rộng và pháp luật được tôn trọng sẽ tạo điều kiện thuận lợi để các nội dung tuyên truyền về PCTNTC thấm sâu vào

nhận thức của CBCC cấp xã. Ngược lại, nếu tại địa phương còn tồn tại các quan hệ lợi ích phức tạp, biểu hiện cục bộ, dòng họ hoặc lợi ích nhóm thì hiệu quả tuyên truyền có thể bị hạn chế, thậm chí làm nảy sinh tâm lý hoài nghi hoặc hình thức trong tiếp nhận nội dung tuyên truyền.

Môi trường xã hội khách quan tác động đến hiệu quả tuyên truyền PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã có thể được xem xét ở hai cấp độ. Môi trường hẹp là điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa và đời sống xã hội tại các địa phương nơi cán bộ cấp xã trực tiếp công tác. Môi trường rộng là bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hóa của của vùng, đất nước và quốc tế. Tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của khu vực và thế giới cũng chi phối trực tiếp đến thái độ và niềm tin của ĐNCBCC cấp xã. Các môi trường trên tác động đến hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC với mức độ và sắc thái khác nhau tùy vào tính chất, quy mô các sự kiện và sự tiếp biến thông tin của CBCC cấp xã.

Trong bối cảnh hiện nay, sự phức tạp của không gian mạng là một yếu tố tác động tiêu cực, gây cản trở trực tiếp đến hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC nói chung và đối với ĐNCBCC cấp xã nói riêng. Các thế lực thù địch thường lợi dụng việc công khai các vụ án kinh tế, tham nhũng lớn để suy diễn, đồng nhất sai phạm cá nhân thành khuyết tật mang tính hệ thống, từ đó làm phức tạp hóa nhận thức và suy giảm niềm tin chính trị của cán bộ, đảng viên, nhân dân. Những thông tin sai lệch này kích động tâm lý e ngại, sợ sai hoặc sợ chịu trách nhiệm trong thực thi công vụ, vô hình trung chuyển trạng thái làm việc của cán bộ từ chủ động, đổi mới sang phòng thủ và thụ động. Với tốc độ lan truyền nhanh, đánh vào tâm lý người dùng của mạng xã hội với phương thức cung cấp thông tin chính thống đôi khi còn mang tính hành chính, chậm hơn một nhịp; chính điều đó đã tạo ra những khoảng trống thông tin, khiến CBCC cấp xã tiếp cận với các luận điệu trái chiều đôi khi nhanh hơn các thông tin chính thống.

Vì vậy, khi đánh giá hiệu quả tuyên truyền PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả tuyên truyền, cần quán triệt

quan điểm khách quan, toàn diện và lịch sử - cụ thể; tránh các biểu hiện chủ quan, duy ý chí, tuyệt đối hóa vai trò của tuyên truyền, thoát ly điều kiện thực tế của địa phương, tỉnh và đất nước.

2.3.2. Hệ thống các văn bản quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Trong các yếu tố chi phối đến hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC, các quan điểm, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về PCTNTC giữ vai trò đặc biệt quan trọng, vừa là nhân tố định hướng, vừa tạo động lực và cơ sở bảo đảm cho hoạt động tuyên truyền.

Trước hết, các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và PCTNTC đã tạo nên định hướng chính trị thống nhất trong toàn hệ thống chính trị. Những văn bản quan trọng như các Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Quy định số 37-QĐ/TW về những điều đảng viên không được làm; Quy định số 114-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; Quy định số 131-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực trong công tác kiểm tra, giám sát; Quy định số 144-QĐ/TW về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên... cùng với các kết luận và chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTNTC đã thể hiện rõ quyết tâm chính trị của Đảng trong đấu tranh PCTNTC với tinh thần “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”. Đây là cơ sở quan trọng để hoạt động tuyên truyền có định hướng rõ ràng và sức thuyết phục cao.

Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật của Nhà nước là công cụ thể chế hóa và hiện thực hóa các chủ trương của Đảng trong công tác PCTNTC. Luật PCTN năm 2018 cùng các luật có liên quan như Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo... đã tạo ra hành lang pháp lý rõ ràng cho hoạt động phòng ngừa, phát hiện và xử lý TNTC. Việc thực thi nghiêm minh các quy định pháp luật không chỉ tạo cơ sở cho hoạt động tuyên truyền mà còn góp phần nâng cao tính răn đe, củng cố niềm tin của cán bộ và nhân dân đối với công tác PCTNTC.

Sự thống nhất giữa quyết tâm chính trị của Đảng và hệ thống pháp luật của Nhà nước tạo thành nền tảng quan trọng nâng cao tính thực tiễn và sức thuyết phục của hoạt động tuyên truyền về PCTNTC. Đây cũng là tiền đề để ĐNCBCC cấp xã củng cố niềm tin, nâng cao trách nhiệm và thực hiện hiệu quả nhiệm vụ PCTNTC tại cơ sở.

2.3.3. Các chủ thể và mối quan hệ tương tác đa chiều giữa các chủ thể tham gia tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố, trong đó hệ thống các chủ thể tuyên truyền giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Các chủ thể này không tồn tại và hoạt động một cách riêng rẽ mà nằm trong mối quan hệ tương tác đa chiều, bổ trợ và phối hợp với nhau, tạo nên sức mạnh tổng hợp của hoạt động tuyên truyền. Vì vậy, sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng và chất lượng hoạt động của từng chủ thể là yếu tố then chốt bảo đảm hiệu quả tuyên truyền PCTNTC.

Với tư cách là hoạt động có mục đích và được tổ chức có kế hoạch, chủ thể lãnh đạo, quản lý giữ vai trò quyết định trong việc tổ chức tiến hành hoạt động tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã. Ở góc độ lãnh đạo, quản lý, chủ thể là người hoạch định chủ trương, phương hướng, xác định mục tiêu, yêu cầu và phân bổ các nguồn lực cho hoạt động tuyên truyền; đồng thời kiểm tra, đánh giá, thẩm định hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC. Vì vậy, trình độ nhận thức, kỹ năng đánh giá có ảnh hưởng đến độ chính xác của hiệu quả. Ở góc độ tổ chức thực hiện, chủ thể là lực lượng trực tiếp lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp, phương tiện và thời điểm phù hợp để tiến hành tuyên truyền đối với ĐNCBCC cấp xã.

Vai trò của chủ thể còn thể hiện ở chỗ chính họ là người “thổi hồn” vào nội dung và phương pháp tuyên truyền. Nội dung dù phong phú, phương tiện dù hiện đại nhưng nếu chủ thể không biết khai thác và sử dụng phù hợp thì hiệu quả tuyên truyền sẽ bị hạn chế. Đồng thời, chủ thể tuyên truyền còn có vai trò nêu gương đối với đối tượng tuyên truyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: “*Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền*” [88, tr. 284]. Chính vì vậy, sự mẫu mực trong phẩm chất

đạo đức, lối sống và tác phong công tác của chủ thể tuyên truyền có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao sức thuyết phục của hoạt động tuyên truyền.

Hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã không phụ thuộc vào chủ thể nói chung mà chịu sự tác động của số lượng và chất lượng của đội ngũ chủ thể. Số lượng chủ thể đầy đủ đảm bảo cho hoạt động tuyên truyền về PCTNTC được đồng bộ, hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, cá nhân. Sự thiếu hụt về số lượng dẫn đến phải kiêm nhiệm, làm thay, công việc không có chiều sâu, làm giảm tính hiệu quả. Tuy nhiên, yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp và sâu sắc nhất là phẩm chất và năng lực của chủ thể tuyên truyền. Trình độ chuyên môn, năng lực tổ chức, khả năng thuyết phục, cùng với sự gương mẫu về đạo đức, lối sống và tinh thần trách nhiệm sẽ quyết định chất lượng và hiệu quả của hoạt động tuyên truyền.

Như vậy, các chủ thể tham gia tuyên truyền PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã tạo thành một hệ thống đa dạng, bao gồm các chủ thể lãnh đạo, quản lý; chủ thể tham mưu, tổ chức thực hiện và chủ thể giám sát. Hiệu quả của hoạt động tuyên truyền không phải là kết quả của một chủ thể riêng lẻ mà là sản phẩm của sự phối hợp chặt chẽ, tương tác đa chiều giữa các chủ thể đó. Việc xây dựng và phát huy vai trò của hệ thống chủ thể đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, đồng thời bảo đảm cơ chế phối hợp đồng bộ sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp, góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã.

2.3.4. Sự phù hợp của mục đích và tính khoa học, phong phú của nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Mục đích là căn cứ xác định kết quả của hoạt động tuyên truyền và có ảnh hưởng trực tiếp đến tính chất, quy mô cũng như hiệu quả của hoạt động này. Tùy theo mục đích cụ thể của từng hoạt động tuyên truyền về PCTNTC mà hiệu quả đạt được có thể biểu hiện ở tri thức, niềm tin hoặc hành vi của đối tượng. Nếu mục đích được xác định đúng đắn, phù hợp với đặc điểm của đối tượng và điều kiện thực tiễn thì hoạt động tuyên truyền sẽ đạt hiệu quả

cao; ngược lại, nếu mục đích đặt ra quá cao hoặc quá thấp so với khả năng thực hiện thì hiệu quả sẽ bị hạn chế.

Đối với ĐNCBCC cấp xã, mục đích cao nhất của hoạt động tuyên truyền về PCTNTC là góp phần chuyển hóa tri thức về PCTNTC thành thái độ kiên quyết đấu tranh chống TNTC và hình thành hành vi Liêm chính trong thực thi công vụ. Để đạt được mục đích đó cần cụ thể hóa thành các mục tiêu phù hợp với từng hoạt động tuyên truyền, đồng thời gắn với năng lực của chủ thể, đặc điểm của đối tượng và khả năng huy động nguồn lực của địa phương.

Nội dung tuyên truyền là hệ thống tri thức, quy định và kinh nghiệm thực tiễn về PCTNTC, đóng vai trò là “nguyên liệu” của hoạt động tuyên truyền. Thông qua các hình thức, phương pháp và phương tiện phù hợp, nội dung tuyên truyền sẽ được chuyển hóa thành nhận thức, niềm tin và thái độ chính trị - xã hội của đối tượng. Vì vậy, nội dung tuyên truyền cần bảo đảm tính Đảng, tính khoa học, tính logic và tính thực tiễn; đồng thời phải cập nhật, thiết thực và phù hợp với trình độ nhận thức của ĐNCBCC cấp xã, tránh tình trạng khô cứng, nặng về lý thuyết.

Hình thức và phương pháp tuyên truyền là công cụ trực tiếp chuyển tải nội dung đến đối tượng. Sự đa dạng và linh hoạt của các hình thức, phương pháp tuyên truyền không chỉ giúp nâng cao khả năng tiếp nhận thông tin mà còn tạo ra sự tác động đồng thời đến lý trí và tình cảm của ĐNCBCC cấp xã. Việc vận dụng linh hoạt các hình thức và phương pháp tuyên truyền cũng cho phép phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng tham gia, mở rộng không gian và thời gian tuyên truyền, đồng thời tận dụng những tiến bộ của khoa học - công nghệ trong hoạt động này.

2.3.5. Tính đồng bộ, hiện đại của phương tiện, cơ sở vật chất - kỹ thuật và việc sử dụng các nguồn lực trong hoạt động tuyên truyền

Phương tiện và cơ sở vật chất - kỹ thuật là điều kiện vật chất bảo đảm cho hoạt động tuyên truyền về PCTNTC được triển khai hiệu quả. Tính đồng bộ và hiện đại của các phương tiện này góp phần hỗ trợ việc vận dụng các

hình thức, phương pháp tuyên truyền, nâng cao tính hấp dẫn của nội dung, đồng thời giảm bớt cường độ lao động của chủ thể và đối tượng trong quá trình truyền đạt và tiếp nhận thông tin.

Các phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ tuyên truyền bao gồm hệ thống âm thanh, ánh sáng, thiết bị trình chiếu, các phương tiện thông tin đại chúng, các nền tảng truyền thông số và mạng xã hội, cùng các thiết chế văn hóa và nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động tuyên truyền. Những yếu tố này không chỉ cần bảo đảm đầy đủ, đồng bộ mà còn phải phù hợp với nội dung, hình thức tuyên truyền, trình độ của chủ thể và đặc điểm của đối tượng.

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và sự phát triển mạnh mẽ của truyền thông số, các phương tiện truyền thông hiện đại và nền tảng mạng xã hội ngày càng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC. Việc khai thác hiệu quả các phương tiện này sẽ góp phần nâng cao tính hấp dẫn, tính cập nhật và phạm vi tác động của hoạt động tuyên truyền.

Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng các phương tiện, cơ sở vật chất phụ thuộc nhiều vào năng lực vận hành của chủ thể tuyên truyền. Nếu phương tiện hiện đại nhưng không được khai thác đúng mức thì hiệu quả tuyên truyền sẽ bị hạn chế. Vì vậy, việc đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật cần đi đôi với nâng cao năng lực sử dụng và phát huy hiệu quả các nguồn lực trong hoạt động tuyên truyền.

2.3.6. Những đặc điểm tâm lý - xã hội của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

Hoạt động tuyên truyền về PCTNTC về bản chất là hoạt động tác động đến nhận thức, tình cảm và ý chí của con người. Vì vậy, ĐNCBCC cấp xã không chỉ là đối tượng tiếp nhận thông tin tuyên truyền mà còn là chủ thể tích cực trong quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện nhằm phòng ngừa và đấu tranh với các biểu hiện TNTC.

Quá trình tiếp nhận thông tin tuyên truyền của ĐNCBCC cấp xã chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố xã hội - nhân khẩu học như trình độ học vấn, độ tuổi, thâm niên công tác, điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục tập quán, cũng như các yếu tố tâm lý cá nhân như hệ thống giá trị, thái độ chính trị, động cơ công tác và

mức độ tích cực xã hội. Chính vì vậy, cùng một nội dung tuyên truyền nhưng hiệu quả đạt được ở các đối tượng khác nhau có thể không giống nhau.

Trong các yếu tố đó, nhu cầu và lợi ích chính trị - xã hội của CBCC cấp xã có ảnh hưởng đặc biệt quan trọng đến hiệu quả tuyên truyền. Việc tiếp thu tri thức về PCTNTC thường gắn với nhận thức về lợi ích và trách nhiệm của cá nhân trong thực thi nhiệm vụ. Khi CBCC cấp xã nhận thấy nội dung tuyên truyền có ý nghĩa thiết thực đối với công việc và lợi ích của mình, họ sẽ tích cực tiếp nhận và chuyển hóa tri thức thành niềm tin và hành động.

Quá trình chuyển hóa tri thức về PCTNTC thành niềm tin và hành vi liêm chính là quá trình lâu dài, đòi hỏi sự kết hợp giữa giáo dục của tổ chức với sự tự giác rèn luyện của mỗi CBCC cấp xã. Khi tri thức được củng cố bằng trải nghiệm thực tiễn và gắn với tình cảm chính trị, nó sẽ trở thành niềm tin vững chắc, từ đó thúc đẩy cán bộ hành động phù hợp với chuẩn mực đạo đức công vụ. Đây cũng chính là mục tiêu cao nhất của hoạt động tuyên truyền về PCTNTC.

Có thể thấy rằng, hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã không phải là kết quả của một yếu tố đơn lẻ mà là sản phẩm của sự tác động tổng hợp của nhiều yếu tố khác nhau. Trong đó, hệ thống các chủ thể tuyên truyền và sự phối hợp giữa các chủ thể giữ vai trò định hướng và tổ chức; sự phù hợp của mục đích cùng tính khoa học, thiết thực của nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền là nhân tố trực tiếp quyết định chất lượng tác động; điều kiện phương tiện, cơ sở vật chất - kỹ thuật và việc sử dụng các nguồn lực là yếu tố bảo đảm cho hoạt động tuyên truyền được triển khai hiệu quả; còn những đặc điểm tâm lý - xã hội của ĐNCBCC cấp xã lại chi phối quá trình tiếp nhận và chuyển hóa thông tin tuyên truyền thành nhận thức, thái độ và hành vi trong thực tiễn. Sự kết hợp đồng bộ các yếu tố này tạo nên cơ sở quan trọng để nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC ở cấp cơ sở.

Tiểu kết Chương 2

Trong chương này, luận án đã tập trung làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về tuyên truyền và hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC đối với ĐNCBCC cấp xã. Trên cơ sở kế thừa các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư

tướng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng về công tác tuyên truyền, luận án đã phân tích, làm rõ khái niệm và các yếu tố cấu thành hoạt động tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã. Đồng thời, luận án đã xác định hệ thống tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền, bao gồm các tiêu chí về nhận thức, thái độ, niềm tin, tính tích cực chính trị - xã hội của đối tượng tuyên truyền và nguồn lực sử dụng cho hoạt động tuyên truyền.

Bên cạnh đó, chương này cũng phân tích các yếu tố chủ yếu tác động đến hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC, như: điều kiện kinh tế - xã hội, quyết tâm PCTNTC của Đảng và Nhà nước, hệ thống các chủ thể tuyên truyền và sự phối hợp giữa các chủ thể; sự phù hợp của mục đích, nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền; điều kiện phương tiện, cơ sở vật chất - kỹ thuật và việc sử dụng các nguồn lực; cùng với những đặc điểm tâm lý - xã hội của ĐNCBCC cấp xã. Những kết quả nghiên cứu lý luận trong chương này tạo cơ sở khoa học và phương pháp luận quan trọng cho việc khảo sát, phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã trong các chương tiếp theo của luận án.

Chương 3

HIỆU QUẢ TUYÊN TRUYỀN VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ Ở CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG DUYÊN HẢI BẮC BỘ VIỆT NAM - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Đặc điểm tự nhiên, xã hội và đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở các tỉnh, thành phố vùng Duyên hải Bắc Bộ

3.1.1. Đặc điểm địa lý tự nhiên, kinh tế, chính trị

VDHBB giữ vị trí địa chính trị, kinh tế và quốc phòng đặc biệt quan trọng, đóng vai trò là cửa ngõ chiến lược hướng ra biển của toàn bộ khu vực miền Bắc Việt Nam. Từ ngày 01/7/2025, sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấu trúc động lực của vùng đã có sự hội tụ mạnh mẽ vào ba cực tăng trưởng cốt lõi là Quảng Ninh, Hải Phòng và Ninh Bình. Tổng diện tích của ba địa phương nghiên cứu, khảo sát là 13.345,21 km², dân số là 10.573.835 người, chiếm 39,8% dân số vùng đồng bằng sông Hồng.

Về kinh tế, năm 2025, VDHBB khẳng định vị thế là vùng kinh tế tổng hợp năng động nhất cả nước với sự đóng góp vượt trội của ba địa phương trọng điểm. Với tốc độ tăng trưởng GRDP ấn tượng (Quảng Ninh 11,89%, Hải Phòng 11,81%, Ninh Bình 10,65%) cùng sự gia tăng kỷ lục về thu ngân sách, VDHBB hiện là tâm điểm thu hút các dòng vốn FDI và đầu tư tư nhân. Sự bứt phá này phản ánh sự chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa với tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ chiếm ưu thế tuyệt đối trong cơ cấu GRDP, tiêu biểu như Quảng Ninh đạt 50.8% và Ninh Bình đạt 48.2% ở khu vực dịch vụ. Sự gia tăng này là kết quả trực tiếp của việc khơi thông các điểm nghẽn về thể chế quản trị và tháo gỡ khó khăn pháp lý đất đai, tạo điều kiện cho các dòng vốn FDI và đầu tư ngoài ngân sách đổ mạnh vào khu vực.

Là địa phương tiên phong đổi mới thể chế, Quảng Ninh đã hiện thực hóa mô hình chính quyền đô thị hiện đại thông qua việc tinh gọn đầu mối và sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã. Việc thu gọn bộ máy, đặc biệt tại các địa

bàn trọng yếu về quốc phòng, an ninh, giúp tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng đồng bộ; đồng thời thúc đẩy chuyển đổi mạnh mẽ sang quản trị số tại các đơn vị cấp xã trên địa bàn tỉnh. Sau sáp nhập, Quảng Ninh đã xây dựng thành công hệ thống hành chính xuyên suốt, phục vụ đắc lực cho mục tiêu phát triển kinh tế “02 con số” và vận hành chính quyền địa phương hai cấp đồng bộ, hiệu quả.

Đặc điểm chính trị nổi bật của Hải Phòng mới sau sáp nhập được định vị bằng chiến lược cốt lõi “Tinh giản thể chế để giải phóng nguồn lực”. Với mô hình chính quyền 02 cấp hoạt động hiệu quả đóng vai trò là bệ đỡ thể chế vững chắc, trực tiếp khơi thông các dòng vốn đầu tư công, tập trung hóa nguồn lực phát triển hạ tầng logistics và các đặc khu kinh tế, phục vụ tối đa cho mục tiêu chiến lược đưa Hải Phòng bứt phá trở thành một đại đô thị hàng hải thông minh, một trung tâm kinh tế biển có tầm vóc cạnh tranh trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Sự hợp nhất địa giới ba tỉnh Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam nhằm phục vụ chiến lược kiến tạo “Đô thị di sản thiên niên kỷ”. Việc sáp nhập các tỉnh đã xóa bỏ tình trạng phân chia địa giới hành chính, thiết lập cơ chế quản lý tập trung, thống nhất toàn bộ vùng lõi và vùng đệm của Di sản thế giới Tràng An. Sau sáp nhập, bộ máy tổ chức được tối ưu hóa theo hướng tinh gọn và chuyên môn hóa sâu về quản trị du lịch, bảo tồn. Nhằm hiện thực hóa chiến lược phát triển mới, tỉnh ưu tiên bố trí cán bộ có chuyên môn sâu về văn hóa, môi trường vào vị trí then chốt đã giúp năng lực thực thi của chính quyền cấp xã được nâng tầm, giải quyết hiệu quả mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế và gìn giữ giá trị cốt lõi của cố đô Hoa Lư.

Tóm lại, VDHBB với hạ tầng giao thông đồng bộ và kinh tế mở (biển, công nghiệp, dịch vụ) tạo điều kiện tối ưu để hiện đại hóa phương thức tuyên truyền, ứng dụng công nghệ số và tăng cường liên kết vùng. Đồng thời, nền tảng chính trị ổn định và dân trí cao giúp ĐNCBCC cấp xã nhanh chóng tiếp thu các chủ trương, pháp luật của Đảng và Nhà nước về PCTNTC, nâng cao hiệu quả tự rèn luyện đạo đức công vụ và xây dựng văn hóa liêm chính.

Bên cạnh đó, sự năng động của kinh tế thị trường cùng áp lực từ đô thị hóa, sáp nhập địa giới hành chính và quản lý đất đai ven biển làm gia tăng nguy cơ phát sinh TNTC. Thực tế này đòi hỏi nội dung tuyên truyền phải

thoát ly lý thuyết chung chung, trực diện bám sát các “điểm nóng” ở cơ sở; mặt khác, những xáo trộn về tổ chức bộ máy hành chính thời gian qua cũng làm giảm tính liên tục, chiều sâu của công tác giáo dục liên chính tại địa phương, do đó yêu cầu cấp thiết phải nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã trong thời gian tới.

3.1.2. Đặc điểm về văn hóa, xã hội

Không gian văn hóa VDHBB đại diện cho một hệ sinh thái nhân văn đa dạng, nơi giao thoa giữa nền văn minh lúa nước châu thổ sông Hồng và văn hóa biển năng động. Đặc trưng nổi bật là nền văn minh lúa nước lâu đời, hệ thống tín ngưỡng thờ cúng thủy thần/thành hoàng làng phong phú, cùng tính cố kết cộng đồng chặt chẽ của cư dân ven biển. Tại Quảng Ninh, bản sắc văn hóa được định hình bởi sự kết hợp đặc sắc giữa truyền thống “kỷ luật và đồng tâm” của giai cấp công nhân vùng mỏ với văn hóa biển và sắc thái đa dạng của 43 dân tộc thiểu số. Tính cách kiên cường, bất khuất của người dân nơi đây không chỉ ảnh hưởng đến tư duy kinh tế mà còn thấm thấu vào nghệ thuật. Văn hóa Hải Phòng mới là sự tích hợp giữa tính động của văn hóa biển và tính bền vững của văn hóa đồng bằng. Đây là một chỉnh thể văn hóa mở, vừa giữ nguyên cái “gai góc, cá tính” đặc trưng của người dân đất Cảng, vừa gia tăng chiều sâu văn hiến để tự tin định vị mình trên bản đồ các đô thị di sản và phát triển của khu vực. Tỉnh Ninh Bình, trong cấu trúc hành chính mới sau hợp nhất, đã trở thành trung tâm của “kinh tế di sản” và các trầm tích lịch sử xuyên thế kỷ. Đây là sự chuyển mình từ một tỉnh mang đậm tính chất nông nghiệp sang một Đại đô thị di sản sở hữu danh hiệu kép đầu tiên của Việt Nam.

Đặc biệt là những đặc điểm tâm lý xã hội sau đây có ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã tại VDHBB:

Một là, tâm lý nể nang do tính gắn kết cộng đồng, dòng họ quá chặt chẽ.

Cơ cấu xã hội nông thôn VDHBB đan xen chặt chẽ giữa trục dọc (huyết thống, gia tộc) và trục ngang (thiết chế làng xã, xóm giềng). Sống trong không gian văn hóa trọng tình, CBCC cấp xã chịu áp lực lớn từ dư luận xã hội và hệ ý thức cục bộ “Một người làm quan cả họ được nhờ”. Khi triển khai tự phê bình

và phê bình, xu hướng “dĩ hòa vi quý”, bao che, né tránh xuất hiện phổ biến. Việc vạch trần sai phạm của đồng nghiệp (thường là họ hàng, người cùng làng) dễ bị cộng đồng định kiến là “cạn tình, bất nghĩa”. Nội dung tuyên truyền mang tính lý luận chung dễ bị tiếp nhận thụ động, hình thức và “bất lực” trước các quy chuẩn đạo đức dòng họ. Vì vậy, hoạt động tuyên truyền về PCTNTC cần phải cung cấp luận điểm sắc bén để CBCC cấp xã phân định rõ ranh giới giữa tình nghĩa chính đáng và sự dung túng vi phạm pháp luật.

Hai là, sự biến tướng của phong tục “quà cáp” trong lễ hội, hiếu hỉ.

Mật độ phong tục, lễ hội và nghi lễ dày đặc tại VDHBB bị kinh tế thị trường tác động, làm biến tướng hành vi tặng quà truyền thống thành vỏ bọc tinh vi cho các hành vi trục lợi kinh tế và chính trị. Các hành vi chạy chọt, biếu xén được “văn hóa hóa” thông qua các dịp hiếu hỉ, lễ Tết, hội làng. Điều này tạo tâm lý ở CBCC cấp xã coi hành vi tiêu cực là hành vi “đối nhân xử thế” thông thường. Từ đó, sẽ làm giảm tính nhạy bén và năng lực tự đề kháng của CBCC cấp xã. Do vậy, yêu cầu hoạt động tuyên truyền về PCTNTC phải giúp nhận diện đúng các biểu hiện của TNTC và xây dựng văn hóa liêm chính cho ĐNCBCC cấp xã.

Ba là, tâm lý cục bộ địa phương, “phép vua thua lệ làng”.

Tư duy tự trị lâu đời “phép vua thua lệ làng” dịch chuyển thành tâm lý cục bộ địa phương, ích kỷ bè phái trong quản trị hiện đại. Do phần lớn CBCC cấp xã là người địa phương, nếp nghĩ cũ và thói quen thỏa hiệp thường lấn át tư duy thượng tôn pháp luật. Khi xử lý các sai phạm (như vấn đề đất đai, ngân sách, chính sách), CBCC cấp xã có xu hướng “đóng cửa bảo nhau”, xử lý nội bộ theo quy ước ngầm thay vì áp dụng chế tài pháp lý. Hậu quả là tạo ra tâm lý xem nhẹ tính nghiêm minh của luật pháp, coi các quy định PCTNTC là vĩ mô, chỉ áp dụng cho cấp trên. Từ thực tiễn đó, hoạt động tuyên truyền về PCTNTC phải kết hợp nhuần nhuyễn giữa việc khẳng định tinh thần thượng tôn pháp luật với việc khai thác, chuyển hóa các hương ước tiến bộ làm bệ đỡ đưa giá trị liêm chính thấm sâu vào ĐNCBCC cấp xã.

Tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã VDHBB không thể tách rời các đặc điểm văn hóa của vùng. Hiệu quả tuyên truyền chỉ đạt được

cao nhất khi biết lấy cái đẹp dẹp cái xấu, khơi dậy tinh thần hiếu học, chuộng liêm sỉ, bản lĩnh ngay thẳng, cương trực của tiền nhân; đồng thời khéo léo đấu tranh, chuyển hóa những thói quen nề nang, bao che mang tính cục bộ làng xã, dòng họ. Văn hóa phong phú, đặc sắc của VDHHBB chính là nguồn lực nội sinh mạnh mẽ để xây dựng ĐNCBCC cấp xã thực sự “liêm chính, chí công vô tư”.

3.1.3. Đặc điểm đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở các tỉnh, thành phố vùng Duyên hải Bắc Bộ

3.1.3.1. Tổ chức cấp xã tại địa bàn nghiên cứu

Theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội Về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và các nghị quyết riêng cho từng địa phương, số lượng các đơn vị hành chính cấp xã của các tỉnh, thành phố được tổ chức như sau:

- Thành phố Hải Phòng có 114 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 67 xã, 45 phường và 02 đặc khu.
- Tỉnh Quảng Ninh có 54 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 22 xã, 30 phường và 02 đặc khu.

- Tỉnh Ninh Bình có 129 đơn vị hành chính cấp xã gồm 97 xã và 32 phường.

Như vậy, từ ngày 01/7/2025, 03 tỉnh, thành phố VDHHBB có tổng số 297 xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã).

3.1.3.2. Số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

Số liệu thống kê đến ngày 30/9/2025 cho thấy tổng số CBCC cấp xã (theo tiêu chí phân loại trong chương 2 của luận án) tại ba địa bàn khảo sát là 2.079 người, được phân bổ tương ứng với quy mô đơn vị cấp xã tại mỗi tỉnh, thành phố. Trong đó, tỉnh Ninh Bình có số lượng CBCC cấp xã đông đảo nhất (903), tiếp theo là Hải Phòng (798) và Quảng Ninh (378).

Trong phạm vi luận án, tác giả tiến hành khảo sát đối với 400 CBCC cấp xã của Hải Phòng, Quảng Ninh, Ninh Bình, kết quả như sau:

Bảng 3.1. Bảng số lượng, chất lượng CBCC cấp xã trong mẫu khảo sát

Nhóm xã hội		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	223	55,8
	Nữ	177	44,2
Trình độ học vấn	Đại học	109	27,2
	Sau đại học	291	72,8
Trình độ lý luận chính trị	Trung cấp	75	18,8
	Cử nhân/cao cấp	325	81,2
Trình độ quản lý nhà nước	Chuyên viên	66	16,5
	Chuyên viên chính	334	83,5
Thâm niên trong hệ thống chính trị	Từ 10-20 năm	120	30,0
	Từ 20 năm trở lên	280	70,0

Nguồn: Kết quả khảo sát của luận án

Phân tích từ bảng số liệu trên cho thấy một số điểm nổi bật về chất lượng đội ngũ CBCC cấp xã:

Thứ nhất, về trình độ

Trình độ chuyên môn: Có tới 72,8% cán bộ đạt trình độ sau đại học, trình độ Đại học chiếm 27,2%. Điều này cho thấy các tỉnh, thành phố VDHBB rất chú trọng đến công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, xây dựng ĐNCBCC cấp xã để tạo nguồn nhân lực tốt nhằm đáp ứng yêu cầu của chính quyền địa phương 2 cấp.

Về trình độ lý luận chính trị: Phần lớn CBCC cấp xã (81,2%) có bằng cử nhân hoặc cao cấp lý luận chính trị, 18,8% có trình độ trung cấp. Số liệu trên cho thấy công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo dục chính trị tư tưởng được các tỉnh, thành phố VDHBB rất quan tâm, coi trọng, nhằm xây dựng ĐNCBCC cấp xã vừa “hồng” vừa “chuyên”, vững vàng về bản lĩnh chính trị.

Trình độ quản lý nhà nước: Đáng chú ý, có 83,5% CBCC cấp xã là chuyên viên chính. Chỉ số này cho thấy năng lực thực thi công vụ và quản trị hành chính của ĐNCBCC cấp xã đã được nâng tầm vượt xa tiêu chuẩn cơ bản của cán bộ cấp xã trước đây.

Thứ ba, thâm niên công tác trong hệ thống chính trị

Có tới 70% cán bộ có thâm niên công tác trong hệ thống chính trị từ 20 năm trở lên. Với tỷ lệ CBCC cấp xã có thâm niên làm việc cao là một thuận lợi

để CBCC cấp xã giải quyết công việc thấu tình đạt lý, dễ dàng tạo dựng sự đồng thuận cao, đồng thời kinh nghiệm dày dặn tích lũy qua nhiều nhiệm kỳ tạo bản lĩnh ứng phó nhanh chóng, khéo léo với các điểm nóng phát sinh, từ đó khẳng định uy tín chính trị vững vàng và trở thành điểm tựa niềm tin thúc đẩy việc vận động, triển khai hiệu quả các chủ trương, chính sách tại địa phương.

3.1.3.3. Đánh giá chung

Qua nghiên cứu thực trạng ĐNCBCC cấp xã ở ba tỉnh, thành phố VDHBB (qua mẫu khảo sát), có thể rút ra một số nội dung mang tính định hướng cho việc nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC đối với ĐNCBCC cấp xã như sau:

Một là, ĐNCBCC cấp xã ở các tỉnh, thành phố VDHBB có năng lực tư duy và bản lĩnh chính trị tốt, là nền tảng thuận lợi để tiếp nhận các nội dung tuyên truyền về PCTNTC chuyên sâu.

Hai là, có sự giao thoa giữa kinh nghiệm thực tiễn và áp lực đổi mới mô hình quản trị tại các tỉnh, thành phố VDHBB.

Từ các phân tích trên cho thấy, ĐNCBCC cấp xã ở các tỉnh, thành phố VDHBB không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn có đủ năng lực để trở thành chủ thể chủ động trong hoạt động tuyên truyền về PCTNTC. Với trình độ nhân sự “vượt chuẩn” như trên đặt ra yêu cầu cao với nội dung tuyên truyền phải thoát ly khỏi tính hình thức, chuyển mạnh sang các chuyên đề dự báo và nhận diện sai phạm tinh vi trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp hiện nay.

3.2. Thực trạng hiệu quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở các tỉnh, thành phố vùng Duyên hải Bắc Bộ từ năm 2019 đến nay

3.2.1. Kết quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã thông qua hoạt động tuyên truyền

Trong thời gian qua, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Trung ương và sự triển khai đồng bộ tại các địa phương VDHBB, hoạt động tuyên truyền về PCTNTC được quan tâm đẩy mạnh, tạo cơ hội cho cán bộ, đảng viên và nhân dân được

tiếp cận thông tin về các chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC đầy đủ, kịp thời. Từ đó trực tiếp nâng cao nhận thức, thái độ, niềm tin và tính tích cực chính trị - xã hội của ĐNCBCC cấp xã trong PCTNTC; từng bước hiện thực hóa mục tiêu “*ngăn chặn, đẩy lùi TNTC, góp phần xây dựng xã hội dân chủ, kỷ cương, liêm chính; giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội*” [40].

3.2.1.1. *Những chuyển biến tích cực về nhận thức, thái độ, niềm tin và tính tích cực chính trị - xã hội của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã so với mục tiêu tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực*

a) *Nhận thức của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã về PCTNTC*

- *Mức độ ĐNCBCC cấp xã hiểu biết và nắm vững các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC*

Đây chính là thước đo trình độ nhận thức, khả năng làm chủ và năng lực vận dụng đường lối, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước về PCTNTC vào thực tiễn quản lý địa phương của ĐNCBCC cấp xã. Trong những năm qua, ĐNCBCC cấp xã ở các tỉnh, thành phố VDHBB đã tiếp cận, cập nhật và hiểu đúng, hiểu đủ tinh thần các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về PCTNTC và các văn bản chỉ đạo của tỉnh ủy, thành ủy về PCTNTC. Đồng thời, có khả năng chuyển hóa nhận thức thành hành động cụ thể; biết cách tự bảo vệ mình trước cám dỗ, biết cách tổ chức thực hiện, giám sát và kiểm tra công tác PCTNTC tại địa bàn cơ sở. Từ số liệu khảo sát cho thấy, phần lớn CBCC cấp xã có sự hiểu biết và nắm vững các văn bản về PCTNTC. Cụ thể, 90,25% CBCC có “mức độ hiểu biết và nắm vững quan điểm, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về PCTNTC” là “tốt” và “rất tốt”. Khi đi vào đánh giá sự hiểu biết (bao gồm mức độ hiểu biết và rất hiểu biết) đối với một số văn bản cụ thể, kết quả như sau: Luật PCTN năm 2018 (88,5%); Chỉ thị số 27-CT/TW về công tác bảo vệ người tố cáo, người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống TNLPTC (84,5%); Kết luận số 12-KL/TW về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PTNTC (82,3%); Quy định số 69-QĐ/TW, về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm (87%); Quy định số

114-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực và PCTN trong công tác cán bộ (86,5); Quy định số 131-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực, PCTNTC trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động (80,3%); ... Trong đó, mức độ hiểu biết đối với các văn bản chỉ đạo của tỉnh, thành phố về PCTNTC chiếm tỷ lệ cao nhất là 86,3% [Phụ lục 4, bảng 1.4].

Đây chính là nền tảng cốt lõi để đảm bảo việc thực thi công vụ đúng định hướng, đồng thời củng cố niềm tin và sự thống nhất ý chí đối với quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước trong PCTNTC.

- Mức độ ĐNCBCC cấp xã nhận diện đúng các biểu hiện cụ thể của TNTC và hiểu rõ những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến TNTC

Phần lớn CBCC cấp xã có khả năng phân tích, nắm vững các nguyên nhân, nhận diện rõ các hành vi TNTC, các biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và các chế tài xử lý theo quy định.

Về nhận diện các hành vi TNTC, cao nhất là 99,0% CBCC trả lời “tham ô tài sản, nhận hối lộ” là hành vi tham nhũng; thấp nhất là 80,0% trả lời “Nói, viết, thực hiện không đúng hoặc không thực hiện, thực hiện không đầy đủ chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước” là hành vi tiêu cực [Phụ lục 4, bảng 1.3]. Kết quả trên phần nào phản ánh hiệu quả tuyên truyền trong việc trang bị kiến thức pháp luật về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã.

Về nhận diện nguyên nhân của TNTC, dựa trên kết quả phân tích định lượng (Biểu đồ 1 [Phụ lục 1]), có thể nhận thấy có sự thống nhất cao trong nhận thức của ĐNCBCC cấp xã. Đáng chú ý nhất, có tới 99,0% ý kiến khẳng định nguyên nhân cốt lõi xuất phát từ việc cán bộ lãnh đạo, quản lý thiếu tu dưỡng, rèn luyện, dẫn đến suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống. Bên cạnh đó, các yếu tố thuộc về trách nhiệm chính trị của người đứng đầu cũng được nhận diện rõ nét, với 98,5% ý kiến cho rằng sự thiếu gương mẫu, “nói không đi đôi với làm” và 96,5% đánh giá việc “một số cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu chưa nhận thức đầy đủ tính chất nghiêm trọng của TNTC” là những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến TNTC.

Các nguyên nhân khách quan cũng được nhận diện cụ thể, trong đó nguyên nhân “cơ chế kiểm soát quyền lực, công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi quyền lực của người có chức vụ, quyền hạn chưa được quan tâm đúng mức” (98%) và những kẽ hở trong luật pháp, chính sách (95%). 89,25% CBCC tự đánh giá mức độ nhận thức ở nội dung này đạt “tốt” “rất tốt”.

- Mức độ ĐNCBCC cấp xã nhận thức rõ về hậu quả của TNTC.

Đa số CBCC cấp xã hiểu rõ hậu quả nghiêm trọng của TNTC là “giặc nội xâm”, làm xói mòn bản chất cách mạng của Đảng, phá hoại nền tảng kinh tế - xã hội, và là nguy cơ lớn nhất đe dọa sự tồn vong của chế độ. Tổng hợp dữ liệu thực địa phản ánh, điểm nhấn đáng chú ý nhất là 100% ý kiến khẳng định TNTC là nhân tố “trực tiếp đe dọa đến sự tồn vong của chế độ”. Sự đồng thuận tuyệt đối này minh chứng cho việc các tỉnh, thành phố VDHBB đã quán triệt nghiêm túc quan điểm chỉ đạo của Đảng về PCTNTC. 98,75% CBCC cấp xã nhận thức rõ TNTC làm suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, là tiền đề dẫn đến “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; 98,5% ý kiến cho rằng TNTC làm giảm sút niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước.

Đồng thời, ĐNCBCC cấp xã cũng nhận diện rõ các hệ lụy mang tính hệ thống như TNTC gây cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội (94,25%) và xói mòn giá trị đạo đức dân tộc (90,0%). Kết quả nêu trên cũng có sự đồng nhất với kết quả tự đánh giá của ĐNCBCC cấp xã về “mức độ nhận thức của bản thân về hậu quả và tác hại của TNTC” với 90,25% ý kiến “tốt” và “rất tốt”. Kết quả trên là minh chứng rõ nét cho thấy hoạt động tuyên truyền về PCTNTC đã mang lại hiệu quả thực chất và sâu rộng. Đánh giá của xã Nguyễn Lương Bằng, thành phố Hải Phòng đã làm rõ hơn nhận định trên: “hiệu quả công tác PCTNTC đạt được kết quả theo yêu cầu đề ra, không xảy ra tình trạng TNTC gây mất ổn định an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội” [60].

- Mức độ ĐNCBCC cấp xã có khả năng nhận diện các thông tin sai lệch, xuyên tạc về công tác PCTNTC và đấu tranh với các quan điểm sai trái về PCTNTC.

Trong bối cảnh bùng nổ thông tin và sự tinh vi của chiến lược “diễn biến hòa bình”, việc nhận diện chính xác các thông tin sai lệch về công tác

PCTNTC đã trở thành yêu cầu cấp thiết, đóng vai trò là “tuyên phòng thủ” đầu tiên bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Khi đã có khả năng phân biệt đúng - sai, thật - giả, CBCC không bị cuốn theo những luận điệu như “đấu đá nội bộ” hay “thanh trừng phe phái” do các thế lực phản động, cơ hội cố tình dựng lên, từ đó tránh được nguy cơ mắc bẫy vào âm mưu của các thế lực thù địch hòng lợi dụng vấn đề này làm chia rẽ đoàn kết nội bộ. Kết quả tự đánh giá của ĐNCBCC cấp xã về nội dung nhận diện này cũng phản ánh khá trung thực với những nhận định phía trên (67,75% ý kiến đánh giá ở mức “tốt” và 22,75% đánh giá mức “rất tốt”) [Phụ lục 4, bảng 1.6]. Khả năng nhận diện tốt giúp ĐNCBCC cấp xã trở thành những hạt nhân tuyên truyền hiệu quả, kịp thời định hướng dư luận và đập tan các luận điệu xuyên tạc về cuộc đấu tranh chống “giặc nội xâm” góp phần trực tiếp giữ vững ổn định chính trị tại địa phương, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Mức độ ĐNCBCC cấp xã nắm bắt kịp thời thông tin mới về PCTNTC và nhận thức đúng đắn về bản chất các vụ việc TNTC đã được phát hiện và xử lý.

Trong hệ thống chính trị Việt Nam, ĐNCBCC cấp xã giữ vai trò là cầu nối trực tiếp giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân; do đó, việc nắm bắt kịp thời các thông tin mới và nhận thức đúng đắn về bản chất các vụ việc TNTC không chỉ là yêu cầu thực thi công vụ mà còn là nhiệm vụ then chốt trong công tác tư tưởng. Việc tiếp cận chính xác và kịp thời các chủ trương, quy định mới từ Trung ương và tỉnh ủy, thành ủy trong công tác PCTNTC giúp xây dựng cơ chế tự sàng lọc và sức đề kháng thông tin cho đội ngũ ĐNCBCC cấp xã trước các luận điệu xuyên tạc; có khả năng kịp thời định hướng dư luận trước các thông tin xuyên tạc, bịa đặt về các vụ án tham nhũng lớn, trọng điểm, giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn tin tưởng vào quyết tâm chính trị của Đảng, Nhà nước, từ đó ổn định tình hình chính trị trên địa bàn.

Việc nắm bắt kịp thời thông tin và hiểu đúng bản chất của các vụ việc TNTC được xử lý, sẽ giúp cho ĐNCBCC cấp xã tránh được tâm lý nhụt chí, co cụm hay làm việc cầm chừng - một thực trạng đáng ngại ở một bộ phận cán bộ hiện nay. Kết quả khảo sát cho thấy, 89,75% CBCC cấp xã tự đánh giá khả

năng cập nhật thông tin và nhận thức đúng về tình hình TNTTC tương ứng là mức “tốt” và “rất tốt” [Phụ lục 4, bảng 1.6].

b) Thái độ và niềm tin của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Đảng và Nhà nước

- Mức độ ĐNCBCC cấp xã quan tâm tìm hiểu các nội dung tuyên truyền về PCTNTC.

Cấp xã là cấp trực tiếp giải quyết các thủ tục hành chính gắn liền với quyền lợi sát sườn của người dân và doanh nghiệp (đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, chính sách an sinh xã hội, cấp phép xây dựng...). Đây chính là môi trường dễ phát sinh TNTC. Các nội dung tuyên truyền về PCTNTC giúp ĐNCBCC cấp xã cập nhật kịp thời các chủ trương, văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về PCTNTC; đồng thời giúp nhận diện rõ các nguy cơ, các “điểm nóng” dễ xảy ra sai phạm thuộc lĩnh vực/địa bàn mình phụ trách. Nếu không quan tâm nắm bắt thông tin kịp thời thì không thể dự báo, không thể thiết lập hàng rào bảo vệ để ngăn ngừa bản thân và công chức, viên chức dưới quyền có nguy cơ vi phạm.

Kết quả thống kê từ Biểu đồ 2 [Phụ lục 1] cho thấy, ĐNCBCC cấp xã quan tâm khá toàn diện đến các nội dung tuyên truyền về PCTNTC, trong đó “*Quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC*” chiếm tỷ lệ cao nhất (98,0%). Đây là nền tảng cho việc thực thi công vụ đúng đắn.

Bên cạnh đó, các nội dung mang tính thực tiễn và định hướng hành vi cũng nhận được sự hưởng ứng mạnh mẽ khi có tới 95,3% CBCC quan tâm đến “*các điển hình tích cực và bài học kinh nghiệm trong PCTNTC*”, cùng với 91,6% chú trọng tìm hiểu về “*chuẩn mực đạo đức công vụ và trách nhiệm nêu gương của cán bộ*”. Tỷ lệ 84,5% CBCC cấp xã quan tâm đến “*công tác đấu tranh, phản bác các thông tin, quan điểm sai trái của các thế lực thù địch về công tác PCTNTC*”, cho thấy đại đa số CBCC cấp xã không còn mơ hồ, thờ ơ hay đứng ngoài cuộc trước các luận điệu xuyên tạc công tác PCTNTC của Đảng và Nhà nước. Mỗi CBCC cấp xã đã nhận thức rõ PCTNTC không chỉ là việc chuyên môn (phát hiện, xử lý sai phạm) mà còn là mặt trận tư tưởng gay gắt. Kết quả định

lượng trên là minh chứng khẳng định hoạt động tuyên truyền về PCTNTC đã đi vào chiều sâu, tác động trực tiếp đến tâm lý và nhận thức của ĐNCBCC cấp xã; trở thành nhu cầu tìm hiểu tự thân để phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý, công tác chuyên môn và tu dưỡng rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống.

- Mức độ ĐNCBCC cấp xã tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC

Số liệu tại Biểu đồ 3 [Phụ lục 1] đã phản ánh đa số CBCC cấp xã tin tưởng sâu sắc vào chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC. Sự tin tưởng này đã trở thành điểm tựa vững chắc cho tư tưởng chính trị, được thể hiện rõ nét qua tỷ lệ 95,3% CBCC cấp xã khẳng định niềm tin của mình ở mức độ “tin tưởng” và “tin tưởng tuyệt đối”. Kết quả này hoàn toàn nhất quán với kết quả điều tra dư luận xã hội của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương: *“hầu hết cán bộ, đảng viên và Nhân dân bày tỏ tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTNLPTC, chiếm 98% (trong đó, có 79% số ý kiến cho biết “rất tin tưởng” và “tin tưởng”)* [24].

Hoạt động tuyên truyền không chỉ bồi đắp niềm tin chính trị mà còn giúp ĐNCBCC cấp xã nhận diện kết quả thực tiễn, tạo sự ủng hộ tuyệt đối với Đảng và Nhà nước trong PCTNTC. Cụ thể, có 80% CBCC cấp xã đánh giá kết quả PCTNTC đạt mức “cao” và “rất cao” [Phụ lục 1, biểu đồ 4]. Sự chuyển biến tích cực của ĐNCBCC cấp xã là thành quả của chiến lược tuyên truyền đa chiều: kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, giữa lý luận và thực tiễn sinh động, từ đó củng cố niềm tin sâu sắc vào quyết tâm chính trị “không có vùng cấm, không có ngoại lệ trong PCTNTC của Đảng và Nhà nước. Kết quả thực chứng từ cuộc điều tra dư luận xã hội của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương đã cụ thể hóa và chứng minh tính đúng đắn của luận điểm được nêu trong luận án: *“97% số ý kiến bày tỏ tin tưởng vào tính bền vững của công tác PCTNLPTC trong thời gian qua; 89% đánh giá cao kết quả PCTNLPTC nhiệm kỳ qua”* [24].

- Mức độ ĐNCBCC cấp xã ủng hộ và đồng thuận với các giải pháp PCTNTC của Đảng và Nhà nước; sẵn sàng tham gia triển khai các biện pháp đấu tranh PCTNTC trong phạm vi chức trách và nhiệm vụ được giao

Trong công cuộc PCTNTC, sự ủng hộ và đồng thuận của ĐNCBCC cấp xã là điều kiện tiên quyết để đưa chủ trương, chính sách về PCTNTC vào đời sống. Là lực lượng gần dân nhất, sự sẵn sàng tham gia triển khai các biện pháp đấu tranh PCTNTC trong phạm vi chức trách và nhiệm vụ được giao của đội ngũ này giúp chuyển hóa quyết tâm PCTNTC của Trung ương, tỉnh thành hành động thực tế, củng cố niềm tin của nhân dân và đảm bảo tính thực thi của pháp luật tại cơ sở. Sự chủ động từ cơ sở không chỉ giúp nhận diện, ngăn chặn TNTC từ sớm, từ xa mà còn xây dựng môi trường công vụ liêm chính, hướng tới mục tiêu “không thể, không dám, không muốn, không cần tham nhũng”. Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từng khẳng định: Sự đồng lòng, nhất trí của cả hệ thống chính trị, nhất là sự gương mẫu của cán bộ lãnh đạo các cấp, là nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh PCTNTC.

Những phát hiện từ khảo sát thực tế tại ba tỉnh, thành phố VDHBB đã làm rõ sự chuyển biến hết sức tích cực trong nhận thức và hành động của ĐNCBCC cấp xã. Cụ thể, khi tự đánh giá về mức độ “ủng hộ và đồng thuận với các biện pháp PCTNTC của Đảng và Nhà nước”, có tới 91,25% “tốt” và “rất tốt” [Phụ lục 4, bảng 1.6]. Sự thống nhất cao về mặt nhận thức và hành động của ĐNCBCC cấp xã chính là cơ sở để hiện thực hóa các chủ trương, pháp luật PCTNTC; góp phần thanh lọc bộ máy, quét sạch chủ nghĩa cá nhân và thắt chặt mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân.

- Mức độ ĐNCBCC cấp xã có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định trước sự tấn công của các thế lực thù địch trên mặt trận tư tưởng; kiên quyết đấu tranh với các quan điểm xuyên tạc, sai lệch về công tác PCTNTC

Xây dựng ĐNCBCC cấp xã có bản lĩnh chính trị vững vàng là yêu cầu sống còn để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng tại cơ sở. Với vai trò là những người trực tiếp truyền tải chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước đến nhân dân, sự kiên định của ĐNCBCC cấp xã chính là lá chắn hiệu quả nhất trước các âm mưu lợi dụng vấn đề TNTC để xuyên tạc bản chất của Đảng, chế độ và chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Đặc biệt trong kỷ nguyên số, không gian mạng là mặt trận chính của cuộc đấu tranh tư tưởng.

Do đó, ĐNCBCC cấp xã phải phát huy vai trò nòng cốt trong việc kiểm soát, định hướng thông tin và bảo đảm an ninh tư tưởng trên không gian mạng tại địa phương. Đúng như lời Bác Hồ đã dạy: “... *một người cách mệnh có gan, hơn một ngàn người vô chí*” [91, tr.294].

Hiệu quả của hoạt động tuyên truyền về PCTNTC tại các tỉnh, thành phố VDHBB được thể hiện rõ nét qua kết quả khảo sát thực tế, khi có tới 84,25% CBCC tự đánh giá đạt mức “tốt” và “rất tốt” trong việc kiên định lập trường, đấu tranh với các quan điểm sai trái về PCTNTC. Điều này cho thấy, ĐNCBCC cấp xã đã chuyển dịch mạnh mẽ từ trạng thái tiếp nhận thụ động sang chủ động nhận diện và phản bác trực diện các thông tin xuyên tạc, bịa đặt về PCTNTC ngay từ cơ sở. Đây chính là yếu tố cốt lõi để định hướng dư luận xã hội, đồng thời bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng và thành quả của công tác PCTNTC trong bối cảnh hiện nay.

c) Tính tích cực chính trị - xã hội của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

- Mức độ tự tu dưỡng, rèn luyện liêm chính cá nhân của ĐNCBCC cấp xã.

Là chủ thể trực tiếp hiện thực hóa đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của tỉnh tại cơ sở, ĐNCBCC cấp xã chính là thước đo thực chất nhất cho chiều sâu của hoạt động tuyên truyền về PCTNTC. Khi giáo dục chính trị đạt hiệu quả, nhận thức bên ngoài sẽ chuyển hóa thành hành động tự giác bên trong, buộc người đứng đầu phải tích cực “tự soi, tự sửa”, nhất quán giữa lời nói và việc làm, đồng thời chủ động từ chối cám dỗ lợi ích trong các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, đầu tư công. Trong môi trường làng xã đặc thù, sự liêm chính, minh bạch của ĐNCBCC không chỉ là minh chứng đập tan tư duy tuyên truyền hình thức, đối phó, mà còn là kênh lan tỏa trực quan sinh động nhất giúp nêu gương cho cấp dưới và củng cố niềm tin chiến lược của nhân dân vào Đảng, chế độ. Cơ sở dữ liệu thu thập được phản ánh, đa số CBCC cấp xã ở các tỉnh, thành phố VDHBB có tính tiên phong, gương mẫu trong lối sống; thực hiện tốt công tác công khai, minh bạch các hoạt động và trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập của cá nhân theo đúng quy định của pháp luật. Tính thuyết phục và

đúng đắn của nhận định trên được luận chứng sinh động qua báo cáo đánh giá thực trạng công tác PCTNTC tại phường Vị Khê, tỉnh Ninh Bình: *“Qua công tác tự kiểm tra nội bộ, UBND phường không phát hiện trường hợp nào có hành vi TNLPTC trong cán bộ, công chức và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý”* [132]. Báo cáo tổng kết công tác PCTNLPTC 5 năm (2021 - 2025) của phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng khẳng định: *“chưa phát hiện vụ việc TNTC nghiêm trọng trong nội bộ, song công tác kiểm tra đã giúp phát hiện sớm những hạn chế để chấn chỉnh kịp thời”* [131].

- *Mức độ chủ động và trách nhiệm của ĐNCBCC cấp xã trong thực hiện nhiệm vụ PCTNTC.*

Sự chủ động và trách nhiệm của ĐNCBCC cấp xã đóng vai trò mắt xích then chốt, quyết định hiệu quả vận hành hệ thống chính trị ở cơ sở và là tiền đề hiện thực hóa chủ trương của Đảng; pháp luật của Nhà nước về PCTNTC vào đời sống. Sự chủ động thể hiện ở tính tiên phong nhận diện và ngăn chặn các hành vi TNTC ngay từ sớm, từ xa, góp phần bảo toàn nguồn lực công và củng cố niềm tin của nhân dân. Ý nghĩa sâu xa của sự chủ động này chính là xây dựng văn hóa liêm chính, chuyển hóa các quy định, pháp luật thành ý thức tự giác trong mỗi cá nhân.

Phân tích dữ liệu khảo sát cho thấy, 92% CBCC cấp xã tự đánh giá mức “tốt” và “rất tốt” về sự chủ động, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ PCTNTC; 82,5% “Chủ động nghiên cứu, chia sẻ các chủ trương, pháp luật của Đảng và Nhà nước về PCTNTC” và 66,0% thể hiện bản lĩnh chính trị qua việc đấu tranh, phản bác các thông tin xuyên tạc về công tác này [Phụ lục 4, bảng 1.6]. Với tỷ lệ trên 90% CBCC tự đánh giá tính chủ động và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ PCTNTC từ mức tốt trở lên chính là kết quả của giáo dục tư tưởng và tuyên truyền hiệu quả, tạo nền tảng xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh.

Kết quả tổng kết thực tiễn tại xã Ninh Cường, tỉnh Ninh Bình là minh chứng sinh động, khẳng định tính đúng đắn và làm rõ hơn nhận định nêu trên: *“Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương chủ động, tích cực, nêu cao*

vai trò, trách nhiệm trong công tác PCTNTC; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch PCTNTC và thực hiện việc công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; tích cực tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTNTC và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” [133]. Đánh giá của phường An Biên, thành phố Hải Phòng cũng làm rõ: “UBND phường luôn quan tâm, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác PCTNTC; triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, góp phần xây dựng bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh” [58].

- *Mức độ tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến và triển khai các chủ trương, chính sách về PCTNTC.*

Tính tích cực tham gia tuyên truyền, triển khai chính sách về PCTNTC của CBCC cấp xã là giải pháp quan trọng để xây dựng thể trận lòng dân trong PCTNTC ngay từ cơ sở. Việc chuyển hóa các nghị quyết, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC thành tri thức và hành động cụ thể cho quần chúng nhân dân, sẽ tạo ra sự đồng thuận xã hội và sức mạnh tổng hợp trong việc giám sát quyền lực. Kết quả báo cáo của xã Hoành Mô, tỉnh Quảng Ninh đã cung cấp luận cứ khách quan, khẳng định những chuyển biến tích cực và hiệu quả rõ nét cho tính tích cực, chủ động tuyên truyền về PCTNTC của ĐNCBCC cấp: “Việc triển khai, quán triệt các nội dung về lĩnh vực công tác nội chính, tư pháp, PCTNLPTC được đồng chí Bí thư và các đồng chí trong Thường trực cấp ủy xã quan tâm, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, thường xuyên” [56]. Báo cáo của phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh cũng nhận định tương tự: “Công tác PCTNLPTC được Đảng ủy phường Hồng Gai, đứng đầu là đồng chí Bí thư Đảng ủy thực hiện quyết liệt, góp phần xây dựng bộ máy chính quyền địa phương hai cấp thực sự liêm chính, gần dân, sát dân, phục vụ Nhân dân, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả” [57].

Kết quả khảo sát của luận án cũng phản ánh rõ nét nhận thức và tinh thần trách nhiệm của ĐNCBCC cấp xã, khi có tới 89,75% ý kiến tự đánh giá năng lực thực thi nhiệm vụ ở mức “tốt” và “rất tốt”. [Phụ lục 4, bảng 1.5]. Sự tích cực được cụ thể hóa bằng những hành vi thiết thực với 72,75% CBCC

chủ động “Lan tỏa thông tin tích cực, tạo dư luận xã hội ủng hộ công cuộc PCTN của Đảng và Nhà nước” sau khi được tuyên truyền các nội dung về PCTNTC. Các chỉ báo thống kê phản ánh hoạt động tuyên truyền về PCTNTC đã đi vào chiều sâu, gắn liền với các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của ĐNCBCC cấp xã trong quá trình thực thi công vụ tại địa phương.

- Mức độ tham gia xây dựng và hoàn thiện các quy định, cơ chế phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực tại địa phương.

Đa số CBCC cấp xã tích cực tham gia xây dựng, hoàn thiện các quy định, cơ chế phòng ngừa TNTC tại địa phương, góp phần quan trọng nhằm thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát quyền lực ngay tại cơ sở. Tổng cộng giai đoạn 2021- 2025, Ủy ban nhân dân phường Đông Hải đã ban hành hơn 35 văn bản nội bộ liên quan đến công tác PCTNLPTC [131]. Năm 2025, Đảng bộ phường Hồng Gai đã xây dựng và chỉ đạo ban hành 10 kế hoạch, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTNLPTC [57]. Đảng ủy xã Hoành Mô, tỉnh Quảng Ninh đã ban hành 22 văn bản, UBND xã đã ban hành 24 văn bản về công tác PCTNTC tại địa phương [56].

Tỷ lệ 87,25% CBCC cấp xã trong khảo sát tự đánh giá mức “tốt” và “rất tốt” ở nội dung “Tích cực tham gia xây dựng và hoàn thiện các quy định, cơ chế phòng ngừa TNTC tại địa phương”; 72,25% CBCC trực tiếp tham gia “chỉ đạo xây dựng kế hoạch, chương trình tuyên truyền về PCTNTC tại địa phương”; 87,25% tham gia xây dựng và hoàn thiện các quy định, cơ chế phòng ngừa TNTC tại địa phương từ mức “tốt” trở lên. Số liệu trên là căn cứ khoa học để nhận định ý thức trách nhiệm cao của ĐNCBCC trong việc đóng góp trí tuệ vào công tác xây dựng, hoàn thiện các quy định, cơ chế PCTNTC tại địa phương, thay vì chỉ thụ động thực hiện các văn bản chỉ đạo từ cấp trên. Sự tích cực này được dẫn chứng cụ thể qua việc khẳng định vai trò chủ thể của ĐNCBCC cấp xã trong việc hoàn thiện thể chế - khâu đột phá để đưa công tác PCTNTC tại cơ sở đi vào chiều sâu và thực chất.

Báo cáo tổng kết tại phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng phản ánh bức tranh từ cơ sở: “*Trong giai đoạn 2021 - 2025, UBND phường Đông Hải*

đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, ban hành nội quy, quy chế, quy định nội bộ nhằm cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTNLPTC. Đồng thời, phòng cũng chủ động rà soát, kiến nghị cơ quan cấp trên sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế nhằm khắc phục những bất cập trong thực tiễn” [131].

Đánh giá một cách toàn diện về thực trạng này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình chỉ rõ “*Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể hoá các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác PCTNLPTC. Các cơ quan, địa phương, đơn vị đã chủ động phối hợp triển khai có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa TNLPTC theo quy định” [111]. Báo cáo Tổng kết công tác PCTNLPTC nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng của UBND thành phố Hải Phòng góp phần làm rõ hơn: “Đảng ủy UBND thành phố đã triển khai đầy đủ, kịp thời các chỉ đạo của các cấp, các ngành Trung ương về công tác PCTNLPTC trên địa bàn toàn thành phố. Nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên các cấp, các ngành, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác công tác PCTNLPTC được nâng cao cùng với sự đoàn kết, thống nhất trong nhận thức và hành động về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp công tác PCTNLPTC”.*

- Mức độ chủ động đấu tranh, phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi quản lý.

Mức độ chủ động đấu tranh, phát hiện và xử lý các hành vi TNTC của ĐNCBCC cấp xã chính là thước đo định lượng cho hiệu quả của hoạt động tuyên truyền, phản ánh sự chuyển hóa mạnh mẽ từ nhận thức sang hành động tự giác. Khi được thấm nhuần tư tưởng và đạo đức công vụ, người lãnh đạo không chỉ dừng lại ở việc biết luật mà còn hình thành bản lĩnh chính trị vững vàng để tự thân rà soát, thiết lập cơ chế giám sát nội bộ chặt chẽ nhằm ngăn chặn sai phạm từ sớm. Việc chủ động đổi mới và xử lý nghiêm minh các hành vi TNTC trong phạm vi quản lý và theo thẩm quyền mà không nể nang, né tránh là kết quả trực tiếp của việc hiểu và nắm rõ các chủ trương, pháp luật về

PCTNTC, về những hậu quả mà hành vi này gây ra. Hơn nữa, sự chủ động này tạo ra hiệu ứng tuyên truyền bằng nêu gương đầy sức thuyết phục, xây dựng văn hóa liêm chính lan tỏa đến cấp dưới và nhân dân.

Kết quả tự đánh giá của ĐNCBCC cấp xã với nội dung “Chủ động đấu tranh với các biểu hiện TNTC, ngăn ngừa và xử lý các hành vi TNTC trong phạm vi quản lý” chiếm tỷ lệ 72,25% “tốt” và “rất tốt”; 66,0% “chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin xuyên tạc về công tác PCTNTC” và 77,0% “chủ động phát hiện, phản ánh hành vi TNTC trong phạm vi quản lý”. Kết quả trên đã phản ánh tinh thần trách nhiệm, tính quyết liệt trong đấu tranh PCTNTC vì lợi ích chung [Phụ lục 4, bảng 1.6].

3.2.1.2. Những hạn chế về nhận thức, thái độ, niềm tin và tính tích cực chính trị - xã hội của ĐNCBCC cấp xã

Đánh giá thực trạng mặt hạn chế về nhận thức, thái độ, niềm tin, tính tích cực chính trị - xã hội của ĐNCBCC cấp xã trong PCTNTC là một vấn đề phức tạp và nhạy cảm. Bằng nhiều phương pháp tiếp cận khác nhau như qua điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn trực tiếp đội ngũ báo cáo viên, báo cáo của các cơ quan chuyên môn về PCTNTC cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp xã, các bài phát biểu của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, một số công trình nghiên cứu có liên quan, có thể đưa ra một số nhận định sau:

- Nhận thức của một bộ phận CBCC cấp xã về công tác PCTNTC chưa thật sự đầy đủ, sâu sắc.

Thực tế hiện nay ở các tỉnh, thành phố VDHBB có một nghịch lý là mặc dù hoạt động tuyên truyền, thông tin, giáo dục pháp luật về PCTNTC đã được các cấp ủy đảng, tổ chức, chính quyền địa phương và các sở, ngành, cơ quan đơn vị quan tâm chỉ đạo, triển khai nhưng nhận thức của một bộ phận CBCC cấp xã về công tác PCTNTC vẫn còn những khoảng trống đáng kể, chưa thực sự đầy đủ và toàn diện.

Trước hết, sự hạn chế thể hiện rõ nét ở khả năng nhận diện các hành vi vi phạm và các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Số liệu thu thập được chỉ ra rằng, các hành vi liên quan đến thái độ chính trị

có tỷ lệ nhận thức thấp. Đáng chú ý, có tới 20,0% CBCC cấp xã không nhận thức đúng hành vi “Nói, viết, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng” là hành vi tiêu cực; 18,25% chưa nhận diện được sự “Quan liêu, xa rời thực tế” là một biểu hiện của tiêu cực [Phụ lục 4, bảng 1.3]. Điều này cho thấy một bộ phận cán bộ vẫn tách rời giữa hành vi trực lợi kinh tế với sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vốn được xem là “cái gốc của TNTC”.

Xét về mức độ am hiểu các văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Đảng, kết quả khảo sát cung cấp cơ sở để nhận định sự thiếu hụt nghiêm trọng về chiều sâu kiến thức. Dù tỷ lệ “hiểu biết” chiếm đa số, nhưng tỷ lệ đạt mức độ “rất hiểu biết” lại vô cùng thấp, dao động chủ yếu chỉ từ 6,0% đến 9,0% đối với các văn bản quan trọng. Cụ thể, chỉ có 9,0% “rất hiểu biết” về Luật PCTN năm 2018; 6,0% đối với Quy định 114-QĐ/TW; và 7,0% đối với Quy định 131-QĐ/TW. Đặc biệt, đối với Quy định 189-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực trong quản lý tài chính, tài sản công, một lĩnh vực cực kỳ nhạy cảm tại cấp cơ sở có đến 20,0% cán bộ chỉ dừng lại ở mức độ nhận thức “bình thường”. Sự hời hợt này dễ dẫn đến tình trạng thực thi công vụ theo thói quen, ngại tiếp cận quy định mới, hoặc thậm chí là vô tình vi phạm do thiếu hiểu biết [Phụ lục 4, bảng 1.4].

Kết quả tự đánh giá trình độ nhận thức của ĐNCBCC cấp xã cho thấy khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn còn nhiều bất cập. Tỷ lệ CBCC đánh giá “rất tốt” trong “Hiểu biết và nắm vững các chủ trương, quan điểm của Đảng về PCTNTC” chỉ chiếm 27,0%; khả năng “Nhận diện các biểu hiện và nguyên nhân của TNTC” và “Khả năng nhận diện, đấu tranh với các quan điểm sai trái về công tác PCTNTC” chỉ lần lượt đạt mức 26,25% và 22,75% ở mức độ “rất tốt”. Khoảng 10,0% đến 11,25% CBCC tự đánh giá trình độ nhận thức của mình chỉ ở mức “bình thường”; 10,0% chưa thấy được tác hại của TNTC trong việc “làm tha hóa nhân cách, xói mòn giá trị đạo đức dân tộc” [Phụ lục 4, bảng 1.11].

Đánh giá của phường Vị Khê, tỉnh Ninh Bình cho thấy: “Có lúc có việc người đứng đầu một số đơn vị ý thức trách nhiệm trong công tác PCTNTC chưa

nêu cao; việc chấp hành các quy định pháp luật của một số công chức, viên chức chưa nghiêm túc, còn thiếu trách nhiệm trong giải quyết công việc được giao; nhất là lĩnh vực nhạy cảm như quản lý đất đai, xây dựng cơ bản” [132]. Đánh giá của phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng cũng chỉ rõ: “Trách nhiệm giải trình của một số cán bộ, công chức chưa cao, đôi khi mang tính đối phó” [131].

- Niềm tin của một bộ phận CBCC cấp xã chưa thật vững chắc, còn có biểu hiện hoài nghi, dao động.

Báo cáo của một số cơ quan chức năng cũng chỉ ra, việc xử lý nghiêm minh hành vi TNLPCTC vừa qua đã ít nhiều tác động đến tâm lý cán bộ, đảng viên, làm nảy sinh tư tưởng làm nhiều sai nhiều, không làm không sai, “thà đứng trước Hội đồng kỷ luật còn hơn đứng trước Hội đồng xét xử”, dẫn đến một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp làm việc cầm chừng, đùn đẩy, né tránh, sợ sai không dám làm, làm suy giảm niềm tin của người dân và doanh nghiệp đối với cơ quan nhà nước, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước [47].

Dữ liệu khảo sát tại các địa phương VDHBB chỉ ra rằng: Sự thiếu hụt niềm tin của CBCC cấp xã trước hết được phản ánh qua tỷ lệ tin tưởng vào quyết tâm chính trị của Đảng còn khiêm tốn. Mặc dù đa số CBCC cấp xã thể hiện thái độ đồng thuận, song tỷ lệ “tin tưởng tuyệt đối” chỉ dừng lại ở mức 32,8%. Đáng chú ý, có đến 9,2% thừa nhận trạng thái “phân vân” và vẫn còn trường hợp biểu hiện thái độ “không tin tưởng” [Phụ lục 1, Biểu đồ 3].

Hạn chế về thái độ còn bộc lộ rõ nét qua cách nhìn nhận về hiệu quả thực tế của công tác PCTNTC. Khi đánh giá về kết quả PCTNTC, vẫn còn 17,5% CBCC cấp xã cho rằng kết quả đạt được “còn hạn chế”; nhận định “không có kết quả” (1,75%), “càng chống càng tăng” (0,75%) [Phụ lục 4, bảng 1.16]. Đồng thời, 22,75% CBCC tự đánh giá năng lực nhận diện và đấu tranh với các quan điểm sai trái về PCTNTC chỉ ở mức “bình thường” [Phụ lục 4, bảng 1.6]. Khi bản lĩnh chính trị không vững vàng, cán bộ dễ bị tác động bởi các luồng thông tin xấu độc, xuyên tạc của các thế lực thù địch, dẫn đến thái độ thờ ơ, “mũ ni che tai” hoặc suy giảm ý chí chiến đấu ngay tại địa bàn cơ sở.

- *Bản lĩnh chính trị của một bộ phận CBCC cấp xã chưa vững vàng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.*

Theo báo cáo của Tỉnh ủy Quảng Ninh, trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, đã khởi tố, điều tra 176 vụ/369 bị can về TNTC, cao hơn 06 lần nhiệm kỳ 2015 - 2020 [103]. Các cơ quan điều tra công an tỉnh Ninh Bình đã thụ lý, điều tra 132 vụ án/348 bị can về TNTC [111]. Thành phố Hải Phòng ghi nhận những con số lớn hơn, trong đó: Cơ quan điều tra hai cấp thụ lý 131 vụ/315 bị can về tội tham nhũng; Viện kiểm sát hai cấp thành phố thụ lý 101 vụ/258 bị can; Tòa án nhân dân hai cấp thành phố thụ lý 111 vụ/281 bị can [55].

Đánh giá về nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm trong công tác PCTNTC, Tỉnh ủy Quảng Ninh khẳng định *“Một bộ phận cán bộ, công chức thiếu tu dưỡng, rèn luyện, lợi dụng sơ hở trong cơ chế, chính sách để thực hiện hành vi tham nhũng, làm trái quy định, quy trình công tác để vụ lợi”* [114]. Tỉnh ủy Ninh Bình kết luận *“Nhận thức, tinh thần trách nhiệm và gương mẫu của một bộ phận cán bộ, kể cả người đứng đầu, chưa cao; còn tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống”* [111]. Thành ủy Hải Phòng nhấn mạnh: *“Chế tài xử lý, cơ chế giám sát, phản biện xã hội ở một số lĩnh vực chưa rõ ràng, chưa chặt chẽ. Chính sách đãi ngộ bảo đảm đời sống của cán bộ, công chức chưa phù hợp nhu cầu thiết yếu cuộc sống, dễ làm nảy sinh TNTC...; Mặt khác, một bộ phận nhân dân còn chưa kiên quyết đấu tranh với tình trạng những nhiễu, chấp nhận việc “bôi trơn” tạo điều kiện cho tham nhũng phát sinh, tồn tại”* [55].

- *Tính tích cực chính trị - xã hội trong đấu tranh PCTNTC của một bộ phận CBCC cấp xã chưa cao.*

Đánh giá về hạn chế, khuyết điểm trong công tác PCTNTC, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Tỉnh ủy Quảng Ninh đã nhấn mạnh: *“Việc thực hiện các giải pháp PCTN tại cấp cơ sở chưa được toàn diện, chưa quyết liệt, còn lúng túng, hiệu quả chưa cao. Một số nơi, người đứng đầu chưa quan tâm đúng mức đến việc thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ”* [114].

Báo cáo Tổng kết công tác PCTNLPTC nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng, Thành phố Hải Phòng cũng nhận định: *“Kết quả công tác triển khai, tổ chức thực hiện về nhiệm vụ PCTNTC của cấp cơ sở hiệu quả chưa cao. Việc tự kiểm tra nội bộ để phát hiện hành vi vi phạm nhiều, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc của tổ chức, đơn vị còn hạn chế. Công tác tự kiểm tra, giám sát để phát hiện các hành vi TNTC trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức hiệu quả chưa cao”* [55].

Báo cáo tổng kết thực tiễn của một số đơn vị cấp xã góp phần làm rõ hơn hạn chế, khuyết điểm trên:

“Tinh thần trách nhiệm, ý thức nêu gương của một số cán bộ chưa cao. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong phát hiện, xử lý vi phạm đôi khi còn chồng chéo, thiếu đồng bộ” [131]. *“Một số cán bộ, đảng viên, công chức chưa thực sự coi trọng công tác PCTNTC, đặc biệt là việc tiết kiệm, thường xuyên bảo vệ tài sản chung”* [133]. *“Nhận thức về công tác PCTNTC của một số cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên và nhân dân chưa thực sự đầy đủ, chưa sâu sắc dẫn đến việc phát hiện, tố cáo hành vi TNLP còn hạn chế, công chức tham mưu trong công tác PCTN ở các cơ quan, đơn vị phải kiêm nhiệm chưa đồng bộ; điều kiện vật chất phục vụ cho yêu cầu đấu tranh PCTNLP còn hạn chế”* [136]. *“Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa chủ động, quyết liệt trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác PCTNTC. Công tác thanh tra, kiểm tra, nhất là kiểm tra nội bộ ở một số cơ quan, đơn vị, địa bàn chưa được quan tâm thường xuyên; chưa kịp thời”* [135].

Kết quả khảo sát thực tế chỉ ra những khoảng trống đáng lo ngại về bản lĩnh chính trị và tính tích cực của ĐNCBCC cấp xã trong công tác PCTNTC. Mặc dù tỷ lệ quan tâm đến lý thuyết khá cao, nhưng có sự sụt giảm nghiêm trọng về bản lĩnh đấu tranh trực diện: chỉ có 10,25% ý kiến tự đánh giá “rất tốt” việc chủ động đấu tranh, ngăn ngừa sai phạm, trong khi tỷ lệ đánh giá “không tốt” chiếm tới 12,5% - mức cao nhất trong các chỉ số về tính tích cực chính trị - xã hội [Phụ lục 4, bảng 1.6]. Bên cạnh đó, 3,5% không quan tâm đến công tác phản bác các quan điểm sai trái. Đặc biệt, tồn tại một khoảng cách lớn giữa nhận thức

và hành động khi chỉ có 66% CBCC chủ động đấu tranh phản bác thông tin xuyên tạc [Phụ lục 4, bảng 1.10], thấp hơn nhiều so với tỷ lệ 82,5% CBCC chủ động nghiên cứu chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về PCTNTC.

Việc nể nang, né tránh đấu tranh chính là biểu hiện của tình trạng “thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh” mà Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) đã cảnh báo. Trong bối cảnh thực hiện chính quyền hai cấp, sự thờ ơ chính trị và bản lĩnh thiếu vững vàng của ĐNCBCC cấp xã, những người nắm quyền thực thi trực tiếp chính là bước đệm nguy hiểm dẫn đến “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

3.2.2. Thực trạng sử dụng các nguồn lực phục vụ hoạt động tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

3.2.2.1. Kết quả sử dụng nguồn nhân lực

a) Về sự lãnh đạo, quản lý hoạt động tuyên truyền về PCTNTC

- Cấp ủy, chính quyền các tỉnh, thành phố VDHBB đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC

Từ năm 2019 đến nay, tỉnh ủy, thành ủy, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố VDHBB đã tăng cường đôn đốc, chỉ đạo quán triệt, triển khai đầy đủ, kịp thời các chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác PCTNTC, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Trong đó, trọng tâm là Luật PCTN 2018, cuốn sách “*Kiên quyết, kiên trì đấu tranh PCTNTC, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*” của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng; Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW ngày 01/8/2022 của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTNTC “*về một số nội dung về công tác phòng, chống tiêu cực*”; Quy định số 231-QĐ/TW, ngày 17/01/2025 của Bộ Chính trị về bảo vệ người đấu tranh chống TNLPTC; Quy định số 114-QĐ/TW, ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và PCTNTC trong công tác cán bộ; Quy định số 116-QĐ/TW, ngày 28/7/2023 của Ban Bí thư về chỉ đạo, định hướng và cung cấp thông tin, tuyên truyền PCTNTC; quy định về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới; các Thông báo kết luận của Ban chỉ đạo Trung ương về PCTNLPTC gắn với thực hiện Chỉ

thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về *“Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*...

Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, tỉnh ủy Quảng Ninh chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh nâng cao hơn nữa hiệu quả tuyên truyền, giáo dục về PCTNTC, xây dựng văn hóa liêm chính, không TNTC trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân gắn với thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU *“về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực nội sinh, động lực cho phát triển nhanh, bền vững”*. Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức thành công trên 30 hội nghị toàn tỉnh phổ biến, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Trung ương, của tỉnh có nội dung chỉ đạo về PCTNTC, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong toàn Đảng bộ đối với công tác PCTNTC, đáp ứng ngày càng cao trong tình hình mới [114].

Tỉnh ủy Ninh Bình chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác PCTNTC. Toàn tỉnh đã ban hành 1.605 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo liên quan đến công tác PCTNTC. Nội dung các văn bản chủ yếu tập trung vào việc quán triệt, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC [111].

Công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC được Thành ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Thành phố đã ban hành 64 kế hoạch, văn bản để triển khai, tổ chức thực hiện Luật PCTN, chỉ đạo của các cấp, các ngành Trung ương; triển khai đầy đủ, kịp thời các chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban chỉ đạo Trung ương về PCTNTC. Toàn thành phố đã ban hành 1.114 kế hoạch, văn bản triển khai thực hiện đến các đơn vị, cơ sở trực thuộc [55].

- Các tổ chức, các lực lượng tham gia tuyên truyền về PCTNTC có sự phối hợp đồng bộ, từng bước nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC

Trên cơ sở sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân các tỉnh, thành phố, các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ nhiệm vụ để xây dựng kế

hoạch tuyên truyền; nội dung tuyên truyền tập trung vào các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC như tình hình và kết quả thực hiện PCTNTC của Trung ương và của tỉnh; Tư tưởng Hồ Chí Minh và giáo dục đạo đức liêm chính, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong PCTNTC; Luật PCTN năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành; PCTN trong khu vực ngoài nhà nước; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp; các biện pháp phòng ngừa TNTC; kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; xử lý tham nhũng và hành vi vi phạm pháp luật về PCTNTC;...

Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, tỉnh Quảng Ninh đã tổ chức 1.750 cuộc/258.570 lượt cán bộ, công chức, viên chức người lao động và phát hành 424.725 tài liệu tuyên truyền về công tác PCTNTC [114]. Thành phố Hải Phòng đã tổ chức 241 lớp tuyên truyền, quán triệt về pháp luật PCTNTC cho trên 51.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân [55]. Tỉnh Ninh Bình đã tổ chức 589 hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTNTC với 74.975 lượt người tham dự, in ấn, phát hành 23.315 tài liệu tuyên truyền. Thông qua công tác tuyên truyền, đã góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân trong công tác đấu tranh chống TNTC [111].

Tại Hải Phòng, các cơ quan báo chí đã đăng tải trên 2.500 tin bài, ảnh tuyên truyền; đăng khoảng 3.000 tin, bài, ảnh trên báo điện tử, phát thanh khoảng 600 chương trình, thực hiện trên sóng truyền hình 500 tin, phóng sự. Sở Tư pháp đã biên soạn, phát hành 18.000 tờ gấp “Một số quy định của pháp luật về PCTN”, 80.000 tờ gấp “Tìm hiểu quy định pháp luật về tội phạm tham nhũng”, 25.000 tờ gấp “Tìm hiểu quy định pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật về PCTN”, 45.000 tờ gấp “Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thực hiện chức năng thanh tra”,... và trang bị 400 cuốn sách Luật PCTN, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo cho thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố, các sở, ban ngành, quận huyện [55]. Qua quả khảo sát, 74% ý kiến đánh giá “cơ cấu và sự phối hợp của đội ngũ chủ thể tham gia tuyên truyền về PCTNTC” tại VDHBB là “hiệu quả” và “rất hiệu quả” [Phụ lục 4, bảng 1.10].

Theo báo cáo của phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng cho thấy sự quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền về PCTNTC. Trong 5 năm, phường *“Tổ chức trên 20 hội nghị, lớp tập huấn với hơn 1.500 lượt người tham gia; phát hành 5.000 tờ gấp, tài liệu; duy trì hơn 150 tin, bài trên cổng TTĐT và hệ thống phát thanh”* [131]. Năm 2025, Đảng bộ xã Hoành Mô, tỉnh Quảng Ninh *“tổ chức 28 hội nghị quán triệt với gần 2.650 lượt người tham dự; đồng thời cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia 10 lớp tập huấn do cấp tỉnh, cấp Trung ương tổ chức”* [56].

Với sự chỉ đạo quyết liệt của tỉnh ủy, thành ủy, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và sự cụ thể hóa tại địa bàn cấp xã của VDHBB, hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTNTC đã *“tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức chấp hành pháp luật, ý thức tiết kiệm, liêm chính, từng bước đẩy lùi sự suy thoái trong tư tưởng, đạo đức, lối sống; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngày càng trong sạch, vững mạnh, có bản lĩnh chính trị, tận tụy với công việc, có lối sống trong sáng, góp phần hoàn thành nhiệm vụ công tác trong tình hình mới; người dân ngày càng tin tưởng vào Đảng, chính quyền và địa phương về tinh thần đấu tranh PCTNTC”* [55]. Kết quả phỏng vấn sâu một cán bộ của Ban nội chính Tỉnh ủy Quảng Ninh cũng cho thấy: *“thời gian qua sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác tuyên truyền PCTNTC nhìn chung đã được triển khai khá đồng bộ: Ban Tuyên giáo và Dân vận, cơ quan truyền thông và cấp ủy, chính quyền cơ sở đều có sự tham gia, phân công trách nhiệm rõ ràng, tạo sự thống nhất về định hướng thông tin”* (T.Q.H, nam, 48 tuổi).

b) Về việc xây dựng đội ngũ chủ thể trực tiếp tuyên truyền về PCTNTC

Phẩm chất và năng lực của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên ngày càng được nâng cao, đáp ứng được nhiệm vụ tuyên truyền trong tình hình mới

Quán triệt sâu sắc quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh *“Cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”* [90, tr. 309], trong những năm qua, Ban Tuyên giáo các cấp (nay là Ban Tuyên giáo và Dân vận) tham mưu cho cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm

lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên và tạo điều kiện để đội ngũ này hoạt động hiệu quả.

Nhìn chung, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên từ tỉnh đến cơ sở được cấp ủy lựa chọn ngày càng chặt chẽ, bám sát theo các tiêu chuẩn quy định, là những đồng chí có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống trong sáng, lành mạnh; nắm vững những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có trình độ hiểu biết chung về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh; biết vận dụng tâm lý học, phương pháp sư phạm và nghiệp vụ tuyên truyền, nhất là nghiệp vụ tuyên truyền miệng; có khả năng tiếp nhận và xử lý thông tin; có ý thức tổ chức kỷ luật cao, đặc biệt là kỷ luật phát ngôn; có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình, tâm huyết với công việc được giao; khiêm tốn học hỏi, gương mẫu về đạo đức, lối sống, có mối quan hệ gần gũi với nhân dân, chất lượng hoạt động của đội ngũ báo cáo viên ngày một nâng lên.

Thành ủy Hải Phòng khẳng định: *“Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên từ thành phố đến cơ sở được kiện toàn, phát triển cả về số lượng và chất lượng. Ở nhiều địa phương, đơn vị, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên làm tốt vai trò là lực lượng nòng cốt thực hiện công tác tuyên truyền miệng của Đảng bộ và hệ thống chính trị, góp phần tăng cường sự gắn bó giữa Đảng với Nhân dân, tăng cường sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ chính trị của thành phố”* [107].

Đánh giá của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Quảng Ninh: *“Chất lượng, hiệu quả hoạt động báo cáo viên, tuyên truyền viên được tiếp tục phát huy; công tác tổ chức hội nghị báo cáo viên, cung cấp thông tin phục vụ hoạt động tuyên truyền dần trở thành nền nếp; hình thức tổ chức linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế tại từng địa phương, đơn vị; nội dung thông tin đã được lựa chọn, mang tính thời sự, đúng định hướng gắn với nhiệm vụ chính trị, yêu cầu thực tiễn của địa phương.* [23].

Kết quả khảo sát cho thấy, 82% ý kiến đánh giá “hiệu quả” và “rất hiệu quả” đối với nguồn lực là “đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên về PCTNTC” [Phụ lục 4, bảng 1.8]; 63,5% và 11,75% đánh giá “tốt” và “rất tốt” đối với nội dung “Mức độ sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực trong thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền”.

c) Các chủ thể tuyên truyền tích cực đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tuyên truyền về PCTNTC

- Nội dung tuyên truyền đã tập trung làm rõ chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC; tuyên truyền kịp thời kết quả thanh tra, kiểm tra và những thành tựu chung của công tác PCTNTC.

Cấp ủy và chính quyền các cấp đã kịp thời quán triệt các quy định mới về kiểm soát quyền lực và kỷ luật của Đảng và các văn bản pháp luật về PCTNTC, trọng tâm là Luật PCTN năm 2018 và các luật liên quan được phổ biến đồng bộ thông qua đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên và các cơ quan truyền thông. Công khai, minh bạch kết quả xử lý các vụ án, vụ việc nghiêm trọng, phức tạp, được dư luận quan tâm, nhất là các đối tượng thuộc phạm vi kiểm tra, giám sát của Đảng đã được tăng cường. Điểm nhấn là việc lồng ghép linh hoạt nội dung PCTNTC với các các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Hoạt động này không chỉ nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức mà còn phát huy vai trò của Nhân dân trong việc giám sát, tố giác TNTC và phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch.

Báo cáo tổng kết công tác PCTNTC của Tỉnh ủy Quảng Ninh khẳng định: Các cơ quan, đơn vị và địa phương đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ việc tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, triển khai các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của tỉnh về công tác PCTNTC thông qua nhiều hình thức phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị như: Hội nghị quán triệt, lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về PCTNTC; sao gửi văn bản, tài liệu; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; tuyên truyền qua hội nghị báo cáo viên, phổ biến trong sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề; lồng ghép trong các hội nghị giao ban, hội nghị sơ kết, tổng kết hàng năm, hội nghị ký kết quy chế phối hợp [114].

Thực tiễn tại xã An Biên, thành phố Hải Phòng: *“Nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật PCTNTC được lồng ghép trong hoạt động chuyên môn như cải cách và kiểm soát thủ tục hành chính, kiểm tra, thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Cổng thông tin điện tử phường, bảng tin tổ dân phố thường xuyên đăng tin, bài định hướng đúng đắn dư luận xã hội về kết quả tích cực cũng như hạn chế, yếu kém, những khó khăn, thách thức trong công tác PCTNTC”* [134].

Dưới đây là chia sẻ của một cán bộ Thanh tra thành phố Hải Phòng: *“Nội dung tuyên truyền về PCTNTC hiện nay về cơ bản là phù hợp với đặc thù công việc của CBCC cấp xã: vừa gắn với quy định pháp luật, vừa có nhiều ví dụ thực tiễn, dễ liên hệ, dễ vận dụng vào xử lý công việc hằng ngày”*.

- *Phương pháp tuyên truyền đã được sử dụng đa dạng, phù hợp với đối tượng tuyên truyền.* Các cấp ủy, chính quyền, các cơ quan chức năng có liên quan đến PCTNTC và cơ quan truyền thông đã triển khai tuyên truyền PCTNTC với hình thức đa dạng, phù hợp cho từng nhóm đối tượng. Nội dung được chuyển tải linh hoạt thông qua các chuyên mục báo chí, tuyên truyền cổ động, giáo dục đạo đức liêm chính; lồng ghép vào hoạt động văn hóa, xét xử lưu động; tranh ảnh, pano, graphic; sân khấu, phim ảnh; nêu gương điển hình tiên tiến, các nhân tố mới trong công tác PCTNTC tại địa phương; phổ biến trực tiếp qua các hội thảo, nói chuyện thời sự, sinh hoạt đoàn thể tại địa phương. Đánh giá về tính hiệu quả của các phương pháp tuyên truyền về PCTNTC, kết quả khảo sát chỉ ra rằng có sự đánh giá khá tương đồng giữa các nhóm phương pháp khác nhau. Trong *nhóm phương pháp dùng lời nói*, phương pháp “trao đổi, thảo luận, tọa đàm” chiếm ưu thế vượt trội với 89,75% ý kiến trả lời “rất hiệu quả” và “hiệu quả”; phương pháp “hội thảo” nhận được tổng số ý kiến đánh giá thấp nhất là 77,75% [Phụ lục 4, bảng 1.7]. Trong *nhóm phương pháp trực quan*: Việc sử dụng “sân khấu, phim ảnh, video” để tuyên truyền về PCTNTC nhận được tỷ lệ ý kiến đánh giá “hiệu quả” và “rất hiệu quả” cao nhất (83,25%) [Phụ lục 4, bảng 1.7]. *Nhóm phương pháp thực tiễn* được đánh giá cao hơn so với 2 nhóm phương pháp trước. Trong đó, tỷ lệ 91.5% ý kiến đánh giá “hiệu quả” và “rất hiệu quả” phương pháp “chia sẻ kinh nghiệm, mô hình

hiệu quả trong PCTNTC”; 90% phương pháp “nêu gương các điển hình tiên tiến, các nhân tố mới trong công tác PCTNTC”; 87.25% phương pháp “tổng kết công tác PCTNTC” [Phụ lục 4, bảng 1.7].

- *Hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng, tạo sức hấp dẫn với đối tượng tuyên truyền.* Hoạt động tuyên truyền về PCTNTC tại VDHBB được cấp ủy, chính quyền chỉ đạo triển khai đồng bộ, gắn kết chặt chẽ với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thông qua đa dạng hình thức như tập huấn, thi tìm hiểu pháp luật và xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, hoạt động này đã góp phần chuẩn hóa nhận thức và tạo sự đồng thuận xã hội cao. Mỗi địa phương đều xác lập những hình thức tiếp cận đặc thù dựa trên lợi thế riêng. Điển hình tại thành phố Hải Phòng, truyền thông đại chúng được phát huy tối đa với khoảng 800 tác phẩm trên báo Hải Phòng, kết hợp sáng tạo với loại hình nghệ thuật sân khấu qua các vở diễn như “*Lời thề thứ 9*”, “*Lời sám truyền từ Quán Trung Tâm*”, cùng với sức lan tỏa từ Hội thi “*Báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật giỏi*” với gần 25.000 bài dự thi, đã khẳng định tính thiết thực và hiệu quả của mô hình tuyên truyền [127].

Tỉnh Ninh Bình tổ chức hội nghị quán triệt Luật PCTN 2018 cho hơn 850 đại biểu chủ chốt và tổ chức thi viết “Tìm hiểu pháp luật về PCTN” với 1.735 bài dự thi. Toàn tỉnh đã tổ chức 589 hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTNLPTC với 74.975 lượt người tham dự, in ấn, phát hành 23.315 tài liệu tuyên truyền [100]; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện các tin bài, phóng sự phát trên sóng truyền hình trong các chuyên mục “*Đảng trong cuộc sống hôm nay*”, “*Cải cách hành chính*”, “*Dân vận Ninh Bình*”,... Ngoài ra còn thực hiện tuyên truyền thông qua trang thông tin điện tử tổng hợp nbtv.vn [128].

Tỉnh Quảng Ninh tổ chức hội nghị trực tuyến về tuyên truyền, phổ biến pháp luật PCTN, Nghị định 59/NĐ-CP, và Nghị định 130/2020/NĐ-CP trên 13/13 điểm cầu với trên 3.000 lượt cán bộ tham dự. Tỉnh đã tổ chức 1.416 lớp tuyên truyền bằng hình thức lồng ghép các kỳ họp chuyên môn, sinh hoạt đảng cho 202.443 lượt người; phát hành 193.033 tài liệu tuyên truyền về công

tác PCTNTC; trung tâm truyền thông tỉnh thường xuyên đưa tin, bài về PCTNTC trên báo in, báo điện tử và đài phát thanh truyền hình tỉnh [114].

Tại cấp xã, các hình thức tuyên truyền về PCTNTC cũng hết sức đa dạng. Báo cáo của xã Bình Lục, tỉnh Ninh Bình cho thấy: *“Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật PCTNTC được thực hiện bằng nhiều hình thức đa dạng và phong phú như tuyên truyền qua Đài truyền thanh xã, tuyên truyền trên cổng thông tin điện tử xã Bình Lục, qua các trang mạng, tuyên truyền lồng ghép qua các cuộc giao ban, cuộc họp sinh hoạt chi bộ”* [135].

Dữ liệu khảo sát phản ánh có sự đa dạng các hình thức tuyên truyền về PCTNTC tại ba tỉnh, thành phố VDHBB, trong đó: Hình thức “Buổi sinh hoạt Đảng và sinh hoạt của các tổ chức chính trị - xã hội” cho thấy hiệu quả vượt trội, với tổng số 89,5% cán bộ tham gia ở mức “thường xuyên” và “rất thường xuyên”, “Thi tìm hiểu về PCTNTC” là hình thức có tần suất CBCC cấp xã VDHBB trả lời thấp nhất, chỉ có 35,6% “thường xuyên” và “rất thường xuyên”. Như vậy mỗi hình thức tuyên truyền sẽ phù hợp với một đối tượng tuyên truyền cụ thể. Do tính chất công việc của ĐNCBCC cấp xã nên hình thức tuyên truyền thông qua “Buổi sinh hoạt Đảng” vẫn là hình thức tuyên truyền phổ biến nhất được sử dụng trong thời gian qua [Phụ lục 4, bảng 1.2].

3.2.2.2. *Về sử dụng thời gian, kinh phí, phương tiện và cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực*

a) *Các tỉnh, thành phố VDHBB đã sử dụng thời gian tương đối phù hợp cho các hoạt động tuyên truyền về PCTNTC*

Trên cơ sở nhận thức sâu sắc về vai trò của yếu tố thời gian trong hiệu quả tác động tư tưởng, các tỉnh ủy, thành ủy VDHBB quan tâm đầu tư thời gian cho các hoạt động tuyên về PCTNTC. Thay vì triển khai theo lối mòn hành chính mang tính dàn trải, các địa phương đã thực hiện phương thức lồng ghép nội dung chính trị vào các khung giờ có mật độ tiếp nhận cao trên hệ thống truyền thông đại chúng và các kỳ sinh hoạt chính trị định kỳ của tổ chức đảng và các tổ chức chính trị - xã hội. Việc phân bổ nguồn lực thời gian được thực hiện

theo nguyên tắc linh hoạt, có trọng tâm, trọng điểm và phù hợp với đặc thù tâm lý - xã hội của từng nhóm đối tượng.

Đối với hệ thống chính trị: Hoạt động tuyên truyền được tích hợp trong các đợt sinh hoạt chính trị cao điểm và các hội nghị chuyên đề chuyên sâu, các buổi tập huấn nghiệp vụ PCTNTC, đảm bảo sự thống nhất giữa việc bồi dưỡng lý luận với thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Đối với cộng đồng dân cư: Các địa phương đã khai thác tương đối tốt các thiết chế văn hóa cơ sở, dịp lễ hội truyền thống và ngày hội đại đoàn kết, chuyển hóa các quy định pháp luật không thành các thông điệp văn hóa trực quan, sinh động, phù hợp với trình độ nhận thức của Nhân dân.

Đặc biệt, dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các tỉnh, thành phố VDHBB đã nhạy bén trong việc chiếm lĩnh không gian và thời gian trên môi trường số. Việc tận dụng ưu thế về tốc độ của Internet và các nền tảng mạng xã hội đã cho phép dòng thông tin về PCTNTC được vận động liên tục, phá vỡ giới hạn về khoảng cách và thời gian vật lý. Sự chuyển dịch này góp phần tạo ra sự thay đổi mạnh mẽ trong nhận thức, thái độ và hành vi của cả chủ thể và đối tượng tuyên truyền trong công tác đấu tranh PCTNTC.

b) Sự quan tâm đầu tư và quản lý, sử dụng phương tiện, cơ sở vật chất, kinh phí hợp lý góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền

- Các phương tiện truyền thông đại chúng, truyền thông xã hội được sử dụng thường xuyên và phát huy hiệu quả trong tuyên truyền PCTNTC.

Việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương, pháp luật của Đảng và Nhà nước về PCTNTC qua đài phát thanh, truyền hình, báo chí đã được các sở, ban, ngành, địa phương tại các tỉnh, thành phố VDHBB rất quan tâm. Trong đó, Đài truyền hình, cơ quan báo chí của 03 tỉnh, thành phố đã chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền với nhiều nội dung và hình thức phong phú. Tuyên truyền thông qua hệ thống truyền thanh xã, phường, đặc khu đã được cấp ủy, chính quyền cấp xã chú trọng. Ngoài ra, còn được đăng tải trên bản tin công tác tư pháp, thông qua hoạt động tiếp xúc đối thoại, hòa giải, tiếp công dân định kỳ, trợ giúp pháp lý và các sinh hoạt của các tổ chức tự quản của Nhân dân.

Cổng thông tin điện tử tỉnh, xã, cổng thông tin điện tử thành phần các sở, ban, ngành, địa phương các tỉnh, thành phố nghiên cứu thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật, công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh, của địa phương trong PCTNTC, đẩy mạnh công khai, minh bạch các chính sách, quy trình, thủ tục giải quyết công việc, gắn với cải cách thủ tục hành chính, là nguồn thông tin chính thống để các cơ quan báo chí khai thác, lan tỏa thông tin; đăng tải tin bài, tranh ảnh cổ động và tuyên truyền khẩu hiệu phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTNTC.

Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh Ninh Bình mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền, phổ biến các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về PCTNTC; nêu gương các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác PCTNTC, các vụ việc TNLPTC trên hệ thống truyền hình, truyền thanh các cấp. Tuyên truyền trên báo in: đăng tải 520 tin, bài, ảnh; trên báo điện tử: đăng phát 280 tin, bài ảnh trong chuyên mục Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, 360 tin, bài, ảnh trong chuyên mục “Trả lời ý kiến bạn đọc”. Trên sóng truyền hình: đăng 665 tin, bài, phóng sự với 1.330 lượt phát sóng; trên sóng phát thanh: đăng 630 tin, bài, phóng sự với 1.206 lượt phát sóng; 206 mục, chuyên mục với 520 lượt phát sóng [111].

Thành phố Hải Phòng đã triển khai hiệu quả hoạt động tuyên truyền về PCTNTC qua các chuyên đề tiêu biểu như: *“Tuyên truyền luật PCTN”*, *“Thông tin các vụ án tham nhũng”*, *“Giáo dục đạo đức lối sống PCTN trong học đường”* và các buổi làm việc của Ban Chỉ đạo Trung ương. Hệ thống truyền thanh cơ sở duy trì tiếp sóng định kỳ và đăng tải tin bài địa phương với tần suất trung bình 02 lượt/tuần. Các nền tảng số như Cổng tin tức thành phố và Fanpage của Sở Thông tin và Truyền thông đã phát huy vai trò kết nối, thu hút hơn 30 triệu lượt xem đối với các vấn đề dư luận quan tâm. Báo Hải Phòng đã tuyên truyền khoảng hơn 2.300 bài, 6.220 tin về các lĩnh vực PCTNTC, các chuyên mục nổi bật như *“Bảo vệ nền tảng tư tưởng của đảng trong tình hình mới”*, *“Xây dựng Đảng”*, *“Đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống”*, *“Góc nhìn và suy nghĩ”* [125].

Trong kỷ nguyên số, các phương tiện truyền thông xã hội như Facebook, Tik Tok, và YouTube đã trở thành công cụ tuyên truyền PCTNTC đầy sức mạnh. Ưu điểm nổi bật là khả năng lan tỏa thông tin về chủ trương, pháp luật và các vụ việc tham nhũng một cách nhanh chóng, rộng rãi tới mọi tầng lớp Nhân dân. Đồng thời, các nền tảng này còn giúp định hướng dư luận, xây dựng văn hóa liêm chính qua các hình thức sáng tạo, hấp dẫn. Đây còn là kênh giám sát xã hội hiệu quả, cho phép người dân tương tác, phản ánh, cung cấp thông tin tố giác, tạo áp lực để các cơ quan chức năng vào cuộc.

Kết quả khảo sát phản ánh rằng “các phương tiện truyền thông xã hội (Facebook, Tik Tok, Instagram, YouTube)” nhận được ý kiến đánh giá cao nhất trong các phương tiện tuyên truyền về PCTNTC được sử dụng trong thời qua với tổng số 87,5% ý kiến trả lời “hiệu quả” và “rất hiệu quả”; thấp nhất là “các tổ chức chính trị - xã hội và sinh hoạt của các tổ chức” (58,5%) [Phụ lục 4, bảng 1.8].

- Các tỉnh, thành phố VDHBB quan tâm đầu tư và sử dụng hợp lý cơ sở vật chất, kinh phí cho hoạt động tuyên truyền về PCTNTC

Mặc dù ngân sách chi cho hoạt động tuyên truyền PCTNTC còn hạn hẹp, chính quyền và Ban Tuyên giáo các cấp (nay là Ban Tuyên giáo và Dân vận) tại các tỉnh, thành phố VDHBB đã chủ động phối hợp, tích cực huy động các nguồn vốn để cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho hoạt động tuyên truyền. Đặc biệt, việc đầu tư cho các phương tiện hiện đại nhằm đổi mới phương pháp tuyên truyền đã được chú trọng hơn, như: máy chiếu, máy fax, máy ghi âm, máy ảnh, máy tính kết nối internet tốc độ cao, cùng các phần mềm quản lý và tìm kiếm tư liệu. Việc xuất bản, in ấn và trang cấp các tài liệu như Bản tin Thông tin báo cáo viên, Sổ tay Báo cáo viên, bản tin Sinh hoạt chi bộ, Tạp chí Báo cáo viên và nhiều tài liệu, ấn phẩm tuyên truyền về pháp luật nói chung và pháp luật PCTNTC nói riêng. Cụ thể, Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng đã biên soạn, in và phát hành 60.000 tờ gấp pháp luật với nội dung “*Tìm hiểu quy định pháp luật về tội phạm tham nhũng*”; tờ gấp “*Tìm hiểu một số quy định pháp luật về bảo vệ người tố cáo*”; và tờ gấp “*Tìm hiểu một số quy định*

pháp luật về tố cáo”; biên soạn, in và phát hành 1200 cuốn sách “*Hỏi - Đáp về Luật khiếu nại, tố cáo*”; trang bị 400 cuốn sách Luật PCTN, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo cho các thành viên hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật các quận huyện và nhân dân đến làm việc tại bộ phận “Một cửa” Sở Tư pháp [124].

Tỉnh Ninh Bình đã cung cấp 5.580 đầu sách pháp luật cho báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh; 510 cuốn đề cương tuyên truyền pháp luật; 100 cuốn sổ tay nghiệp vụ PBGDPL; 400 cuốn sách hệ thống hóa các văn bản về PCTN; biên tập và in ấn 03 - 04 số bản tin tư pháp mỗi năm với số lượng 3.000 - 4.000 cuốn; in ấn hàng nghìn tài liệu Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm phục vụ tại các hội nghị tuyên truyền pháp luật về PCTN [127].

Hàng năm, các địa phương đều dành kinh phí mở các lớp tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên từ tỉnh đến xã. Năm 2025, thành phố Hải Phòng tổ chức 50 lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Tuyên giáo ở cơ sở và tuyên truyền miệng, báo cáo viên với tổng số trên 4.500 người [20]. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ Quảng Ninh đã tổ chức lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ và ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo trong công tác tuyên giáo và dân vận cho 152 báo cáo viên, tuyên truyền viên và cán bộ, công chức các ban xây dựng đảng, ban tuyên giáo và dân vận, giảng viên trung tâm chính trị các phường, xã, đặc khu, các đảng bộ trực thuộc Tỉnh uỷ [23].

Dữ liệu khảo sát phản ánh, 58,75% CBCC đánh giá việc “sử dụng kinh phí cho hoạt động tuyên truyền về PCTNTC” là hiệu quả và rất hiệu quả; tiếp đến là “Sử dụng thời gian cho các hoạt động tuyên truyền PCTNTC” (72%) [Phụ lục 4, bảng 1.10].

c) Chủ động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số đã tạo ra những bước chuyển biến tích cực về diện mạo và chất lượng hoạt động tuyên truyền về PCTNTC đối với ĐNCBCC cấp xã tại các tỉnh, thành phố VDHBB.

Về hạ tầng và kênh thông tin số: Hệ thống cổng thông tin điện tử của Đảng bộ và chính quyền các cấp đã được nâng cấp đồng bộ, đóng vai trò là trục xương

sống trong việc công khai, minh bạch hóa các quy trình thủ tục hành chính. Việc xây dựng và khai thác các kênh thông tin số (cổng thông tin, nhóm trao đổi trực tuyến, kho tài liệu số) được đánh giá ở mức “tốt” và “rất tốt” chiếm tỷ lệ 49%. Sự linh hoạt còn thể hiện qua việc thiết lập các nhóm trao đổi trên mạng xã hội như Zalo, Facebook. Đây chính là nền tảng công nghệ phổ biến nhất hiện nay với 82,75% ý kiến lựa chọn là kênh truyền thông hiệu quả nhất. Điều này giúp thông tin chỉ đạo được truyền đạt xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã, đảm bảo tính thời sự và tính chiến đấu trong công tác tư tưởng. Ngoài ra, các phương thức số hóa khác như cổng thông tin điện tử (31,5%), hệ thống loa truyền thanh số hóa (28,75%) đang hỗ trợ đắc lực cho việc tiếp cận thông tin chính thống [Phụ lục 4, bảng 1.11].

Về sản phẩm truyền thông số: Thay vì các phương thức truyền thống có phần khô cứng, hoạt động tuyên truyền đã chuyển dịch mạnh mẽ sang sử dụng đa phương tiện. Các nội dung lý luận về PCTNTC được cụ thể hóa thông qua hệ thống infographic trực quan, video ngắn. Kết quả khảo sát ghi nhận có 44,0% ý kiến đánh giá việc sử dụng các sản phẩm truyền thông số ở mức “tốt” và “rất tốt”. Việc số hóa các tài liệu điện tử không chỉ giúp tiết giảm chi phí in ấn mà còn tối ưu hóa khả năng tiếp cận, giúp CBCC cấp xã dễ dàng nắm vững các quy định pháp luật và nhận diện các biểu hiện TNTC [Phụ lục 4, bảng 1.15].

Về kiểm tra, đánh giá và quản trị: Hiệu quả của hoạt động tuyên truyền hiện nay bước đầu được đo lường bằng định lượng thông qua các công cụ công nghệ số. Mặc dù đây là lĩnh vực mới nhưng đã có 38,0% CBCC đánh giá việc ứng dụng công nghệ số trong kiểm tra, đánh giá (khảo sát trực tuyến, hệ thống báo cáo điện tử) đạt mức từ tốt trở lên. Việc triển khai các hệ thống này đã giúp cấp ủy cấp trên nắm bắt sát sao, thực chất mức độ nhận thức và phản hồi của cán bộ cấp xã. Các công cụ đo lường và phân tích dữ liệu số đang dần khẳng định vai trò là cơ sở khoa học quan trọng để điều chỉnh nội dung, phương thức tuyên truyền sát với đặc thù kinh tế - xã hội của VDHBB, từ đó nâng cao tính định hướng và sức lan tỏa của công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong tình hình mới [Phụ lục 4, bảng 1.15].

3.2.2.3. Xây dựng, phát huy tốt môi trường xã hội khách quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tuyên truyền về phòng chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

Sự bứt phá kinh tế năng động cùng các chính sách đãi ngộ đặc thù tại Hải Phòng, Quảng Ninh và Ninh Bình đã nâng cao thu nhập, giải quyết áp lực đời sống để CBCC cấp xã yên tâm giữ vững sự liêm chính. Đồng thời, sự ổn định chính trị - xã hội và kỷ cương Đảng nghiêm minh tại các địa phương này là điểm tựa vững chắc, củng cố niềm tin và tạo động lực cho cán bộ tự giác “tự soi, tự sửa”. Kết hợp với môi trường văn hóa lành mạnh kế thừa từ các giá trị truyền thống đặc trưng, đạo đức công vụ và văn hóa liêm chính ở cơ sở được định hình rõ nét. Sự cộng hưởng hài hòa của các điều kiện khách quan này đã kiến tạo một môi trường thực tiễn thuận lợi để nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC. Đặc biệt trong nhiệm kỳ 2025 - 2030, tại các tỉnh, thành phố VDHBB, văn hóa liêm chính được xác định là giá trị cốt lõi nhằm chuyển hóa nhận thức thành hành động tự giác, hiện thực hóa mục tiêu “không muốn” TNTC trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Tỉnh ủy Quảng Ninh quyết liệt triển khai toàn diện, đồng bộ, thường xuyên công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, cán bộ, xây dựng văn hóa liêm chính, không TNTC. Công tác giáo dục liêm chính được thực hiện từ sớm thông qua việc đưa nội dung PCTNTC vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đồng thời đẩy mạnh bồi dưỡng chuẩn mực đạo đức cách mạng cho cán bộ trong kỷ nguyên mới. Trong khi đó, tỉnh Ninh Bình khẳng định: “*cấp ủy, chính quyền các cấp thực hiện nghiêm các quy định về văn hóa liêm chính, không TNLPTC; quản lý, phòng ngừa, ngăn chặn suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên của cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện nghiêm quy chế văn hóa công sở; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp*” [111].

Tại Hải Phòng, việc quán triệt học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được cụ thể hóa thành bản lĩnh chính trị và sự tận tụy của đội ngũ cán bộ, lấy sự gương mẫu của người đứng đầu làm thước đo giá trị

để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 nhấn mạnh: *“Công tác xây dựng Đảng về đạo đức được đặc biệt coi trọng, tạo được chuyển biến rõ nét trong việc noi gương, nói đi đôi với làm, xây đi đôi với chống và ý thức tu dưỡng, rèn luyện của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là ĐNCBCC và người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp”* [108].

Môi trường xã hội lành mạnh, minh bạch chính là nền tảng vững chắc giúp củng cố niềm tin của nhân dân và tạo dư địa thuận lợi cho các thông điệp tuyên truyền về PCTNTC được tiếp nhận hiệu quả. Sự minh bạch này được thúc đẩy mạnh mẽ thông qua tiến trình chuyển đổi số và cải cách hành chính sâu rộng. Hải Phòng đạt tỷ lệ 100% cơ quan nhà nước sử dụng hệ thống quản lý văn bản điều hành tích hợp chữ ký số; tỉnh Quảng Ninh duy trì sự công khai tuyệt đối các thủ tục hành chính tại các trung tâm hành chính công theo quy trình “5 bước trên môi trường điện tử”; trong khi tỉnh Ninh Bình tích cực triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các lĩnh vực dịch vụ công nhạy cảm như giáo dục, y tế và thuế nhằm triệt tiêu các cơ hội nảy sinh tham nhũng. Đặc biệt, cơ chế kiểm soát tài sản, thu nhập thông qua việc kê khai, công khai bản kê hằng năm đã góp phần quan trọng vào việc minh bạch hóa nguồn gốc tài sản của người có chức vụ, quyền hạn.

Để tạo xung lực mới cho công tác PCTNTC, các địa phương đã đa dạng hóa hình thức tuyên truyền và huy động tổng lực sức mạnh xã hội. Thành phố Hải Phòng tận dụng tối đa lợi thế của kỷ nguyên số khi khai thác mạng xã hội và cổng tin tức thành phố với hàng chục triệu lượt tiếp cận để lan tỏa các thông điệp PCTNTC; tỉnh Quảng Ninh định kỳ tổ chức các cuộc thi báo cáo viên, tuyên truyền viên giỏi nhằm thu hút sự tương tác trực tiếp từ cán bộ, đảng viên. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan truyền thông tại địa phương được phát huy tối đa thông qua các chuyên mục chuyên sâu, tạo lập cơ chế giám sát và phản biện xã hội sắc bén. Đồng thời, thực thi nghiêm ngặt các quy định bảo vệ người tố giác, tạo tâm lý an tâm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân khi tham gia đấu tranh chống TNTC.

Báo cáo thực tiễn của một số xã, phường VDHBB đã cung cấp thêm luận cứ khoa học, làm sáng tỏ và chứng minh cho các nhận định nêu trên:

“Công khai minh bạch 100% thủ tục hành chính, dự toán ngân sách, chế độ chính sách. Thực hiện đầy đủ quy chế chi tiêu nội bộ, chuẩn hóa định mức, tiêu chuẩn. 100% cán bộ, công chức ký cam kết liêm chính, không TNTC. 100% lương, phụ cấp, chế độ an sinh xã hội chi trả qua tài khoản ngân hàng. 100% đối tượng kê khai tài sản, thu nhập thực hiện đúng quy định; chưa phát hiện kê khai không trung thực” [131]. “Công bố, công khai và đồng bộ 100% thủ tục hành chính, đồng thời ban hành các quy trình xử lý và mẫu biểu hồ sơ các thủ tục hành chính. Trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính, chưa phát hiện cán bộ gây khó khăn, phiền hà cho công dân và doanh nghiệp. Trong kỳ báo cáo không có trường hợp nào vi phạm phải xử lý [56].

Thực tiễn tại VDHBB khẳng định: Kiến tạo môi trường văn hóa liêm chính, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân là điều kiện nền tảng để chuyển hóa nội dung tuyên truyền PCTNTC hiệu quả. Sự kết hợp này tạo sức mạnh tổng hợp để đẩy lùi TNTC từ gốc rễ, hiện thực hóa mục tiêu *“không thể, không dám, không muốn, không cần”* TNTC ngay trong tư tưởng ĐNCBC cấp xã.

3.2.2.4. *Những hạn chế trong sử dụng nguồn lực cho hoạt động tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực*

a) *Về sử dụng nguồn nhân lực cho hoạt động tuyên truyền về PCTNTC*

- *Tinh thần trách nhiệm của các chủ thể, sự phối hợp và phát huy vai trò của các tổ chức, các lực lượng tuyên truyền còn hạn chế.*

Một số cấp ủy chưa thực sự thấu hiểu sâu sắc ý nghĩa và tầm quan trọng của hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC, dẫn đến sự thiếu hụt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và đánh giá định kỳ. Việc thực hiện đôi khi còn mang tính hình thức, chưa thực sự tâm huyết, gây ra sự lỏng lẻo trong hệ thống quản lý. Đặc biệt, tinh thần nêu gương của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa cao; tại một số nơi, các đồng chí trong cấp ủy vẫn chưa tích cực tham gia trực tiếp vào nhiệm vụ báo cáo viên trong các đợt nghiên cứu, học tập chỉ thị, nghị quyết của

Đảng. Sự thiếu sâu sát này không chỉ làm giảm hiệu lực lãnh đạo mà còn làm cho hoạt động tuyên truyền tại cơ sở trở nên rời rạc, thiếu sức nặng và sự thuyết phục.

Báo cáo của thành phố Hải Phòng cũng chỉ rõ: *“Ở một vài nơi, nhận thức và trách nhiệm đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN chưa cao nên chưa thực sự tích cực trong tổ chức thực hiện”* [124].

Nghiêm trọng hơn, trong điều kiện cạnh tranh thông tin gay gắt, chất lượng tuyên truyền miệng tại nhiều đơn vị đang bộc lộ sự chậm trễ so với các kênh truyền hình, Internet và mạng xã hội. Sự chậm trễ này tạo ra những “khoảng trống thông tin”, gây khó khăn cho việc định hướng dư luận xã hội kịp thời. Tính chủ động trong đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch của các lực lượng tuyên truyền còn yếu, đôi khi mang tính đối phó và chưa đủ sắc bén để thuyết phục người dân trước những luồng thông tin độc hại.

Tại một số địa phương, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN vẫn mang tính thời vụ, thiếu hệ thống và chưa được lồng ghép chặt chẽ vào nhiệm vụ chuyên môn thường xuyên. Cơ chế phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể và các đơn vị chức năng vẫn còn lúng túng, chưa phân định rõ ràng về trách nhiệm và quyền hạn. Tình trạng “mạnh ai nấy làm” dẫn đến việc nội dung tuyên truyền bị chồng chéo, phân tán nguồn lực. Nhận thức và trách nhiệm đối với công tác PCTN ở một số chủ thể chưa cao, khiến chất lượng phổ biến pháp luật chưa đáp ứng được yêu cầu cấp thiết của xã hội. Những hạn chế trên đang là rào cản lớn đối với hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã ở các tỉnh, thành phố VDHBB.

Chia sẻ về vấn đề này, một đồng chí phó hiệu trưởng chính trị tỉnh Quảng Ninh cho biết: *“Sự phối hợp giữa các cơ quan trong công tác tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực chưa rõ nét, chưa trở thành nhiệm vụ thường xuyên”* (P.H.K, nam, 53 tuổi).

- *Nguồn nhân lực trực tiếp tham gia tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã còn nhiều bất cập*

Vấn đề nổi cộm nhất nằm ở sự thiếu hụt về số lượng đi kèm với sự bất cập về cơ cấu. Đội ngũ cán bộ tuyên truyền pháp luật ở các ngành, các cấp hiện nay

nhìn chung còn mỏng, chủ yếu hoạt động dưới hình thức kiêm nhiệm nên chưa thể dành toàn bộ tâm sức cho nhiệm vụ chuyên môn. Việc xây dựng đội ngũ báo cáo viên các cấp vẫn còn nặng về cơ cấu, thành phần và chức danh lãnh đạo mà chưa thực sự chú trọng đến những người trực tiếp làm công tác nghiệp vụ. Vì vậy, làm cho lực lượng tuyên truyền dù có số lượng đông nhưng thực tế lại không mạnh, thiếu đi những nhân tố nòng cốt có khả năng tạo ra sự đột phá trong nhận thức của CBCCC cấp xã. Tỉnh Ninh Bình thẳng thắn nhìn nhận: *“Số lượng, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp nhìn chung còn nặng về cơ cấu, thành phần, chức danh lãnh đạo; đội ngũ báo cáo viên dù đã có nhiều cố gắng nhưng chưa có nhiều báo cáo viên có kỹ năng tốt. Ý thức, trách nhiệm của một bộ phận báo cáo viên các cấp trong chấp hành nội quy hoạt động báo cáo viên chưa nghiêm túc, tham gia hội nghị chưa đầy đủ”* [110].

Sâu xa hơn, trình độ chuyên môn và năng lực nghiệp vụ của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên vẫn chưa có sự đồng đều. Khả năng tự nghiên cứu, cập nhật các quy định pháp luật mới về PCTNTC của một bộ phận cán bộ tuyên truyền còn rất hạn chế, dẫn đến việc thông tin cung cấp đôi khi bị lạc hậu hoặc thiếu tính hệ thống. Vẫn thiếu vắng những báo cáo viên có kỹ năng sư phạm tốt và phương pháp truyền đạt lôi cuốn, khiến việc định hướng và thông tin tuyên truyền thiếu sức thuyết phục, chưa đủ sức nặng để tác động mạnh mẽ đến tư tưởng và hành động của đối tượng được tuyên truyền. Tỉnh ủy Quảng Ninh cũng chỉ rõ: *“Chất lượng báo cáo viên chưa đồng đều, đội ngũ báo cáo viên tuy đông nhưng chưa mạnh; có những đồng chí được phân công làm báo cáo viên nhưng kỹ năng còn hạn chế, việc định hướng, thông tin, tuyên truyền chưa thực sự thuyết phục”* [23].

Bên cạnh những hạn chế về năng lực, ý thức và trách nhiệm của một bộ phận báo cáo viên cũng là vấn đề cần nghiêm túc nhìn nhận. Một số báo cáo viên chấp hành nội quy hoạt động không nghiêm túc, tham gia các hội nghị báo cáo viên một cách ngắt quãng, thiếu thường xuyên vẫn còn diễn ra; chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm của mình, chưa chủ động trong việc xây dựng kế hoạch tuyên truyền cụ thể tại địa phương, cơ quan hay đơn vị công tác. Báo cáo của thành phố Hải Phòng khẳng định: *“Một số báo cáo viên, tuyên truyền viên chưa tích cực học*

tập, rèn luyện, nâng cao trình độ toàn diện để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tuyên truyền trong tình hình mới” [107]. Sự bất cập này đang là một điểm nghẽn lớn, cản trở hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC thực chất và bền vững.

- Kết quả đổi mới hình thức, phương pháp tuyên truyền về PCTNTC chưa đáp ứng được yêu cầu

Một là, hình thức tuyên truyền còn nặng tính hình thức và thiếu sự phân hóa đối tượng. Mặc dù hoạt động tuyên truyền về PCTNTC đã được triển khai thông qua nhiều hình thức đa dạng, song dữ liệu khảo sát phản ánh hiệu quả tiếp cận thông tin của ĐNBCC cấp xã vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định, chưa đảm bảo tính đồng bộ và chuyên sâu.

Đáng chú ý là các cuộc thi tìm hiểu về PCTNTC vốn được kỳ vọng tạo sức lan tỏa mạnh mẽ lại đang là hình thức bộc lộ nhiều bất cập khi có tỷ lệ tiếp cận “rất thường xuyên” thấp nhất trong các danh mục khảo sát, chỉ đạt 5,25%. Ngược lại, có tới 20,8% đối tượng được hỏi phản hồi tiếp cận “không thường xuyên” và 7,2% ở mức “rất không thường xuyên”. Các phương thức mang tính hỗ trợ như hoạt động văn hóa, văn nghệ cũng chưa phát huy tối đa vai trò trực quan khi vẫn tồn tại khoảng 13,75% CBCC chưa tiếp cận một cách thường xuyên [Phụ lục 4, bảng 1.2].

Hình thức tuyên truyền như hội thảo, hội nghị, tọa đàm có 15,0% ý kiến đánh giá ở mức tiếp cận “không thường xuyên”. Đặc biệt, hình thức đào tạo là các lớp học và lớp tập huấn vẫn chưa đạt được độ bao phủ toàn diện khi ghi nhận 13,25% CBCC tiếp cận “không thường xuyên” và 3,5% ở mức “rất không thường xuyên”. Như vậy, một bộ phận không nhỏ CBCC cấp xã vẫn nằm ngoài sự tác động thường xuyên của các kênh tuyên truyền chính thống, dẫn đến lỗ hổng trong việc cập nhật và củng cố kiến thức chuyên sâu về PCTNTC tại cơ sở [Phụ lục 4, bảng 1.2].

Theo đánh giá của Tỉnh ủy Quảng Ninh: “Một số báo cáo viên mới chỉ dừng lại ở việc truyền đạt, cung cấp thông tin đến đối tượng, chưa sử dụng hình thức đối thoại nên chưa phát huy dân chủ, thực hiện chức năng thông tin hai chiều. Tính chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch chưa cao, còn thụ động, chưa đủ sức thuyết phục” [112]. Thực tiễn tại

phường Đông Hải cũng phần nào phản ánh rõ: *“Hình thức tuyên truyền còn thiên về hội nghị, chưa thật sự lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng dân cư. Chưa có nhiều mô hình điểm, điển hình tiên tiến được nhân rộng. Sự tham gia của một số đoàn thể, chi hội còn mang tính hình thức, chưa đều tay [131].*

Hai là, phương pháp tuyên truyền chưa đáp ứng được nhu cầu của ĐNCBCC cấp xã. Việc phân tích sâu các biến số định lượng từ kết quả khảo sát đã bộc lộ các điểm nghẽn cơ bản sau:

Sự bất cập của các phương pháp truyền thông mang tính một chiều: *Nhóm phương pháp dùng lời nói bộc lộ hạn chế rõ rệt với tỷ lệ “rất hiệu quả” thấp nhất, chỉ từ 14,75% đến 24,75%; phương pháp “hội thảo” có tỷ lệ không hiệu quả cao nhất (4,25%) [Phụ lục 4, bảng 1.7], cho thấy các hình thức sinh hoạt học thuật này đang dần xơ cứng, thiếu tính tương tác và chưa giải quyết thỏa đáng các vấn đề thực tiễn phát sinh tại cơ sở. “Tại một số chi bộ, việc thông tin tuyên truyền tới cán bộ, đảng viên có nơi chưa đi vào nề nếp, chất lượng tuyên truyền còn hạn chế. Thông tin còn chậm, chưa đảm bảo tính thời sự; phương thức hoạt động vẫn còn mang tính thông tin một chiều từ trên xuống, chưa chú trọng nhiều tới đối thoại với cán bộ, đảng viên và nhân dân” [21].*

Hiệu ứng lan tỏa thấp của nhóm thông tin trực quan: Dù có sự cải thiện về hình thức, nhóm phương pháp trực quan vẫn mang tính thụ động. Việc “Tài liệu, sách báo, tờ rơi” chỉ đạt 18,5% mức “rất hiệu quả” phản ánh sự lạc hậu của các ấn phẩm truyền thông trong kỷ nguyên số, dẫn đến lãng phí nguồn lực trong khi khó đo lường mức độ thâm thấu nhận thức. Tỷ lệ đánh giá “bình thường” lên tới 18,0% chứng minh nội dung trực quan còn nặng tính hình thức, chưa tạo được đột phá về tư duy cho đối tượng thụ hưởng [Phụ lục 4, bảng 1.7].

Khoảng cách giữa tổng kết lý luận và nhân rộng mô hình thực tiễn: Có sự chênh lệch đáng kể giữa hiệu quả của việc “chia sẻ kinh nghiệm” (31,25%) và “Tổng kết công tác PCTNTC” (23,0%). Công tác tổng kết PCTNTC hiện nay chủ yếu dừng lại ở báo cáo số liệu kỹ thuật, chưa đúc kết được tri thức thực tiễn để chuyển hóa thành các bài học kinh nghiệm có khả năng phổ biến rộng rãi [Phụ lục 4, bảng 1.7]. 17,5% ý kiến đánh giá mức “bình thường” đối

với phương pháp kể chuyện gương người tốt việc tốt. Số liệu trên phần nào phản ánh sự thiếu hụt kỹ năng của đội ngũ báo cáo viên khi chuyển tải nội dung pháp lý khô khan thành thông điệp truyền cảm hứng, đồng thời cho thấy các điển hình tiên tiến chưa được xây dựng đủ gần gũi để tạo sự đồng cảm và thúc đẩy hành vi tự giác trong ĐNCBCC cấp xã. Còn thiếu vắng các phương pháp tương tác cao và năng lực tối ưu hóa mô hình thực tiễn để chuyển hóa nhận thức thành hành động cụ thể trong đấu tranh PCTNTC.

Ba là, chưa phát huy hiệu quả của các phương tiện tuyên truyền mang tính tương tác cao. Kết quả khảo sát cho thấy, phương tiện tuyên truyền “hệ thống giáo dục lý luận chính trị” và “sinh hoạt của các tổ chức chính trị - xã hội” bộc lộ hạn chế rõ rệt về tính thuyết phục Đặc biệt, “sinh hoạt của các tổ chức chính trị - xã hội” ghi nhận tỷ lệ đánh giá ở mức “bình thường” cao nhất với 38,0%, phản ánh tình trạng các hình thức sinh hoạt đoàn thể đang dần bị “hành chính hóa”, nội dung rập khuôn và thiếu sức hút trực tiếp đối với ĐNCBCC cấp xã [Phụ lục 4, bảng 1.8].

Phương tiện “Tuyên truyền miệng và đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên” có tỷ lệ 35% đánh giá “bình thường”, cho thấy sự thiếu hụt về kỹ năng sư phạm, phương pháp truyền đạt thiếu sinh động hoặc sự chậm trễ trong cập nhật nội dung, dẫn đến việc chưa đáp ứng được yêu cầu giải quyết các tình huống thực tiễn tại địa phương. Việc sử dụng các loại hình văn hóa văn nghệ vẫn chưa đạt được kỳ vọng khi có tới 31,25% CBCC đánh giá hiệu quả chỉ ở ngưỡng “bình thường” và tỷ lệ “không hiệu quả” là 3,25% [Phụ lục 4, bảng 1.8].

b) Sử dụng thời gian, kinh phí, cơ sở vật chất chưa thực sự hiệu quả

Một là, sự bất cập trong phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính đang tạo ra sự mất cân đối giữa mục tiêu chính trị và khả năng thực thi. Kinh phí là yếu tố bảo đảm vận hành, song hiện nay nguồn chi cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nói chung còn rất hạn hẹp so với yêu cầu nhiệm vụ. Việc thiếu hụt các khoản kinh phí chuyên biệt cho các đề án tuyên truyền về PCTNTC buộc các đơn vị phải lồng ghép vào chi phí thường xuyên, dẫn đến tình trạng triển khai manh mún, thiếu tính chiến lược. Tỷ lệ % ý kiến đánh giá

“rất hiệu quả” đối với việc sử dụng kinh phí chỉ đạt 9,0%, thấp nhất trong các tiêu chí khảo sát. Với 38,75% đánh giá ở mức “bình thường” và “không hiệu quả” [Phụ lục 4, bảng 1.10], cho thấy kinh phí đầu tư chưa tạo chưa thực sự tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ của hoạt động tuyên truyền về PCTNTC, làm hoạt động tuyên truyền chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.

Thành phố Hải Phòng đã chỉ rõ: *“Kinh phí từ nguồn ngân sách thành phố chỉ cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật còn nhiều hạn chế so với yêu cầu, nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung. Không có kinh phí bố trí riêng cho việc triển khai đề án, do đó, các hoạt động triển khai thực hiện đề án phải chi trong kinh phí chi thường xuyên trong dự toán được giao đầu năm của các cơ quan, đơn vị, do vậy, hiệu quả đạt được còn chưa được như mong muốn”* [124].

Hai là, sự lãng phí về nguồn lực thời gian và nhân lực do thiếu hụt cơ chế chính sách mang tính đặc thù. Hiện nay, hoạt động tuyên truyền tại cơ sở vẫn thiếu các cơ chế động lực chuyên biệt, khiến hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên phụ thuộc quá lớn vào tinh thần nhiệt tình cá nhân thay vì một hệ thống vận hành chuyên nghiệp. Sự thiếu tính khoa học trong phân bổ thời gian cũng là một rào cản lớn; có 26,5% ý kiến đánh giá tính hiệu quả trong sử dụng thời gian tuyên truyền ở mức “bình thường”; 1,5% đánh giá “không hiệu quả” [Phụ lục 4, bảng 1.10]. Việc sử dụng nguồn lực hiện nay vẫn nặng về tính “tự túc” ở cơ sở, thiếu sự đầu tư tập trung và bài bản, dẫn đến hoạt động tuyên truyền còn mang tính hình thức, hiệu quả thực tế chưa tương xứng với kỳ vọng và niềm tin chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

c) Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tuyên truyền về PCTNTC mới chỉ dừng ở “phần ngọn”, chưa khai thác được các lợi thế của công nghệ và truyền thông đa phương tiện

Trong giai đoạn hiện nay, sự bùng nổ của truyền thông đa phương tiện và các nền tảng số vừa là cơ hội, vừa là thách thức tính nhạy bén của công tác tư tưởng, đòi hỏi việc tuyên truyền PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã phải đổi mới mạnh mẽ về cả phương thức biểu đạt và công cụ chuyển tải. Tuy nhiên, qua phân

tích thực chứng số liệu tại Bảng 1.16 và Bảng 1.17 [Phụ lục 3], đặt trong đặc thù địa chính trị và địa kinh tế của VDHBB, chúng ta nhìn rõ những hạn chế mang tính cốt lõi, những “điểm nghẽn” về mặt tư duy và kỹ thuật. Kết quả khảo sát cho thấy 49,8% ý kiến đánh giá “bình thường” đối với việc xây dựng, khai thác kênh thông tin số. Việc ứng dụng công nghệ để kiểm tra, đánh giá có tới 60,0% tỷ lệ “bình thường” và “rất tốt” chạm đáy ở mức 3,5% chính là minh chứng cho tư duy tuyên truyền một chiều, áp đặt theo kiểu số hóa thô sơ. Số liệu thực chứng trên phần nào cho thấy cấp ủy các cấp ở VDHBB chưa thực sự quan tâm tới các công cụ quản trị tương tác hiện đại như khảo sát trực tuyến hay dữ liệu lớn, coi đó là một công cụ quan trọng để nắm bắt dư luận trong thời đại số, làm cho hoạt động tuyên truyền bị thả nổi ở đầu ra và không định lượng được sự chuyển biến hành vi về PCTNTC của CBCC cấp xã.

Đồng thời, bộc lộ khoảng cách lớn về an ninh tư tưởng khi trận địa chính thống bị “bỏ quên” và có sự lệ thuộc lớn vào các mạng xã hội xuyên biên giới. Trong khi các nhóm Zalo, Facebook chiếm vị trí độc tôn với 82,75% sự lựa chọn, tiềm ẩn nhiều rủi ro về bảo mật thì Cổng thông tin điện tử của tỉnh/xã chỉ đạt 31,5% “hiệu quả”. Các công cụ tiếp cận trực diện, sâu rộng khác cũng chưa được khai thác tương xứng với tiến trình chuyển đổi số quốc gia khi hệ thống loa truyền thanh thông minh chỉ đạt 28,75% và tuyên truyền trực tuyến qua Zoom/Meet chỉ đạt 22,0%. Như vậy, việc ứng dụng công nghệ thông tin tại VDHBB mới chỉ dừng ở “phần ngọn” nghĩa là mới chỉ tận dụng các công cụ sẵn có, chứ chưa chuyển biến ở “phần gốc” là xây dựng tư duy hệ thống, thiết lập hạ tầng dữ liệu chính thống và ứng dụng công nghệ để kiểm tra, giám sát tư tưởng.

3.2.2.5. Xây dựng, phát huy tính tính cực của môi trường xã hội khách quan trong hoạt động tuyên truyền còn bất cập

Một là, sự thiếu đồng bộ về thể chế đang tạo ra những trở lực khách quan cho hoạt động tuyên truyền về PCTNTC. Hệ thống chính sách, pháp luật hiện hành vẫn tồn tại những khoảng trống và kẽ hở, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như quản lý đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng, thẩm định giá và quản lý tài sản công. Nghị quyết số 04-NQ/TW khẳng định: “*Cơ chế, chính sách,*

pháp luật vẫn còn bất cập; một số chủ trương, quan điểm mới của Đảng chưa được thể chế hoá kịp thời, đồng bộ; kiểm soát quyền lực và các biện pháp phòng ngừa chưa thực sự hiệu quả” [12]. Thành phố Hải Phòng chỉ rõ nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong công tác PCTNTC: “Cơ chế, chính sách, pháp luật trên một số lĩnh vực chưa chặt chẽ, khó áp dụng, chưa theo sát thực tiễn, nhất là lĩnh vực tài chính, ngân sách, quản lý sử dụng đất đai, đầu tư xây dựng, thuế, xuất nhập khẩu...” [55]. Chính sự thiếu nhất quán và chưa minh bạch này không chỉ gây khó khăn cho công tác thực thi pháp luật về PCTNTC mà còn trực tiếp làm suy yếu tính thuyết phục của các thông điệp tuyên truyền. Khi nền tảng pháp lý chưa tường minh, thiếu cơ sở thực tiễn vững chắc để định hướng dư luận xã hội và uốn nắn hành vi của ĐNCBCC cấp xã.

Hai là, vai trò của chủ thể lãnh đạo từ cấp tỉnh đến cấp xã chưa được phát huy đúng mức. Môi trường tuyên truyền chỉ thực sự tạo ra sức lan tỏa khi có sự thống nhất biện chứng giữa nói và làm, giữa khẩu hiệu tuyên truyền và hành động thực tế. Nghị quyết số 04-NQ/TW chỉ rõ: “Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, tính nêu gương của một số cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, người đứng đầu còn hạn chế” [12]. Hạn chế này đã trực tiếp làm suy yếu tính tư tưởng của các nội dung tuyên truyền về tính nghiêm minh, công bằng; làm xói mòn niềm tin của cán bộ, đảng viên vào quyết tâm chính trị của Đảng, Nhà nước và địa phương. “Việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu ở cấp cơ sở khi có dấu hiệu vi phạm hoặc để cấp dưới vi phạm pháp luật về PCTN có nơi còn chưa triệt để” [114]. Theo đánh giá của phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng: “Người đứng đầu một số đơn vị chưa thường xuyên quan tâm công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và các quy định về PCTNLPTC” [134]. Tương tự, đánh giá của xã Ninh Cường, tỉnh Ninh Bình cũng cho thấy: “Một số cấp uỷ còn chưa quan tâm, chỉ đạo thường xuyên công tác tuyên truyền, quán triệt về PCTNTC” [133].

Ba là, tình trạng suy thoái đạo đức và các thủ đoạn đối phó tinh vi của một bộ phận cán bộ đang làm biến dạng môi trường văn hóa liêm chính từ bên trong. Thực tế cho thấy nhiều cán bộ có trình độ chuyên môn cao, am hiểu luật pháp nhưng lại lợi dụng chính sự am hiểu đó để tìm cách trục lợi, tâu tán tài sản hoặc

tiêu hủy chứng cứ khi bị phát hiện. Khi chủ nghĩa cá nhân lấn át giá trị công vụ, các giải pháp phòng ngừa như kê khai tài sản hay chuyển đổi vị trí công tác dễ bị biến tướng thành các hoạt động đối phó, khiến môi trường văn hóa công vụ bị xâm hại nghiêm trọng. Thực tiễn tại tỉnh Quảng Ninh đã phản ánh: *“Một bộ phận cán bộ, công chức thiếu tu dưỡng, rèn luyện, lợi dụng sơ hở trong cơ chế, chính sách để thực hiện hành vi tham nhũng, làm trái quy định, quy trình công tác để vụ lợi”* [114]. Tương tự như vậy, tỉnh Ninh Bình khẳng định: *“Hành vi tham nhũng do những người có chức vụ, quyền hạn, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hiểu biết pháp luật thực hiện rất tinh vi, có khả năng sử dụng nhiều phương thức, thủ đoạn để trốn tránh, đối phó với cơ quan điều tra như tiêu hủy tài liệu, vật chứng, tẩu tán tài sản tham nhũng nên việc phát hiện, xử lý gặp khó khăn”* [111].

Dưới đây là đánh giá của một số đơn vị cấp xã, cũng phần nào làm sáng tỏ thêm nhận định trên: *“Một số cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu chưa thật sự quan tâm, quyết liệt trong công tác tự kiểm tra, tự phát hiện nội bộ. Cán bộ, đảng viên, người dân chưa an tâm, ngại đấu tranh chống TNLPTC, góp ý, phê bình cán bộ, đảng viên vi phạm”* [132]. *“Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa chủ động, quyết liệt trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác PCTNTC. Một số cán bộ, công chức, viên chức chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm* [131].

Kết quả phỏng vấn sâu một cán bộ của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Ninh Bình cũng cho thấy *“Thách thức lớn nhất khi tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã đó là căn bệnh “nói không đi đôi với làm” của một bộ phận lãnh đạo cấp trên, nhất là những biểu hiện tiêu cực trong công tác cán bộ”* (N.T.N, nữ, 48 tuổi).

Những hạn chế nêu trên cho thấy, hoạt động tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC ở các tỉnh, thành phố VDHBB mới chỉ giải quyết phần “ngọn” là xử lý vụ việc, mà chưa chú trọng xây dựng “gốc rễ” từ văn hóa liêm chính và hoàn thiện thể chế. Sự thiếu gắn kết giữa giáo dục đạo đức công vụ với siết chặt kỷ luật, kỷ cương khiến nội dung tuyên truyền còn nặng tính hình thức, chưa đủ sức tác động mạnh mẽ đến tâm lý và thay đổi hành vi của đối tượng tiếp nhận.

3.2.3. Đánh giá mức độ đạt được mục đích tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở các tỉnh, thành phố vùng duyên hải Bắc bộ

Trong những năm qua, kết quả chuyển biến về nhận thức, thái độ, niềm tin, tính tích cực chính trị - xã hội của ĐNCBCC cấp xã ở các tỉnh, thành phố VDHBB trong PCTNTC cơ bản đạt được mục tiêu tuyên truyền về PCTNTC. Nhìn chung, qua các báo cáo tổng kết từ cấp xã đến cấp tỉnh của 03 địa bàn nghiên cứu cho thấy đa số ĐNCBCC cấp xã có hiểu biết tốt và nắm vững các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của tỉnh về PCTNTC; có khả năng nhận diện đúng các biểu hiện, nguyên nhân, hậu quả của TNTC và các luận điệu chống phá về PCTNTC của các thế lực thù địch. Đại đa số CBCC cấp xã có niềm tin sâu sắc vào quyết tâm chính trị PCTNTC của Đảng và Nhà nước (95,3% CBCC cấp xã được hỏi tin tưởng và tin tưởng tuyệt đối [Phụ lục 1, biểu đồ 3]), và tin tưởng vào thành công của cuộc đấu tranh này. Qua khảo sát, có tới 79,9% CBCC cấp xã đánh giá kết quả PCTNTC của Đảng và Nhà nước ở mức cao và rất cao [Phụ lục 1, biểu đồ 4]; 60,5 % CBCC được hỏi đánh giá về hiệu quả tuyên truyền về PCTNC ở mức hiệu quả và rất hiệu quả [Phụ lục 1, biểu đồ 6]. Đồng thời, ĐNCBCC cấp xã cũng thể hiện rõ tính tích cực chính trị - xã hội trong PCTNTC tại địa phương thông qua các số liệu sau: 92,0% CBCC cấp xã chủ động, trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ PCTNTC [Phụ lục 4, bảng 1.6]; 72,25% chủ động đấu tranh với các biểu hiện TNTC, ngăn ngừa và xử lý các hành vi TNTC trong phạm vi quản lý; 66,% chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin xuyên tạc về công tác PCTNTC và 77,0% chủ động phát hiện, phản ánh hành vi TNTC trong phạm vi quản lý [Phụ lục 4, bảng 1.6]. Căn cứ vào các số liệu trên có thể khẳng định, kết quả tuyên truyền về PCTNTC đạt được là tương đối cao so với mục tiêu đặt ra.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, kết quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã còn những hạn chế nhất định. Khi đặt những hạn chế về nhận thức, thái độ, niềm tin và tính tích cực chính trị - xã hội của ĐNCBCC

cấp xã trong PCTNTC trong mối quan hệ với mục đích tuyên truyền sẽ thấy giữa mục đích và kết quả đạt được còn một khoảng cách khá xa.

Mục đích	Kết quả
Nhận thức sâu sắc đường lối, chủ trương, pháp luật của Đảng và Nhà nước về PCTNTC	Nhận thức của một bộ phận CBCC cấp xã về chủ trương, đường lối, pháp luật về PCTNTC của Đảng và Nhà nước chưa thật sự đầy đủ, sâu sắc
Niềm tin sâu sắc vào quyết tâm chính trị PCTNTC và đồng thuận cao với các giải pháp PCTNTC của Đảng, Nhà nước	Niềm tin của một bộ phận CBCC cấp xã vào quyết tâm chính trị trong đấu tranh PCTNTC của Đảng và Nhà nước chưa thật vững chắc, còn có biểu hiện hoài nghi, dao động
Tự giác, chủ động, kiên quyết đấu tranh PCTNTC trong thực tiễn công tác	Bản lĩnh chính trị của một bộ phận CBCC chưa vững vàng, còn bị cám dỗ bởi vật chất; suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; Tích tích cực chính trị - xã hội của một bộ phận CBCC cấp xã trong đấu tranh PCTNTC chưa cao

Mặc dù trong tuyên truyền, sự phân hóa chất lượng thành các mức độ khác nhau là tất yếu. Tuy nhiên vẫn có tới 20% ý kiến trả lời mức độ hiểu biết về một số quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC ở mức “bình thường”; 9,2% ý kiến “phân vân” vào quyết tâm chính trị PCTNTC của Đảng và Nhà nước và 17,5% cho rằng kết quả PCTNTC “còn hạn chế”; 22,7% CBCC cho rằng năng lực nhận diện và đấu tranh với các quan điểm sai trái về PCTNTC ở mức “bình thường”. Hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã chưa cao đặt ra yêu cầu cần phải đánh giá đúng các nguyên nhân của hạn chế khuyết điểm, những vấn đề đặt ra cần phải giải quyết để từ đó

đề ra các giải pháp đồng bộ, toàn diện, khả thi nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC trong thời gian tới.

3.2.4. Nguyên nhân của kết quả và hạn chế

3.2.4.1. Nguyên nhân của kết quả

a) Nguyên nhân khách quan

Một là, quyết tâm chính trị mang tính chiến lược của Trung ương với những kết quả đột phá và tinh thần thượng tôn pháp luật “không có vùng cấm, không có ngoại lệ” trong PCTNTC đã tạo ra hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ, sâu rộng trong toàn bộ hệ thống chính trị và đời sống xã hội. Quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước đóng vai trò như một động lực tinh thần, thổi một luồng sinh khí mới vào đời sống chính trị - xã hội, thúc đẩy và nâng cao mức độ đồng thuận, tin tưởng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với các chủ trương, biện pháp đấu tranh PCTNTC. Ý chí chính trị của Đảng và Nhà nước về PCTNTC đã tạo ra một áp lực và động lực khách quan, làm cho hệ thống chính trị từ cấp tỉnh đến cấp xã tại VDHBB phải thực thi một cách đồng bộ, nghiêm túc và trách nhiệm, chuyên hóa quyết tâm của Trung ương thành hành động cụ thể tại địa phương.

Hai là, điều kiện kinh tế - xã hội năng động, phát triển là nền tảng vững chắc, thúc đẩy sự đầu tư bài bản về nguồn lực và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động tuyên truyền về PCTNTC. Là khu vực kinh tế trọng điểm với tốc độ đô thị hóa và hội nhập quốc tế nhanh, VDHBB đã tạo ra những tiền đề vật chất và thời gian rất thuận lợi cho hoạt động tuyên truyền về PCTNTC. Về hạ tầng và kinh phí, nhờ nguồn lực ngân sách địa phương phát triển dồi dào, các tỉnh, thành phố trong vùng đã chủ động phân bổ nguồn kinh phí hợp lý, hiện đại hóa các trang thiết bị và phương tiện truyền thông chuyên dụng. Về thời gian, các cơ quan chức năng đã thực hiện cơ chế bố trí quỹ thời gian một cách khoa học cho các hoạt động tuyên truyền về PCTNTC; qua đó giúp ĐNCBCC cấp xã vừa hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn, vừa tiếp thu đầy đủ, sâu sắc, toàn diện các tinh thần chỉ đạo về PCTNTC của Đảng mà không bị quá tải. Sự kết hợp tối ưu giữa nguồn lực vật chất và giải pháp thời gian này đã trực tiếp nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã.

Ba là, sự bùng nổ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu hướng chuyển đổi số mạnh mẽ với sự phổ cập sâu rộng của hạ tầng thông tin, internet băng thông rộng cùng các nền tảng mạng xã hội đã tạo ra hệ thống công cụ kỹ thuật hiện đại, là tiền đề khách quan đặc biệt thuận lợi cho hoạt động tuyên truyền nói chung và tuyên truyền về PCTNTC nói riêng. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ đã phá vỡ những giới hạn mang tính truyền thống của không gian và thời gian trong công tác tư tưởng; cho phép các chủ thể đa dạng hóa phương thức truyền tải, tối ưu hóa diện phủ sóng và đẩy tốc độ tiếp cận thông tin lên mức tối đa. Nhờ đó, các thông điệp chỉ đạo, định hướng chính trị về PCTNTC được chuyển tải đến ĐNCBCC cấp xã một cách nhanh chóng, trực quan và tức thời, góp phần nâng cao tính thời sự và hiệu năng định hướng tư tưởng tại cơ sở.

Bốn là, sự hình thành bước đầu mang tính lan tỏa của văn hóa liêm chính và môi trường xã hội lành mạnh tại địa phương là nhân tố khách quan, tạo không gian nuôi dưỡng bền vững cho hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC. Xem xét từ quy luật tương tác xã hội, hoạt động tuyên truyền luôn chịu sự tác động biện chứng từ môi trường và ngược lại, tuyên truyền góp phần tích cực vào việc kiến tạo môi trường. Về mặt thể chế, các tỉnh, thành phố VDHBB đã chú trọng xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy chế ứng xử và cơ chế phòng ngừa TNTC ngay từ cơ sở; từ đó thiết lập nên một cơ chế sàng lọc pháp lý kết hợp đạo đức công vụ vững chắc. Định hướng này khi kết hợp với sức mạnh của dư luận xã hội đã từng bước định hình rõ nét văn hóa liêm chính trong hệ thống chính trị, chuyển hóa việc đấu tranh chống TNTC thành một chuẩn mực đạo đức khách quan của cộng đồng. Khi toàn xã hội đạt được sự đồng thuận cao trong việc tôn vinh sự liêm chính, môi trường đó sẽ kích thích mạnh mẽ tính tích cực chính trị - xã hội của ĐNCBCC cấp xã; thúc đẩy họ chuyển từ trạng thái thực thi nhiệm vụ hành chính thuần túy sang tinh thần chủ động, tự giác và nâng cao trách nhiệm trong việc phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi sai phạm trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình.

Năm là, sự hoàn thiện và tính minh bạch ngày càng cao của pháp luật, hệ thống quy định về PCTNTC của Đảng và Nhà nước, trọng tâm là các cơ chế

về kiểm soát quyền lực, kê khai tài sản và trách nhiệm giải trình đã xây dựng nên hành lang lý luận khoa học cho hoạt động tuyên truyền. Sự định hình và vận hành ngày càng đồng bộ của thể chế chính trị - pháp lý không chỉ cung cấp những luận cứ thực chứng sắc bén, làm tăng tính thuyết phục, tường minh cho các nội dung tuyên truyền về PCTNTC, mà còn giữ vai trò là điểm tựa pháp lý vững chắc. Qua đó, giúp triệt tiêu tối đa sự mơ hồ, lúng túng của các chủ thể tuyên truyền trong quá trình cụ thể hóa đường lối, chủ trương về PCTNTC và triển khai các hành động thực tiễn tại địa bàn cấp xã.

b) Nguyên nhân chủ quan

Bên cạnh các nguyên nhân khách quan, hệ thống các nguyên nhân chủ quan chính là nhân tố quyết định trực tiếp việc chuyển hóa các điều kiện bên ngoài thành kết quả thực tiễn định lượng cụ thể ở cơ sở.

Một là, sự quyết liệt, đồng bộ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và sự phối hợp chặt chẽ của cả hệ thống chính trị địa phương là nguyên nhân tiên quyết, giữ vai trò định hướng và tạo động lực cho hoạt động tuyên truyền. Về công tác chỉ đạo, cấp ủy và chính quyền các tỉnh, thành phố VDHBB đã thể hiện quyết tâm chính trị cao thông qua việc quán triệt sâu sắc, cụ thể hóa và triển khai kịp thời, nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC vào đặc thù thực tiễn của từng địa phương. Quyết tâm chỉ đạo đó được bảo đảm bằng một cơ chế vận hành đồng bộ; theo đó, hoạt động tuyên truyền không bị cô lập ở một cơ quan chuyên trách đơn lẻ mà có sự kết hợp, lồng ghép chặt chẽ giữa các tổ chức, các lực lượng. Sự phối hợp nhịp nhàng, đúng chức năng từ Ban Tuyên giáo và Dân vận, cơ quan Thanh tra, Tư pháp cho đến Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, giúp cho các thông tin tuyên truyền, định hướng pháp luật về PCTNTC luôn được truyền tải một cách thông suốt, nhất quán và chuyển hóa sâu rộng xuống tận ĐNCBCC cấp cơ sở.

Hai là, sự bứt phá trong đổi mới tư duy lý luận và phương pháp tiếp cận công tác tư tưởng là nhân tố quyết định tính hấp dẫn, chiều sâu của hoạt động tuyên truyền. Các chủ thể tuyên truyền đã chuyển dịch căn bản từ tư duy

“cung cấp cái mình có” sang “cung cấp cái đối tượng cần”, bắt kịp xu thế phát triển của thời đại. Về nội dung, hoạt động tuyên truyền đã thoát ly khỏi những lý thuyết thuần túy, khô khan để kết hợp hài hòa, biện chứng giữa phổ biến văn bản quy phạm pháp luật với việc công khai kịp thời kết quả thanh tra, kiểm tra, biểu dương các thành tựu thực tiễn trong đấu tranh PCTNTC; qua đó vừa tối ưu hóa tính rắn đẽ, cảnh tỉnh, vừa củng cố sâu sắc niềm tin chính trị của ĐNCBCC cấp xã. Về phương pháp, các hình thức tuyên truyền được thiết kế đa dạng, phù hợp với đặc điểm tâm lý tiếp nhận của CBCC cấp xã. Đặc biệt, việc tối đa hóa hiệu năng của hệ thống truyền thông đại chúng, mạng xã hội, kết hợp với chiến lược đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số đã tạo ra diện phủ sóng rộng, giúp cán bộ cơ sở tiếp cận, cập nhật thông tin một cách nhanh chóng, trực quan và liên tục.

Ba là, chất lượng vượt trội về trình độ lý luận, bản lĩnh chính trị và tinh thần trách nhiệm của ĐNCBCC cấp xã là nhân tố quyết định hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC. Xem xét từ quy luật tiếp nhận thông tin, hiệu quả tuyên truyền phụ thuộc căn bản vào “độ mở” tư duy và năng lực của chủ thể tiếp thu. Về trình độ và năng lực nhận thức, đại đa số CBCC cấp xã tại VDHBB sở hữu trình độ học vấn và lý luận chính trị cao; từ đó hình thành khả năng tự nhận diện khoa học, chính xác bản chất các biểu hiện TNTC; đồng thời thể hiện sự nhạy bén, sắc sảo trong việc chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin sai lệch, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch. Chính nguồn nội lực chính trị - đạo đức mạnh mẽ này đã đóng vai trò là cầu nối quyết định, chuyển hóa các nội dung tuyên truyền lý luận thành hành động thực tiễn sinh động ở cơ sở

Bốn là, nhân tố mang tính gốc rễ cấu thành hiệu quả tuyên truyền bền vững chính là bản lĩnh chính trị vững vàng và ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện liêm chính cá nhân của chính ĐNCBCC cấp xã. Xuất phát từ động cơ chính trị đúng đắn, đại đa số CBCC cấp xã luôn có ý thức tự rèn luyện, giữ gìn nghiêm cẩn đạo đức công vụ, đạo đức xã hội. Chính sự đồng thuận sâu sắc và niềm tin kiên định vào đường lối, chủ trương của Đảng nói chung và trong PCTNTC nói riêng đã tạo nên một bước chuyển mang tính bước ngoặt, đó là biến họ từ những

đối tượng tiếp nhận thông tin tuyên truyền PCTNTC trở thành những chủ thể tích cực, chủ động tuyên truyền về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, của địa phương về PCTNTC; đồng thời chủ động xây dựng các quy chế phòng ngừa và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ PCTNTC tại địa bàn quản lý.

Trong hệ thống nguyên nhân trên, các nguyên nhân khách quan đóng vai trò là tiền đề, điều kiện cần; các nguyên nhân chủ quan giữ vai trò quyết định trực tiếp, là điều kiện đủ để hoạt động tuyên truyền về PCTNTC tại VDHBB đạt được những thành tựu toàn diện và vững chắc.

3.2.4.2. Nguyên nhân của hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan

Một là, mặt trái của kinh tế thị trường và đặc trưng kinh tế - xã hội của VDHBB. VDHBB là khu vực phát triển kinh tế năng động, tốc độ đô thị hóa nhanh, giao thương hàng hóa và các dự án đầu tư, đất đai, giải phóng mặt bằng diễn ra mạnh mẽ. Sự tăng trưởng kinh tế đột phá một mặt tạo ra các điều kiện thuận lợi về hạ tầng cơ sở và các điều kiện đảm bảo cho công tác tư tưởng nói chung và hoạt động tuyên truyền về PCTNTC nói riêng; mặt khác mặt trái của kinh tế thị trường là kích thích lối sống thực dụng, đề cao giá trị vật chất trong bản thân mỗi con người và là môi trường thuận lợi làm gia tăng nguy cơ cám dỗ, tạo áp lực trực tiếp lên tư tưởng, tâm lý của CBCB cấp xã - những người trực tiếp xử lý các lợi ích kinh tế sát sườn ở cơ sở, dẫn đến việc một bộ phận cán bộ bị lung lay bản lĩnh, suy thoái đạo đức, lối sống. Do đó, các hoạt động tuyên truyền về PCTNTC nếu không thực sự tác động sâu sắc vào tư tưởng, tình cảm của ĐNCBCC cấp xã sẽ rất khó làm thay đổi hành vi của họ trước các cám dỗ vật chất. Vì vậy, sẽ làm giảm hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC.

Hai là, sự bất cập, thiếu đồng bộ và chậm đổi mới của hệ thống thể chế, cơ chế chính sách đặc thù đối với ĐNCBCC cấp xã. Hệ thống luật pháp, thể chế về PCTNTC dù đã có bước tiến lớn nhưng ở một số khía cạnh vẫn chưa đồng bộ, còn có những “khoảng trống” hoặc quy định chồng chéo. Nghị quyết số 04-NQ/TW khẳng định: “Cơ chế, chính sách, pháp luật vẫn còn bất cập; một số chủ trương, quan điểm mới của Đảng chưa được thể chế hoá kịp

thời, đồng bộ; kiểm soát quyền lực và các biện pháp phòng ngừa chưa thực sự hiệu quả” [14]. Đặc biệt, thiếu hụt các cơ chế chính sách đặc thù, mang tính đãi ngộ phù hợp nhằm nâng cao thu nhập, mức sống cho ĐNCBCC cấp xã; định mức phân bổ kinh phí, thời gian dành riêng cho hoạt động tuyên truyền về PCTNTC ở cấp xã. Trong khi đó cuộc sống của ĐNCBCC cấp xã, đặc biệt ở các vùng nông thôn còn nhiều khó khăn, thu nhập thấp nên đội ngũ này chưa thực sự yên tâm công tác. Do vậy những nội dung tuyên truyền về PCTNTC có thể khó thâm nhập vào đời sống tinh thần của đội ngũ này. Đồng thời, việc phân bổ thời gian cho các hoạt động tuyên truyền về PCTNTC vừa chưa đủ vừa không phù hợp, kinh phí đầu tư cho các hoạt động tuyên truyền còn ít, chưa thực sự đáp ứng đúng nhiệm vụ chính trị của tuyên truyền. Các hạn chế trên trở thành lực cản trực tiếp làm giảm hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã.

Ba là, sự bùng nổ của không gian mạng, công nghệ số và các thủ đoạn chống phá tinh vi từ các thế lực thù địch, cơ hội chính trị. Sự phát triển mạnh mẽ của internet và mạng xã hội mang lại nhiều tiện ích nhưng cũng là mảnh đất để các thế lực thù địch, cơ hội chính trị tung các thông tin xấu độc, xuyên tạc, thổi phồng các vụ việc TNTC nhằm bôi nhọ Đảng, Nhà nước, chế độ. Trong khi đó, việc chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tuyên truyền chính thống tại các tỉnh, thành phố VDHBB còn chậm, mới dừng ở “phần ngọn”, chưa thực sự khai thác được các ưu thế các nền tảng công nghệ và phương tiện truyền thông đa phương tiện để lan tỏa các giá trị tốt đẹp, lấy thông tin tích cực đẩy lùi thông tin tiêu cực. Sự mất cân đối này làm cho không gian thông tin bị nhiễu loạn, tác động tiêu cực đến niềm tin, gây ra biểu hiện hoài nghi, dao động ở một bộ phận CBCC cấp xã vào quyết tâm chính trị PCTNTC của Đảng và Nhà nước. Do đó, làm ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC.

Bốn là, tác động từ những đặc trưng văn hóa vùng miền và tâm lý “phép vua thua lệ làng” ở nông thôn Việt Nam. Môi trường văn hóa - xã hội cấp xã, đặc biệt là ở vùng nông thôn VDHBB, vẫn chịu ảnh hưởng đậm nét bởi tâm lý tiểu nông, văn hóa làng xã và các mối quan hệ dòng họ, thân quen đan xen. Đặc

trung này vô hình trung tạo ra rào cản tâm lý cực lớn, làm loãng tính nghiêm minh của pháp luật và tinh thần thượng tôn pháp luật chưa cao. Vì vậy, các nội dung tuyên truyền về PCTNTC ở mức độ nhất định xâm nhập không sâu vào nhận thức của một bộ phận CBCC cấp xã, từ đó làm giảm hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC trên cả ba phương diện nhận thức, thái độ, niềm tin và tính tích cực chính trị - xã hội của ĐNCBCC cấp xã trong PCTNTC tại địa phương.

b) Nguyên nhân chủ quan

Một là, vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu các cấp, đặc biệt là cấp xã trong lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động tuyên truyền về PCTNTC chưa được phát huy đúng mức. Một số cấp ủy, chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện (trước ngày 01/7/2025), cấp xã chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của hoạt động tuyên truyền trong đấu tranh PCTNTC, với tư cách là một bộ phận quan trọng của công tác tư tưởng; việc lãnh đạo, chỉ đạo còn mang tính đối phó, nặng về thực hiện chỉ tiêu hành chính hơn là xây dựng văn hóa liêm chính. Sự thiếu quyết liệt, buông lỏng hoặc thiếu kiểm tra, giám sát của chủ thể lãnh đạo làm giảm tính nghiêm túc, khiến tinh thần trách nhiệm và sự phối hợp giữa các tổ chức, đoàn thể, lực lượng tuyên truyền bị lỏng lẻo, hạn chế. Vì vậy, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp tham gia tuyên truyền về PCTNTC tại các tỉnh, thành phố VDHBB.

Hai là, một số chủ thể lãnh đạo, quản lý hoạt động tuyên truyền và chủ thể trực tiếp tuyên truyền từ cấp tỉnh đến cơ sở suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống và nhiều bất cập về năng lực, chậm đổi mới về phương thức tuyên truyền. Nghị quyết số 04-NQ/TW khẳng định: “Một bộ phận không nhỏ đảng viên, cán bộ, công chức suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống. Không ít cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành, kể cả cán bộ lãnh đạo cao cấp, còn thiếu gương mẫu trong việc giữ gìn phẩm chất đạo đức; chưa đi đầu trong cuộc sống đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và thực hành tiết kiệm” [12]. Đây là một nguyên nhân cơ bản dẫn đến hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã tại VDHBB chưa cao. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực trực tiếp tham gia tuyên truyền còn hạn chế về kiến thức chuyên sâu về PCTNTC, thiếu kỹ năng nghiệp vụ sư phạm chính trị hiện đại và các kỹ năng

tuyên truyền chuyên biệt. Do đó, phương pháp tuyên truyền vẫn theo lối mòn, độc thoại, chưa đáp ứng nhu cầu của đối tượng là CBCC cấp xã có trình độ chuyên môn và trình độ lý luận cao; hình thức tuyên truyền còn nặng tính hình thức, rập khuôn từ trên xuống, thiếu sự phân hóa phù hợp với đặc thù của ĐNCBCC cấp xã và chưa khai thác được các phương tiện tuyên truyền mang tính tương tác cao. Do vậy, trực tiếp làm giảm hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC.

Ba là, bản lĩnh chính trị và ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức liêm chính của một bộ phận CBCC cấp xã chưa cao. Đây là một trong nguyên nhân quan trọng, trực tiếp thuộc về tư tưởng chính trị của cán bộ làm giảm hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã. Thực tế cho thấy, một bộ phận CBCC cấp xã hiện nay chưa thực sự phát huy tinh thần tự học tập, tự nghiên cứu các chủ trương, pháp luật của Đảng và Nhà nước về PCTNTC một cách chuyên sâu; tinh thần “tự soi, tự sửa” chưa trở thành một thói quen để tự hoàn thiện bản thân; xem nhẹ việc trau dồi lý luận chính trị và rèn luyện đạo đức liêm chính. Hạn chế này ảnh hưởng đến các hoạt động tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã chưa thực sự đạt được hiệu quả mong muốn, chưa tác động sâu rộng đến nhận thức, niềm tin và hành động thực tế trong PCTNTC của đội ngũ này.

Bốn là, việc đầu tư thời gian, kinh phí, khai thác và sử dụng các nền tảng công nghệ phục vụ hoạt động tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã chưa thỏa đáng. Cấp ủy và chính quyền các cấp, trong đó có cấp xã chưa chủ động, linh hoạt trong việc cân đối, phân bổ nguồn lực tài chính, thời gian cho hoạt động tuyên truyền một cách khoa học, trong đó thời gian tuyên truyền chưa thực sự phù hợp, nguồn tài chính đầu tư cho các hoạt động tuyên truyền còn hạn hẹp, gây ra tình trạng mất cân đối giữa mục tiêu về hiệu quả tuyên truyền PCTNTC và khả năng thực thi. Đồng thời, một số địa phương VDHBB vẫn còn tâm lý thụ động, trông chờ, chưa quyết liệt trong việc đầu tư, ứng dụng nền tảng số, công nghệ thông tin và truyền thông đa phương tiện để đổi mới căn bản, đồng bộ công tác tư tưởng chính trị nói chung và hoạt động tuyên truyền về PCTNTC tại địa phương. Đây cũng là một trong những nguyên nhân trực tiếp làm giảm hiệu quả tuyên truyền về PCTNC cho ĐNCBCC cấp xã thời gian vừa qua.

3.3. Những vấn đề đặt ra về hiệu quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã hiện nay

3.3.1. Mâu thuẫn giữa năng lực thực tế, tính tích cực và chủ động của chủ thể tuyên truyền chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao, phức tạp của nhiệm vụ tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã trong tình hình mới

Tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã đã trở thành một mặt trận đấu tranh tư tưởng, chính trị quan trọng nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và sự trong sạch của hệ thống chính trị từ cơ sở. Thực tiễn cho thấy mâu thuẫn cơ bản giữa yêu cầu ngày càng cao, phức tạp của nhiệm vụ tuyên truyền và năng lực của chủ thể thực hiện.

Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTNTC, hoạt động tuyên truyền về PCTNTC hiện nay phải bám sát phương châm “*kiên quyết, kiên trì, không ngừng, không nghỉ*”. Nhiệm vụ này không được dừng lại ở việc phản ánh các vụ án TNTC mà phải đi sâu vào nhận diện, đấu tranh với sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống - cái gốc của mọi sai phạm; đồng thời phải kiên trì tuyên truyền, giáo dục, thực hành văn hóa liêm chính và thúc đẩy các điều kiện đảm bảo để cán bộ, đảng viên “không cần”, “không muốn” TNTC. Tuyên truyền phải đảm bảo tính dự báo, ngăn chặn các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và đủ sức nặng để phản bác các luận điệu xuyên tạc, thù địch về công tác PCTNTC trên không gian mạng. Vì vậy, nhiệm vụ tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã trong tình hình mới đòi hỏi tính toàn diện và sắc bén hơn.

Tuy nhiên, thực tiễn tại các địa phương cho thấy tính tích cực, chủ động của chủ thể tuyên truyền về PCTNTC vẫn là một hạn chế lớn. Báo cáo của Thành ủy Hải Phòng cho thấy: “*Tại một số chi bộ, việc thông tin tuyên truyền tới cán bộ, đảng viên có nơi chưa đi vào nề nếp, chất lượng tuyên truyền còn hạn chế. Thông tin còn chậm, chưa đảm bảo tính thời sự; phương thức hoạt động vẫn còn mang tính thông tin một chiều từ trên xuống, chưa chú trọng*

hiều tới đối thoại với cán bộ, đảng viên và nhân dân” [21]. Tại tỉnh Ninh Bình, “một số báo cáo viên, tuyên truyền viên chưa thực sự nỗ lực phấn đấu học tập, rèn luyện để nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, nhất là kỹ năng tuyên truyền; phương pháp tuyên truyền chưa linh hoạt, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu cung cấp, định hướng thông tin” [111]. Tại Quảng Ninh cũng có sự tương đồng với nhận định của 02 địa phương trên, đó là “chất lượng công tác tuyên truyền miệng ở một số đơn vị chưa thực sự theo kịp yêu cầu ngày càng cao của xã hội; thông tin cung cấp đôi khi còn chậm so với các kênh thông tin khác như truyền hình, Internet, báo chí, mạng xã hội. Một số báo cáo viên mới chỉ dừng lại ở việc truyền đạt, cung cấp thông tin đến đối tượng, chưa sử dụng hình thức đối thoại nên chưa phát huy dân chủ, thực hiện chức năng thông tin hai chiều. Tính chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch chưa cao, còn thụ động, chưa đủ sức thuyết phục” [112].

Hệ quả tất yếu của mâu thuẫn này là tình trạng “tuyên truyền nhiều nhưng hiệu quả thực tế thấp”, do đó ĐNCBCC cấp xã chưa thực sự có sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong công tác đấu tranh PCTNTC. Vấn đề đặt ra hiện nay là phải thực hiện một cuộc cách mạng trong tư duy chủ thể: Chuyển dịch từ hình thức tuyên truyền thụ động sang tương tác đa chiều, từ truyền đạt văn bản thuần túy sang vận động tư tưởng thực chất, có như vậy mới đáp ứng được yêu cầu của công tác PCTNTC trong giai đoạn mới.

3.3.2. Sự bất cập giữa yêu cầu khách quan phải tăng cường giáo dục liêm chính, đạo đức công vụ với xu hướng đề cao lợi ích cá nhân của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã dưới tác động của mặt trái cơ chế thị trường trong hoạt động tuyên truyền phòng chống tham nhũng, tiêu cực

Trong tiến trình đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng, ĐNCBCC cấp xã đóng vai trò là “mắt xích” trọng yếu, là chủ thể trực tiếp hiện thực hóa đường lối của Đảng tại cơ sở. Tuy nhiên, đây cũng là địa bàn diễn ra những biến đổi tâm lý, nhận thức phức tạp nhất.

Về phía yêu cầu khách quan, *“đấu tranh PCTNLPTC vừa là đường lối, chủ trương nhất quán của Đảng, vừa là yêu cầu của đổi mới, phát triển đất nước; vừa là mệnh lệnh chính trị, vừa là đòi hỏi, tin tưởng, kỳ vọng của Nhân dân”* [123]. Đối lập với yêu cầu đó là sự thâm nhập của mặt trái kinh tế thị trường vào đời sống tinh thần, làm nảy sinh tâm lý vị kỷ, chủ nghĩa cá nhân. Một bộ phận CBCC cấp xã đã bị “tha hóa”, lợi dụng sơ hở trong cơ chế, chính sách để thực hiện hành vi tham nhũng, làm trái quy định, quy trình công tác để vụ lợi [114]. Sự bất cập này không chỉ dừng lại ở phạm trù nhận thức mà đã chuyển hóa thành các hành vi vi phạm pháp luật, đúng như nhận diện của Đảng tại Đại hội XIV: *“Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cấp cao thiếu tu dưỡng, rèn luyện, không gương mẫu...suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm kỷ luật, vi phạm những điều đảng viên không được làm, vi phạm pháp luật”* [54, tr.68].

Trong khi yêu cầu của Đảng ngày càng cao về sự tự giác và tính nêu gương, thì một bộ phận CBCC cấp xã bị sa ngã trước các cám dỗ vật chất. Đây là biểu hiện của sự suy thoái về đạo đức, lối sống và quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Trong các bài phát biểu chỉ đạo công tác PCTNTC, Tổng Bí thư Tô Lâm yêu cầu: *“Mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu các cấp phải gương mẫu, tự giác, khép mình vào tổ chức, tuân thủ các quy định, vượt qua những cám dỗ, nhận thức rõ công quỹ là của dân, công quyền là vì dân, nên mọi việc đều xuất phát từ dân, vì dân, không được vì riêng tư, làm ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân”* [123].

Sự bất cập giữa yêu cầu giáo dục văn hóa liêm chính và xu hướng đề cao lợi ích cá nhân là một mâu thuẫn tồn tại khách quan. Giải quyết mâu thuẫn này đòi hỏi một quá trình đấu tranh bền bỉ giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu, giữa “xây” và “chống”, nhằm hướng tới mục tiêu xây dựng ĐNCBCC cấp xã thực sự là “công bộc” của nhân dân, xứng đáng với tầm vóc và yêu cầu của kỷ nguyên phát triển mới.

3.3.3. Khoảng cách giữa yêu cầu đổi mới về nội dung, phương thức tuyên truyền phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với áp lực từ sự phát triển của hệ

sinh thái truyền thông số và năng lực tiếp nhận thông tin ngày càng cao của cán bộ chủ chốt cấp xã

Về bản chất, mâu thuẫn này phát sinh từ hai mặt đối lập: Một bên là yêu cầu tuyên truyền về PCTNTC phải đảm bảo tính chính xác, cẩn trọng và chuẩn mực của các cơ quan chính thống; bên kia là sự phát triển nhanh chóng của truyền thông xã hội như TikTok, Facebook, Youtube hay sự hỗ trợ của AI, nơi thông tin được lan truyền theo cơ chế tương tác thời gian thực, đa chiều và dễ bị bóp méo. Trong khi trình độ dân trí ngày càng cao, đòi hỏi sự minh bạch, phân tích sâu và đối thoại trực diện về những vấn đề “nóng”, thì phương thức tuyên truyền truyền thống đôi khi vẫn chậm chân trong những khuôn mẫu cũ, nặng tính thông báo kết quả mà thiếu sự định hướng trực diện vào những diễn biến phức tạp trên không gian mạng. Điều này tạo ra dư địa cho các loại hình truyền thông xã hội hiện đại có lợi thế về tính kết nối cá nhân và tốc độ trở thành nơi phát tán các luận điệu xuyên tạc, gây nhiễu loạn thông tin và ảnh hưởng đến niềm tin của cán bộ, đảng viên, nhân dân.

Trong giai đoạn hiện nay Đảng ta xác định tuyên truyền là một nhiệm vụ rất quan trọng trong công tác đấu tranh PCTNTC: *“Tuyên truyền, giáo dục là một trong những biện pháp căn bản để nâng cao nhận thức, tinh thần, ý thức, đạo đức, xây dựng liêm chính, chống tha hóa, biến chất”* [117, tr.135]. Nếu hoạt động tuyên truyền về PCTNTC hiện nay không theo kịp sự thay đổi của công nghệ và trình độ nhận thức của ĐNCBCC cấp xã, tự nó sẽ làm yếu đi sức mạnh của “vũ khí tư tưởng”. Để giải quyết mâu thuẫn này, việc đổi mới phải là một cuộc cách mạng về tư duy truyền thông. Phát biểu chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định, phải chuyển từ tư duy “quản lý thông tin” sang “dẫn dắt thông tin”, biến các nền tảng mạng xã hội từ thách thức thành công cụ sắc bén để chiếm lĩnh trận địa tư tưởng. Chỉ khi nội dung về PCTNTC chuyển hóa thành những thông điệp hiện đại, có sức lan tỏa tự nhiên trên các loại hình truyền thông

mới, từ đó có thể giải quyết triệt để mâu thuẫn giữa cũ và mới, góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã.

3.3.4. Rào cản giữa yêu cầu tất yếu phải nâng cao hiệu quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trước những thách thức từ môi trường xã hội và sự giới hạn về các điều kiện bảo đảm

Một là, mâu thuẫn giữa quyết tâm PCTNTC “không có vùng cấm, không có ngoại lệ” và sức cản từ môi trường xã hội đa chiều.

Để công tác PCTNTC của Đảng và Nhà nước đạt được kết quả, một trong những yêu cầu đối với hoạt động tuyên truyền về PCTNTC là phải “*tạo sự tự giác, thống nhất cao về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về PCTNTC*” [117, tr.134], nhằm đạt được các mục tiêu “không muốn”, “không thể”, “không dám”, “không cần” TNTC.

Tuy nhiên, yêu cầu này đang vấp phải sức cản lớn từ môi trường xã hội phức tạp. Tình trạng “*TNLPTC trên một số lĩnh vực vẫn còn phức tạp, nghiêm trọng, nhiều vi phạm có tính phổ biến, lặp đi lặp lại kéo dài, nhất là xảy ra một số vụ, việc có sự cấu kết, móc nối giữa cán bộ thoái hóa, biến chất với doanh nghiệp, hình thành “nhóm lợi ích” để trục lợi, thậm chí chi phối, lũng đoạn quyền lực, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, gây bức xúc trong dư luận và Nhân dân...*” [123]. Bên cạnh đó, một bộ phận người dân dễ bị dẫn dắt bởi thông tin xuyên tạc cho rằng cuộc đấu tranh PCTNTC là “đấu đá nội bộ”, “thanh trừng phe cánh”. Hơn nữa, tàn dư của tư duy tiểu nông, thói quen “văn hóa phong bì” và sự chống phá tinh vi của các thế lực thù địch trên không gian mạng đã tạo ra rào cản vô hình, làm xói mòn uy tín của các cơ quan bảo vệ pháp luật và gây nhiễu loạn định hướng tư tưởng.

Hai là, mâu thuẫn giữa tính “*kịp thời, công khai*” của thông tin tuyên truyền về TNTC và sự thiếu hụt các điều kiện bảo đảm..

Cuộc chiến chống “giặc nội xâm” đòi hỏi thông tin tuyên truyền về PCTNTC phải đi trước một bước, đảm bảo tính minh bạch tuyệt đối để định

hướng dư luận. Tuy nhiên, hiện nay đội ngũ làm công tác tuyên truyền thiếu lá chắn pháp lý đủ mạnh, thường xuyên đối mặt áp lực và sự đe dọa, dẫn đến tâm lý chùn tay hoặc xu hướng tuyên truyền an toàn, thiếu tính chiến đấu. Đồng thời, sự thiếu hụt hạ tầng công nghệ hiện đại (AI, Big Data) để dự báo xu hướng dư luận và sự phối hợp đôi khi chưa đồng bộ giữa cơ quan điều tra và cơ quan truyền thông, báo chí đã tạo ra các khoảng trống thông tin cho tin đồn thất thiệt lan truyền. Nếu không giải quyết kịp thời, tuyên truyền dễ rơi vào tình trạng hình thức, nói nhiều nhưng không thấm. Do vậy, cần xác định vai trò đi trước mở đường” của tuyên truyền; phải khẳng định rõ quyết tâm của Đảng và Nhà nước về PCTNTC; phải giáo dục đạo đức liêm chính, nêu gương người tốt, củng cố niềm tin của nhân dân; sử dụng công nghệ để làm chủ không gian mạng, biến các kênh chính thống thành nguồn dẫn dắt chủ lưu.

Những mâu thuẫn trên chính là động lực để đổi mới tư duy tuyên truyền về PCTNTC. Chỉ khi giải quyết đồng bộ từ việc làm sạch môi trường xã hội đến nâng cao nguồn lực nghiệp vụ, hoạt động tuyên truyền PCTNTC mới thực sự trở thành vũ khí sắc bén, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Tiểu kết Chương 3

Chương 3 đã tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã VDHBB từ năm 2018 đến năm 2026. Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn CBCC đã hiểu rõ mục tiêu, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tin tưởng vào đường lối PCTNTC của Đảng, Nhà nước và có ý thức giữ gìn đạo đức công vụ. Việc huy động các nguồn lực nhân lực, vật chất và ứng dụng chuyển đổi số trong tuyên truyền đã bước đầu phát huy hiệu quả.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, thực trạng hiệu quả tuyên truyền vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Trên cơ sở phân tích thực trạng, luận án đã đúc kết các mâu thuẫn cơ bản đang đặt ra về hiệu quả tuyên truyền: Mâu

thuần giữa năng lực thực tế, tính tích cực và chủ động của chủ thể tuyên truyền chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao, phức tạp của nhiệm vụ tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã trong tình hình mới; Sự bất cập giữa yêu cầu khách quan phải tăng cường giáo dục liên chính, đạo đức công vụ với xu hướng đề cao lợi ích cá nhân của ĐNCBCC cấp xã dưới tác động của mặt trái cơ chế thị trường trong hoạt động tuyên truyền PCTNTC; Khoảng cách giữa yêu cầu đổi mới về nội dung, phương thức tuyên truyền PCTNTC với áp lực từ sự phát triển của hệ sinh thái truyền thông số và năng lực tiếp nhận thông tin ngày càng cao của cán bộ chủ chốt cấp xã; Rào cản giữa yêu cầu tất yếu phải nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC trước những thách thức từ môi trường xã hội và sự giới hạn về các điều kiện bảo đảm.

Việc nhận diện đúng thực trạng và phân tích sâu sắc các mâu thuẫn này là đòi hỏi khách quan, tạo tiền đề lý luận và thực tiễn quan trọng để tác giả đề xuất các giải pháp khả thi tại chương 4 nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã VDHBB thời gian tới.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TUYÊN TRUYỀN VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ Ở CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG DUYÊN HẢI BẮC BỘ THỜI GIAN TỚI

4.1. Quan điểm nâng cao hiệu quả tuyên truyền phòng chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở vùng Duyên hải Bắc bộ

4.1.1. Quán triệt việc nâng cao hiệu quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên trong công tác tư tưởng, tuyên giáo, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vùng Duyên hải Bắc Bộ trong bối cảnh mới

Việc xác định nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với công tác tư tưởng, tuyên giáo và chất lượng ĐNCBCC cấp xã VDHBB trong bối cảnh Đảng ta xác định công tác PCTNTC là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, vừa cấp bách, vừa lâu dài.

Đây là sự khẳng định vị thế “đi trước mở đường” và vai trò “lá chắn thép” của hoạt động tuyên truyền trong bảo vệ sự liêm chính từ sớm, từ xa. Việc nâng cao hiệu quả tuyên truyền PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã VDHBB là sự cụ thể hóa đường lối của Đảng và là tất yếu khách quan của công tác tư tưởng trong giai đoạn hiện nay. Hoạt động tuyên truyền đóng vai trò là màng lọc tư tưởng, chuyển hóa các quy định, pháp luật của Đảng và Nhà nước về PCTNTC thành ý thức tự giác, giúp ĐNCBCC cấp xã hình thành sức đề kháng trước những cám dỗ lợi ích phát sinh từ đặc thù địa bàn chiến lược, nơi tập trung các nguồn lực lớn về đất đai, cảng biển và công nghiệp. Hoạt động tuyên truyền về PCTNTC tại các tỉnh, thành phố VDHBB phải trở thành

thành trì bảo vệ sự liêm chính của ĐNCBCC cấp xã, ngăn chặn nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” ngay từ khi mới manh nha.

Nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC phải gắn liền với việc quán triệt nghiêm túc Quy định số 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị về *chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới*, đồng thời gắn chặt với trách nhiệm người đứng đầu theo Luật PCTN năm 2018, Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; từ đó nâng cao vai trò của tuyên truyền thành một phương thức thực thi trách nhiệm giải trình và công khai, minh bạch hữu hiệu nhất tại cơ sở.

Quán triệt tinh thần hành động **“Nói ít - Làm nhiều - Làm đến cùng”** [48, tr.40] theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng nhằm thực chất hóa hiệu quả tuyên truyền trong thực tiễn. Nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã không chỉ dừng lại ở nhận thức mà phải được đo lường bằng kết quả cụ thể trong chương trình, cơ chế và chính sách khả thi. Cần khắc phục triệt để bệnh hình thức, tình trạng “nói nhiều làm ít” hoặc “nói hay làm dở” trong tổ chức thực hiện. Nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC tại các tỉnh, thành phố VDHBB thực chất là thực hiện phương châm “trị bệnh từ sớm, từ xa”, ngăn chặn nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của ĐNCC cấp xã.

4.1.2. Xác định tuyên truyền phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là giải pháp căn cơ nhằm định hình nhận thức và chuẩn mực đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã; từ đó tạo bước chuyển hóa toàn diện từ nhận thức chính trị sang hành động tự giác, hình thành cơ chế tự kiểm soát tư tưởng bền vững để cán bộ “không muốn” và “không cần” tham nhũng, tiêu cực

Hoạt động tuyên truyền về PCTNTC không chỉ dừng lại ở mức độ cung cấp thông tin đơn thuần về công tác PCTNTC mà được nâng tầm

thành một quy trình giáo dục chính trị, đạo đức cách mạng, văn hóa liêm chính mang tính hệ thống. Thông qua việc tác động trực tiếp vào hệ giá trị của ĐNCBCC cấp xã, hoạt động tuyên truyền thực hiện chức năng bồi đắp tư tưởng, giúp ĐNCBCC cấp xã tự giác rèn luyện đạo đức cách mạng theo chuẩn mực “cần, kiệm, liêm, chính”; thúc đẩy sự chuyển biến từ nhận thức sang hành động tự giác, làm cho các quy định PCTNTC không chỉ được “biết” mà còn được “thấm thấu”, từ đó hiện thực hóa mục tiêu chiến lược “4 không” trong PCTNTC: tạo ra lòng tự trọng để *không muốn*, sự minh bạch để *không thể*, tính nghiêm minh để *không dám* và lý tưởng phụng sự để *không cần* TNTC.

Hoạt động tuyên truyền phải lấy lộ trình “không muốn, không thể, không dám, không cần” TNTC làm trục định hướng bởi nó thiết lập một hệ thống phòng ngự đa tầng, bắt đầu từ việc xây dựng trạng thái “không muốn” - tầng sâu nhất của bản lĩnh chính trị, nơi danh dự và lòng tự trọng được bồi đắp thành “hệ miễn dịch” tự nhiên, giúp CBCC tự giác khước từ cám dỗ mà không cần sự cưỡng bách. Để bảo trợ cho nền tảng đạo đức đó, trạng thái “không thể” đóng vai trò vô hiệu hóa mọi điều kiện khách quan thông qua việc minh bạch hóa quy trình quyền lực và nâng cao trình độ dân trí, pháp trí, khiến các kẽ hở chính sách bị lấp đầy và triệt tiêu hoàn toàn không gian thực thi hành vi trục lợi. Đồng thời, việc xác lập tâm lý “không dám” thông qua tính răn đe của kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước giữ vai trò là “chiếc phanh hãm” cần thiết, tạo ra áp lực định hướng hành vi đối với những cá nhân chưa đủ bản lĩnh, buộc họ phải thoái lui trước rủi ro đánh đổi quá lớn về sinh mệnh chính trị. Đích đến mà lộ trình này hướng tới giải pháp mang tính nhân văn và căn cơ nhất là “không cần”, nơi công tác tư tưởng gắn liền với thực tiễn chính sách đãi ngộ, đảm bảo mức sống và vị thế xã hội để CBCC cấp xã an tâm cống hiến, biến sự liêm chính từ một

tiêu chuẩn khắt khe trở thành một trạng thái tồn tại tự nhiên và bền vững. Sự vận động liên mạch của bốn mắt xích này chính là quá trình chuyển dịch phương thức từ “chống” sang “xây”, tạo nên một chỉnh thể logic chặt chẽ nhằm bảo vệ sự trong sạch của bộ máy chính trị ngay từ cơ sở.

4.1.3. Nâng cao hiệu quả tuyên truyền theo hướng toàn diện, thiết thực, có tính chiến đấu và dự báo, phòng ngừa từ sớm; chú trọng trang bị kiến thức pháp luật, kỹ năng xử lý tình huống và rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

Quan điểm này nhấn mạnh sự chuyển dịch từ hình thức tuyên truyền bề nổi sang chiều sâu, thiết lập hệ giá trị lấy hiệu quả thực tế và sự vững vàng của bản lĩnh chính trị làm thước đo chủ yếu. Tính toàn diện và thiết thực đòi hỏi hoạt động tuyên truyền về PCTNTC phải thoát ly khỏi sự giáo điều, bám sát thực tiễn sinh động tại địa bàn xã; trực diện đấu tranh với các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong ĐNCBCC cấp xã. Việc chú trọng trang bị kỹ năng xử lý tình huống chính là sự bổ trợ nghiệp vụ thiết yếu, giúp CBCC cấp xã tự tin thực thi công vụ trên nguyên tắc thượng tôn pháp luật.

Việc đề xuất quan điểm trên xuất phát từ yêu cầu chuyển đổi tư duy quản trị quốc gia nhằm chuẩn bị cho “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” theo định hướng của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV. Đồng thời, quan điểm này hướng tới giải quyết bài toán “trên nóng, dưới lạnh” trong công tác PCTNTC, khắc phục những diễn biến phức tạp của các sai phạm liên quan đến quản lý đất đai, tài chính công tại cấp xã. Việc rèn luyện bản lĩnh cho ĐNCBCC cấp xã thông qua hoạt động tuyên truyền về PCTNTC chính là phương thức hữu hiệu để hiện thực hóa quyết tâm chính trị của Đảng trong cuộc đấu tranh PCTNTC.

Trong bối cảnh bùng nổ thông tin và sự chống phá tinh vi của các thế lực thù địch đối với cuộc đấu tranh PCTNTC trên không gian mạng, việc nâng cao tính chiến đấu trong tuyên truyền đóng vai trò tạo lập “kháng thể”

chính trị, giúp ĐNCBCC cấp xã đủ năng lực định hướng dư luận và thực hiện hiệu quả phương châm “xây để chống” trong công tác PCTNTC ngay tại địa bàn dân cư. Đây là giải pháp then chốt để xây dựng hệ thống chính trị cấp xã vững mạnh, xứng đáng là nhịp cầu nối liền giữa ý Đảng và lòng dân, tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

4.1.4. Gắn kết chặt chẽ hiệu quả tuyên truyền phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với chuyển đổi số; coi ứng dụng thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là giải pháp đột phá nhằm đổi mới phương thức tuyên truyền, tăng cường tính công khai, minh bạch và sức lan tỏa trên không gian mạng

Với sự phát triển mạnh mẽ của Cuộc cách mạng 4.0 và các quan điểm chỉ đạo quyết liệt của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số, khoa học và công nghệ đã khẳng định hoạt động tuyên truyền PCTNTC gắn với chuyển đổi số là một tất yếu khách quan, mệnh lệnh chính trị trong kỷ nguyên số. Chuyển đổi số trong tuyên truyền không chỉ đóng vai trò là công cụ hỗ trợ kỹ thuật mà được nâng tầm thành hạ tầng chiến lược của hoạt động tuyên truyền hiện đại. Việc ứng dụng công nghệ số cho phép đổi mới căn bản phương thức tuyên truyền, thực hiện bước chuyển dịch từ mô hình truyền tải một chiều truyền thống sang các hình thức đa phương tiện, tương tác thực tế ảo dựa trên phân tích dữ liệu lớn. Trên nền tảng số giúp nội dung PCTNTC trở nên sinh động, tiệm cận với thói quen tiếp cận thông tin của cán bộ, đảng viên mà còn tạo ra sự thâm thấu tư tưởng một cách tự nhiên và hiệu quả. Bên cạnh đó, chuyển đổi số còn thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực thông qua tính công khai, minh bạch; việc số hóa quy trình và hệ thống hóa các kết luận thanh tra, kết quả xử lý các vụ án tham nhũng,.. trên các nền tảng số giúp nhanh chóng đưa các hành vi tiêu cực ra ánh sáng dư luận. Thông qua trí tuệ nhân tạo (AI) và các thuật toán phân tích xu hướng, hoạt động tuyên truyền có khả năng dự báo các “điểm nóng” tư tưởng, từ

đó chủ động chiếm lĩnh trận địa thông tin và phản bác sắc bén các luận điệu xuyên tạc về công tác PCTNTC trên không gian mạng.

Quan điểm này xuất phát từ yêu cầu tự thân của hoạt động tuyên truyền trong kỷ nguyên số và hiện thực hóa chỉ đạo chiến lược của Đại hội Đảng XIV về chuyển đổi số quốc gia. Hơn nữa, trong bối cảnh không gian mạng trở thành “mặt trận thông tin” phức tạp, nơi các thế lực thù địch triệt để lợi dụng vấn đề tham nhũng để bôi nhọ chế độ, việc hình thành các binh chủng tuyên truyền hiện đại là đòi hỏi khách quan để bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Chuyển đổi số còn đóng vai trò là cầu nối giúp thu hẹp khoảng cách giữa Đảng và dân, tạo điều kiện thuận lợi nhất để nhân dân tiếp cận thông tin chính thống và thực hiện quyền giám sát theo phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” trên nền tảng công nghệ số hiện đại. Đây chính là giải pháp căn cơ để xây dựng một xã hội liêm chính, minh bạch, tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới theo đúng tinh thần và khát vọng của Đại hội XIV.

4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả tuyên truyền phòng chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở vùng Duyên hải Bắc bộ

4.2.1. Phát huy trách nhiệm và tính tiên phong, gương mẫu của các chủ thể tiến hành hoạt động tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

4.2.1.1. Nâng cao nhận thức của các chủ thể về hiệu quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Trong bất cứ lĩnh vực nào, một hành động chỉ được coi là tự giác, có trách nhiệm khi chủ thể nhận thức đúng đắn mục đích, vị trí, vai trò và quy trình của hành động đó. Tuyên truyền về PCTNTC là hoạt động tác động vào tinh thần, tình cảm của con người, vì vậy hoạt động tuyên truyền nói chung và tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã nói riêng đòi hỏi tính tự giác

cao của chủ thể. Mặt khác, hiệu quả trực tiếp của hoạt động tuyên truyền về PCTNTC rất trừu tượng, khó đo đạc cụ thể. Nếu chủ thể không có nhận thức đúng, trách nhiệm cao rất dễ xảy ra hành động qua loa, hời hợt, hình thức, không mang lại kết quả cao và lãng phí các nguồn lực.

Nâng cao nhận thức của các chủ thể về hiệu quả tuyên truyền PCTNTC đóng vai trò là giải pháp gốc rễ, mở đường và định hướng cho mọi hoạt động tuyên truyền. Nâng cao nhận thức không thuần túy là việc tiếp nhận thông tin thụ động mà là quá trình tác động sâu sắc vào tâm lý, tình cảm để chuyển hóa tri thức chính trị thành hệ giá trị niềm tin và hành vi tự giác. Nâng cao nhận thức của các chủ thể tuyên truyền chính là việc yêu cầu các chủ thể phải xác lập tư duy đi trước mở đường để xây dựng văn hóa liêm chính cho ĐNCBCC cấp xã. Tư duy về hiệu quả tuyên truyền phải chuyển dịch từ định lượng sang định tính, lấy sự chuyển biến tích cực về nhận thức, thái độ và tính tích cực chính trị - xã hội của ĐNCBCC cấp xã trong PCTNTC làm thước đo chủ yếu.

Từ thực tiễn cho thấy, nhận thức chung về hiệu quả tuyên truyền PCTNTC của một bộ phận chủ thể lãnh đạo, quản lý và chủ thể trực tiếp tuyên truyền chưa cao, dẫn đến tình trạng tuyên truyền còn khô khan, hình thức, thậm chí chỉ mang tính chất cầm chừng, chỉ để hoàn thành nhiệm vụ. Việc nâng cao nhận thức về hiệu quả tuyên truyền chính là tiền đề để các chủ thể đổi mới phương thức tuyên truyền, đưa các quan điểm, chủ trương, pháp luật và quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước trong PCTNTC thấm thấu vào đời sống CBCC cấp xã một cách tự nhiên và thuyết phục.

Để hiện thực hóa những mục tiêu trên, cần triển khai hệ thống giải pháp một cách đồng bộ, linh hoạt và nhuần nhuyễn. Trước hết, phải kiên trì quán triệt các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu của Đảng về PCTNTC, đưa phương châm “kiên quyết, kiên trì” trở thành kim chỉ nam trong hoạt động tuyên truyền về PCTNTC và tích hợp giáo dục liêm chính vào các chương trình đào tạo, bồi

đường CBCC cấp xã một cách thực chất. Hai là, thực hành triết lý nêu gương của lãnh đạo cấp cao, xác lập tiêu chí đánh giá năng lực quản trị thông qua hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC tại đơn vị, địa phương. Ba là, hiện đại hóa phương thức tuyên truyền theo phương châm “đúng và trúng”, cá nhân hóa nội dung tuyên truyền và khai thác tối đa lợi thế của chuyển đổi số, mạng Internet để lan tỏa các gương điển hình trong đấu tranh chống TNTC. Việc chuẩn hóa cơ chế đánh giá hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC qua bộ chỉ số KPIs và tạo lập dư luận xã hội rộng rãi để phê phán cái xấu nhằm đảm bảo tính thực chất của hoạt động tuyên truyền. Phải siết chặt kỷ luật, kiên quyết xử lý sai phạm, đồng thời xây dựng cơ chế bảo vệ, đãi ngộ cho đội ngũ dũng cảm đi đầu trên mặt trận đấu tranh chống TNTC.

4.2.1.2. Phân định rõ trách nhiệm của các chủ thể trong tiến hành hoạt động tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

Việc xác định và phân định rõ trách nhiệm của các chủ thể là yếu tố then chốt, mang tính quyết định đến hiệu quả của hoạt động tuyên truyền về PCTNTC. Hệ thống chủ thể này được cấu trúc theo mô hình phân tầng chức năng chặt chẽ, đảm bảo tính thống nhất từ định hướng chiến lược đến tổ chức thực hiện tại cơ sở. Trên cơ sở phân định rõ trách nhiệm giữa các chủ thể trong hoạt động tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã giúp khắc phục triệt để tình trạng “cha chung không ai khóc” trong hoạt động tuyên truyền; tối ưu hóa các nguồn lực thông qua phát huy thế mạnh đặc thù của từng chủ thể; bảo đảm tính thống nhất và xuyên suốt của thông tin tuyên truyền; thúc đẩy tính tự giác và nêu gương của ĐNCBCC cấp xã.

Để nâng phân định rõ trách nhiệm giữa các chủ thể trong tuyên truyền PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã, cần tập trung vào các biện pháp sau:

Một là, thể chế hóa và cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của từng chủ thể trong quy trình tuyên truyền.

- Đối với Cấp ủy cấp trên, Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh ủy: Giữ vai trò định hướng chính trị và điều tiết nội dung tuyên truyền. Các chủ thể cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương thành các hướng dẫn phù hợp với đặc thù địa phương (đặc biệt là vùng ven biển Bắc Bộ); cung cấp thông tin chính thống, mang tính dự báo và phê duyệt các kịch bản tuyên truyền trọng điểm để đảm bảo tính thống nhất trong toàn Đảng bộ.

- Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh: Đảm bảo các điều kiện thực thi. Trách nhiệm trọng tâm là phân bổ nguồn lực kinh phí, đầu tư trang thiết bị kỹ thuật cho hệ thống truyền thanh cơ sở và các nền tảng số. Thực hiện lồng ghép nội dung PCTNTC vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng thực thi công vụ cho ĐNCBCC cấp xã.

- Đối với Ủy ban Kiểm tra và các cơ quan Nội chính: Cung cấp dữ liệu thực chứng; có trách nhiệm tổng hợp, lựa chọn và cung cấp các vụ việc điển hình đã có kết luận kiểm tra, xét xử để phục vụ hoạt động tuyên truyền dưới dạng án tại hồ sơ, tạo sức răn đe, cảnh tỉnh trực tiếp đối với CBCC cấp xã.

Hai là, thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành.

- Thiết lập mối liên kết chặt chẽ về chuyên môn giữa Ban Tuyên giáo và Dân vận cấp tỉnh với đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên và các cơ quan truyền thông cấp tỉnh. Bồi dưỡng phương pháp, kỹ năng mềm cho cấp dưới, đảm bảo thông tin được truyền tải nhanh chóng, chính xác từ tầng nấc vĩ mô đến vi mô.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc dân vận hóa các nội dung pháp luật về PCTNTC. Trách nhiệm của các tổ chức này là chuyển tải các thuật ngữ pháp lý khô khan thành ngôn ngữ đại chúng, gắn liền với quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ, đảng viên, nhân dân từ đó tạo sự đồng thuận xã hội và giám sát lẫn nhau ngay tại cơ sở.

Ba là, áp dụng quy chế nêu gương và xác lập trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu.

- Bí thư Đảng ủy và Chủ tịch UBND các cấp phải chịu trách nhiệm trước cấp ủy cấp trên về tình tư tưởng, nhận thức pháp luật và hành vi của đội ngũ cán bộ thuộc quyền quản lý. Sự yếu kém trong nhận thức của cấp dưới được xem là khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của người đứng đầu.

- Người đứng đầu tại các địa phương có trách nhiệm trực tiếp quán triệt các nội dung về PCTNTC. Việc thực thi nghiêm túc các quy định về công khai, minh bạch trong quản lý ngân sách, đất đai và đầu tư công tại địa phương chính là bài giảng thực tế có giá trị thuyết phục cao nhất đối với ĐNCBCC cấp xã.

Bốn là, phân cấp quản lý gắn với đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động tuyên truyền về PCTNTC.

- Trường Chính trị tỉnh, Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh ủy có trách nhiệm số hóa học liệu, xây dựng các ngân hàng câu hỏi, bài giảng điện tử và tình huống thực tế về PCTNTC để CBCC cấp xã có thể tự tra cứu, học tập thường xuyên trên các thiết bị di động.

- Ban Chỉ đạo 35 và lực lượng nòng cốt có trách nhiệm định hướng dư luận xã hội trên các hội nhóm, mạng xã hội tại địa phương; kịp thời nhận diện và đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề PCTNTC để gây mất đoàn kết nội bộ tại cơ sở.

Năm là, hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC và chế tài xử lý trách nhiệm đối với các chủ thể.

Để chuyển hóa các biện pháp từ khẩu hiệu thành hành động thực tế, cần định lượng hóa kết quả thông qua việc xác lập bảng mô tả công việc cụ thể và đưa hiệu quả tuyên truyền PCTNTC thành tiêu chí đánh giá thi đua bắt buộc cho mọi tổ chức, cá nhân. Đồng thời, phải quy định rõ trách nhiệm và chế tài xử lý đối với những đơn vị, cá nhân buông lỏng quản lý hoặc thực hiện hời hợt, chậm cập nhật quan điểm của Đảng, nhằm đảm bảo tính kỷ luật và nghiêm minh trong hoạt động tư tưởng.

4.2.1.3. *Phát huy tính tiên phong, gương mẫu của các chủ thể lãnh đạo, quản lý hoạt động tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực làm tấm gương cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã tin tưởng, học tập và làm theo*

Quy định số 144-QĐ/TW về “chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới” yêu cầu: *“Cán bộ, đảng viên chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, cấp trên gương mẫu trước cấp dưới, cấp ủy gương mẫu trước đảng viên, đảng viên gương mẫu trước quần chúng”* [9]. Hiệu quả tuyên truyền không chỉ nằm ở sức mạnh của lý luận hay sự hiện đại của công nghệ, mà quan trọng nhất là ở sức mạnh của sự gương mẫu từ chính những người làm công tác tuyên truyền. Đối với ĐNCBCC cấp xã, sự gương mẫu của các chủ thể tuyên truyền đóng vai trò là “mệnh lệnh không lời”, tạo dựng niềm tin và sự chuyển biến tích cực từ nhận thức sang hành động. Trong những năm qua, Đảng ta rất quan tâm đến vấn đề nêu gương của cán bộ, đảng viên, trong đó phải kể đến các quy định: Quy định số 101-QĐ/TW của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; Quy định số 08-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; và đặc biệt là Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Từ thực tiễn đã chứng minh, người làm công tác tuyên truyền phải sạch, phải sáng thì mới có thể *“nói cho dân tin, làm cho dân theo”*, nhằm tạo ra hiệu ứng *“trên dưới đồng lòng”*, *“dọc ngang thông suốt”*.

Nhằm tối ưu hóa hiệu quả triển khai, cần ưu tiên các nhóm biện pháp có tính khả thi cao. Thứ nhất, phải thiết lập “Bộ chỉ số nhận diện sự gương mẫu” đối với chủ thể tuyên truyền, chuyển hóa các tiêu chuẩn đạo đức định

tính thành các tiêu chí định lượng trong thực thi công vụ, làm cơ sở để CBCC cấp xã giám sát ngược lại chủ thể tuyên truyền. Thứ hai, thực hiện cơ chế đối thoại định kỳ, trong đó chủ thể tuyên truyền không chỉ nói về lý thuyết PCTNTC mà phải thể hiện được sự trung thực của bản thân trong kê khai tài sản, thu nhập và việc thực hiện quy tắc ứng xử của bản thân trước đối tượng tuyên truyền, tạo ra một môi trường tương tác dân chủ và minh bạch hóa trách nhiệm. Thứ ba, ứng dụng công nghệ trong tuyên truyền số, xây dựng các trang mạng xã hội của các chủ thể tuyên truyền thành các “vùng xanh” về đạo đức công vụ, nơi mỗi hành động liêm chính thường nhật của họ được lan tỏa thành các thông điệp giáo dục trực quan. Thứ tư, đổi mới cơ chế đánh giá cán bộ tuyên truyền, chỉ những cán bộ có hồ sơ công vụ sạch, không có tỳ vết về đạo đức và lối sống mới được đảm nhiệm các chuyên đề về PCTNTC. Thứ năm, cần xây dựng cơ chế bảo vệ và tôn vinh những chủ thể truyền cảm hứng liêm chính, biến việc nêu gương trở thành nhu cầu tự thân, một nét văn hóa chính trị tự giác của mỗi chủ thể tuyên truyền, từ đó tạo ra sức lan tỏa tự nhiên, khắc phục triệt để tình trạng “nói một đằng, làm một nẻo”, góp phần xây dựng ĐNCBCC cấp xã thực sự bản lĩnh, liêm chính và tận tâm phục vụ nhân dân.

4.2.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã “dưỡng liêm” nhằm ngăn chặn tham nhũng, tiêu cực từ sớm, từ xa

4.2.2.1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật để ngăn chặn tham nhũng, tiêu cực từ sớm, từ xa

Giải pháp này tập trung vào việc tạo lập một hành lang pháp lý khép kín và hệ thống kiểm soát quyền lực đa tầng, chuyển trọng tâm từ hậu kiểm, xử lý sai phạm sang tiền kiểm, tiên lượng và triệt tiêu các xung đột lợi ích ngay từ khi mới manh nha. Đối với VDHBB, nơi có tốc độ đô thị hóa nhanh,

sôi động về kinh tế biển và đầu tư công, việc ngăn chặn TNTC “từ sớm, từ xa” đồng nghĩa với việc định hình những quy tắc ứng xử minh bạch, loại bỏ các khoảng trống, kẽ hở trong chính sách quản lý đất đai, tài nguyên và huy động nguồn lực xã hội mà CBCC cấp xã thường xuyên tiếp xúc. Tổng Bí thư Tô Lâm chỉ đạo: *“Tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực trong mọi lĩnh vực - quyền lực càng cao thì giám sát càng phải chặt chẽ; xóa bỏ triệt để cơ chế xin - cho; bịt kín những “kẽ hở” và không để “lợi ích nhóm” cài cắm, thao túng trong các cơ chế, chính sách, quy hoạch, các văn bản pháp luật. Triển khai thực chất, nâng cao hiệu quả các biện pháp công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát tài sản, thu nhập”* [123].

Để triển khai thực hiện giải pháp này có hiệu quả, cần tập trung vào các biện pháp mang tính hệ thống và thực tiễn cao: Thứ nhất, phải rà soát và cụ thể hóa các quy định của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở gắn với đặc thù quản lý hành chính địa phương VDHBB, đặc biệt là quy trình minh bạch hóa các dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và quản lý quỹ đất ven biển, nhằm triệt tiêu đặc quyền “xin - cho” của CBCC cấp xã. Thứ hai, xây dựng cơ chế giám sát kép thông qua việc kết nối liên thông dữ liệu số giữa các cơ quan thanh tra, kiểm tra với hệ thống báo cáo trực tuyến của cấp xã, cho phép nhận diện các dấu hiệu bất thường trong việc ban hành các quyết định hành chính từ sớm. Thứ ba, cần luật hóa trách nhiệm giải trình của CBCC cấp xã trước các kiến nghị của cử tri và dư luận xã hội một cách định lượng. Thứ tư, cập nhật và triển khai quyết liệt cơ chế bảo vệ cán bộ “6 dám” (dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách) theo Kết luận số 14-KL/TW, ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về “chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung”, cùng với các chế tài nghiêm khắc đối với việc lợi dụng kẽ hở chính sách để trục lợi cá nhân

hoặc lợi ích nhóm. Thứ năm, cần nghiên cứu thiết lập mô hình “Hội đồng tư vấn liên chính” tại cơ sở với sự tham gia của các chuyên gia pháp luật và cán bộ lão thành để phản biện các chính sách địa phương trước khi ban hành, đảm bảo tính khoa học và ngăn ngừa nguy cơ tham nhũng chính sách. Những biện pháp này khi được thực hiện đồng bộ sẽ tạo ra một môi trường chính trị lành mạnh, giúp ĐNCBCC cấp xã ở các tỉnh, thành phố VDHBB vững vàng trước sức ép của kinh tế thị trường, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược mà Đại hội XIV của Đảng đề ra.

4.2.2.2. Cải thiện chính sách tiền lương, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã “dưỡng liêm”

Đây là một hướng tiếp cận mang tính thực tiễn và nhân văn sâu sắc, giải quyết bài toán PCTNTC từ gốc rễ, việc xây dựng liên chính không thể tách rời việc đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCC cấp xã. “Dưỡng liêm” không chỉ là sự tự giác rèn luyện của cá nhân mà phải là kết quả của một hệ thống quản trị hiện đại, nơi mà mức thu nhập đảm bảo được nhu cầu tái sản xuất sức lao động và sự an tâm cống hiến, giúp mỗi CBCC cấp xã có bản lĩnh trước các cám dỗ vật chất. Hiện nay, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, áp lực công việc của ĐNCBCC cấp xã là rất lớn, việc “dưỡng liêm” còn gắn liền với việc tối ưu hóa môi trường làm việc để giảm tải áp lực, tránh tình trạng quá tải làm nảy sinh TNTC.

Trong thời gian tới, cần thực thi một hệ thống các biện pháp đồng bộ và quyết liệt để hiện thực hóa giải pháp trên. Trước hết, cần đẩy nhanh tiến trình cải cách tiền lương theo vị trí việc làm đối với CBCC cấp xã, đảm bảo mức lương khởi điểm và bậc lương tăng thêm phải phản ánh đúng trình độ, trách nhiệm và tính chất phức tạp của công việc tại địa bàn duyên hải đang trong lộ trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tổng Bí thư Tô Lâm chỉ đạo: “*Sớm cải cách mạnh mẽ chính sách tiền lương, chính sách nhà ở, đảm bảo cuộc sống*

để cán bộ, đảng viên “không cần” tham nhũng, lãng phí, tiêu cực” [123]. Thứ hai, cần xây dựng các chế độ đãi ngộ như ưu đãi về nhà ở, đào tạo và chăm sóc sức khỏe đặc thù cho CBCC cấp xã có thành tích xuất sắc, tạo ra động lực để họ bảo vệ uy tín cá nhân và tổ chức. Thứ ba, cải thiện cơ chế làm việc theo hướng hiện đại hóa hành chính, ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số để giảm thiểu các thủ tục thủ công, từ đó giảm áp lực công việc dư thừa, giúp CBCC có thời gian nghiên cứu, học tập và tái tạo năng lượng. Thứ tư, cần thiết lập một hệ thống “trợ cấp rủi ro nghề nghiệp” đối với những vị trí chủ chốt thường xuyên phải đối mặt với các quyết định nhạy cảm về đất đai, đầu tư, nhằm bảo đảm an sinh lâu dài cho họ và gia đình nếu họ thực hiện đúng quy định pháp luật nhưng gặp khó khăn khách quan. Thứ năm, việc cải thiện điều kiện “dưỡng liêm” phải đi đôi với kỷ luật sắt; tức là khi chế độ đãi ngộ đã được đảm bảo thì mọi hành vi vi phạm đạo đức liêm chính phải bị xử lý với khung hình phạt cao nhất, nhằm tạo ra sự răn đe tương xứng, từ đó xây dựng một thể hệ CBCC cấp xã tại các tỉnh, thành phố VDHBB có tâm trong, trí sáng, đủ sức gánh vác sứ mệnh phát triển vùng và đất nước trong kỷ nguyên mới.

4.2.2.3. Khơi dậy ý thức tự rèn, tự dưỡng của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

Khơi dậy ý thức tự rèn, tự dưỡng của ĐNCBCC cấp xã là quá trình tác động bằng các phương thức tư tưởng, tổ chức và cơ chế để chuyển hóa các yêu cầu đạo đức cách mạng bên ngoài thành nhu cầu nội tại, tự giác của mỗi cá nhân. Đây chính là quá trình “tự soi, tự sửa”; là việc cán bộ chủ động, tích cực rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống và năng lực công tác mà không cần sự đôn đốc, giám sát cưỡng chế thường xuyên từ tổ chức. Tự rèn, tự dưỡng nghĩa là mỗi CBCC cấp xã luôn đặt mình trong trạng thái “tự soi” để gột rửa những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân trước những cám dỗ về lợi ích, quyền lực tại địa phương.

Thực tế cho thấy, mọi sự biến đổi về hành vi chỉ thực sự bền vững khi có sự thay đổi về nhận thức và niềm tin bên trong. ĐNCBCC cấp xã là những người

trực tiếp thực thi chính sách, thường xuyên tiếp xúc với các nguy cơ của lợi ích nhóm và tham nhũng vặt; nếu không có nội lực tự thân mạnh mẽ, mọi chế tài kiểm soát từ bên ngoài dù chặt chẽ đến đâu cũng sẽ có kẽ hở. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng khẳng định rõ: *“Thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; đề cao trách nhiệm nêu gương, ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp”* [55, tr.132]. Khi ý thức tự rèn được khơi dậy, sẽ trở thành bộ lọc tự nhiên giúp cán bộ tự miễn dịch với các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, góp phần bảo vệ uy tín của Đảng.

Các biện pháp nhằm khơi dậy ý thức tự rèn, tự dưỡng của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã trong thời gian tới:

Một là, phải đổi mới công tác giáo dục chính trị theo hướng tác động vào lòng lòng tự trọng của cán bộ, thay vì chỉ truyền đạt nghị quyết khô khan; cần xây dựng các diễn đàn “tự soi, tự sửa” thực chất tại chi bộ, nơi mỗi CBCC cấp xã dám thẳng thắn nhận diện khuyết điểm của mình trước tập thể.

Hai là, cần cụ thể hóa Quy định số 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị về *chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới* thành các tiêu chí đánh giá sát với đặc thù cấp xã, tạo cơ sở để CBCC tự soi chiếu hàng ngày.

Ba là, *“Biểu dương, khen thưởng kịp thời những người dũng cảm đấu tranh chống TNLPTC, những người có nhiều sáng kiến giúp tiết kiệm, làm lợi cho Nhà nước để cổ vũ, lan tỏa giá trị liêm chính trong toàn xã hội”* [123] và lan tỏa các tấm gương điển hình trong đời sống; đồng thời ứng dụng nhật ký công việc số để CBCC tự ghi nhận và đánh giá quá trình rèn luyện của bản thân.

Bốn là, tăng cường vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tại địa phương; trong đó sự giám sát của nhân dân là “tấm gương soi” khách quan nhất buộc CBCC cấp xã phải tự rèn, tự dưỡng

để giữ gìn hình ảnh. Tổng Bí thư Tô Lâm chỉ đạo: *“Hoàn thiện và thực hiện hiệu quả cơ chế giám sát trực tiếp của Nhân dân; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể ở cơ sở, các cơ quan báo chí trong PCTNLPTC”* [123].

Năm là, gắn kết quả tự rèn luyện của CBCC cấp xã với công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương về việc “có lên, có xuống, có vào, có ra” trong công tác cán bộ; tạo áp lực tích cực để mỗi CBCC cấp xã luôn phải tự hoàn thiện mình để xứng đáng với sự tin tưởng của Đảng và nhân dân.

4.2.3. Xác định mục đích hợp lý; đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức tuyên truyền và sử dụng hợp lý các nguồn lực cho hoạt động tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

4.2.3.1. Xác định rõ mục đích, yêu cầu của hoạt động tuyên truyền

Để nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã VDHBB, việc xác định rõ mục đích, yêu cầu của hoạt động tuyên truyền phải được cụ thể hóa thành một quy trình khoa học nhằm định hướng kết quả đầu ra về cả nhận thức, thái độ và thực tiễn hành động. Mục đích tuyên truyền bao hàm hai giá trị cốt lõi là hiệu quả tinh thần và hiệu quả thực tiễn. Hiệu quả tinh thần trước hết tác động trực tiếp vào thế giới quan, tạo ra sự chuyển biến sâu sắc trong lĩnh vực nhận thức, thái độ, củng cố niềm tin, động cơ và xác lập trách nhiệm chính trị của người cán bộ trước nhiệm vụ PCTNTC. Mục tiêu cao nhất của tuyên truyền không dừng lại ở sự thay đổi trong ý thức mà phải được hiện thực hóa thành hành vi cụ thể, biểu hiện thông qua việc ĐNCBCC cấp xã chủ động thực thi các giải pháp phòng ngừa, tuân thủ nghiêm quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước về PCTNTC; đồng thời tích cực phát hiện, đấu tranh và mạnh dạn cung cấp thông tin, chứng cứ về các sai phạm cho cơ quan có thẩm quyền, từ đó nêu gương sáng trong thực hành liêm chính. Cùng với mục đích, các yêu cầu đặt ra phải đảm bảo tính

chuẩn mực về chính trị, sự kịp thời, chính xác và tính thuyết phục, đặc biệt là phải tương thích với đặc thù văn hóa - xã hội và bối cảnh phát triển kinh tế năng động của VDHBB. Việc xác định rõ mục đích, yêu cầu là tiêu chuẩn bắt buộc, quyết định hiệu quả tuyên truyền PCTNTC. Luật PCTN năm 2018 và Chiến lược quốc gia về PCTN đến năm 2030 đã quy định rõ trách nhiệm phổ biến, giáo dục pháp luật phải có trọng tâm, trọng điểm, đặc biệt tại cấp xã - nơi trực tiếp tiếp xúc với nhân dân và dễ nảy sinh các nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong bối cảnh thu hút đầu tư FDI và đô thị hóa nhanh tại Hải Phòng, Quảng Ninh hay Ninh Bình.

Để các giải pháp này đi vào thực tiễn, cần triển khai đồng bộ các biện pháp sau: Một là, phân tầng mục tiêu tuyên truyền theo thang đo nhận thức từ mức độ hiểu biết pháp luật đến hình thành thái độ kiên quyết và cuối cùng là sự chủ động trong hành vi PCTNTC. Hai là, cần xây dựng bộ tiêu chí yêu cầu sát hợp với đặc thù địa phương, tập trung vào các lĩnh vực nhạy cảm như quản lý đất đai, giải phóng mặt bằng hay thực hiện chính sách an sinh xã hội, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu nêu gương của CBCC. Ba là, hoạt động tuyên truyền về PCTNTC phải được gắn kết chặt chẽ với cơ chế kiểm tra, giám sát, chuyển hóa từ mục đích cung cấp thông tin sang mục đích phòng ngừa và đấu tranh, lấy sự hài lòng của nhân dân và các chỉ số cải cách hành chính làm thước đo khách quan cho hiệu quả tuyên truyền tại địa bàn.

4.2.3.2. Đổi mới mạnh mẽ nội dung tuyên truyền theo hướng thiết thực, cập nhật và sát đối tượng

Nghị quyết số 04-NQ/TW về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTNLPTC trong giai đoạn mới” đặt ra yêu cầu: “Chủ động đẩy mạnh và đổi mới, hiện đại hoá công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, tạo sự lan toả, đồng thuận, thống nhất cao trong toàn xã hội về quyết tâm PCTNLPTC của Đảng, Nhà nước” [14]. Việc đổi mới mạnh mẽ nội dung tuyên

truyền theo hướng thiết thực, cập nhật và sát đối tượng được xác định là *khâu đột phá*, tạo sự chuyển dịch về chất trong phương thức tác động tư tưởng đối với ĐNCBCC cấp xã. Đổi mới nội dung tuyên truyền là quá trình cấu trúc lại hệ thống thông tin nhằm đảm bảo tính thiết thực, tập trung vào những vấn đề sát sườn trong thực thi công vụ của ĐNCBCC cấp xã như nhận diện các hành vi TNTC trong giải quyết thủ tục hành chính, hay các kẽ hở chính sách trong quản lý đất đai và đầu tư công tại địa phương. Tính cập nhật đòi hỏi nội dung phải mang hơi thở thời đại, chuyển tải kịp thời các quy định mới nhất của Đảng và pháp luật Nhà nước về công tác PCTNTC; đồng thời chủ động cập nhật các phương thức, thủ đoạn tinh vi của tội phạm tham nhũng trong kỷ nguyên số.

Trong môi trường năng động của VDHBB với sự phát triển mạnh mẽ của các khu công nghiệp FDI và hạ tầng cảng biển, các hành vi TNTC đang có xu hướng ngày càng tinh vi, do đó những nội dung tuyên truyền xơ cứng, lạc hậu không còn tác dụng. Bên cạnh đó, để phát huy vai của tuyên truyền với tư cách là giải pháp phòng ngừa từ sớm, từ xa, đòi hỏi nội dung tuyên truyền phải đủ sức nặng để tác động sâu sắc vào ý thức, hình thành “sức đề kháng” trong mỗi CBCC cấp xã trước các cám dỗ lợi ích. Việc đổi mới nội dung còn nhằm khắc tính hình thức, đơn điệu trong tuyên truyền, từ đó tạo động lực thúc đẩy hành động thực tiễn của ĐNCBCC cấp xã trong công tác PCTNTC.

Để thực hiện có hiệu quả giải pháp nêu trên, cần triển khai một số biện pháp cụ thể sau đây:

Thứ nhất, xây dựng ngân hàng nội dung tuyên truyền về PCTNTC theo hướng đa tầng nhằm cụ thể hóa yêu cầu của Đảng về công tác PCTNTC và xây dựng văn hóa liêm chính. Nội dung tuyên truyền phải kết hợp chặt chẽ giữa các quy chuẩn đạo đức công vụ cốt lõi với các kịch bản tình huống thực tế thường phát sinh tại cấp xã và các vụ án cảnh báo trực quan tại địa phương. Việc sử dụng các vụ án TNTC tại VDHBB làm bài học răn đe sẽ giúp

ĐNCBCC cấp xã nhận diện rõ ranh giới giữa cái đúng và cái sai, từ đó tự giác tuân thủ các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Thứ hai, thực hiện số hóa và trực quan hóa thông tin tuyên truyền thông qua infographic, video ngắn và các nền tảng mạng xã hội là yêu cầu cấp thiết để nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC trong kỷ nguyên số. Biện pháp này giúp tăng tính hấp dẫn và khả năng tiếp cận của đối tượng tuyên truyền, biến những quy định pháp luật khô khan thành những thông điệp dễ hiểu, dễ nhớ, tác động trực tiếp đến nhận thức, thái độ, niềm tin của CBCC cấp xã. Qua khảo sát, 69,3% CBCC cấp xã đề xuất giải pháp “Đa dạng hóa tài liệu tuyên truyền (video clip, infographic, tiểu phẩm, tài liệu số)”.

Thứ ba, áp dụng kỹ thuật “tuyên truyền dựa trên bằng chứng”, lồng ghép các chỉ số thống kê về sự hài lòng của người dân và kết quả kiểm tra, giám sát thực tế. Đây là cách thức khẳng định tính nghiêm minh, “không có vùng cấm, không có ngoại lệ” trong PCTNTC như quan điểm chỉ đạo xuyên suốt của Đảng. Việc đưa ra bằng chứng thực tế về PCTNTC góp phần khẳng định quyết tâm chính trị của Đảng trong đấu tranh chống “giặc nội xâm” và là đòn bẩy thôi thúc CBCC cấp xã phải nêu gương trong thực hành Liêm chính.

Thứ tư, cần chuyển đổi mô hình tuyên truyền từ một chiều sang đối thoại nhằm thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; đồng thời giúp các chủ thể tuyên truyền có điều kiện lắng nghe và giải đáp trực tiếp những điểm nghẽn về nhận thức, tư tưởng và nghiệp vụ mà ĐNCBCC cấp xã đang phải đối mặt. Sự tương tác này sẽ tạo ra sự đồng thuận và tự giác cao trong thực hiện nhiệm vụ chính trị tại cơ sở.

4.2.3.3. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho hoạt động tuyên truyền phòng chống tham nhũng, tiêu cực

Đây thực chất là quá trình tổ chức, tập hợp và tối ưu hóa một cách khoa học các yếu tố về con người, vật chất, tài chính, công nghệ và môi trường xã

hội nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động sâu sắc vào nhận thức, thái độ và hành vi của ĐNCBCC cấp xã. Về nhân lực, đòi hỏi có sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng chuyên trách và không chuyên trách, trong đó đặc biệt chú trọng vào phẩm chất liêm chính và năng lực tuyên truyền của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên. Việc quản lý, phân bổ hợp lý các điều kiện về thời gian, kinh phí, cơ sở vật chất và phương tiện kỹ thuật nhằm đảm bảo hoạt động tuyên truyền được vận hành thông suốt, thực chất và tránh lãng phí nguồn lực công. Giải pháp còn bao hàm việc tích hợp các thành tựu của cuộc Cách mạng 4.0 vào quy trình tuyên truyền để mở rộng diện bao phủ, tăng tính tương tác, đồng thời kiến tạo một môi trường xã hội và hệ sinh thái chính trị lành mạnh nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC.

Việc huy động và tối ưu hóa nguồn lực là yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNC cho ĐNCBCC cấp xã. Trong điều kiện ngân sách cấp xã còn hạn hẹp, việc sử dụng nguồn lực thiếu trọng tâm dễ dẫn đến tình trạng tuyên truyền hình thức và kém hiệu quả. Trước sự bùng nổ của thời đại số, cần ưu tiên đầu tư vào công nghệ (giải pháp được 90,5% ý kiến đồng thuận) nhằm khắc phục hạn chế của các phương thức truyền thống. Đầu tư đúng mức vào nguồn lực con người chính là cách tạo ra động lực nội sinh, hình thành đội ngũ CBCC sắc bén, đủ uy tín và bản lĩnh để dẫn dắt dư luận trước các thông tin xuyên tạc công tác PCTNTC.

Một số gợi ý để triển khai hiệu quả giải pháp nêu trên, bao gồm: Một là, tăng cường chuyển đổi số trong tuyên truyền, hiện đại hóa phương thức truyền tải, giúp lan tỏa thông tin nhanh chóng trên không gian mạng. Thứ hai, thiết lập cơ chế phối hợp lực lượng nhịp nhàng giữa các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội để tạo ra sức mạnh cộng hưởng, tránh tình trạng chồng chéo hoặc bỏ trống địa bàn tuyên truyền. Thứ ba, tập trung kinh phí chuẩn hóa đội ngũ báo cáo viên thông qua đào tạo chuyên

sâu và xây dựng các sản phẩm truyền thông chuyên nghiệp, đảm bảo đội ngũ này có kiến thức pháp luật vững vàng, uy tín và phẩm chất liêm chính, thực sự là tấm gương cho ĐNCBCC cấp xã noi theo. Thứ tư, hoàn thiện các chính sách đãi ngộ và môi trường làm việc lành mạnh, tạo điều kiện cho ĐNCBCC cấp xã thực hành liêm chính. Đồng thời, thực hiện quản trị khoa học, sử dụng hợp lý phương tiện, kinh phí và quỹ thời gian, đảm bảo mỗi nguồn lực được huy động đều góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã. Triển khai hiệu quả các biện pháp nêu trên là nền tảng cốt lõi để đưa hoạt động tuyên truyền về PCTNTC đi vào thực chất, đáp ứng sự kỳ vọng và củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và hệ thống chính trị tại cơ sở.

4.2.4. Tăng cường ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số mạnh mẽ trong hoạt động tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

4.2.4.1. Hiện đại hóa phương thức tuyên truyền thông qua các nền tảng số đa phương tiện

Trong bối cảnh bùng nổ của Cách mạng 4.0, việc đổi mới căn bản, toàn diện phương thức truyền tải thông điệp chính trị là yêu cầu tất yếu để nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng. Đối với ĐNCBCC cấp xã tại các tỉnh, thành phố VDHBB, hiện đại hóa phương thức tuyên truyền thực chất là một sự chuyển đổi bút phá trong chiến lược tiếp cận và tương tác với đối tượng thụ hưởng. Quá trình này đòi hỏi sự đồng bộ trên hai phương diện cốt lõi: số hóa và đa phương tiện hóa nội dung nhằm chuyển đổi các văn bản nghị quyết, quy định pháp luật khô khan thành các định dạng trực quan như đồ họa thông tin (Infographic), video ngắn trên các nền tảng số, Podcast hoặc bài viết tương tác đa phương tiện để tác động trực tiếp vào đa giác quan của ĐNCBCC; thiết lập hệ sinh thái hạ tầng số đa chiều từ trang tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội như Zalo, Facebook đến các ứng dụng điều hành tác chiến công vụ và hệ

thống quản lý học tập trực tuyến (LMS); và đổi mới phương thức vận hành từ truyền tin một chiều sang tương tác đa chiều, cá nhân hóa nội dung dựa trên dữ liệu người dùng và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để tối ưu hóa phạm vi, tần suất tiếp cận. Đây là yêu cầu khách quan, mang tính cấp bách, trước hết nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia và chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị xác định chuyển đổi số là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta bứt phá trong kỷ nguyên mới. Đảng đã yêu cầu đưa toàn bộ hoạt động của hệ thống chính trị lên môi trường số, do đó hoạt động tuyên truyền PCTNTC phải đi tiên phong để kiến tạo sự thống nhất trong nhận thức về một Chính phủ liên chính, số hóa. Mặt khác, hiện đại hóa còn nhằm khắc phục những hạn chế của phương thức tuyên truyền truyền thống thường có độ trễ lớn, hình thức đơn điệu, khó thâm thấu đối với đội ngũ cán bộ trẻ năng động tại VDHBB - khu vực có tỷ lệ sử dụng Internet cao và là địa bàn trọng điểm về kinh tế dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng không gian mạng để xuyên tạc, kích động. Đặc biệt, trong điều kiện TNTC diễn biến tinh vi, thường ẩn nấp dưới các hành vi kỹ thuật số phức tạp, hoạt động tuyên truyền cần phải nhanh hơn, nhạy bén hơn thông qua các nền tảng số để công khai hóa quy trình công vụ và tạo cơ chế giám sát tức thời của toàn xã hội.

Để hiện thực hóa chiến lược này, cần triển khai đồng bộ các nhóm biện pháp mang tính đột phá, bắt đầu từ việc thiết lập “Kho dữ liệu số” chuyên biệt về PCTNTC chứa đựng các tình huống mô phỏng sai phạm trong quản lý đất đai, tài chính, đầu tư công để CBCC dễ dàng tra cứu, nhận diện vi phạm. Cùng với đó là việc sản xuất các nội dung đa phương tiện như phim ngắn hoạt họa nhằm lan tỏa thông điệp chính trị đến từng chi bộ và CBCC cấp xã qua các nền tảng mạng xã hội có tính kết nối cao. Việc ứng dụng các thành tựu khoa học mới như trợ lý ảo để giải đáp tự động các thắc mắc về kê khai tài sản, thu nhập và quy tắc ứng xử, kết hợp với công nghệ dữ liệu lớn để nắm

bắt xu hướng quan tâm của dư luận, sẽ giúp xây dựng các kịch bản tuyên truyền phản bác sắc bén và kịp thời. Tính hiệu quả của hoạt động tuyên truyền còn phải được tích hợp sâu vào quy trình tác nghiệp số, thông qua việc lồng ghép các tính năng cảnh báo tự động về đạo đức công vụ ngay trên hệ thống quản lý văn bản điều hành khi xử lý hồ sơ nhạy cảm, đồng thời thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt như một công cụ kỹ thuật để triệt tiêu môi trường phát sinh TNTC. Đi đôi với các giải pháp kỹ thuật, cần chú trọng đào tạo kỹ năng tác nghiệp số cho cán bộ tuyên giáo, tư pháp về sản xuất nội dung và kỹ năng đấu tranh trên không gian mạng, đồng thời phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và Nhân dân thông qua các ứng dụng phản ánh hiện trường nhằm xây dựng mạng lưới “công dân số liêm chính”. Đồng thời, phải đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ với an ninh mạng, bảo mật dữ liệu và bảo vệ chính trị nội bộ, tuyệt đối không để lộ lọt bí mật nhà nước trong quá trình triển khai tuyên truyền trên không gian thực - ảo đan xen.

4.2.4.2. Xây dựng hệ thống dữ liệu số tập trung và ứng dụng công nghệ Big Data để giám sát hiệu quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng tiêu cực

Trong tiến trình thực hiện các đột phá chiến lược theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị “về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”, việc thiết lập các cơ chế giám sát thông minh bằng công nghệ dữ liệu lớn đối với hoạt động tuyên truyền là một yêu cầu khách quan. Tại các tỉnh, thành phố VDHBB, xây dựng hệ thống dữ liệu số tập trung là công cụ then chốt để đo lường, đánh giá và điều chỉnh hiệu quả tuyên truyền PCTNTC trong kỷ nguyên số.

Xây dựng hệ thống dữ liệu số tập trung và ứng dụng Big Data để giám sát hiệu quả tuyên truyền PCTNTC là quá trình thiết lập một kiến trúc hạ tầng dữ liệu thống nhất, có khả năng thu thập, lưu trữ và xử lý các nguồn thông tin khổng lồ, đa dạng từ nhiều kênh khác nhau. Hệ thống này bao gồm việc tích

hợp dữ liệu từ các cổng thông tin điện tử, các nền tảng mạng xã hội, các ứng dụng điều hành công vụ và cả các phản hồi trực tiếp từ ĐNCBCC cấp xã. Khác với phương pháp giám sát truyền thống dựa trên báo cáo định tính, ứng dụng Big Data cho phép phân tích dữ liệu sống thông qua các thuật toán phức tạp để nhận diện xu hướng, đo lường mức độ tương tác, đánh giá sự thay đổi trong nhận thức và hành vi của CBCC cấp xã đối với các thông điệp PCTNTC. Đó là sự chuyển đổi từ quản trị tuyên truyền dựa trên cảm tính sang quản trị dựa trên dữ liệu thực chứng, giúp cơ quan lãnh đạo nắm bắt được hiệu quả tuyên truyền một cách chính xác, theo thời gian thực.

Tổng Bí thư Tô Lâm chỉ đạo: *“Đột phá về ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình”* [111]. Đây là sự cụ thể hóa chỉ đạo của Đảng về việc lấy chuyển đổi số làm động lực bứt phá, nhằm xây dựng một Chính phủ liên chính và minh bạch. Trong giai đoạn hiện nay, công tác PCTNTC tại các tỉnh, thành phố VDHBB đang đối mặt với những thách thức phức tạp do sự đan xen giữa lợi ích kinh tế và sự tinh vi của các thủ đoạn tham nhũng “phi truyền thống”, các phương thức giám sát cũ qua báo cáo văn bản đã bộc lộ sự chậm trễ và thiếu khách quan. Việc ứng dụng Big Data giúp lấp đầy khoảng trống giám sát, cho phép cơ quan chức năng phát hiện ngay lập tức những “vùng trắng” tuyên truyền hoặc những khu vực có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, từ đó có sự điều chỉnh kịp thời. Đặc thù của cuộc Cách mạng 4.0 với sự bùng nổ thông tin trên không gian mạng, đòi hỏi hoạt động tuyên truyền phải có khả năng đánh giá sức đề kháng của ĐNCBCC trước các thông tin xấu độc.

Các biện pháp để triển khai hiệu quả giải pháp này, cụ thể:

- Các địa phương cần xây dựng trực tích hợp dữ liệu tuyên truyền PCTNTC dùng chung, đảm bảo kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã. Hệ thống này phải có khả năng tự động thu thập dữ liệu từ các nền tảng số đa phương tiện mà CBCC

cấp xã đang sử dụng, bao gồm cả dữ liệu định lượng (lượt truy cập, thời gian đọc, tương tác) và dữ liệu định tính (phản hồi, thảo luận).

- Ứng dụng các thuật toán phân tích ngữ nghĩa để đánh giá thái độ và tâm lý của ĐNCBCC cấp xã đối với các nội dung tuyên truyền về PCTNTC; từ đó nhận diện được những vấn đề nóng, những khúc mắc trong tư tưởng để định hướng lại nội dung.

- Thiết lập “Bản đồ số về hiệu quả tuyên truyền” dựa trên Big Data, cho phép so sánh hiệu quả giữa các địa phương, đơn vị trong vùng, tạo cơ sở để đánh giá thi đua và quy trách nhiệm người đứng đầu một cách công bằng, minh bạch.

- Chú trọng đào tạo đội ngũ chuyên gia phân tích dữ liệu trong cơ quan tuyên giáo và dân vận, cơ quan truyền thông để có đánh giá và dự báo chính xác hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC.

- Toàn bộ quá trình giám sát dữ liệu phải được đặt dưới quy trình bảo mật nghiêm ngặt theo Luật An ninh mạng, đảm bảo tính chính trị và bảo vệ bí mật nội bộ trong công tác PCTNTC.

Giải pháp này mang tính đột phá, giúp hoạt động tuyên truyền PCTNTC cho CBCC cấp xã tại VDHBB chuyển mình mạnh mẽ; là đòn bẩy để xây dựng một đội ngũ cán bộ cơ sở liêm chính, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

4.2.5. Tạo lập môi trường xã lành mạnh góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

4.2.5.1. Xây dựng môi trường chính trị - xã hội ổn định, thông tin minh bạch, định hướng thông tin tích cực trên không gian mạng

Môi trường chính trị - xã hội ổn định được xem là nền tảng vững chắc để thực hiện khát vọng phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Sự ổn định chính trị - xã hội không chỉ dừng lại ở việc giữ vững trật tự, an toàn xã hội,

mà sâu sắc hơn là sự kiên định về tư tưởng chính trị, sự thống nhất giữa ý Đảng - lòng dân và sự vững vàng của hệ thống chính trị cơ sở trước những tác động phức tạp của tình hình mới. Quyết tâm chính trị của Đảng trong công tác PCTNTC hiện nay được thể hiện qua phương châm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”, kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống, trong đó “phòng ngừa là chính, cơ bản, lâu dài” [55, tr.141]. Do đó, việc xây dựng môi trường chính trị - xã hội ổn định chính là sự cụ thể hóa quyết tâm chính trị ấy bằng cách triệt tiêu các mầm mống gây mất đoàn kết nội bộ, ngăn chặn sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Xây dựng môi trường chính trị - xã hội ổn định, thông tin minh bạch và định hướng tích cực trên không gian mạng là việc thiết lập trạng thái ổn định vững chắc về tư tưởng chính trị, củng cố niềm tin của Nhân dân và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc trên cả môi trường thực và không gian mạng. Quá trình này đòi hỏi thực hiện công khai hóa, minh bạch hóa các dữ liệu công vụ về quy hoạch, tài chính, ngân sách, tài sản công và chính sách phúc lợi theo hướng “dân biết, dân bàn, dân kiểm tra, dân giám sát” thông qua các cổng thông tin điện tử và mạng xã hội. Đồng thời, đây còn là quá trình chủ động chiếm lĩnh không gian mạng bằng những luồng thông tin tích cực, mang tính xây dựng, lấy “cái đẹp dẹp cái xấu”, sử dụng thông tin chính thống để dẫn dắt dư luận, tạo ra sức đề kháng tự thân của ĐNCBCC cấp xã trước những cám dỗ và tác động của các luồng quan điểm sai trái, xuyên tạc công tác PCTNTC.

Trong suốt quá trình lãnh đạo, Đảng ta luôn quan tâm đặc biệt nhấn mạnh đến việc củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng; bởi lẽ sự mất ổn định chính trị hay thiếu minh bạch thông tin chính là “mảnh đất màu mỡ” để TNTC nảy sinh và phát triển. VDHBB với đặc thù năng động, hội nhập sâu rộng là nơi chịu tác động mạnh mẽ của các yếu tố ngoại biên, khiến thông

tin trên không gian mạng diễn biến phức tạp với sự đan xen giữa thông tin thật và tin giả. Nếu không có một môi trường thông tin minh bạch, CBCC cấp xã dễ rơi vào trạng thái hoang mang, suy thoái tư tưởng hoặc bị cuốn vào các hành vi tiêu cực do thiếu cơ chế giám sát và định hướng. Theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và định hướng của Đại hội XIV của Đảng về chuyển đổi số, việc minh bạch thông tin trên không gian mạng chính là giải pháp hữu hiệu để triệt tiêu môi trường TNTC, kiểm soát xung đột lợi ích và các lợi ích nhóm tại địa bàn cơ sở.

Các biện pháp cụ thể triển khai, bao gồm:

- Cụ thể hóa cơ chế công khai mặc định trên không gian mạng, yêu cầu mọi quy trình quản lý nhà nước các cấp, từ công tác cán bộ đến quản lý ngân sách và đất đai, phải được hiển thị minh bạch trên các nền tảng số để CBCC và nhân dân dễ dàng giám sát. Tổng kết công tác PCTNLPTC trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, tỉnh Quảng Ninh khẳng định: *“Việc xây dựng chính quyền số gắn với cải cách bộ máy đã trở thành công cụ quan trọng trong PCTNLPTC”* [114].

- Chủ động xây dựng mạng lưới truyền thông chính thống tại địa phương mạnh về cả nội dung và kỹ thuật, sử dụng các thuật toán của mạng xã hội để lan tỏa những tấm gương liêm chính, các mô hình PCTNTC hiệu quả, tạo hiệu ứng mưa dầm thấm lâu trong nhận thức của ĐNCBCC cấp xã.

- Thiết lập cơ chế phản ứng nhanh và đối thoại trực tuyến giữa lãnh đạo cấp ủy, chính quyền với CBCC và nhân dân để giải quyết kịp thời các thắc mắc, xung đột thông tin, không để hình thành các “điểm nóng” tư tưởng trên mạng xã hội.

- Tăng cường quản lý nhà nước về an ninh mạng đi đôi với việc nâng cao năng lực số và văn hóa số cho CBCC cấp xã, trọng tâm là xây dựng quy tắc ứng xử trên môi trường mạng, coi việc phát ngôn và lan tỏa thông tin tích cực là một tiêu chí để đánh giá đạo đức, phẩm chất cán bộ.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc giám sát cộng đồng trên môi trường mạng; tạo ra thể trận lòng dân vững chắc trên không gian ảo, bảo đảm sự ổn định chính trị - xã hội từ gốc, làm nền tảng vững chắc cho cuộc đấu tranh PCTNTC.

4.2.5.2. Xây dựng môi trường văn hóa liêm chính, thượng tôn pháp luật để “không thể, không muốn, không dám, không cần” tham nhũng, tiêu cực

Xây dựng môi trường văn hóa liêm chính và thượng tôn pháp luật là quá trình kiến tạo một hệ sinh thái chính trị - xã hội lành mạnh, nơi mà các giá trị đạo đức cách mạng và quy định pháp luật được chuyển hóa từ những văn bản mang tính cưỡng chế thành ý thức tự giác, thành hành vi ứng xử tự nhiên của mỗi cán bộ, đảng viên. Liêm chính là không tham lam của công, là sự ngay thẳng, trung thực, đặt lợi ích của Đảng, của Quốc gia - dân tộc lên trên hết. Thượng tôn pháp luật là sự khẳng định tính tối thượng của Hiến pháp và pháp luật, buộc mọi quyền lực phải được kiểm soát trong “lòng” cơ chế. Xây dựng môi trường văn hóa liêm chính, thượng tôn pháp luật hướng tới mục tiêu “bốn không” mang tính chiến lược trong PCTNTC “Không thể, không dám, không muốn, không cần” TNTC.

Đây là một giải pháp trọng yếu và cấp bách vì thực tiễn công tác PCTNTC trong thời gian qua đã chỉ ra rằng, nếu chỉ tập trung vào “chống” (xử lý hậu quả) mà nhẹ phần “phòng” (xây dựng nền tảng đạo đức) thì khó có thể giải quyết triệt để tận gốc vấn đề. Đặc biệt đối với VDHBB - nơi có tốc độ phát triển kinh tế năng động, nhiều dự án đất đai và hạ tầng quy mô lớn, ĐNCBCC cấp xã thường xuyên phải đối mặt với những tác động tiêu cực từ mặt trái của kinh tế thị trường. Đảng ta chỉ đã chỉ rõ, TNTC vẫn là nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ. Quy định 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị cũng khẳng định việc xây dựng bản lĩnh chính trị, lòng tự trọng và danh dự là yếu tố then chốt để bảo vệ uy tín của tổ chức Đảng. Nếu không xây dựng được môi trường văn hóa liêm chính, các quy định pháp luật dù hoàn thiện đến đâu cũng dễ bị

lợi dụng bởi những biến tướng của “lợi ích nhóm” hay tư duy “xin - cho”. Do đó, kiến tạo văn hóa liêm chính chính là xây dựng phòng tuyến vững chắc nhất từ bên trong mỗi con người và trong lòng hệ thống chính trị. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XVI khẳng định: *“Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, xây dựng văn hóa liêm chính, không TNTC trở thành nếp sống văn hóa trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân, nhất là người đứng đầu trong PCTNLPTC”* [49, tr.11]. Thành phố Hải Phòng cũng khẳng định rõ quyết tâm trong báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025 - 2030: *“Kiên trì xây dựng văn hóa liêm chính, không TNLP trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân”* [108, tr.33].

Để hiện thực hóa giải pháp này, cần triển khai đồng bộ và quyết liệt các biện pháp cụ thể, lấy sự dẫn dắt của Đảng và tính nêu gương của người đứng đầu làm hạt nhân. Trước hết, phải đẩy mạnh giáo dục liêm chính, đưa các nội dung của Quy định 144-QĐ/TW vào sinh hoạt chi bộ, lấy các chuẩn mực “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” thành thước đo đánh giá cán bộ hàng năm. CBCC cấp xã phải là những người đi đầu trong việc thực hành văn hóa từ chức khi không còn đủ năng lực, uy tín và kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện đùn đẩy, né tránh trách nhiệm. Tiếp đến, việc hoàn thiện thể chế phải được thực hiện theo hướng “kiến tạo phát triển”, vừa nghiêm minh nhưng cũng vừa có cơ chế bảo vệ những người đổi mới, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung. Cần ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, chuyển đổi số và công khai, minh bạch tài sản, thu nhập để tạo ra cơ chế giám sát đa chiều từ các cơ quan chức năng và từ chính Nhân dân. Đặc biệt, cần ưu tiên tháo gỡ những bất cập trong quản lý đất đai, tài sản công tại địa phương và thực hiện lộ trình cải cách tiền lương để đảm bảo thu nhập hợp pháp cho CBCC cấp xã. Chú trọng phát huy sức mạnh tổng hợp của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và báo chí trong việc giám sát quyền lực; khen thưởng kịp thời những tấm gương liêm chính để lan tỏa các giá trị tốt đẹp trong

toàn xã hội. Phải đưa giáo dục liên chính trở thành việc làm thường xuyên, tự giác, tự nguyện, trở thành nội dung yêu cầu bắt buộc của tất cả các cấp học, cơ sở giáo dục trong từng tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị. Phải xây dựng chiến lược, hành động quyết tâm thực hiện bằng được mục tiêu xây dựng quốc gia liên chính, xã hội liên chính với 3 trụ cột trọng tâm: thể chế liên chính, nền công vụ liên chính, ĐNCB công chức liên chính. Việc thực hiện thắng lợi các biện pháp này không chỉ giúp đẩy lùi TNTC mà còn góp phần quan trọng vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế “hai con số” và “hướng đến xây dựng quốc gia liên chính, xã hội liên chính” theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng [54, tr.142].

4.2.5.3. Tăng cường tuyên truyền đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để chia rẽ nội bộ

Về phương diện lý luận và thực tiễn, việc tăng cường tuyên truyền đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc về công tác PCTNTC nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và sự thống nhất trong hệ thống chính trị. Đây là hoạt động mang tính chiến đấu trên mặt trận chính trị - tư tưởng, sử dụng sức mạnh của thông tin chính thống, luận cứ khoa học và thực tiễn sinh động để vạch trần, phủ định các luận điệu phản động, sai trái. Đối với ĐNCBCC cấp xã, đấu tranh, phản bác là khả năng chủ động nhận diện các thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, các chiêu bài lợi dụng cuộc đấu tranh PCTNTC để bôi nhọ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, kích động hận thù hoặc gieo rắc sự hoài nghi vào bản chất chế độ. Giải pháp này mang ý nghĩa như một lá chắn bảo vệ sự đoàn kết, thống nhất trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ, đảm bảo cho hệ thống chính trị là một khối thống nhất về ý chí và hành động.

Xuất phát từ yêu cầu cấp thiết phải bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng theo tinh thần Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22-10-2018, của Bộ Chính trị về *tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới* và các quan điểm chỉ đạo của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Hiện nay, VDHBB là khu vực

phát triển kinh tế sôi động, đi đầu trong hội nhập quốc tế, nhưng cũng là địa bàn mà các thế lực thù địch tập trung thực hiện các chiến dịch truyền thông xuyên tạc. Các phần tử cơ hội thường lợi dụng việc xử lý kỷ luật cán bộ vi phạm tham nhũng để rêu rao rằng đây là “thanh trừng nội bộ”, “đấu đá phe phái”, nhằm làm xói mòn niềm tin của cán bộ cơ sở và nhân dân vào quyết tâm chính trị của Trung ương. Nếu hoạt động tuyên truyền không đủ sắc bén, CBCC cấp xã dễ nảy sinh tư tưởng “nghe ngóng”, “co cụm” hoặc “dao động”, dẫn đến tình trạng mất đoàn kết nội bộ hoặc làm suy yếu sức chiến đấu của tổ chức Đảng tại cơ sở.

Để hiện thực hóa giải pháp này một cách hiệu quả, cần tập trung làm tốt một số nhiệm vụ sau:

- Nâng cao năng lực nhận diện và phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về công tác PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã thông qua các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị, gắn với việc thực hiện Quy định 144-QĐ/TW về chuẩn mực đạo đức cách mạng. Đồng thời, phải thiết lập và vận hành hiệu quả các kênh thông tin chính thống, ứng dụng công nghệ số và mạng xã hội để “lấy cái đẹp dẹp cái xấu”, lấy thông tin tích cực để lấn át và triệt tiêu thông tin tiêu cực.

- Phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo 35 các cấp trong việc dự báo, nắm bắt diễn biến tư tưởng và chỉ đạo kịp thời các mũi nhọn tấn công trên không gian mạng. Gắn đấu tranh, phản bác với việc siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, kiên quyết xử lý những cán bộ có biểu hiện phát ngôn lệch lạc hoặc lan truyền thông tin chưa kiểm chứng gây chia rẽ nội bộ.

- Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, huy động Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương tham gia giám sát và định hướng dư luận, từ đó xây dựng “trận địa tư tưởng” vững chắc ngay từ cơ sở, đảm bảo cho công tác PCTNTC thực sự trở thành phong trào quần chúng mạnh mẽ, để không một thế lực nào có thể lợi dụng để chia rẽ hoặc làm suy giảm ý chí chiến đấu của Đảng ta.

Tiểu kết Chương 4

Chương 4 của luận án đã xác định hệ thống quan điểm chỉ đạo và đề xuất các nhóm giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã trong thời gian tới. Việc nâng cao hiệu quả tuyên truyền không chỉ góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược của Đảng về PCTNTC mà còn là nền tảng cốt yếu để bồi dưỡng phẩm chất chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, nâng cao ý thức trách nhiệm và tính tiên phong cho ĐNCBCC cấp xã. Qua đó, thúc đẩy sự chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức sang hành động tự giác, hướng tới mục tiêu xây dựng văn hóa liêm chính để cán bộ “không muốn, không thể, không dám, không cần” TNTC.

Các quan điểm và giải pháp được luận án đề xuất căn cứ vào định hướng của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đặc thù của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đồng thời dựa trên kết quả nghiên cứu thực tiễn tại ba tỉnh, thành phố VDHBB. Hệ thống giải pháp này được xây dựng trên các nguyên tắc: bảo đảm tính mục tiêu, tính chiến đấu, tính thiết thực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục nhận thức với rèn luyện bản lĩnh chính trị và kỹ năng xử lý tình huống thực tế cho ĐNCBCC cấp xã. Đặc biệt, luận án xem việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số là giải pháp đột phá để hiện đại hóa phương thức tuyên truyền, tăng cường tính minh bạch và sức lan tỏa trong không gian mạng hiện nay.

Luận án đã đề xuất 06 nhóm giải pháp cơ bản đồng bộ. Hệ thống các giải pháp này có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau. Chỉ khi được triển khai một cách đồng bộ, quyết liệt với sự phối hợp chặt chẽ của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, các giải pháp này mới thực sự phát huy hiệu quả, góp phần xây dựng ĐNCBCC cấp xã VDHBB thực sự trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước trong tình hình mới.

KẾT LUẬN

Tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã là một bộ phận trọng yếu trong công tác tư tưởng của Đảng, nhằm xây dựng “thể trận lòng dân” và củng cố sự liêm chính từ nền tảng của hệ thống chính trị. Đối với vùng Duyên hải Bắc Bộ - khu vực năng động, có vị trí chiến lược về kinh tế, quốc phòng và an ninh, việc nâng cao hiệu quả hoạt động này không chỉ là yêu cầu cấp bách để bảo vệ thành quả của công tác PCTNTC thời gian qua mà còn là điều kiện tiên quyết để thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Qua quá trình nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn, luận án rút ra những kết luận cơ bản sau:

Một là, hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã là một phạm trù khoa học chính trị tổng hợp, phản ánh mức độ đạt được giữa kết quả thực tế (sự biến đổi về nhận thức, thái độ, niềm tin và hành vi liêm chính) với mục tiêu đề ra, trong sự so sánh với các nguồn lực (nhân lực, vật lực, thời gian) đã huy động. Hiệu quả này không chỉ định lượng qua số lượng các buổi tuyên truyền hay số văn bản ban hành, mà quan trọng hơn là định tính qua bản lĩnh chính trị và sự tự giác của CBCC cấp xã trong việc đối diện với những cám dỗ về lợi ích. Việc xác lập hệ thống tiêu chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền từ nhận thức đến hành vi thực tiễn là cơ sở khoa học quan trọng để các cấp ủy đảng tại vùng Duyên hải Bắc Bộ điều chỉnh phương thức tác động tư tưởng phù hợp với đặc thù địa bàn và đối tượng.

Hai là, thực trạng hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC tại vùng Duyên hải Bắc Bộ từ năm 2019 đến nay đã có những chuyển biến mang tính bước ngoặt. Đa số CBCC cấp xã đã nắm vững các quan điểm, quy định của Đảng và Nhà nước; niềm tin vào công cuộc đấu tranh PCTNTC do Đảng khởi xướng được củng cố mạnh mẽ. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra những “điểm nghẽn” đáng báo động: tính tích cực chính trị - xã hội trong đấu tranh

trực diện với sai phạm còn hạn chế; một bộ phận CBCC cấp xã vẫn còn tâm lý “nghe để biết” chứ chưa thực sự thấm thấu thành đạo đức công vụ và văn hóa liêm chính. Những mâu thuẫn giữa yêu cầu cao của nhiệm vụ tuyên truyền với năng lực còn hạn chế của chủ thể tuyên truyền, giữa môi trường kinh tế thị trường sôi động của vùng duyên hải với sự chậm đổi mới trong phương thức giáo dục liêm chính là những vấn đề cốt lõi cần phải giải quyết triệt để.

Ba là, bối cảnh mới của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và yêu cầu chuyển đổi số mạnh mẽ tại Việt Nam hiện nay vừa tạo ra thời cơ, vừa đặt ra thách thức gay gắt cho hoạt động tuyên truyền. Đối với CBCC cấp xã, những người trực tiếp giải quyết các thủ tục liên quan đến đất đai, đầu tư và an sinh xã hội, yêu cầu đối với hoạt động tuyên truyền không thể dừng lại ở phương thức truyền thống một chiều. Việc nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC đòi hỏi phải gắn kết chặt chẽ với việc xây dựng văn hóa liêm chính, thực hiện phương châm “4 không”: không thể, không dám, không muốn, không cần tham nhũng. Đây là quá trình tác động sâu sắc vào tâm lý, đạo đức và ý thức hệ của cán bộ, đòi hỏi sự kiên trì, liên tục và có trọng tâm, trọng điểm.

Bốn là, hệ thống quan điểm và giải pháp mà luận án đề xuất có tính đồng bộ, hệ thống và khả thi cao. Để nâng cao hiệu quả, cần phải thực hiện quyết liệt các nhóm giải pháp đột phá: (1) Phát huy vai trò và tính tiên phong, gương mẫu của các chủ thể tiến hành hoạt động tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã ở các tỉnh, thành phố VDHBB; (2) Đổi mới nội dung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật, cơ chế làm việc, tạo điều kiện cho ĐNCBCC cấp xã “duyệt liêm” nhằm phòng chống tham nhũng tiêu cực từ sớm, từ xa; (3) Xác định mục đích hợp lý, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức, phương tiện và sử dụng hợp lý các nguồn lực cho hoạt động tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã; (4) Tăng cường ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số mạnh mẽ trong hoạt động tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; (5) Tạo lập môi trường xã hội lành mạnh góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã. Đặc

biệt, việc kết hợp giữa “xây” và “chống”, giữa tuyên truyền tích cực với đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái về công tác PCTNTC trên không gian mạng là yêu cầu khách quan trong tình hình hiện nay.

Tóm lại, nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho ĐNCBCC cấp xã vùng Duyên hải Bắc Bộ là một quá trình vận động phức tạp, chịu sự chi phối của nhiều yếu tố. Tuy nhiên, nếu có sự thống nhất về nhận thức và quyết tâm chính trị cao từ cấp ủy địa phương, kết hợp với các giải pháp khoa học, hiện đại, chúng ta hoàn toàn có thể tạo ra sự chuyển biến căn bản về chất trong đạo đức công vụ của cán bộ cơ sở. Điều này không chỉ góp phần bảo vệ uy tín của Đảng mà còn tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển bền vững của vùng Duyên hải Bắc Bộ nói riêng và cả nước nói chung.

Kết quả nghiên cứu của luận án mong muốn đóng góp một phần nhỏ vào kho tàng lý luận về công tác tư tưởng và PCTNTC của Đảng, đồng thời cung cấp những gợi mở thực tiễn cho các nhà quản lý, hoạch định chính sách trong việc bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Hương Giang (2025), “Phản bác luận điệu xuyên tạc công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam”, *Tạp chí điện tử Thanh niên Việt*, đường link: <https://thanhnienviet.vn/phan-bac-luan-dieu-xuyen-tac-cong-tac-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-o-viet-nam-209250908151958866.htm>, ISSN 2734-9020.
2. Nguyễn Thị Hương Giang (2025), “Vai trò của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực”, *Tạp chí Thanh niên nghiên cứu khoa học*, số 82, ISSN 2734-9039.
3. Nguyễn Thị Hương Giang (2025), “Nâng cao hiệu quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã”, *Tạp chí Lý luận chính trị & Truyền thông*, số chuyên đề 3, ISSN 1859-1485.
4. Nguyễn Thị Hương Giang (2025), “Tuyên truyền phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong bối cảnh chuyển đổi số”, *Tạp chí điện tử Lý luận chính trị*, đường link: <https://lyluanchinhtri.vn/tuyen-truyen-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-trong-boi-canhh-chuyen-doi-so-10385.html>, ISSN 2525-2607.
5. Nguyễn Thị Hương Giang (2026), “Vạch trần bản chất xuyên tạc công cuộc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trước thềm Đại hội XIV của Đảng”, *Tạp chí thanh niên nghiên cứu khoa học*, số 89, ISSN 2734-9039.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Vũ Ngọc Am (2003), *Đổi mới công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ đảng viên cơ sở*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Vũ Ngọc Am (2011), “Hiệu quả và tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ đảng viên ở cơ sở”, *Tạp chí tuyên giáo*, số 11.
3. Nguyễn Quang Bình (2023), “Thực hành văn hóa liêm chính để đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực”, <https://noichinh.vn/nguyen-quang-binh-thuc-hanh-van-hoa-liem-chinh-de-day-lui-tham-nhung-tieu-cuc-313260/>.
4. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2017), *Quy định số 65-QĐ/TW ngày 03/02/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về chỉ đạo, định hướng cung cấp thông tin tuyên truyền Phòng, chống tham nhũng*, Hà Nội.
5. Ban Chấp hành Trung ương (2012), *Nghị quyết số 12/NQ-TW ngày 16/01/2012, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*, Hà Nội.
6. Ban Chấp hành Trung ương (2016), *Nghị quyết số 04/NQ-TW ngày 30/10/2016, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ*, Hà Nội.
7. Ban Chấp hành Trung ương (2021), *Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"*, Hà Nội.

8. Ban Chấp hành Trung ương (2021), *Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/quy-dinh-so-37-qdtw-ngay-25102021-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-ve-nhung-dieu-dang-vien-khong-duoc-lam-7919>.
9. Ban Chấp hành Trung ương (2023), *Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ*, Hà Nội.
10. Ban Chấp hành Trung ương (2023), *Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán*, Hà Nội.
11. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Nghị quyết 60-NQ/TW ngày 12/04/2025, Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, Hà Nội.
12. Ban Chấp hành Trung ương (2026), *Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 01/4/2026 về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới*, Hà Nội.
13. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Quy định số 231-QĐ/TW, ngày 17/1/2025 về bảo vệ người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực*, Hà Nội.
14. Ban Chấp hành Trung ương (2026), *Quy định số 21-QĐ/TW ngày 11/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng*, Hà Nội.
15. Ban Nội chính Trung ương (2022), *Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW ngày 01/8/2022 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực về một số nội dung về công tác phòng, chống tiêu cực*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua->

dang/huong-dan-so-25-hdbcdtw-ngay-0182022-cua-ban-chi-dao-trung-uong-ve-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-ve-mot-so-noi-dung-ve-8778

16. Ban Tuyên giáo Thành ủy Hải Phòng (2024), *Báo cáo Tổng kết công tác báo cáo viên, tuyên truyền miệng năm 2024; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025*, Hải Phòng.
17. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Ninh Bình (2024), *Báo cáo Tổng kết công tác báo cáo viên, tuyên truyền miệng năm 2024; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025*, Ninh Bình.
18. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ninh (2024), *Báo cáo Tổng kết công tác báo cáo viên, tuyên truyền miệng năm 2024; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025*, Quảng Ninh.
19. Ban Tuyên giáo Trung ương (2008), *Tiếp tục đổi mới, nâng cao tính chiến đấu, sự sắc bén, chất lượng và hiệu quả công tác tuyên giáo*, Ban Tuyên giáo Trung ương Hà Nội.
20. Ban Tuyên giáo Trung ương (2010), *Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức công tác Tuyên giáo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay*, Ban Tuyên giáo Trung ương Hà Nội.
21. Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy Hải Phòng (2025), *Báo cáo Kết quả công tác tuyên truyền miệng và hoạt động báo cáo viên của Đảng năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ năm 2026*, Hải Phòng.
22. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Ninh Bình (2025), *Báo cáo Kết quả công tác tuyên truyền miệng và hoạt động báo cáo viên của Đảng năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ năm 2026*, Ninh Bình.
23. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Quảng Ninh (2025), *báo cáo Kết quả công tác tuyên truyền miệng và hoạt động báo cáo viên của Đảng năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ năm 2026*, Quảng Ninh.
24. Báo Bắc Ninh (2025), *Tiếp tục tạo đột phá trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực*, <https://baobacninhhtv.vn/tiep-tuc-tao->

dot-pha-trong-cong-tac-phong-chong-tham-nhung-lang-phi-tieu-cuc-postid432894.bbg.

25. Báo Nhân dân (2023), *Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với quyết tâm mới, tinh thần mới*, <https://nhandan.vn/day-manh-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-voi-quyet-tam-moi-tinh-than-moi-post703264.html>
26. Báo Ninh Bình (2026), *Hop báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình năm 2025*, <https://baoninhbinh.org.vn/hop-bao-cong-bo-so-lieu-thong-ke-kinh-te-xa-hoi-tinh-ninh-binh-nam-2025-260105113120777.html>.
27. Báo Quân đội nhân dân (2023), *Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tổng kết Hội nghị giữa nhiệm kỳ Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc/phan-bieu-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tong-ket-hoi-nghi-giua-nhiem-ky-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-728416>.
28. Hoàng Quốc Bảo (2014), “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về nâng cao hiệu quả tuyên truyền*”, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, số 5.
29. Bộ chính trị (2015), *Chỉ thị số 50-CT-TW ngày 07/12/2015 của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng*
30. Bộ Chính trị (2016) *Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Hà Nội.*
31. Bộ Chính trị (2016), *Kết luận 10-KL/TW năm 2016 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.*

32. Bộ Chính trị (2019), *Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ người tố cáo, người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.*
33. Bộ Chính trị (2019), *Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ người tố cáo, người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, Hà Nội.*
34. Bộ Chính trị (2021), *Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII "Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh",*
<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ket-luan-so-01-kltw-ngay-1852021-cua-bo-chinh-tri-ve-tiep-tuc-thuc-hien-chi-thi-so-05-cttw-ngay-1552016-cua-bo-chinh-tri-7430>.
35. Bộ Chính trị (2022), *Kết luận 12-KL/TW năm 2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, Hà Nội.*
36. Bộ Chính trị (2022), *Kết luận 12-KL/TW năm 2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, Hà Nội.*
37. Bộ Chính trị (2022), *Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, Hà Nội.*
38. Bộ Chính trị (2023), *Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí,*
<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/chi-thi-so-27-cttw-ngay-25122023-cua-bo-chinh-tri-ve-tang-cuong-su-lanh-dao-cua-dang-doi-voi-cong-tac-thuc-hanh-tiet-10017>
39. Bộ Chính trị (2023), *Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, Hà Nội.*

40. Bộ Chính trị (2024), *Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công*, Hà Nội.
41. Brian Tracy (2016), *Để hiệu quả trong công việc*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
42. Chính phủ (2023), *Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030*,
<https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=208765>
43. Lê Văn Cường, Mai Việt Bách (2024), “*Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực*”,
<https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/ngghien-cu/-/2018/919302/tiep-tuc-day-manh-va-nang-cao-hieu-qua-cong-tac-dau-tranh-phong,-chong-tham-nhung,-tieu-cuc.aspx>
44. Cao Thị Dung (2018), *Công tác truyền thông về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị, số 9.
45. Cao Thị Dung (2019), *Báo chí tham gia phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
46. Nguyễn Đăng Dung, Phạm Hồng Thái, Chu Hồng Thanh, Vũ Công Giao (2013), *Lý luận và pháp luật về phòng, chống tham nhũng*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
47. Đặng Văn Dũng (2025), “*Tiếp tục cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực*”, https://www.tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/tiep-tuc-cuoc-dau-tranh-phong-chong-tham-nhung-lang-phi-tieu-cuc-nhan-to-cot-loi-bao-dam-thanh-cong-trong-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc
48. Đảng bộ tỉnh Ninh Bình (2025), Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

49. Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2025), Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025-2030, Công ty TNHH In Quảng Ninh, Quảng Ninh.
50. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, tập 1, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
53. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
54. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập 1, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (2025), *Báo cáo Tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng*, Hải Phòng.
56. Đảng ủy xã Hoành Mô (2025), Báo cáo Công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026, Quảng Ninh.
57. Đảng ủy phường Hòn Gai (2025), Báo cáo Kết quả công tác nội chính, tư pháp, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực năm 2025, Quảng Ninh.
58. Đảng ủy xã An Biên (2025), Báo cáo Công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026, Hải Phòng.
59. Đảng ủy xã Thống Nhất (2025), Báo cáo Công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026, Quảng Ninh.

60. Đảng ủy xã Nguyễn Lương Bằng (2025), Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng, Hải Phòng.
61. Đảng ủy phường Trần Hưng Đạo (2025), Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực năm 2025, Hải Phòng.
62. Francois Jullien (2004), *Bàn về tính hiệu quả*, trong *Minh Triết phương Đông và phương Tây*, (bản dịch của Hoàng Ngọc Hiến và Lê Hữu Khóa), NXB Đà Nẵng.
63. Nguyễn Thị Trường Giang (2024), *Đổi mới công tác tuyên truyền chính trị trên mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay*, NXB Thông Tin Và Truyền Thông, Hà Nội.
64. Vũ Hà (2018), “Internet - vũ khí chống tham nhũng ở Trung Quốc”, <https://vnexpress.net/internet-vu-khi-chong-tham-nhung-o-trung-quoc-2407279.html>
65. Trương Hồ Hải (2023), “Hoàn thiện cơ chế phòng ngừa để không thể tham nhũng, tiêu cực”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, <https://lyluanchinhtri.vn/hoan-thien-co-che-phong-ngua-de-khong-the-tham-nhung-tieu-cuc-11.html>.
66. Hà Dũng Hải (2021), “Hiệu quả từ công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng”, *Tạp chí Tuyên giáo*, số 1-2021.
67. Lương Khắc Hiếu (2008), *Nguyên lý công tác tư tưởng*, tập 1, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
68. Lương Khắc Hiếu (2008), *Nguyên lý công tác tư tưởng*, tập 2, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
69. Lương Khắc Hiếu (2017), *Cơ sở lý luận công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội, tr.290.

70. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Giáo trình “*Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam*”, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2021.
71. Hội đồng chỉ đạo xuất bản sách xã phường, thị trấn (2015), *Trách nhiệm của chính quyền cơ sở trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
72. Hội đồng lý luận Trung ương (2024), *Công tác tư tưởng trong điều kiện hiện nay: Thực trạng, vấn đề đặt ra và giải pháp*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
73. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam (2007), *Từ điển bách khoa Việt Nam*, tập 2, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội.
74. Đoàn Minh Huân (2022), “Nguồn lực và động lực cho thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện thích ứng an toàn - Nhìn từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh”, Tạp chí Cộng sản điện tử, https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/nguon-luc-va-dong-luc-cho-thuc-day-phuc-hoi-va-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-trong-dieu-kien-thich-ung-an-toan-nhin-tu-thuc-tien-tinh-quang-ninh
75. Lê Minh Huệ (2022), “Những cách làm hay, hiệu quả trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, góp phần phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội”, Tạp chí điện tử Kiểm sát, <https://kiemsat.vn/nhung-cach-lam-hay-hieu-qua-trong-cong-tac-tuyen-truyen-pho-bien-giao-duc-phap-luat-gop-phan-phong-ngua-toi-pham-vi-pham-phap-luat-va-te-nan-xa-hoi-64806.html>
76. Giang Quỳnh Hương (2019), *Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ chủ chốt người dân tộc thiểu số cấp cơ sở ở khu vực Tây Bắc hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

77. Trần Thị Thanh Hương (2024), “Đẩy mạnh tuyên truyền góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực - vì sự trong sạch, vững mạnh và uy tín của Đảng”, <https://angiang.gov.vn/vi/day-manh-tuyen-truyen-gop-phan-nang-cao-hieu-qua-cong-tac-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-vi-su-trong-sach-vung-manh-va-uy-tin-cua-dang>.
78. Hoàng Thị Huyền (2026), “Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng quan trọng để xây dựng đội ngũ cán bộ liêm chính theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng”, <http://hvctcand.gov.vn/phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-theo-tu-tuong-ho-chi-minh-nen-tang-quan-trong-de-xay-dung-doi-ngu-can-bo-liem-8360>.
79. Nguyễn Thị Thu Huyền (2020), *Tuyên truyền chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
80. Vũ Trung Kiên (2019), *Hiệu quả công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cho công nhân các khu công nghiệp ở miền Đông Nam bộ hiện nay*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
81. Lê Mậu Lâm (2024), “Tăng cường tuyên truyền phòng, chống tham nhũng, tiêu cực”, *Nhân dân online*, <https://nhandan.vn/tang-cuong-tuyen-truyen-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-post807553.html>.
82. Thủ tướng Chính phủ (2019), Quyết định số 861/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019 - 2021”, Hà Nội.
83. Tô Lâm (2019), *Tham nhũng và hoạt động của Công an nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
84. Trần Thị Tùng Lâm (2017), *Hiệu quả giáo dục văn hóa học đường cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.

85. Nguyễn Thị Tuyết Mai (2004), *Nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn của cán bộ chủ chốt cấp xã ở một số tỉnh đồng bằng sông Hồng trong điều kiện hiện nay*, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
86. Đinh Văn Minh (2015), *Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
87. Dương Anh Minh (2025), “Tuyên truyền phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: “Điểm nghẽn” và giải pháp tháo gỡ”, <https://thanhtra.com.vn/tin-trong-nuoc-A7403F0EC/tuyen-truyen-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-diem-nghe-nh-va-giai-phap-thao-go-fd59ce021.html>
88. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 1.
89. Hồ Chí Minh (2015), *Sửa đổi lối làm việc*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
90. Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), tập 5, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
91. Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), tập 2, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
92. Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), tập 7, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
93. Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2021), tập 7, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
94. Lê Thị Nghĩa (2012) *Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lãnh đạo phòng chống tham nhũng trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Xây dựng Đảng cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
95. Nguyễn Trọng Nghĩa (2025) “*Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng, góp phần tạo mọi điều kiện thuận lợi để đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*”, Tạp chí Cộng sản, https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/nang-cao-chat-luong-hieu-qua-cong-tac-tu-tuong-gop-phan-tao-moi-dieu-kien-thuan-loi-de-dat-nuoc-buoc-vao-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc
96. Hoàng Phê (2011), *Từ điển Tiếng việt*, NXB Đà Nẵng.

97. Nguyễn Văn Phương (2025), *Phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh Đông Nam Bộ hiện nay*, Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
98. Đào Duy Quát (2023), *Công tác tư tưởng và những vấn đề đặt ra với công tác tư tưởng trong thời kỳ phát triển mới của đất nước*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
99. Quốc hội (2008), *Luật Cán bộ, công chức*
<https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=81139>
100. Quốc hội (2018), *Luật phòng, chống tham nhũng*,
<https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=206104>
101. Quốc hội (2025), *Luật Cán bộ, công chức*,
<https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=214576&classid=1&typegroupid=3>
102. Trịnh Văn Quyết (2023), “Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị, đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội trong tình hình mới”, *Tạp chí quốc phòng toàn dân điện tử*,
<https://tapchiquptd.vn/vi/chuyen-luan-chi-dao/tiep-tuc-doi-moi-nang-cao-hieu-qua-cong-tac-giao-duc-chinh-tri-dap-ung-yeu-cau-xay-dung-qu/20631.html>.
103. Trần Xuân Sầm (1998), *Xác định cơ cấu và tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong hệ thống chính trị đổi mới*, NXB Chính trị quốc gia, tr.139.
104. Sonthavixay Her (2019), *Hiệu quả giáo dục chính trị - tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ ở Bộ an ninh nhân dân Lào*, Luận án tiến sĩ Công tác tư tưởng, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
105. Phạm Tú Tài, Nguyễn Vĩnh Thanh (2016), *Sử dụng hiệu quả các nguồn lực vật chất chủ yếu trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

106. Hữu Thọ, Đào Duy Quát (chủ biên) (1999), *Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng và văn hóa trong tình hình mới*, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Hà Nội.
107. Thành ủy Hải Phòng (2022), *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 15/10/2007 của Ban Bí thư (khóa X) về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới*, Hải Phòng.
108. Thành ủy Hải Phòng (2025), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố trình Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030*.
109. Thủ tướng Chính phủ (2025), *Quyết định số 1959/QĐ-TTg, ngày 11/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc xếp hạng di tích Quốc gia đặc biệt*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Quyet-dinh-1959-QD-TTg-2025-xep-hang-di-tich-quoc-gia-dac-biet-672640.aspx>.
110. Tỉnh ủy Ninh Bình (2022), *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 15/10/2007 của Ban Bí thư (khóa X) về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới*, Ninh Bình.
111. Tỉnh ủy Ninh Bình (2025), *Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng*, Ninh Bình.
112. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2022), *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 15/10/2007 của Ban Bí thư (khóa X) về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới*, Quảng Ninh.
113. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2025), *Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội Quý IV và cả năm 2025; thông tin về kịch bản tăng trưởng năm 2026*, Quảng Ninh.
114. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2025), *Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng*, Quảng Ninh.

115. Lưu Trần Toàn (2019), *Tuyên truyền hình ảnh Việt Nam ra thế giới qua báo chí đối ngoại*, Luận án Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
116. Lê Mai Trang (2016), *Đổi mới công tác tuyên truyền của Đảng đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay*”, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
117. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
118. Nguyễn Phú Trọng (2024), *Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: Một việc làm cần thiết, tất yếu; một xu thế không thể đảo ngược*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
119. Nguyễn Phú Trọng, Trần Xuân Sầm (2001), Luận cứ khoa học cho việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. tr.20
120. Trần Việt Trường và Nguyễn Ngọc Quy (2021), *Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền trong đồng bào Khmer ở Cần Thơ hiện nay*”, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
121. Trang thông tin điện tử Ủy ban Kiểm tra Trung ương (2025), *Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng*, <https://ubkttw.vn/danh-muc/tin-tuc-thoi-su/hoi-nghi-toan-quoc-tong-ket-cong-tac-phong-chong-tham-nhung-lang-phi-tieu-cuc-nhiem-ky-dai-hoi-xiii-cua-dang.html>.
122. Đào Duy Tùng (1999), *Một số vấn đề về công tác tư tưởng*, NXB, Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
123. Tuổi trẻ online (2025), Toàn văn bài phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị toàn quốc tổng kết phòng chống tham nhũng, <https://tuoitre.vn/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-to-lam-tai-hoi->

ngghi-toan-quoc-tong-ket-phong-chong-tham-nhung-
20251223143212296.htm

124. Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (2021), *Báo cáo Tổng kết thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019 - 2021” trên địa bàn thành phố Hải Phòng*, Hải Phòng.
125. Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (2024), *Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng*, Hải Phòng.
126. Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (2025), *Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026*, Hải Phòng.
127. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (2021), *Báo cáo Tổng kết thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019 - 2021” trên địa bàn tỉnh Ninh Bình*, Ninh Bình.
128. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (2024), *Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng*, Ninh Bình.
129. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2021), *Báo cáo Tổng kết thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019 - 2021” trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*, Quảng Ninh.
130. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2024), *Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng*, Quảng Ninh.
131. Ủy ban nhân dân phường Đông Hải (2025), *Báo cáo Tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực giai đoạn 2021 - 2025*, Hải Phòng.
132. Ủy ban nhân dân phường Vị Khê (2025), *Báo cáo Tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2025*, Ninh Bình.
133. Ủy ban nhân dân xã Ninh Cường (2025), *Báo cáo Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2026*, Ninh Bình.

134. Ủy ban nhân dân phường An Biên (2025), *Báo cáo Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2025 phục vụ Ban Chỉ đạo PCTN, lãng phí, tiêu cực thành phố*, Hải Phòng.
135. Ủy ban nhân dân xã Bình Lục (2026), *Báo cáo kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực 6 tháng đầu năm 2026*, Ninh Bình.
136. Ủy ban nhân dân phường Mỹ Lộc (2025), *Báo cáo Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí tiêu cực năm 2025; phương hướng, nhiệm vụ năm 2026*, Ninh Bình
137. Nguyễn Quốc Văn (2024), *Kiểm soát quyền lực nhằm phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam*”, Đề tài khoa học cấp Bộ.
138. Nguyễn Quốc Văn và Vũ Công Giao (2017), *Phát huy vai trò của xã hội trong phòng chống tham nhũng*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
139. Hồng Thế Vinh (2024), *Vấn đề đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp cơ sở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
140. Lương Ngọc Vĩnh (2012), *Hiệu quả công tác giáo dục chính trị - tư tưởng trong học viên các học viện quân sự ở nước ta hiện nay*, Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
141. Lương Ngọc Vĩnh (2021), *Công tác tuyên truyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ mới*”, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
142. Lương Ngọc Vĩnh (2024), “Tiêu chí và phương pháp đánh giá hiệu quả đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch”, Tạp chí Lý luận chính trị & Truyền thông, số tháng 7.
143. Lương Ngọc Vĩnh [2021], *Công tác tuyên truyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ mới*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
144. Viện Ngôn ngữ học (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
145. X.I.Xu-rơ-ni-tren-cô (Chủ biên) (1982), *Hoạt động tư tưởng của Đảng Cộng sản Liên Xô*, NXB Thông tin lý luận, Hà Nội.

146. Đồng Thị Kim Xuyên (2023), “*Dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*”, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.

Tiếng Anh

147. Abigail Bellows (2020), “Regaining U.S. Global Leadership on Anticorruption”, Carnegie Endowment for International Peace, (<https://carnegieendowment.org/research/2020/07/regaining-us-global-leadership-on-anticorruption?lang=en>)
148. Albert Torres & David J. Kramer (2025), “Strategic Corruption: Russia in Europe”, George W. Bush Institute, , USA.
<https://www.bushcenter.org/publications/strategic-corruption-russia-in-europe>
149. Dan Hough (2015), *Corruption, corruption and governance*, Springer, London.
150. Edward H. Spence (2021), *Media Corruption in the Age of Information*, Springer Nature, Switzerland.
151. Fernanda Odilla (2025), *The Digitalisation of Anti-Corruption in Brazil: Scandals, Reforms, and Innovation*, Routledge, UK.
152. Fernanda Odilla và Konstantinos Tsimonis (2024), “*Corruption and Anti-Corruption Upside Down: New Perspectives from the Global South*”
153. Ms. Charu Srivastava (2016), “Role of Media in Preventing and Combating Corruption”, *Imperial Journal of Interdisciplinary Research*, Vol 2, Issue 2.pp .170–180.
154. Qin, L., et al (2025), “The influence of social media content on political identity with corruption perception as a moderator”, *Frontiers in Political Science*,
155. Ronald Kroeze, Andre Vitoria & Guy Gelt (2018), *Anti-corruption in History: From Antiquity to the Modern Era*, Oxford, UK.

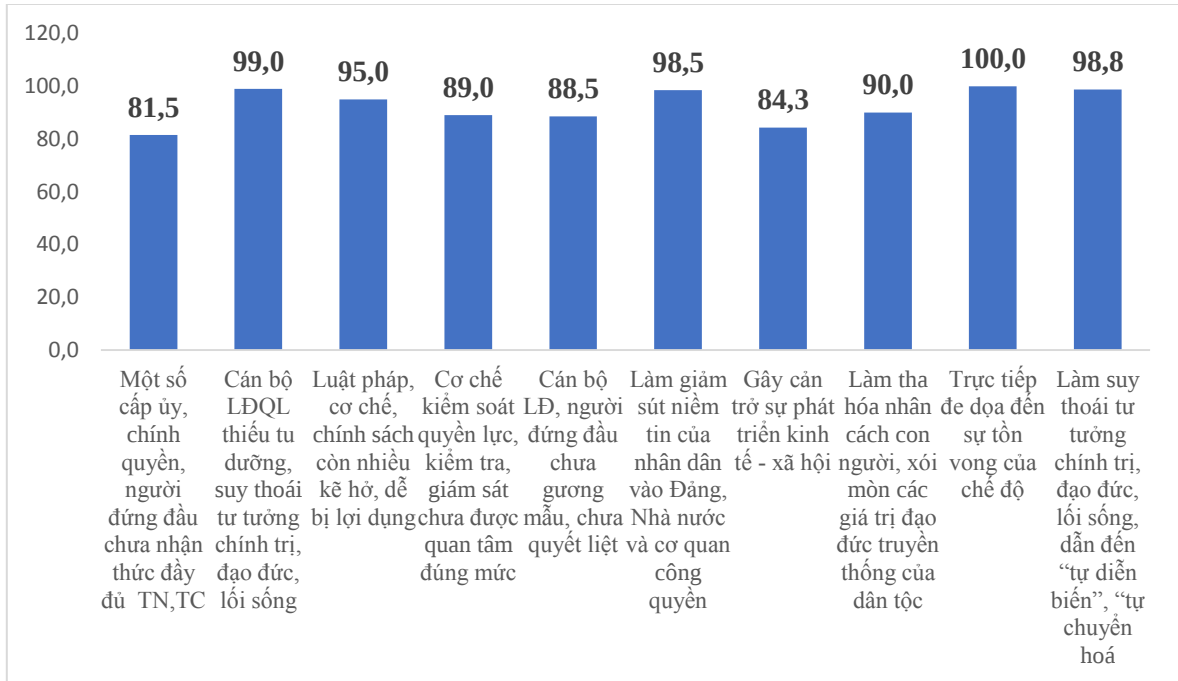
156. Tilak Pathak và Bhuwan KC (2024), *Corruption and Media: Scandals, Actors, Trends and Analysis*, Center for Media Research (CMR) Nepal và Butwal Media, Nepal.
157. Zhang, N (2016) , *Democratic Advantages in Corruption Control: New Evidence from Anti-Corruption Cases across 154 Countries*, *Quality of Government Working Paper Series 2016:5*. University of Gothenburg.
158. Cheeseman và Peiffer (2024), “Using Anti-corruption Communication to Tackle Corruption in Moldova”,
https://www.researchgate.net/publication/383206790_Using_Anti-corruption_Communications_to_Tackle_Corruption_in_Moldova
159. Starke (2025), “Desiging algorithms against corruption: a conjoint study on communicative features to encourage intentions for collective action”, *journal of information technology & politics*,
<https://doi.org/10.1080/19331681.2025.2465326>, truy cập ngày 3/6/2026.
160. Jia và Fee (2025), “The influence of social media content on political identity with corruption perception as a moderator”, *Front. Polit. Sci.*, 06 November 2025, Volume 7 – 2025, <https://doi.org/10.3389/fpos.2025.1659804>
161. Leontieva L.S., Khalilova T.V., Gaynullina L.F (2015), “Social-Communicative Innovations in Anti-Corruption Activities (Regional Aspect)”, *Asian Social Science*; Vol. 11, No. 7; 2015 ISSN 1911-2017 E-ISSN 1911-2025 Published by Canadian Center of Science and Education.
162. Yahong Zhang, Cecilia Lavena (2015), *Government Anti-Corruption Strategies: A Cross - Cultural Perspective*, Routledge Institute.

Tiếng Trung Quốc

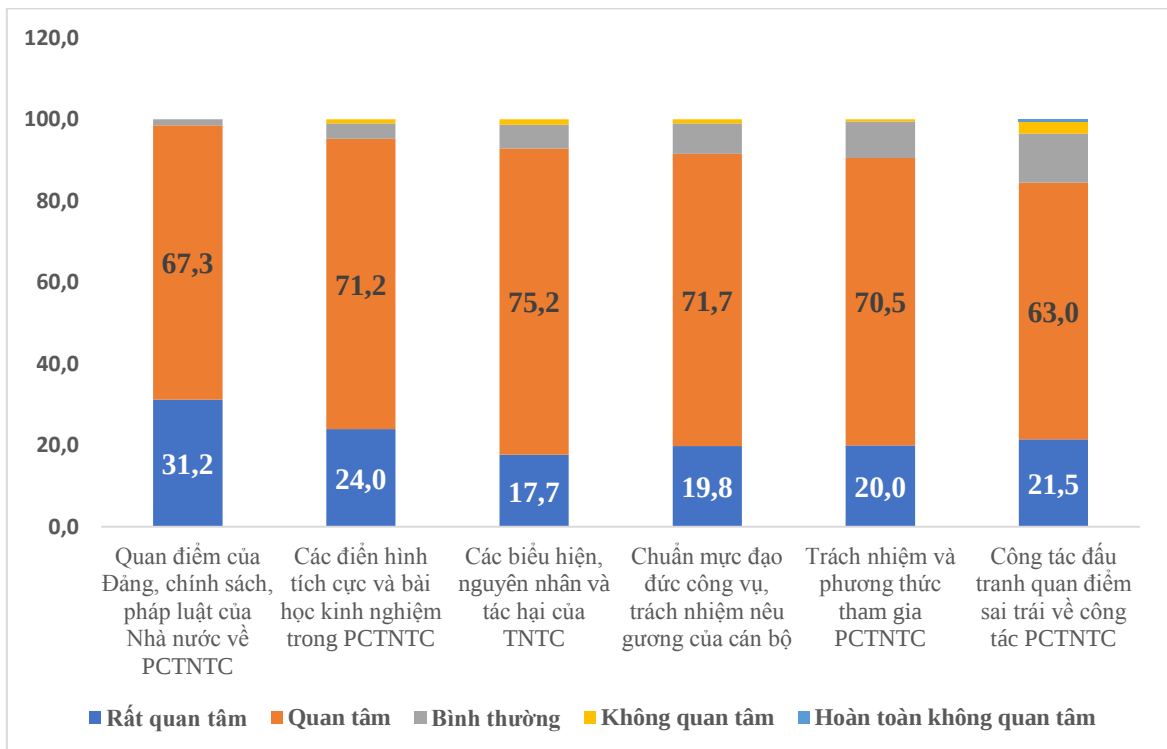
163. 曹祖明, 陈挺 (2009, 思想政治教育有效性评价的前提审视,
<http://60.216.0.86/001/001013/001013003/6087409931405.htm> (thời gian truy cập: Ngày 28/3/2026).

PHỤ LỤC

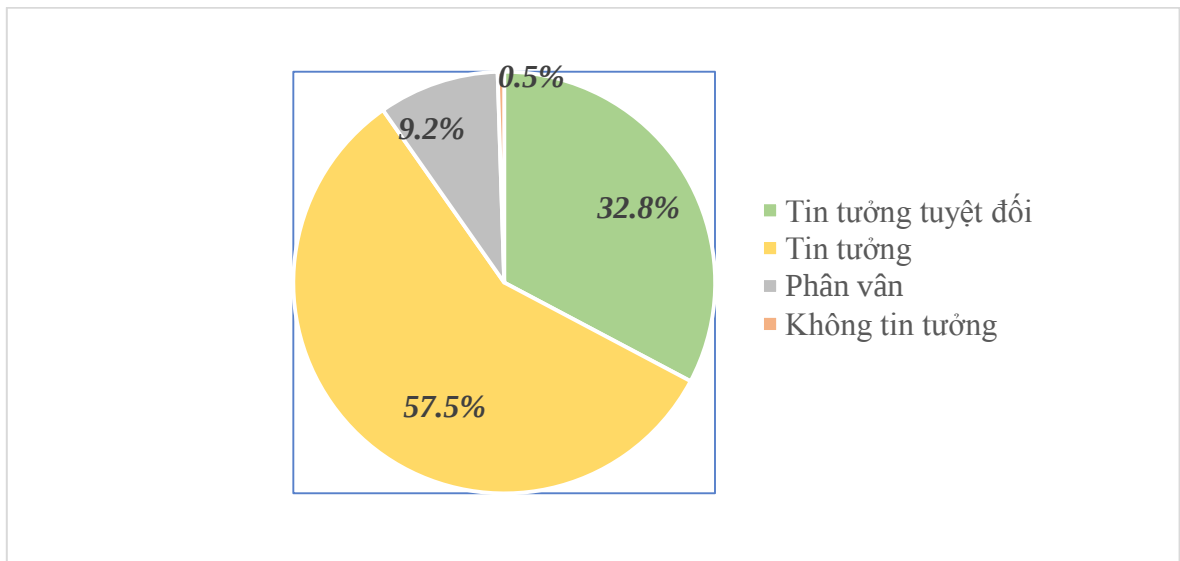
Phụ lục 1. BIỂU ĐỒ



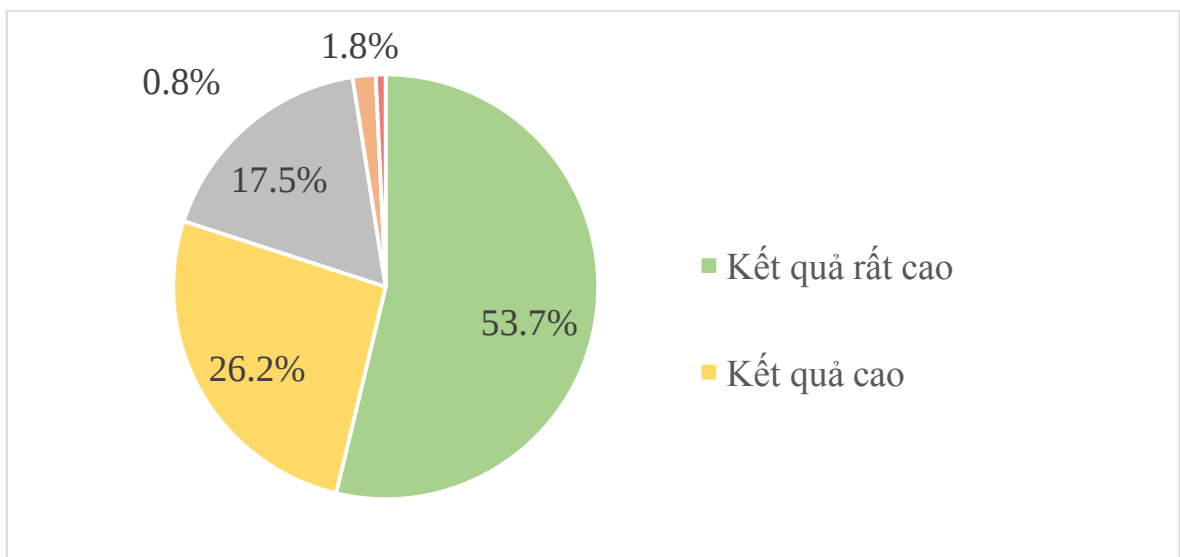
Biểu đồ 1: Tỷ lệ % ý kiến nhận định về nguyên nhân của tham nhũng, tiêu cực



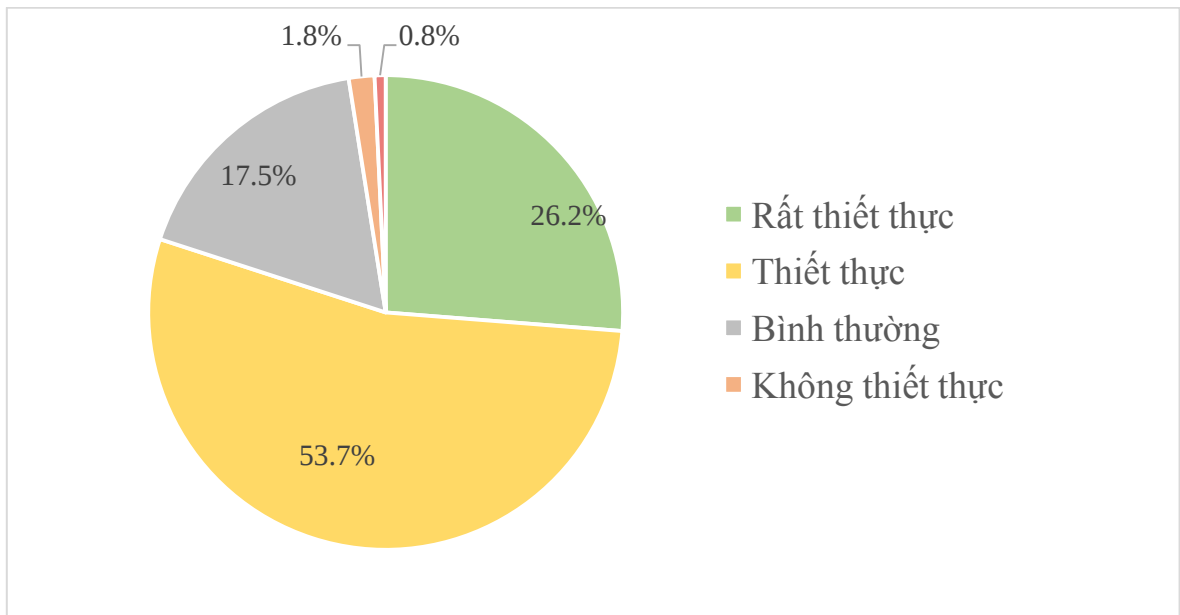
Biểu đồ 2: Tỷ lệ % về mức độ quan tâm tìm hiểu các nội dung tuyên truyền về PCTNTC của ĐNCBCC cấp xã



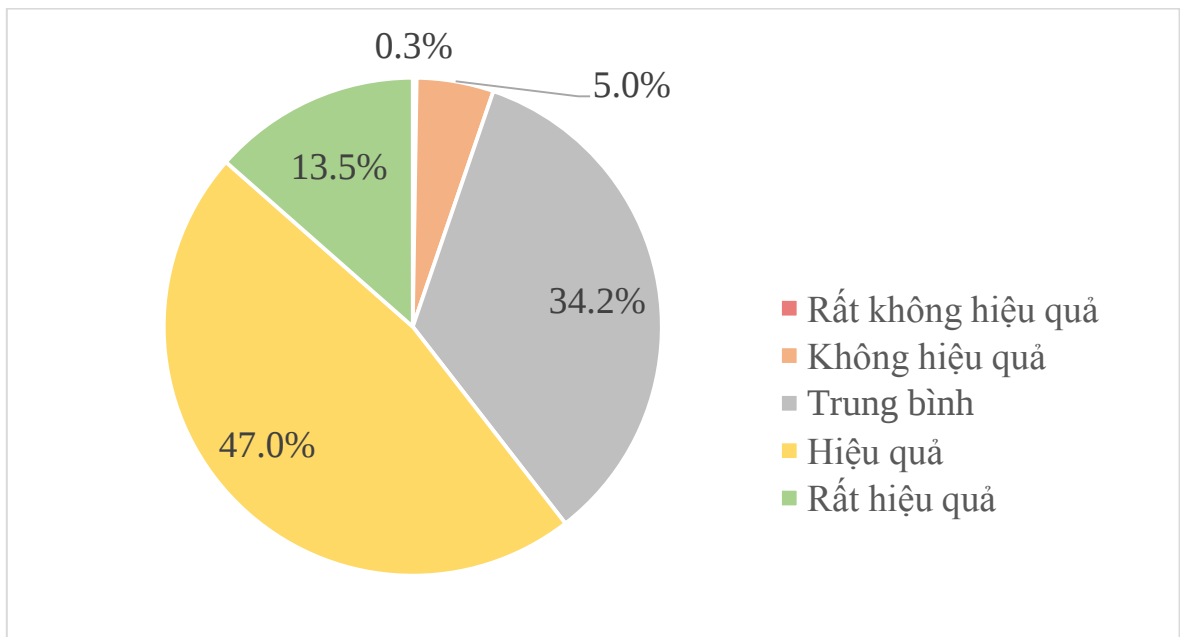
Biểu đồ 3: Niềm tin của cán bộ chủ chốt cấp xã vào quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước trong công tác PCTNTC



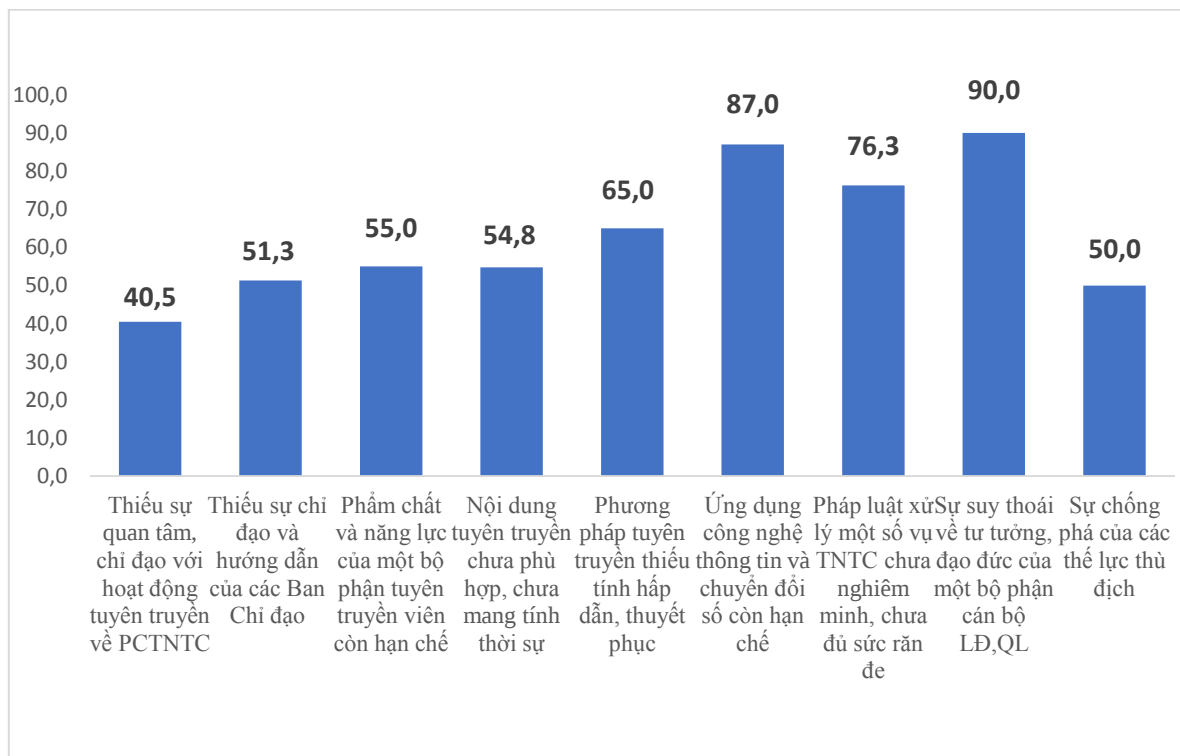
Biểu đồ 4: Tỷ lệ % CBCC cấp xã đánh giá kết quả PCTNTC của Đảng và Nhà nước



Biểu đồ 5: Tỷ lệ đánh giá tính thiết thực của nội dung tuyên truyền về PCTNTC đối với công việc



Biểu đồ 6: Tỷ lệ % đánh giá của CBCC cấp xã về hiệu quả tuyên truyền PCTNTC



Biểu đồ 7: Tỷ lệ % lựa chọn nguyên nhân dẫn đến hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC chưa cao

Phụ lục 2

PHIẾU KHẢO SÁT

(Dành cho cán bộ chủ chốt cấp xã)

Kính chào đồng chí!

Tôi là nghiên cứu sinh chuyên ngành Chính trị học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Với mong muốn đóng góp vào việc nâng cao hiệu quả tuyên truyền phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (PCTNTC), tôi thực hiện một nghiên cứu khoa học cho luận án tiến sĩ của mình với đề tài “***Hiệu quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở các tỉnh, thành phố vùng Duyên hải Bắc Bộ Việt Nam hiện nay***”.

Sự thành công của nghiên cứu này phụ thuộc rất nhiều vào những ý kiến, chia sẻ thẳng thắn và tâm huyết từ đồng chí. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để tôi đưa ra những kiến nghị, giải pháp sát thực. Mọi thông tin đồng chí cung cấp sẽ được **bảo mật tuyệt đối** và chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học.

Mong đồng chí dành thời gian cho biết ý kiến của mình về một số nội dung sau đây. Phương án nào phù hợp với ý kiến của đồng chí, xin **đánh dấu (X)** vào ☐ hoặc **điền vào chỗ trống (...)**.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác quý báu của đồng chí!

Câu 1: Đồng chí cho biết mức độ quan tâm tìm hiểu các nội dung tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của đồng chí như thế nào?

Nội dung tuyên truyền về PCTNTC	Mức độ quan tâm				
	Hoàn toàn không quan tâm	Không quan tâm	Bình thường	Quan tâm	Rất quan tâm
1. Quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC					
2. Các điển hình tích cực và bài học kinh nghiệm trong PCTNTC					
3. Các biểu hiện, nguyên nhân và tác					

Nội dung tuyên truyền về PCTNTC	Mức độ quan tâm				
	Hoàn toàn không quan tâm	Không quan tâm	Bình thường	Quan tâm	Rất quan tâm
hại của TNTC					
4. Chuẩn mực đạo đức công vụ, trách nhiệm nêu gương của cán bộ					
5. Trách nhiệm và phương thức tham gia PCTNTC					
6. Công tác đấu tranh, phản bác các thông tin, quan điểm sai trái của các thế lực thù địch về công tác PCTNTC					

Câu 2: Đồng chí tiếp nhận các thông tin về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực qua các hình thức nào dưới đây? (lựa chọn nhiều phương án)

Hình thức	Mức độ				
	Rất không thường xuyên	Không thường xuyên	Bình thường	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1. Lớp học, lớp tập huấn					
2. Hội thảo, hội nghị, tọa đàm					
3. Buổi sinh hoạt Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội					
4. Các cuộc thi tìm hiểu về PCTNTC					
5. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ					
6. Qua các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội					
7. Ý kiến khác (ghi rõ):					

Câu 3: Theo đồng chí, các hành vi sau đây đâu là biểu hiện của tham nhũng, tiêu cực?

STT	Hành vi	Ý kiến	
		Đúng	Sai
	<i>Hành vi tham nhũng</i>		
1	Tham ô tài sản; nhận hối lộ		
2	Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi		
3	Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản		
4	Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi		
5	Không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi		
	<i>Hành vi tiêu cực</i>		
6	Kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình không trung thực về nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm; tâu tán, che giấu tài sản có được.		
7	Can thiệp, tác động hoặc để người nhà, người thân, người quen lợi dụng chức vụ, vị trí công tác của mình để trục lợi.		
8	Nói, viết, thực hiện không đúng hoặc không thực hiện, thực hiện không đầy đủ chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.		
9	Quan liêu, xa rời thực tế, không sâu sát công việc, không nắm chắc tình hình trong cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị.		
10	Tặng quà, nhận quà dưới mọi hình thức để tác động đến tổ chức, người có trách nhiệm dẫn đến việc quyết định có lợi riêng cho bản thân, gia đình hoặc cá nhân, tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp.		

Câu 4: Đồng chí cho biết ý kiến của mình về các nguyên nhân và hậu quả của tham nhũng, tiêu cực? (chọn nhiều phương án)

STT	Nội dung	Ý kiến	
		Đúng	Sai
1	Một số cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu chưa nhận thức đầy đủ và sâu sắc tính chất nghiêm trọng của tham nhũng, tiêu cực		
2	Cán bộ lãnh đạo, quản lý thiếu tu dưỡng, rèn luyện, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống		
3	Luật pháp, cơ chế, chính sách còn nhiều kẽ hở, dễ bị lợi dụng		
4	Cơ chế kiểm soát quyền lực, công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi quyền lực của người có chức vụ, quyền hạn chưa được quan tâm đúng mức		
5	Cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu chưa gương mẫu, chưa quyết liệt, nói chưa đi đôi với làm		
6	Làm giảm sút niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước và sự quản lý của cơ quan công quyền		
7	Gây cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội		
8	Làm tha hóa nhân cách con người, xói mòn các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc		
9	Trực tiếp đe dọa đến sự tồn vong của chế độ		
10	Làm suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, dẫn đến “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”		

Câu 5: Đồng chí đánh giá mức độ hiểu biết của mình về một số quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước và của địa phương về PCTNTC hiện nay như thế nào?

Một số quy định	Mức độ				
	Rất không hiểu biết	Không hiểu biết	Bình thường	Hiểu biết	Rất hiểu biết
1. Luật phòng, chống tham nhũng					

Một số quy định	Mức độ				
	Rất không hiểu biết	Không hiểu biết	Bình thường	Hiểu biết	Rất hiểu biết
năm 2018					
2. Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ người tố cáo, người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực					
3. Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"					
4. Kết luận số 12-KL/TW ngày 6/4/2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực					
5. Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm					
6. Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị về					

Một số quy định	Mức độ				
	Rất không hiểu biết	Không hiểu biết	Bình thường	Hiểu biết	Rất hiểu biết
kiểm soát quyền lực và PCTN trong công tác cán bộ.					
7. Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, PCTNTC trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán					
8. Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, PCTNTC trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công					
9. Các văn bản chỉ đạo của tỉnh về PCTNTC					

Câu 6: Các nội dung tuyên truyền về PCTNTC mang lại lợi ích thiết thực cho công việc của đồng chí ở mức độ nào?

- ☐ 1. Hoàn toàn không thiết thực
- ☐ 2. Không thiết thực
- ☐ 3. Bình thường
- ☐ 4. Thiết thực
- ☐ 5. Rất thiết thực

Câu 7: Theo đồng chí, cuộc đấu tranh PCTNTC của Đảng và Nhà nước hiện nay mang lại kết quả như thế nào?

- ☐ 1. Càng chống càng tăng
- ☐ 2. Không có kết quả
- ☐ 3. Có kết quả nhưng hạn chế

- ☐ 4. Kết quả cao
- ☐ 5. Kết quả rất cao

Câu 8: Đồng chí tin tưởng vào tính đúng đắn của chủ trương, đường lối và quyết tâm chính trị trong đấu tranh PCTNT của Đảng và Nhà nước ta như thế nào?

- ☐ 1. Hoàn toàn không tin tưởng
- ☐ 2. Không tin tưởng
- ☐ 3. Phân vân
- ☐ 4. Tin tưởng
- ☐ 5. Tin tưởng tuyệt đối

Câu 9: Sau khi được tuyên truyền các nội dung về PCTNTC, đồng chí đã thực hiện hoạt động nào sau đây? (chọn nhiều phương án)

- ☐ 1. Chủ động nghiên cứu, chia sẻ các chủ trương, pháp luật của Đảng và Nhà nước về PCTNTC
- ☐ 2. Lan tỏa thông tin tích cực, tạo dư luận xã hội ủng hộ công cuộc PCTN của Đảng và Nhà nước.
- ☐ 3. Chủ động trong phát hiện, phản ánh hành vi TNTC trong phạm vi quản lý.
- ☐ 4. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, chương trình về tuyên truyền PCTNTC tại địa phương.
- ☐ 5. Chủ động đấu tranh với các thông tin xuyên tạc, bịa đặt về công tác PCTNTC.
- ☐ 6. Ý kiến khác (ghi rõ):.....

Câu 10: Đồng chí tự đánh giá trình độ nhận thức; thái độ, niềm tin; tính tích cực chính trị - xã hội của bản thân đối với công tác PCTNTC như thế nào?

Nội dung đánh giá	Kết quả				
	Rất không tốt	Không tốt	Bình thường	Tốt	Rất tốt
1. Nhận thức về công tác PCTNTC					
1.1. Hiểu biết và nắm vững các chủ trương, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước về PCTNTC					
1.2. Nhận diện các biểu hiện và nguyên nhân của TNTC					
1.3. Nhận thức về hậu quả và tác hại của TNTC					
1.4. Khả năng nhận diện và đấu tranh với các quan điểm sai trái về công tác PCTNTC					
1.5. Khả năng cập nhật thông tin và nhận thức đúng về tình hình PCTNTC					
2. Thái độ, niềm tin vào công tác PCTNTC của Đảng và Nhà nước					
2.1. Tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC					
2.2. Ủng hộ và đồng thuận với các biện pháp PCTNTC của Đảng và Nhà nước					
2.3. Kiên định lập trường và kiên quyết đấu tranh với các quan điểm sai trái về công tác PCTNTC					
3. Tính tích cực chính trị - xã hội trong PCTNTC					

Nội dung đánh giá	Kết quả				
	Rất không tốt	Không tốt	Bình thường	Tốt	Rất tốt
3.1. Chủ động và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ PCTNTC tại địa phương					
3.2. Tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến và triển khai các chủ trương, pháp luật về PCTNTC					
3.3. Tích cực tham gia xây dựng và hoàn thiện các quy định, cơ chế phòng ngừa TNTC tại địa phương					
3.4. Chủ động đấu tranh với các biểu hiện TNTC, ngăn ngừa và xử lý các hành vi TNTC trong phạm vi quản lý					

Câu 11: Đồng chí đánh giá hiệu quả của các phương pháp tuyên truyền về PCTNTC trong thời gian qua như thế nào?

<i>Phương pháp</i>	<i>Mức độ</i>				
	Rất không hiệu quả	Không hiệu quả	Bình thường	Hiệu quả	Rất Hiệu quả
<i>1. Nhóm phương pháp dùng lời nói</i>					
1.1. Thuyết trình, giảng giải					
1.2. Hội thảo					
1.3. Nói chuyện thời sự, chính sách					
1.4. Kể chuyện gương người tốt việc tốt					

<i>Phương pháp</i>	<i>Mức độ</i>				
	Rất không hiệu quả	Không hiệu quả	Bình thường	Hiệu quả	Rất Hiệu quả
1.5. Trao đổi, thảo luận, tọa đàm					
2. Nhóm phương pháp trực quan					
2.1. Tranh ảnh, pano, graphic					
2.2. Tài liệu, tư liệu, sách báo, tờ rơi, tờ gấp					
2.3. Sân khấu, phim ảnh, video					
3. Nhóm phương pháp thực tiễn					
3.1. Tổng kết công tác PCTNTC					
3.2. Nêu gương các điển hình tiên tiến, các nhân tố mới trong công tác PCTNTC					
3.3. Chia sẻ kinh nghiệm, mô hình hiệu quả trong công tác PCTNTC					

Câu 12: Theo đồng chí, các phương tiện tuyên truyền về PCTNTC trong thời gian qua đã phát huy hiệu quả như thế nào?

Phương tiện tuyên truyền	<i>Mức độ</i>				
	Rất không Hiệu quả	Không hiệu quả	Bình thường	Hiệu quả	Rất Hiệu quả
1. Hệ thống giáo dục lý luận chính trị					
2. Các phương tiện truyền thông đại chúng					
3. Các phương tiện truyền thông xã hội (Zalo,					

Phương tiện tuyên truyền	<i>Mức độ</i>				
	Rất không Hiệu quả	Không hiệu quả	Bình thường	Hiệu quả	Rất Hiệu quả
Facebook, TikTok, Instagram, YouTube)					
4. Truyền truyền miệng và đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên					
5. Các loại hình văn hóa - văn nghệ					
6. Các tổ chức và sinh hoạt, hội họp của các tổ chức (Đảng, tổ chức chính trị - xã hội...)					
7. Ý kiến khác (ghi rõ):					

Câu 13: Đồng chí cho biết trong 5 năm qua, tình hình tham nhũng, tiêu cực tại địa phương đồng chí đang công tác như thế nào?

Tình hình tham nhũng, tiêu cực	Không biết/không thể trả lời	Tăng đáng kể	Bình thường	Giảm đáng kể
1. Số vụ việc vi phạm về tham nhũng, tiêu cực				
2. Hậu quả/thiệt hại của các vụ việc tham nhũng, tiêu cực				
3. Số lượng đơn thư, phản ánh, tố giác của người dân				

về hành vi tham nhũng, tiêu cực				
Ý kiến khác (ghi rõ):				

Câu 14: Đồng chí đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực phục vụ tuyên truyền về PCTNTC trong thời gian qua?

Một số nguồn lực	Mức độ				
	Rất không hiệu quả	Không hiệu quả	Bình thường	Hiệu quả	Rất hiệu quả
1. Cơ cấu và sự phối hợp của đội ngũ chủ thể tham gia tuyên truyền về PCTNTC					
2. Số lượng và năng lực của đội ngũ báo cáo viên, truyền truyền viên về PCTNTC					
3. Sử dụng kinh phí cho hoạt động tuyên truyền PCTNTC					
4. Sử dụng thời gian cho các hoạt động tuyên truyền PCTNTC					
5. Sử dụng cơ sở vật chất và phương tiện kỹ thuật phục vụ tuyên truyền PCTNTC					
6. Mức độ sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực trong thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền					

Câu 15: Đồng chí đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tuyên truyền về PCTNTC tại địa phương đồng chí hiện nay như thế nào?

Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Mức độ ứng dụng				
	Rất không tốt	Không tốt	Bình thường	Tốt	Rất tốt
1. Xây dựng và khai thác các kênh thông tin số phục vụ tuyên truyền (<i>hệ thống cổng thông tin điện tử, nhóm trao đổi trực tuyến, kho tài liệu số</i>)					
2. Sử dụng các sản phẩm truyền thông số (<i>infographic, video, tài liệu điện tử, bài giảng trực tuyến</i>)					
3. Ứng dụng công nghệ số trong kiểm tra, đánh giá hiệu quả tuyên truyền (<i>khảo sát trực tuyến, hệ thống báo cáo điện tử...</i>)					

Câu 16: Theo đồng chí, nền tảng công nghệ nào hiện nay đang được sử dụng hiệu quả để tuyên truyền về PCTNTC tại địa phương?

- ☐ 1. Mạng xã hội (các nhóm Zalo, fanpage Facebook của địa phương).
- ☐ 2. Hệ thống loa truyền thanh của xã (đã được số hóa hoặc kết nối thông minh).
- ☐ 3. Gửi tin nhắn SMS/Zalo trực tiếp đến người dân
- ☐ 4. Các buổi họp/tuyên truyền trực tuyến qua phần mềm (Zoom, Google Meet...)
- ☐ 5. Cổng thông tin điện tử của tỉnh/xã.
- ☐ 6. Ý kiến khác (ghi rõ):.....

Câu 17: Theo đồng chí, các yếu tố sau đây có ảnh hưởng như thế nào đến hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC tại địa phương?

Các yếu tố ảnh hưởng	<i>Mức độ ảnh hưởng</i>				
	Hoàn toàn không ảnh hưởng	Không ảnh hưởng	Bình thường	Ảnh hưởng	Rất ảnh hưởng
1. Quyết tâm PCTNTC của Đảng và Nhà nước					
2. Môi quan hệ tương tác đa chiều giữa các chủ thể tham gia tuyên truyền về PCTNTC					
3. Điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước, tỉnh, xã					
4. Đặc điểm tâm lý - xã hội của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã					
5. Tính đồng bộ, hiện đại của phương tiện, cơ sở vật chất - kỹ thuật và việc sử dụng các nguồn lực trong hoạt động tuyên truyền					
6. Sự phù hợp của mục đích và tính khoa học, phong phú của nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền PCTNTC					

Câu 18: Nhìn chung, đồng chí đánh giá hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC thời gian qua ở mức nào?

- ☐ 1. Rất không hiệu quả
- ☐ 2. Không hiệu quả
- ☐ 3. Trung bình

- ☐ 4. Hiệu quả
- ☐ 5. Rất hiệu quả

Câu 19: Theo đồng chí, những nguyên nhân nào dưới đây dẫn đến hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC chưa cao?

- ☐ 1. Thiếu sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của cấp uỷ, chính quyền địa phương đối với hoạt động tuyên truyền về PCTNTC
- ☐ 2. Thiếu sự chỉ đạo và hướng dẫn cụ thể của Ban Chỉ đạo PCTNTC cấp tỉnh, Ban Nội chính, Ban Tuyên giáo và Dân vận
- ☐ 3. Phẩm chất và năng lực của một bộ phận báo cáo viên, tuyên truyền viên về PCTNTC còn hạn chế
- ☐ 4. Nội dung tuyên truyền chưa phù hợp, chưa thiết thực, chưa mang tính thời sự
- ☐ 5. Phương pháp tuyên truyền thiếu tính hấp dẫn, thuyết phục
- ☐ 6. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tuyên truyền về PCTNTC còn hạn chế
- ☐ 7. Pháp luật xử lý một số vụ việc TNTC chưa nghiêm minh, chưa đủ sức răn đe
- ☐ 8. Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý.
- ☐ 9. Sự chống phá của các thế lực thù địch
- ☐ 10. Nguyên nhân khác (xin chỉ rõ):

Câu 20: Để nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã, đồng chí đề xuất những giải pháp nào dưới đây? (chọn nhiều phương án)

- ☐ 1. Đa dạng hóa nội dung tuyên truyền, tập trung vào các tình huống thực tiễn và bài học kinh nghiệm PCTNTC tại cơ sở.
- ☐ 2. Khơi dậy ý thức tự rèn, tự dưỡng của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã
- ☐ 3. Đảm bảo tính thời sự, thuyết phục và tính ứng dụng của nội dung tuyên truyền
- ☐ 4. Đa dạng hóa tài liệu tuyên truyền (video clip, infographic, tiểu phẩm, tài liệu số)
- ☐ 5. Sáng tạo và ứng dụng các hình thức, phương pháp tác động vào tình cảm để thu hút, hấp dẫn đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

☐ 6. Phát huy trách nhiệm và tính tiên phong, gương mẫu của các chủ thể tuyên truyền về PCTNTC

☐ 7. Khác (xin nêu rõ):

Câu 21: Để nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực phục vụ cho hoạt động tuyên truyền về PCTNTC cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã, đồng chí đề xuất những giải pháp nào dưới đây? (chọn nhiều phương án)

- ☐ 1. Huy động sự tham gia và phối hợp tốt giữa các lực lượng tham gia tuyên truyền về PCTNTC.
- ☐ 2. Tăng cường quản lý, sử dụng hợp lý phương tiện, cơ sở vật chất, thời gian, kinh phí
- ☐ 3. Đầu tư kinh phí đào tạo đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên và xây dựng các sản phẩm truyền thông
- ☐ 4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tuyên truyền về PCTNTC
- ☐ 5. Xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên có kiến thức vững vàng về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC; có uy tín, phẩm chất liêm chính và khả năng sử dụng linh hoạt các phương pháp tuyên truyền
- ☐ 6. Xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã “dưỡng liêm”
- ☐ 7. Khác (xin nêu rõ):.....

Câu 22: Đồng chí vui lòng cho biết một số thông tin về cá nhân?

- Tuổi:
- Giới tính: 1. Nam 2. Nữ
- Trình độ học vấn cao nhất: 1. Đại học 2. Sau Đại học
- Trình độ lý luận chính trị: 1. Trung cấp 2. Cử nhân/cao cấp
- Trình độ QLNN: 1. Chuyên viên 2. Chuyên viên chính 3. CVCC
- Chức vụ hiện tại:
 1. Bí thư Đảng uỷ xã/phường
 2. Phó Bí thư Đảng uỷ xã/phường
 3. Phó Chủ tịch HĐND xã/phường
 4. Chủ tịch UBND xã/phường

5. Phó Chủ tịch UBND xã/phường

6. Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã/phường

- Nơi công tác: 1. Nông thôn 2. Thành thị
- Tỉnh, thành phố đang công tác: 1. Quảng Ninh 2. Hải Phòng 3. Ninh Bình
- Thâm niên công tác trong hệ thống chính trị:
 - 1. Dưới 10 năm 2. Từ 10 - 20 năm 3. Từ 20 năm trở lên
- Thâm niên công tác ở cương vị/vị trí việc làm hiện tại:
 - 1. Dưới 10 năm 2. Từ 10 - 20 năm 3. Từ 20 năm trở lên

Trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của đồng chí!

Phụ lục 3

PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU

(Dành cho cán bộ tuyên truyền)

Kính chào đồng chí!

Tôi là nghiên cứu sinh chuyên ngành chính trị học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đang tiến hành nghiên cứu, tìm hiểu chủ đề “***Hiệu quả tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã ở các tỉnh, thành phố vùng Duyên hải Bắc bộ Việt Nam hiện nay***”.

Sự thành công của nghiên cứu này phụ thuộc rất lớn vào những ý kiến, chia sẻ thẳng thắn và tâm huyết từ đồng chí. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng nhất để tôi có thể đưa ra những kiến nghị, giải pháp sát thực.

Mọi thông tin đồng chí cung cấp sẽ được **bảo mật tuyệt đối** và chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học.

Rất mong đồng chí dành thời gian cho biết ý kiến của mình về một số nội dung của chủ đề này.

Họ tên người phỏng vấn:

Địa điểm phỏng vấn:

Ngày phỏng vấn:

PHẦN I: CÂU HỎI PHÒNG VẤN SÂU

Câu 1. Theo kinh nghiệm của đồng chí, các phương thức, kênh tuyên truyền (như họp, tài liệu, mạng xã hội, báo chí, cổng thông tin điện tử, v.v.) nào hiện đang được sử dụng phổ biến nhất để truyền tải nội dung phòng chống, tham nhũng, tiêu cực đến cán bộ chủ chốt cấp xã?

Câu 2. Đồng chí đánh giá thế nào về mức độ thích hợp của nội dung và hình thức tuyên truyền về PCTNTC hiện tại đối tượng tuyên truyền là đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã?

Câu 3. Dựa trên quan sát và công việc của mình, đồng chí nhận thấy sự thay đổi rõ rệt nào (về nhận thức, thái độ, hành vi) của cán bộ chủ chốt cấp xã sau khi được tuyên truyền về phòng chống tham nhũng, tiêu cực?

Câu 4. Theo đồng chí, nội dung tuyên truyền về PCTNTC đã tập trung vào giải quyết hiệu quả những loại hình tham nhũng, tiêu cực nào phổ biến nhất mà cán bộ chủ chốt cấp xã có thể mắc phải?

Câu 5. Trong quá trình triển khai hoạt động tuyên truyền về PCTNTC cho cán bộ, đảng viên nói chung và ĐNCBCC cấp xã nói riêng, thách thức lớn nhất mà đồng chí gặp phải là gì?

Câu 6. Theo quan điểm của đồng chí, nên thay đổi hay bổ sung những nội dung, hình thức tuyên truyền nào về PCTNTC để nâng cao tính thực tiễn và khả năng ứng dụng trong công tác PCTNTC tại cấp xã?

Câu 7. Đồng chí đánh giá thế nào về mức độ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị (Ban Tuyên giáo và Dân vận, cơ quan truyền thông, cấp ủy, chính quyền địa phương) trong việc cùng thực hiện hoạt động tuyên truyền này? Theo đồng chí, có nội dung nào cần cải thiện không?

PHẦN II. THÔNG TIN NGƯỜI TRẢ LỜI

Câu 8: Đồng chí vui lòng cho biết một số thông tin về cá nhân?

- Tuổi:
- Giới tính: 1. Nam 2. Nữ
- Trình độ chuyên môn cao nhất: 1. Đại học 2. Sau Đại học
- Trình độ lý luận chính trị: 1. Trung cấp 2. Cử nhân/cao cấp
- Trình độ QLNN: 1. Chuyên viên 2. Chuyên viên chính
3. Chuyên viên cao cấp
- Chức vụ hiện tại (xin ghi rõ):.....
- Nơi công tác: 1. Nông thôn 2. Thành thị
- Tỉnh, thành phố đang công tác: 1. Quảng Ninh 2. Hải Phòng
3. Ninh Bình
- Thâm niên công tác trong hệ thống chính trị:

1. Dưới 10 năm

2. Từ 10 - 20 năm

3. Từ 20 năm

trở lên

- Thâm niên công tác ở cương vị/vị trí việc làm hiện tại:

1. Dưới 10 năm

2. Từ 10 - 20 năm

3. Từ 20 năm

trở lên

Trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của đồng chí!

Phụ lục 4
KẾT QUẢ KHẢO SÁT

PHẦN 1. KẾT QUẢ XỬ LÝ PHIẾU KHẢO SÁT

Bảng 1.1 Thông tin về mẫu khảo sát

Nhóm xã hội		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	223	55.8
	Nữ	177	44.2
Học vấn	Đại học	109	27.2
	Sau đại học	291	72.8
Trình độ lý luận chính trị	Trung cấp	75	18.8
	Cử nhân/cao cấp	325	81.2
Trình độ QLNN	Chuyên viên	66	16.5
	Chuyên viên chính	334	83.5
Tỉnh/thành phố đang công tác	Quảng Ninh	72	18.0
	Hải Phòng	152	38.0
	Ninh Bình	176	44.0
Nơi công tác	Nông thôn	173	43.2
	Thành thị	227	56.8
Thâm niên trong HTCT	Từ 10-20 năm	120	30.0
	Từ 20 năm trở lên	280	70.0
Thâm niên ở cương vị/vị trí việc làm hiện tại	Dưới 10 năm	371	92.8
	Từ 10-20 năm	29	7.2
Nhóm tuổi	Dưới 40 tuổi	14	3.5
	Từ 40-50 tuổi	314	78.5
	Từ 51-60 tuổi	72	18.0
Chức vụ hiện tại	Bí thư Đảng uỷ	54	13.5
	PBT Đảng uỷ	58	14.5
	Phó Chủ tịch HĐND	60	15.0
	Chủ tịch UBND	57	14.2
	Phó Chủ tịch UBND	111	27.8
	Chủ tịch MTTQVN	60	15.0

Bảng 1.2: Các hình thức tiếp nhận thông tin về PCTNTC của CBCC cấp xã

Hình thức	Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không thường xuyên		Rất không thường xuyên	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1.Lớp học, lớp tập huấn	35	8.75	179	44.75	119	29.75	53	13.25	14	3.5
2.Hội thảo, hội nghị, tọa đàm	32	8.0	158	39.5	114	36.0	60	15.0	6	1.5
3.Buổi sinh hoạt Đảng và sinh hoạt các tổ chức chính trị - xã hội	80	20.0	278	69.5	39	9.75	2	0.5	1	0.25
4.Các cuộc thi tìm hiểu về PCTNTC	21	5.25	121	30.25	146	36.5	83	20.8	29	7.2
5.Các hoạt động văn hóa, văn nghệ	32	8.0	143	35.75	170	42.5	40	10.0	15	3.75
6.Qua các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội	108	27.0	229	57.25	60	15.0	3	0.05	0	0.0

Bảng 1.3: Nhận biết của CBCC cấp xã về các hành vi TNTC

STT	Hành vi	Ý kiến			
		Đúng		Sai	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
	<i>Hành vi tham nhũng</i>				
1	Tham ô tài sản; nhận hối lộ	396	99.0	4	1.0
2	Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi	390	97.5	10	2.5
3	Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản	386	96.5	14	3.5
4	Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi	384	96.0	16	4.0
5	Không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi	369	92.25	31	7.75
	<i>Hành vi tiêu cực</i>				
6	Kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình không trung thực về nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm; tẩu tán, che giấu tài sản có được.	377	94.25	23	5.75
7	Can thiệp, tác động hoặc để người nhà, người thân, người quen lợi dụng chức vụ, vị trí công tác của mình để trục lợi. Gây khó khăn, phiền hà, vòi vĩnh, kéo dài thời gian xử lý công việc cho người dân, doanh nghiệp.	386	96.5	14	3.5
8	Nói, viết, thực hiện không đúng hoặc không thực hiện, thực hiện không đầy đủ chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.	320	80.0	80	20.0

STT	Hành vi	Ý kiến			
		Đúng		Sai	
9	Quan liêu, xa rời thực tế, không sâu sát công việc, không nắm chắc tình hình trong cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị.	327	81.75	73	18.25
10	Tặng quà, nhận quà dưới mọi hình thức đề tác động đến tổ chức, người có trách nhiệm dẫn đến việc quyết định có lợi riêng cho bản thân, gia đình hoặc cá nhân, tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp.	386	96.5	14	3.5

Bảng 1.4: Mức độ hiểu biết của CBCCC cấp xã về một số quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước và của tỉnh về PCTNTC

Một số quy định	Rất hiểu biết		Hiểu biết		Bình thường		Không hiểu biết		Rất không hiểu biết	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018	36	9.0	318	79.5	45	11.3	1	0.3	0	0.0
2. Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ người tố cáo, người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	86	21.5	252	63.0	48	12.0	12	3.0	2	0.5
3. Kết luận số 21-	29	7.2	332	80.5	49	12.3	0	0.0	0	0.0

KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"										
4. Kết luận số 12-KL/TW ngày 6/4/2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	26	6.5	303	75.8	70	17.5	1	0.3	0	0.0
5. Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm	28	7.0	320	80.0	52	13.0	0	0.0	0	0.0
6. Quy định số 114-QĐ/TW ngày	24	6.0	332	80.5	54	13.5	0	0.0	0	0.0

11/7/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và PCTN trong công tác cán bộ										
7. Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, PCTNTC trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán	28	7.0	293	73.3	79	19.8	0	0.0	0	0.0
8. Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, PCTNTC trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công	26	6.5	293	73.3	80	20.0	1	0.3	0	0.0
9. Các văn bản chỉ đạo của tỉnh, thành phố ủy về PCTNTC	25	6.3	331	82.8	43	10.8	1	0.3	0	0.0

Bảng 1.5: Sau khi được tuyên truyền các nội dung về PCTNTC, đồng chí đã thực hiện hoạt động nào sau đây? (chọn nhiều phương án)

Hành vi/ hoạt động	Lựa chọn	
	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Chủ động nghiên cứu, chia sẻ các chủ trương, pháp luật của Đảng và Nhà nước về PCTNTC	330	82.5
2. Lan tỏa thông tin tích cực, tạo dư luận xã hội ủng hộ công cuộc PCTN của Đảng và Nhà nước	291	72.75
3. Chủ động trong phát hiện, phản ánh hành vi TNTC trong phạm vi quản lý	308	77.0
4. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, chương trình tuyên truyền về PCTNTC tại địa phương	289	62.25
5. Chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin xuyên tạc về công tác PCTNTC	264	66.0

Bảng 1.6: Trình độ nhận thức; thái độ, niềm tin; tính tích cực chính trị - xã hội của CBCS cấp xã đối với công tác PCTNTC

Nội dung đánh giá	Rất tốt		Tốt		Bình thường		Không tốt		Rất không tốt	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Mức độ nhận thức về công tác PCTNTC										
1.1. Hiểu biết và nắm vững các chủ trương, quan điểm của Đảng và	108	27.0	255	63.75	36	9.0	1	0.25	0	0.0

[illegible]

cực chính trị - xã hội trong PCTNTC										
3.1. Chủ động và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ PCTNTC tại địa phương	129	32.25	239	59.75	31	7.75	1	0.25	0	0.0
3.2. Tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến và triển khai các chủ trương, pháp luật về PCTNTC	111	27.75	248	62.0	40	10.0	1	0.25	0	0.0
3.3. Tích cực tham gia xây dựng và hoàn thiện các quy định, cơ chế phòng ngừa TNTC tại địa phương	115	28.75	234	58.5	50	12.5	1	0.25	0	0.0
3.4. Chủ động đấu	41	10.25	248	62.0	62	15.2 5	50	12.5	0	0.0

<i>Phương pháp</i>	<i>Mức độ</i>									
	Rất hiệu quả		Hiệu quả		Bình thường		Không hiệu quả		Rất không hiệu quả	
<i>trực quan</i>										
2.1. Tranh ảnh, pano, graphic	103	25.75	219	54.75	70	17.5	7	1.75	1	0.25
2.2. Tài liệu, tư liệu, sách báo, tờ rơi, tờ gấp	74	18.5	243	60.75	72	18.0	11	2.75	0	0.0
2.3. Sân khấu, phim ảnh, video	108	27.0	225	56.25	64	16.0	3	0.75	0	0.0
<i>3. Nhóm phương pháp thực tiễn</i>										
3.1. Tổng kết công tác PCTNTC	92	23.0	257	64.25	48	12.0	3	0.75	0	0.0
3.2. Nêu gương các điển hình tiên tiến, các nhân tố mới trong công tác PCTNTC	123	30.75	237	59.25	36	9.0	3	0.75	1	0.25
3.3. Chia sẻ kinh nghiệm, mô hình hiệu quả trong công tác PCTNTC	125	31.25	241	60.25	31	7.75	3	0.75	0	0.0

Bảng 1.8: Đánh giá của CBCC cấp xã về mức độ hiệu quả của các phương tiện tuyên truyền về PCTNTC trong thời gian qua

Phương tiện tuyên truyền	Rất hiệu quả		Hiệu quả		Bình thường		Không hiệu quả		Rất không hiệu quả	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Hệ thống giáo dục lý luận chính trị	40	10.0	234	58.5	112	28.0	13	3.25	1	0.25
2. Các phương tiện truyền thông đại chúng	91	22.75	245	61.25	62	15.5	2	0.5	0	0.0
3. Các phương tiện truyền thông xã hội (Facebook, TikTok, Instagram, YouTube)	113	28.25	237	59.25	46	11.5	4	1.0	0	0.0
4. Tuyên truyền miệng và đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên	39	9.75	211	52.75	140	35.0	4	1.0	6	1.5
5. Các loại hình văn hóa – văn nghệ	51	12.75	211	52.75	125	31.25	12	3.0	1	0.25
6. Các tổ chức chính trị - xã hội và sinh hoạt của các tổ chức	29	7.25	205	51.25	152	38.0	11	2.75	3	0.75

Bảng 1.9: Nhận định của CBCC cấp xã về tình hình tham nhũng, tiêu cực tại địa phương trong 5 năm qua

Tình hình tham nhũng, tiêu cực	Giảm đáng kể		bình thường		Tăng đáng kể		Không biết/không thể trả lời	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Số vụ việc vi phạm về TNTC	194	48.5	158	39.5	31	7.75	17	4.25
2. Hậu quả/thiệt hại của các vụ việc TNTC	197	49.25	155	38.75	31	7.75	17	4.25
3. Số lượng đơn thư, phản ánh, tố giác của người dân về hành vi TNTC	179	44.75	178	44.5	15	3.75	28	7.0

Bảng 1.10: Đánh giá của CBCC cấp xã về hiệu quả sử dụng các nguồn lực phục vụ hoạt động tuyên truyền về PCTNTC

Một số nguồn lực	Rất hiệu quả		Hiệu quả		Bình thường		Không hiệu quả		Rất không hiệu quả	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Cơ cấu và sự phối hợp của đội ngũ chủ thể tham gia tuyên truyền về PCTNTC	43	10.8	253	63.2	100	25.0	4	1.0	0	0.0
2. Số lượng và năng lực của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên về PCTNTC	65	16.25	263	65.75	70	17.5	2	0.5	0	0.0

3. Sử dụng kinh phí cho hoạt động tuyên truyền PCTNTC	36	9.0	199	49.75	155	38.75	9	2.25	1	0.25
4. Sử dụng thời gian cho các hoạt động tuyên truyền PCTNTC	39	9.75	249	62.25	106	26.5	6	1.5	0	0.0
5. Sử dụng cơ sở vật chất và phương tiện kỹ thuật phục vụ tuyên truyền PCTNTC	43	10.75	230	57.5	120	30.0	7	1.75	0	0.0
6. Mức độ sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực trong thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền	47	11.75	254	63.5	94	23.5	5	1.25	0	0.0

Bảng 1.11: Nền tảng công nghệ đang được sử dụng hiệu quả để tuyên truyền về PCTNTC tại địa phương

Nền tảng công nghệ	Lựa chọn	
	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Mạng xã hội (các nhóm Zalo, fanpage Facebook của địa phương)	331	82.75
2. Hệ thống loa truyền thanh của xã (đã được số hóa hoặc kết nối thông minh)	115	28.75
3. Gửi tin nhắn SMS/Zalo trực tiếp đến người dân	111	27.75
4. Các buổi họp/tuyên truyền trực tuyến qua phần mềm (Zoom, Google Meet...)	88	22.0
5. Cổng thông tin điện tử của xã/tỉnh	126	31.5

Bảng 1.12: Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC tại địa phương

Các yếu tố ảnh hưởng	Rất ảnh hưởng		Ảnh hưởng		Bình thường		Không ảnh hưởng		Hoàn toàn không ảnh hưởng	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Quyết tâm PCTNTC của Đảng và Nhà nước	166	41.5	209	52.25	25	6.25	0	0.0	0	0.0
2. Mối quan hệ tương tác đa chiều giữa các chủ thể tham gia tuyên truyền PCTNTC	121	30.25	237	59.25	42	10.5	0	0.0	0	0.0
3. Điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước, tỉnh, của địa phương	73	18.25	250	62.5	74	18.5	3	0.75	0	0.0
4. Đặc điểm tâm lý - xã hội của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã	84	21.0	227	56.75	76	19.0	13	3.25	0	0.0
5. Tính đồng bộ, hiện đại của phương tiện, cơ sở vật	93	23.25	222	55.5	82	20.5	3	0.75	0	0.0

chất - kỹ thuật và việc sử dụng các nguồn lực trong hoạt động tuyên truyền										
6. Sự phù hợp của mục đích và tính khoa học, phong phú của nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền PCTNTC	78	19.5	265	66.25	56	14.0	1	0.25	0	0.0

Bảng 1.13: Những giải pháp nâng cao hiệu quả tuyên truyền về PCTNTC cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã

Giải pháp	Lựa chọn	
	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Đa dạng hóa nội dung tuyên truyền, tập trung vào các tình huống thực tiễn và bài học kinh nghiệm PCTNTC tại cơ sở	360	90.0
2. Khơi dậy ý thức tự rèn, tự dưỡng của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã	291	72.8
3. Đảm bảo tính thời sự, thuyết phục và tính ứng dụng của nội dung tuyên truyền	277	69.3
4. Đa dạng hóa tài liệu tuyên truyền (video clip, infographic, tiểu phẩm, tài liệu số)	294	73.5
5. Sáng tạo và ứng dụng các hình thức, phương pháp tác động vào tình cảm để thu hút, hấp dẫn đội ngũ cán bộ chủ	243	60.8

chốt cấp xã		
6. Phát huy trách nhiệm và tính tiên phong, gương mẫu của các chủ thể tuyên truyền về PCTNTC	276	69.0

Bảng 1.14: Những giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực cho hoạt động tuyên truyền về PCTNTC

Giải pháp	Lựa chọn	
	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Huy động sự tham gia và phối hợp tốt giữa các lực lượng tham gia tuyên truyền về PCTNTC.	336	84.0
2. Tăng cường quản lý, sử dụng hợp lý phương tiện, cơ sở vật chất, thời gian, kinh phí	252	63.0
3. Đầu tư kinh phí đào tạo đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên và xây dựng các sản phẩm truyền thông	278	69.5
4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tuyên truyền về PCTNTC	362	90.5
5. Xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên có kiến thức vững vàng về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC; có uy tín, phẩm chất liêm chính và khả năng sử dụng linh hoạt các phương pháp tuyên truyền	270	67.5
6. Xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã “đường liêm”	275	68.8

Bảng 1.15: Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tuyên truyền về PCTNTC tại địa phương

Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Rất tốt		Tốt		Bình thường		Không tốt		Rất không tốt	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Xây dựng và khai thác các kênh thông tin số phục vụ tuyên truyền (<i>hệ thống cổng thông tin điện tử, nhóm trao đổi trực tuyến, kho tài liệu số</i>)	40	10.0	156	39.0	199	49.8	5	1.2	0	0.0
2. Sử dụng các sản phẩm truyền thông số (<i>infographic, video, tài liệu điện tử, bài giảng trực tuyến</i>)	32	8.0	184	46.0	176	44.0	8	2.0	0	0.0
3. Ứng dụng công nghệ số trong kiểm tra, đánh giá hiệu quả tuyên truyền (<i>khảo sát trực tuyến, hệ thống báo cáo điện tử...</i>)	14	3.5	138	34.5	240	60.0	8	2.0	0	0.0

Bảng 1.16: Đánh giá về kết quả PCTNTC của Đảng và Nhà nước

Đánh giá về kết quả PCTNTC	Lựa chọn	
	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
5. Kết quả rất cao	215	53.75
4. Kết quả cao	105	26.25
3. Có kết quả nhưng hạn chế	70	17.5
2. Không có kết quả	7	1.75
1. Càng chống càng tăng	3	0.75
Tổng	400	100.00

PHẦN 2. PHÂN TÍCH MỘT SỐ NỘI DUNG ĐỊNH LƯỢNG

Với thang đo Likert 5 mức độ, dựa trên giá trị trung bình, các mức độ được phân thành các khoảng như sau: 1.00 - 1.80: Rất không tốt / Rất không hiệu quả/ Rất không quan tâm; 1.81 - 2.60: Không tốt / Không hiệu quả/ Không quan tâm; 2.61 - 3.40: Phân vân/Bình thường/Trung lập...; 3.41 - 4.20: Tốt/ Hiệu quả/ Quan tâm...; 4.21 - 5.00: Rất tốt/Rất hiệu quả/Rất quan tâm...

Đơn vị: điểm

Nội dung	Mức đánh giá trung bình	Đánh giá
<i>1. Phương pháp tuyên truyền về PCTNTC phù hợp cho ĐNCBCC cấp xã</i>		
<i>- Nhóm phương pháp dùng lời nói</i>		
Thuyết trình, giảng giải	3.94	Hiệu quả
Hội thảo	3.88	Hiệu quả
Nói chuyện thời sự, chính sách	4.01	Hiệu quả
Kể chuyện gương người tốt việc tốt	4.03	Hiệu quả
Trao đổi, thảo luận, tọa đàm	4.01	Hiệu quả
<i>- Nhóm phương pháp trực quan</i>		
Tranh ảnh, pano, graphic	4.04	Hiệu quả
Tài liệu, tư liệu, sách báo, tờ rơi, tờ gấp	3.95	Hiệu quả
Sân khấu, phim ảnh, video	4.10	Hiệu quả
<i>- Nhóm phương pháp thực tiễn</i>		

Tổng kết công tác PCTNTC	4.10	Hiệu quả
Nêu gương các điển hình tiên tiến, các nhân tố mới trong công tác PCTNTC	4.20	Hiệu quả
Chia sẻ kinh nghiệm, mô hình hiệu quả trong công tác PCTNTC	4.22	Rất hiệu quả
2. Mức độ quan tâm tìm hiểu các nội dung tuyên truyền về PCTNTC của CBCC cấp xã		
- Quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC	4.29	Rất quan tâm
- Chuẩn mực đạo đức công vụ, trách nhiệm nêu gương của cán bộ	4.18	Quan tâm
- Các biểu hiện, nguyên nhân và tác hại của TNTC	4.10	Quan tâm
- Các điển hình tích cực và bài học kinh nghiệm trong PCTNTC	4.10	Quan tâm
- Trách nhiệm và phương thức tham gia PCTNTC	4.10	Quan tâm
- Công tác đấu tranh, phản bác các thông tin, quan điểm sai trái của các thế lực thù địch về công tác PCTNTC	4.02	Quan tâm
3. Mức độ nhận thức; thái độ, niềm tin; tính tích cực chính trị - xã hội của bản thân đối với công tác PCTNTC		
- Nhận thức về công tác PCTNTC		
- Mức độ hiểu biết và nắm vững các chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về PCTNTC	4.18	Tốt
- Mức độ nhận diện các biểu hiện và nguyên nhân của TNTC	4.15	Tốt
- Mức độ nhận thức về hậu quả và tác hại của TNTC	4.15	Tốt

- Mức độ cập nhật thông tin và nhận thức đúng về tình hình PCTNTC	4.17	Tốt
- Mức độ nhận diện và đấu tranh với các quan điểm sai trái về PCTNTC	4.18	Tốt
- <i>Thái độ, niềm tin vào công tác PCTNTC của Đảng và Nhà nước</i>		
- Mức độ tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC	4.22	Rất tốt
- Mức độ ủng hộ và đồng thuận đối với các biện pháp PCTNTC	4.21	Rất tốt
- Mức độ kiên định lập trường và thái độ đấu tranh với các quan điểm sai trái về công tác PCTNTC	4.13	Tốt
- <i>Tính tích cực chính trị - xã hội trong PCTNTC</i>		
Mức độ chủ động và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ PCTNTC	4.24	Rất tốt
Mức độ tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến và triển khai các chủ trương, chính sách về PCTNTC	4.17	Tốt
Mức độ tham gia xây dựng và hoàn thiện các quy định, cơ chế phòng ngừa TNTC tại địa phương	4.16	Tốt
Mức độ chủ động đấu tranh, phát hiện và xử lý các biểu hiện TNTC trong phạm vi quản lý	4.12	Tốt
4. Đánh giá hiệu quả chung của hoạt động tuyên truyền về PCTNTC tại địa phương	3.68	Hiệu quả
6. Đánh giá hiệu quả các nguồn lực phục vụ hoạt động tuyên truyền về PCTNTC		
- Cơ cấu và sự phối hợp của đội ngũ chủ thể tham gia tuyên truyền về PCTNTC	3.84	Hiệu quả

- Số lượng và năng lực của đội ngũ báo cáo viên, truyền truyền viên về PCTNTC	3.65	Hiệu quả
- Sử dụng kinh phí cho hoạt động tuyên truyền PCTNTC	3.80	Hiệu quả
- Sử dụng thời gian cho các hoạt động tuyên truyền PCTNTC	3.77	Hiệu quả
- Sử dụng cơ sở vật chất và phương tiện kỹ thuật phục vụ tuyên truyền PCTNTC	3.86	Hiệu quả
- Mức độ sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực trong thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền	3.78	Hiệu quả
7. Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tuyên truyền về PCTNTC tại địa phương		
- Mức độ xây dựng và khai thác các kênh thông tin số phục vụ tuyên truyền (<i>hệ thống cổng thông tin điện tử, nhóm trao đổi trực tuyến, kho tài liệu số</i>)	3.98	Tốt
- Mức độ sử dụng các sản phẩm truyền thông số (<i>infographic, video, tài liệu điện tử, bài giảng trực tuyến</i>)	3.77	Tốt
- Khả năng ứng dụng công nghệ số trong kiểm tra, đánh giá hiệu quả tuyên truyền (<i>khảo sát trực tuyến, hệ thống báo cáo điện tử...</i>)	3.80	Tốt